

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

VẤN-ĐỀ LẬP-HIÊN CHO NƯỚC NAM (1)

1 — Bảo-hộ hay là trực-trị

Báo *Ami du peuple indochinois* mới rồi có bài xã-thuyết đề là « Bảo-hộ hay là trực-trị », khởi ra cái vấn - đề về chế - độ chính - trị xứ Bắc-kỳ, cho rằng chế - độ ấy, cứ như cách hiện-hành bây giờ, không được phân-minh lắm. Một là trực-tiếp cai-trị, hai là bảo-hộ hãn-hoi, ngoài hai cách đó, không còn cách nào nữa. Như cái chế - độ hiện - hành thì là không hẳn thuộc về cách nào cả, thật là một cái chính - thể bác - tạp, không được vừa ý ai cả.

Người ta đã gọi xứ Bắc-kỳ là một xứ « bảo - hộ dở-dang », hay là một xứ « nửa bảo - hộ nửa thuộc - địa », nghĩa là vốn là đất bảo - hộ mà thi-hành những cách cai-trị trực-tiếp, hay là đất bảo-hộ đương biến thành thuộc-địa.

Cứ lý-thuyết thì hai lối chính - trị đó đều có thể chủ-trị được cả. Lối bảo-hộ thì đúng với luật-pháp, đúng với điều-ước năm 1884 là cái gốc chính-thể của xứ này, lý-ưng là bất-khả di-dịch, không ai có thể phản-đối được.

Vấn biết rằng điều-ước ấy đã bị xâm-phạm nhiều, nhưng chưa công - nhiên bãi-bỏ thời vẫn phải coi là căn - bản pháp-luật cho hiện-tình bản-xứ. Còn như lối trực-trị thời lấy cơ tiện-lợi về thực-tế: điều-ước đã không ai tuân thì còn phiền-bận đến điều-ước làm gì nữa? sao không bỏ quách ngay đi, không nói đến nữa, như không có điều-ước vậy? Điều-ước của một nước lớn ký với một nước nhỏ, thì thi-hành hay chẳng thi-hành là tùy ở cái ý muốn của nước lớn cả. Vẫn biết rằng làm như thế là thu lấy hết cả chính-quyền của vua nước Nam, tức là làm một cái thủ-đoạn cưỡng-bách vậy. Nhưng cái thủ-đoạn đó há chẳng phải đã đòi phen thực-hành rồi đư? Tờ hiệp-ước năm 1925 chẳng phải là cái chứng-cớ hiển-nhiên đó đư? Vả lại gọi là thủ-đoạn cưỡng-bách, nhưng giả hỏi ý-kiến dân, thì dân chắc cũng bằng lòng cho chính-phủ Pháp làm như thế, vì quan-trưởng An-Nam, Triều-dinh ở Huế, đối với dân đã thất cảm-tình lâu rồi. Sau nữa có cái gương hiển-nhiên

(1) Nhân những việc biến-động xảy ra trong suốt cõi Đông-dương tự hồi tháng hai đến giờ, những người hữu-tâm về thời-thế, đều cho là cách chính-trị ở xứ này cần phải sửa đổi nhiều. Song chưa ai bàn rõ nên sửa đổi thế nào. Đur-luận người Tây thường phân-nào rằng người An-Nam chỉ tỏ ý bất-bình về chính-trị mà không hề nói rõ bất - bình những điều gì và nên cải-cách thế nào cho vừa ý. Bởi đó nên báo-chi chủ-bút ngày 31 tháng 5, mồng 6 và 13 tháng 6 năm 1930 có đăng luôn ba bài luận-thuyết bằng Pháp-văn ở báo *France-Indochine* nói về các lẽ cần nên lập hiến-pháp cho nước Nam và thi-hành đúng như điều-ước bảo-hộ năm 1884. Mấy bài đó xem ra cũng có ảnh-hưởng. Người Tây người Nam đều cho là lời-lẽ êm-dềm phải-chẳng nên lấy đó là a căn-cứ, mà thảo-luận cũng nghiên-cứu, có lẽ cũng có thể thi-hành được. Vậy xin dịch ra đây để công đồng-lãm, nguyên-văn chữ Pháp đăng phần « Phụ-trương » ở dưới.

đây ra đó : xứ Nam-kỳ kia vẫn là một xứ người Pháp trực-tiếp cai-trị đấy, nào có thấy phân-nân gì cách cai-trị đó đâu ? Sao Bắc-kỳ, mà đến cả Trung-kỳ nữa, lại không làm như thế được ?

Trong hai cái thuyết đó, Chính-phủ Pháp vẫn phân-vấn không quyết, hay là nói như thế này thì dùng hơn : là Chính-phủ vẫn thiên về cái thuyết trực-trị, mà bề ngoài thì vẫn làm ra mặt tôn-trọng cái thuyết bảo-hộ. Thành ra một cái tình-trạng mập mờ, không được phân-minh, không được thành-thực. Tình-trạng ấy, không phải là gần đây đã thay đổi đi nhiều, vì những lẽ-lỗi cai-trị, những phương-pháp hành - chính, hay nhân-tuần câu-nệ, không phải sớm trưa có thể đổi ngay được. Nhưng ta cũng phải công-nhận rằng quan Thống-sứ Robin, ngay từ khi mới trọng-nhậm xứ Bắc-kỳ, đã quả-quyết kêu chọn trong hai cách chính-trị đó rồi. Nào trong lời diễn-thuyết, nào trong giấy thông-tư, ngài đã phân-minh tuyên-bố rằng từ nay quyết theo chính-thể bảo-hộ. Trong cái giới-hạn quyền thủ-hiến Bắc-kỳ của ngài, ngài đã khởi-hành nhiều sự cải cách cần để khuynh-hướng chính-phủ Bắc-kỳ về phương diện đó. Như việc cải-cách quan trường hồi tháng chín năm 1929, quan Thống-sứ Bắc-kỳ phải kiêm cả chức kinh-lược mới có đủ quyền làm chức ; nếu biết sự khó-khăn như thế thì không ai trách rằng ngài chữa làm được đúng điều-uớc năm 1884 vậy. Tuy chưa được đúng hẳn, nhưng cũng đã quả-quyết khuynh hướng về đường đó rồi, trong hai chính sách trực-trị và bảo-hộ đã công-nhiên, rõ-ràng, thành-thực, mạnh-bạo theo hẳn về chính-sách bảo-hộ, và trong quyền-hạn của mình đã bắt đầu thi-hành cái chính-sách ấy rồi, không phải là không có nỗi khó-khăn chắc-trở, vì phải làm trái lại từ trước đến giờ, như đi ngược một cái dòng nước chảy mạnh vậy.

Thực ra, cái vấn-đề còn to-tát hơn nữa, rộng hơn quyền-hạn quan Thống-sứ Bắc-kỳ, rộng hơn cả quyền-hạn quan Toàn-quyền Đông-dương nữa, mà là thuộc tự bên Bộ phải giải-quyết vậy.

Phải biết nước Pháp định xử-trị nước Nam thế nào, định đối với nước Nam thi-hành chính-sách gì : thi-hành cái chính-sách kiêm-tình nước Nam vào nước Pháp, sáp-nhập hẳn vào làm một, như thuộc-địa *Algérie* hay các thuộc-địa cũ của Pháp ; hay là thi-hành một cái chính-sách giúp nước Nam thành một quốc-gia tự-trị ở trong phạm-vi Đế-quốc Pháp ; hai cái chính-sách đó tức hường-lai vẫn gọi là chính-sách « đồng-hóa » và chính sách « hiệp-tác. »

Vấn-đề này là quan-trọng vô-cùng ; cả tiền-đồ của bản-xứ là quan-hệ ở đó. Trong hai chính-sách đó, nếu theo hẳn về mặt nào thì cách cai-trị sẽ thay đi hẳn. Nếu mà theo về chính-sách hiệp-tác, thì phạm hiệp-tác phải có hai bên tương-đương với nhau, hai bên cùng nhau hiệp-lực cộng-tác, vậy thì phải định rõ hai bên quyền-lợi nghĩa-vụ đối với nhau thế nào ; nghĩa là phải định lấy một cái qui-thức hành-động sinh-hoạt thế nào cho mỗi lợi - quyền cùng lòng nguyện-vọng của đôi bên đều được thỏa-thuận cả. Nếu trái lại mà theo về chính-sách đồng-hóa, thì chủ-quyền là ở Mẫu-quốc cả ; dân bản-xứ không còn có nước nữa, phải coi nước Pháp làm quốc-gia của mình, và nước Pháp đối lại cũng phải coi người An - Nam như con dân của mình, phải cho nhập-tịch vào làm quốc-dân Pháp.

Vẫn biết rằng các quan Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng, là người công-nhiên thay mặt cho nước Pháp, những khi diễn-thuyết hay khi tuyên - bố chính-kiến, hầu hết bao giờ cũng phản - đối cái chính-sách đồng-hóa mà chủ - trì cái chính-sách hiệp-tác. Nhưng những lời tuyên-bố đó vẫn còn là lời văn-

chương biện - thuyết mà thôi, chưa thấy diễn ra thực-sự một cách rõ - ràng hẳn-hoi.

Nếu nước Pháp cùng chính-phủ Pháp vẫn có cái thâm-ý như thế, thì nay đã đến lúc phải đem cái chính-sách ấy ra thực-hành đi, và phải bày tỏ ra cho rõ-ràng. Bộ Thuộc-địa phải điều-tra cho kỹ và tuyên-bố cho tường, rồi phải truyền mệnh-lệnh cho các quan thay mặt chính-phủ Pháp ở bên này và thời-thường kiểm-soát cho thi-hành được đúng.

Chúng ta rất mong-mỏi như thế, nhưng hiện nay thì cứ bình-tĩnh mà xét, hai chính-sách ấy đều có người chủ-trì cả. Vậy thử đứng về địa-vị khách-quan mà bình-luận xem hai đảng lợi hại thế nào.

Trên kia tôi đã tóm-tắt những lời lý - luận của phái chủ-trì cái thuyết trực-trị, tức là thuyết đồng-hóa. Vì dân An-Nam là một dân-tộc mới, không có lịch-sử lâu đời, chỉ là những bộ-lạc rời-rạc nhau, không có cái dây liên-lạc gì về quốc-gia cả, mà chế-độ phong-tục cũng còn giản-phác, thì còn gì hay hơn là thi-hành cái chính-sách đồng-hóa nữa; cứ việc đem những chế-độ luật-pháp của Mẫu-quốc sang thi-hành bên này, để dần dần biến-hóa người An-Nam theo như hình - ảnh người Pháp. Nhưng nước Nam từ xưa đến nay vẫn là một quốc-gia hoàn-toàn, một quốc-gia rất có tinh-cách thuần-túy, có tính tình, phong - tục, có chế-độ, tinh - thần riêng, trải qua hai nghìn năm, đã tiến-hóa trong một cái hoàn-cảnh riêng, thành ra đặc-biệt hẳn với các dân-tộc khác. Tuy chịu văn-hóa của Tàu, về đường trí-thức tinh-thần đã biến-hóa theo Tàu cả, vậy mà trong mười thế-kỷ nội-thuộc Tàu, vẫn giữ được bản-tính mình, khiến cho ngày nay dân-tộc Việt-Nam đối với dân-tộc Tàu cũng khác hẳn như đối với dân-tộc Pháp vậy.

Một cái chính-sách muốn đồng-hóa một dân-tộc như thế, thì thật là trái ngược với lẽ đương nhiên vậy. Hoặ-giả lấy cái gương xứ Nam-kỳ ra làm chứng, cho rằng xứ này người Pháp vẫn dùng cách trực-tiếp cai trị mà có thấy hại gì đâu. Vậy phải biết rằng xứ Nam-kỳ là thuộc về một cái trường-hợp đặc-biệt. Nam-kỳ có thể cho là một đất mới; bắt đầu tự thế-kỷ thứ 17 mới có người ở phía Nam Trung-kỳ xuống di-dân ở đây, và kể tự bản-triều mới gọi là có thể-thống về chính-trị, chưa được kiên-cố cho lắm, thì đã kể đến nước Pháp sang chiếm-lĩnh. Bởi thế nên các thủy-quân đô-đốc Pháp cầm quyền cai-trị đất Lục - tỉnh hồi đầu, thấy nền chính-trị cũ đã đổ nát cả, lại không có người đề mà khôi-phục lại, thế-tất phải làm-thời đặt ra cách trực-tiếp cai-trị, cũng là lẽ bất-đắc bất-nhiên vậy. Và cách cai-trị đó các đồng-bào ta ở Nam-Trung đã lấy làm mẫu-nguyện đầu. Mấy năm nay đảng Lập-hiến của ông Bùi Quang-Chiêu vẫn yêu-cầu sửa đổi lại, xin đặt ra một cái hiến-pháp rộng-rãi, thích-hợp với dân-tình hơn.

Ở Trung Bắc-kỳ thì cái chính-sách trực-trị đó quyết không thể nào thi-hành được. Bây giờ có muốn bỏ Triều-đình đi, bỏ quan-trường đi, thì dễ lắm, sớm trưa có thể làm được ngay; nhưng bỏ đi rồi, lấy gì mà thay vào, tất rồi lại gây ra một cái quan-trường mới, hay chữa thấy đâu, mà có lẽ lại tệ hơn quan-trường cũ vậy.

Vả lại, cái chính - sách đồng - hóa cùng những phương - pháp trực-tiếp cai-trị là kết-quả tất-nhiên của chính-sách đó, thì từ xưa đến nay phàm những người kiến-thức, bình-tĩnh mà bàn xét về việc nước Nam, hết thấy đều cho là không hay cả. Như quan năm Dieuet tự năm 1908 có xuất-bản một quyển sách nói về chính-trị bên này, trong có một đoạn so-sánh cái

chính-sách đồng-hóa nước Pháp với cái chính - sách của Lã-mã-đế-quốc đời xưa đối với các thuộc-địa. Ông nói rằng :

« Không biết ta nghĩ thế nào mà ta lại dùng những cách trực-tiếp cai - trị để đồng-hóa một dân-tộc tinh-tinh thật là khác hẳn với ta và vốn đã có một cái văn - minh cổ hơn của ta nhiều. Sao ta chẳng theo cái gương của Lã-mã-đế-quốc đời xưa, thật đáng làm thấy ta trong việc cai-trị các thuộc-địa ? Lã-mã phái các quan Tổng-đốc đi chinh-phục cùng cai-trị các châu-quận ngoài, không hề có truyền cho mệnh-lệnh nhất - định về các phương-pháp nên dùng thế nào. Để cho mỗi người tùy theo tính-thế của mỗi địa-phương, tùy theo tinh-tinh của mỗi dân-tộc, mà đặt ra những lễ-luật kinh-nghiệm cho thích-hợp ; các thị-tỉnh vẫn cho tự-trị, bọn thượng-lưu định cho ngôi-thứ ; phạm chế-độ, pháp luật, cách hành-chính của mỗi xứ, nếu không có điều gì là trái ngược với lợi-quyền của Lã-mã thì vẫn cứ để y-nguyên không hề thay đổi gì. Các chức hành-chính, chức tư-pháp, vẫn thuộc quan-lại bản-xứ, ở trên có quan Tổng-đốc Lã-mã để làm như cái dây liên-lạc thuộc-địa với mẫu-quốc, trong tay cầm các quản-lực để giữ cuộc trị-an, đốc-suất các việc công-chính lớn và cai-quản việc tài - chính. Một năm một lần, quan Tổng-đốc đi kinh-lược trong xứ, đến các nơi thành-thị lớn thì dừng lại để giải-quyết các vấn-đề ra ngoài quyền-hạn của quan-lại bản-xứ, và kiểm-điểm các công việc hành-chính của bọn đó. Nói tóm lại, Lã-mã chỉ chiếm-lĩnh các địa-phương mà vẫn coi là đất ngoài, chứ không hề muốn đồng-hóa cho sáp-nhập vào đế-quốc vậy. »

Quan năm DIGUET so-sánh như thế rồi, bèn kết-luận mấy câu như sau này, lời-lẽ có giọng bi-quan, tưởng như

nhân việc biến-động mới rồi mà nói ra, không ngờ là những lời nói tự 22 năm trước vậy. Lời rằng :

« Ấy đó là những phương - pháp người Lã-mã thường dùng để chinh-phục thế-giới. Đến như những cách cai-trị, cách phú-thuế của người Pháp ta, thì kết-quả như thế này : Người An-Nam không có cảm-tình gì với ta, và xem ra giá phải đòi chủ cũng không ngần-ngại gì. Họ không nổi loạn lên, là vì không có người nào củ-tập dân-chi thành đoàn-thể, nhưng giá có nước ngoài mưu xâm - lấn, mà họ cứ chệnh-mãng, đem cái sức diễm - nhiên bất-động mà đối lại với ta, thì ta phỏng có thể trông cậy được nữa không ? Và ngay bọn lính lập của ta, bị phái học-thức cò-động, không biết có còn trung-thành với ta nữa không ?

« Cho dầu ta khéo kết-liên với các nước láng-giềng mà làm - thời không phải lo sợ gì về nước Nhật, nước Tàu, hay một nước khác can-thiệp đến ta, nhưng nếu lúc nào cũng có cái tư-tướng rằng những dân ta bảo - hộ đây chỉ chịu nhần-nhục ở dưới quyền ta là vì không có dịp nào thoát - li được đó thôi, như thế thì phỏng ta có yên-tâm hay không ? »

Lời nói quan-trọng thay ! Nhân cớ hội bây giờ mà lại là lời hợp - thời lắm nữa.

Xem như thế thì không còn ngờ gì nữa : hiện nay cần phải khôi - hành một cuộc cải-cách chính-trị to, thế vào cho theo được đúng điều - ước bảo hộ và được thỏa-thuận cái tư-tướng quốc-gia của người An-Nam.

Cuộc cải-cách đó, hiện ở Bắc-kỳ đã mới phôi-thai ra rồi, là nhờ có quan thủ-hiến hiện-thời là người minh-mẫn, nay phải thực-hành cho to-tát rộng-rãi hơn lên, và kết-quả là phải tuyên-bố ra một cái hiến-pháp định đặt cho nước Nam một cái chính-phủ quốc-gia

chân-chính, có chế-độ đại-nghị, cho dân được tham quyền chính-trị, nhất-thiết nhờ Bảo-hộ giúp đỡ và trông nom vậy.

Tôi đương cùng một bọn mấy anh em đồng-bào nghiên-cứu các vấn-đề ấy, để làm-thời trình-bày ý-kiến cho các nhà có trách-nhiệm cầm quyền.

Ý-kiến ấy xin nói đại-khái như sau này.

2. — Nói về vấn-đề lập-hiện

Trên kia đã nói rằng trong hai cái chính sách bảo-hộ và trực-trị, duy có chính-sách bảo-hộ là thi-hành được ở xứ này, vì trước hết là hợp với các điều-trước hiện-tại, sau nữa là có thể làm cho thỏa-thuận được cái tư-tưởng quốc-gia của người An-Nam

Muốn cho khỏi có người hiểu lầm hay ngộ-nhận, xin nói rõ rằng chúng tôi bàn đây là chỉ bàn về Trung Bắc-kỳ mà thôi, là hai xứ công - nhiên gọi là « xứ Bảo-hộ »; không bàn đến Nam-kỳ, vì Nam-kỳ đã là một thuộc-địa phân-minh nhường lại cho nước Pháp rồi, cho nên hướng-lai vẫn theo một cái chế-độ riêng, chắc hẳn là cũng cần phải cải-cách nhiều, nhưng không phải là cải-cách ra phương-diện ta xét đây.

Nam-kỳ đã không nói đến, phương-chi là cả Đông-dương toàn-thể, lại càng không đả-động đến nữa. Cõi Đông - dương là tự công - phu nước Pháp gây-dựng ra, vốn có một cuộc sinh-hoạt riêng, đặc-biệt hẳn với các xứ hay các nước châu-tuần ở trong phạm-vi cõi đó. Vì cõi Đông-dương thuộc Pháp, theo như chính lời quan Toàn-quyền PASQUIER đã giải nghĩa, chính là một cuộc « liên-bang. » Trong cuộc liên-bang đó thì nước Việt-Nam (tức là Trung Bắc-kỳ liên-hiệp làm một) cũng chiếm một bộ-phận bằng-đẳng như thuộc-địa Nam - kỳ, như nước Cao - miên, nước Vạn-tượng, hay các địa-hạt Ai-lao khác.

Vậy thì chúng ta bàn cải-cách hiến-pháp ở đây là chỉ bàn về Trung Bắc-kỳ mà thôi, và việc cải-cách này có thực-hành được cũng là chỉ thực-hành ở trong phạm-vi Quốc-triều và trong chính-thể Bảo - hộ vậy. Sự cải-cách này không có một cái tinh-cách gì là « cách-mệnh » cả, nghĩa là không có điên-đảo các chế-độ hiện-tại, chỉ tổ chức lại cho tiện-lợi hơn, cho mới-mẻ hơn, cho rộng-rãi hơn, đặt ra các cơ-quan chủ-động cùng kiểm-sát để cho cách hành-động được thập-phần thỏa-hợp, và thứ nhất là truyền cho các chế-độ đó một cái tinh-thần mới.

Vậy thì trong cuộc cải-cách ta bàn đây vẫn cứ giữ triều-đình ở Huế và quan-trưởng ngày nay.

Nay xét ra thì triều-đình đó cùng với quan-trưởng đó, đã lâu nay ở Trung-kỳ cũng như ở Bắc-kỳ bị thiên-hạ công-kích dữ lắm. Hai cái chế-độ đó đã thất nhân-tâm nhiều lắm rồi, khiến ngày nay có một đảng càng ngày càng đông, chỉ bàn nên bỏ hẳn đi cho xong, dù phải dùng đến cách trực-tiếp cai-trị cũng bằng lòng. Phải phản-đối ấy nói rằng dù thay-đổi bằng cách gì mặc lòng cũng còn không tệt bằng cái triều-đình hủ - bại đó, cái quan-trưởng bất-lương đó.

Song nếu trừ ra một số ít người ham những cái lý-thuyết dân-chủ ở Tây - phương, chỉ mơ - mộng một Dân-quốc Việt-Nam mà không xét xem thế có là hay không, có thể làm được không, trừ một thiểu - số đó không kể, còn thì xét cho kỹ phần nhiều không phải là phản-đối ngay cái chính-thể quân-chủ cùng cái chế-độ quan-trưởng đầu, mà chính là bất-bình vì trông thấy những điều tệ-lạm bởi mượn tiếng triều-đình, mượn tiếng quan-trưởng mà làm, lại bất-bình vì trông thấy quan-trưởng cùng triều - đình chẳng còn có oai-quyền thế thống gì nữa.

Đại-khai ý kiến những kẻ đó có thể tóm tắt lại như sau này ; « Đặt ra chính-phủ quân-chủ, giao cho quan-trưởng cai-trị, chúng tôi cũng bằng lòng. Nhưng quan-trưởng như quan-trưởng hiện nay, triều-đình như triều-đình bây giờ, thì chúng tôi cũng xin chịu, chẳng qua là cái lợi-khi bất-lương ở trong tay chính-phủ Pháp cả. Vậy xin sửa đổi quan-trưởng lại, sửa đổi triều-đình lại, làm cái cơ-quan cốt-yếu của một chính-phủ Việt-Nam chân-chính, có hiến-pháp hẳn-hoi, định quyền-hạn rõ-ràng của vua, của dân, của Bảo-hộ, nếu được như thế, thì chúng tôi xin biểu-dồng-tình ngay. »

Rút lại thì phải phản-đối cũng như phải chủ-trì chính-thể quân-chủ cùng chính-thể bảo-hộ, hai bên đều đồng-ý nhau về một điều như sau này : là cần phải lập ra một cái hiến-pháp khiến cho có thể đặt được một chính-phủ Việt-Nam chân-chính, hành-động ở dưới quyền kiểm-sát của Bảo-hộ.

Như thế thì quyền quân-chủ nước Nam sau này không thể là quân-chủ chuyên-chế được nữa ; phải là quân-chủ lập-hiến vậy.

Cứ lý-thuyết thì ban hiến-pháp cho dân là thuộc quyền quốc-vương An-Nam. Nói là « cứ lý-thuyết », vì ai còn lạ gì quốc-vương An-Nam ngày nay còn có quyền-lực gì nữa, và cứ thực-sự thì là Bảo-hộ cầm quyền hết thảy. Vậy thì xin chính-phủ Bảo-hộ giúp cho quốc-vương An-Nam ban cho dân hiến pháp đó.

Những điều cốt-yếu trong hiến-pháp là thế nào ?

Hiến-pháp đó phải chiếu theo điều-ước Bảo-hộ ngày mồng 6 tháng 6 năm 1884 là căn-bản chính-thể hiện-thời của nước Nam.

Điều-ước đó, vì lẽ cả hai bên Triều-đình và Bảo-hộ mà bấy lâu không thi-hành được đúng. Theo điều-ước ấy

thì việc nội-trị của nước Nam vẫn phải ở trong tay người An-Nam, Bảo-hộ chỉ có cái chức-trách khuyên-báo, cái chức-trách kiểm-sát mà thôi.

Điều thứ 16 trong điều-ước có nói rằng : « Quốc-vương An-Nam vẫn giữ quyền nội-trị trong nước như xưa. »

Quyền nội-trị ấy từ nay phải tổ-chức ra thế nào ?

Như trên kia đã nói, nước Nam ngày nay không thể theo cái chính-thể quân-chủ chuyên-chế như xưa được nữa. Và lại nhờ chính-phủ Bảo-hộ khởi-xướng ra mà Nam-triều cũng thuận theo, Trung-ký cùng Bắc-ký, mỗi xứ đã có một viện tu-vấn đặt tên là « Nhân-dân Đại-biểu-viện ». Viện dân-biểu này cần phải tổ-chức lại cho vững-vàng, khuyến-trưng ra cho rộng-rãi, để cho người dân được có chỗ mà tập làm việc nước, tham-dự vào chính-sự một cách có hiệu-lực hơn bây giờ ; nói tóm lại là dự-bị cho thành một cái nghị-viện đích-dàng sau này.

Vả lại quốc-vương An-Nam đã thuận nhận cho đặt ra các viện Dân-biểu như ngày nay, để cho dân cũng được tham-dự vào việc công một chút đỉnh, thế là đã tự nhận vì dân hạn-chế bớt quyền mình đi rồi, tức là đã thuận theo cái lý-tưởng có ngày sẽ đặt cho dân có hiến-pháp, có nghị-viện vậy. Quân-chủ Việt-Nam, nhờ có Bảo-hộ giúp đỡ, bấy giờ sẽ tự-nhiên bỏ cái chính-thể chuyên-chế, — đây là nói lý-thuyết mà thôi, — mà chuyển sang chính-thể lập-hiến.

Quốc-vương sẽ là chúa-tể quyền hành-chính. Quốc-vương cầm quyền thống-trị, do Bảo-hộ trông nom chỉ bảo, quyền ấy sẽ giao-phó cho các quan Thượng-thư hay là các quan Tổng-trưởng các Bộ, có trách-nhiệm đối với Vua, đối với Bảo-hộ và đối với viện Dân-biểu thay cho nghị-viện chính-thực, cũng như ở Nhật-bản, theo quyền-hạn sẽ định ; viện Dân-biểu sẽ

có quyền quyết - nghị về các khoản cũng sẽ định sau này. Lại bất-chước như ở Nhật-bản, quốc-vương sẽ có một hội - đồng cố-vấn để giúp việc, trong hội-đồng có các bậc danh-giá vừa người Nam vừa người Pháp, lựa chọn những người nào có tài cán và có lịch-duyet.

Nghị-viện thì chỉ có một viện chung cho cả Trung Bắc kỳ, bầu-cử theo lối đầu - phiếu có hạn - định, phép bầu-cử sẽ tùy với trình-độ dân mà thay đổi.

Nghị-viện cũng có quyền đề-xướng các luật-án như Chính-phủ, nhưng các dự-án luật của Chính-phủ cũng như của Nghị-viện trước khi đem ra thảo-luận, phải đệ-trình cho một hội-đồng gọi là « Thâm-chính-viện » gồm các nhà chuyên-môn Tây Nam dự xét đã. Nghị-viện có quyền kiểm-sát các công việc của Chính-phủ; có quyền chất-vấn các quan Tổng-trưởng các Bộ, người nào có trách-nhiệm riêng về công-việc bản-bộ mình, duy không thể một lần đầu-phiếu mà bách các quan Bộ-trưởng phải từ-chức được.

Chính-phủ Bảo-hộ thì chỉ đặt một quan Khâm-sứ ở Huế, có người thay mặt ở Hà-nội. Dưới quyền quan Khâm-sứ thì có các cơ-quan cùng viên-chức cần dùng để thi-hành cái quyền kiểm-sát của Bảo-hộ. Theo điều thứ 7 trong điều - ước, quan Khâm-sứ có quyền xin cách chức các quan-lại của Chính-phủ Nam-triều và xin giải-tán Nghị-viện.

Khi chính-phủ Bảo - hộ với chính phủ Việt-Nam có điều bất đồng-ý nhau thì việc sẽ đệ lên quan Toàn-quyền là người thay mặt nước Pháp ở Đông-dương xét, và lâm-thời có thể đệ sang tận chính-phủ Paris chung - thăm. Ở Paris sẽ có một phái-bộ thường - trực người Âu-Nam để thay mặt chính-phủ Nam-Việt đối với chính-phủ Pháp.

Muốn giúp cho việc cải-tổ chính-trị trong bản-xứ được thành - công kết-quả, lại giúp cho các công-ước trong nước hành - động được thuận-tiện, thì các Bộ tất phải dùng người Pháp làm cố-vấn, chức cố-vấn đó sẽ coi như quan-chức của Chính-phủ Nam-Việt, chứ không phải là đại-biên của Chính-phủ Bảo-hộ. Quyền kiểm - sát của chính-phủ Bảo-hộ thi-hành theo cách-thức thế nào sẽ định sau này, đại - khái thì sẽ đặt ủy-viên ở các Bộ và đặt công-sứ ở các tỉnh, chức công-sứ này theo điều thứ 7 trong điều-ước « không được can-thiếp đến những điều tế-toái về việc cai-trị trong hàng tỉnh.»

Quan-trưởng ngày nay thì sẽ coi như một ngạch quan-lại thường để thừa-hành các việc hành - chính ở trung-ương và ở địa-phương, thuộc về bộ Nội-vụ cai-quản, và sẽ sửa-đổi lại cho tương-đương với cái chức-vụ đó.

Các bộ cốt-yếu thì sẽ có: Bộ Nội-vụ, bộ Tài-chính, bộ Giáo-dục, bộ Vệ-sinh cùng Cứu - tế. Lại có một bộ gọi là bộ Hiến - binh (tức như lính khố xanh ngày nay), bộ này sẽ dùng người Pháp làm cố-vấn và làm huấn - luyện, và sẽ kiểm - quản cả các đội hiến-binh của trung-ương cùng ở các hàng lính để coi về việc bảo - thủ trật - tự cùng trị - an trong nước, việc phòng - bị đối với ngoại - quốc thì theo điều - ước đã có quân-đội của Bảo-hộ đương cho. Lại có một bộ Nông Công Thương, sẽ hiệp-tác với các sở chuyên-môn của chính-phủ Bảo-hộ và của phủ Toàn - quyền để mưu các việc mở-mang kinh-tế trong nước. Ngoại - giả còn một bộ nữa, tức như bộ Lễ ngày nay, kiểm cả các việc trong Hoàng-tộc như Tôn-nhân-phủ, có ý bất-chước như bên Nhật-bản cũng có một bộ như thế để coi về việc lễ-giáo tế-tự, cùng những

việc riêng trong Đại - nội và trong Hoàng-tộc. Còn hết thảy các sở chuyên-môn khác, như Công-chính, Thương-chính, văn-vân, cần phải có những viên - chức chuyên-môn mới cai-quản được, thì vẫn cứ thuộc chính-phủ Bảo-hộ hay phủ Toàn - quyền như trước ; các trường Trung - học Đại - học cũng vậy, bộ Giáo-dục của chính-phủ Việt-Nam thì chỉ chuyên coi về bậc sơ-dãng giáo-dục phổ-thông cho cả binh-dân trong nước mà thôi.

Các cơ-quan hành-chính thì cũng như ngày nay, ở dưới cùng có các xã-thôn tự-trị, làng nào có hương - hội làng ấy, rồi đến các hội-đồng hàng phủ hàng huyện, rồi trên nữa thì hội-đồng hàng tỉnh để giúp các quan tỉnh cùng các quan phủ huyện trong việc hành-chính.

Đó là kể đại-khái cái chương-trình những việc cải-cách về chính - trị có thể khởi-hành ngay vào dịp đức Bảo-đại ở Tây về sau này.

Chúng tôi cũng biết rằng việc rất khó-khăn, và xin chịu rằng khó-đệ-nhất là hiện nay chưa có đủ người có tư-cách làm nhà chính-trị để đương cho được những công việc to-tát đó. Trong quan-trường bây giờ vẫn có những viên-chức thừa-hành được việc, nếu khéo trông-coi, giữ-gìn, khuyên-răn, chỉ bảo, thì cũng có đủ tư-cách đương được các việc hành - chính thường ; nhưng gọi là nhà chính-trị, có tài kinh-quốc, thì thật còn ít lắm. Vả cứ như cách cai-trị bây giờ, thì những người như thế cũng không thể sao mà xuất đầu lộ diện được.

Nhưng suốt Trung Bắc-kỳ, khởi-hữu không kiếm được mười mười hai người khả-dĩ làm được chức Thượng-thư, chức Tổng-trưởng các Bộ trong thời-kỳ sơ-lập dư ? Rồi người có tài sẽ xuất-hiện ra, vì có ra tay làm việc mới biết tay khéo vụng. Dù thế nào nữa, những người kế chẵn về sau chắc là có

tư-cách hơn người trước, vì sẽ có cái trường học kinh - nghiệm để mà tập việc vậy.

Đến như Nghị - viện cũng vậy, hồi đầu chắc còn bỡ - ngỡ không sánh việc. Nhưng việc cần - cấp của chính-phủ Việt-Nam sau này, là việc giáo-dục quốc-dân, quốc-dân đã có giáo-dục thì trình - độ mỗi ngày một cao lên, bấy giờ thì sự bần-cử không còn chi quanh-quẩn ở trong cái vấn-đề cá-nhân như bây giờ, mà phải có chủ-nghĩa, có chương - trình hẳn-hoi, rồi dần dần sẽ đào-tạo ra được một hạng dân-biểu có tư-cách, có thể ra bênh-vực cho quyền - lợi dân và thi-hành cái quyền kiểm - sát, quyền đàn-hạch của mình vậy.

Dân-tộc Việt-Nam vốn vẫn có nhiều cái đức-tính hay, có thể trông cậy được ; nhờ có cái bản-năng biết khéo dung-hóa những cái hay cái tốt của nước ngoài, sẽ chẳng bao lâu mà theo được kịp trình-độ tiến-hóa ngày nay.

Ta không phải là mơ - hoặc mà tưởng rằng sự cải-cách này sớm trưa đã có thể hoàn - toàn ngay được, vì biết rằng dù cải - cách thế nào cũng không thể làm cho mọi người bằng lòng được cả. Lại cũng không thể nhất-dán làm cho tiệt được hẳn những nỗi bất-bình trong dân gian.

Tuy-nhiên, phạm những người biết suy-xét, biết giữ cái thái-độ ôn hòa, và sẵn lòng trung thành với quốc-gia, với dân-tộc, ai ai tất cũng vui lòng về sự cải cách đó. Vì nếu cải - cách mà thành thì hết thảy người An-Nam sẽ lại có một cái tổ-quốc mà thờ, khiến cho ai ai cũng được vui lòng hởi dạ.

3. — Quốc-gia giáo-dục

Trên kia đã nói rằng việc cần-cấp của chính-phủ Việt-Nam sau này là việc giáo-dục cho quốc-dân.

Như ý-kiến chúng tôi thì Bộ Giáo-dục là một bộ rất quan-trọng, có lẽ là quan-trọng hơn hết cả.

Các việc cải-cách khác về chính-trị thành hay không thành là quan-hệ ở việc giáo-dục dân-chúng cả.

Nay xét ra thì dân chúng nước Nam thật là dễ dạy, và người An-Nam vốn vẫn có cái đức-tính hiếu-học, ai ai cũng phải công-nhận như thế. Nay phải nên thừa cái tính tốt đó mà đem truyền-bá cho dân một cái học thích-dàng.

Chúng tôi không muốn bài bác chỉ cái cách dạy học của Chính-phủ. Kể đã nhiều người bài-bác rồi, mà không phải là bao giờ cũng vì lẽ công-bằng. Từ các việc biến động vừa rồi, các báo đồ xô vào mà công-kích số Học-chánh, cho là có trách-nhiệm trong việc rối-loạn ngày nay; coi như cái đầu têu đề chịu-đựng các sự tội lỗi vậy.

Thực ra thì cách dạy học của Chính-phủ không đáng danh-dự gì mà cũng chẳng đáng mặt-sát chi. Nữa Học-chánh chẳng qua là kẻ bầy tớ trung-thành của Chính-phủ; chính-sách của chính-phủ đã do-dự, đã bất-nhất, đã di-diệch biến-đổi luôn, thì phương-pháp giáo-dục cũng phải tùy đó mà thay đổi. Đến ngay Chính-phủ cũng chưa rõ cái mục-đích nên đạt tới là thế nào, những kế-hoạch phải thi-hành là thế nào, thì phép giáo-dục còn nhất-định làm sao được, và thế nào cho thành kết-quả tốt được?

Nếu hẳn theo cái chính-sách đồng-hóa, thì sự giáo-dục phải chú cái mục-đích biến-hóa hẳn người An-Nam cho có ngay thành ra người Pháp cả. Nếu là theo về chính-sách hiệp-tác, thì cái mục-đích sự giáo-dục lại là chăm-chước cho thích-hợp với tính-tình của dân-tộc, gây cho người Việt-Nam có tư-cách làm kẻ hiệp-tác đích-dáng.

Nhưng vì trong hai cái chính-sách ấy bấy lâu cứ phân-vấn do-dự mãi,

không quyết hẳn về đảng nào, rồi lại thiên về một lối chính-trị nửa nọ nửa kia, không ra sao cả, thành ra kết-quả sự giáo-dục người Việt-Nam bấy lâu nay chỉ làm cho cách-biệt với cái hoàn-cảnh nước nhà mà không thấy có thân-cân gì thêm với nước Pháp vậy. Cách giáo-dục «hủ-họa» đó, không có chương-trình, không có mục-đích nhất-định, quả cũng có một phần trách-nhiệm trong cái tình-trạng bất-bình ngày nay, không phải là không vậy.

Nay cứ như cái chương-trình cải-cách đã phác-họa trên kia, thì cốt là thực-hành một cái chính-sách bảo-hộ chân-chính, vậy phép giáo-dục cũng phải tổ-chức lại cho thích-hợp.

Đây là chỉ nói về bậc giáo-dục sơ-đẳng, là giáo-dục phổ-thông, giáo-dục cho khắp cả bình-dân trong nước, thuộc về Bộ Giáo-dục của chính-phủ Việt-Nam mà thôi, còn các bậc khác thì vẫn thuộc quyền chính-phủ Bảo-hộ chủ-trương.

Nay phép giáo-dục phổ-thông đó phải lấy gì làm mục-đích? Phải lấy đạo-đức, lấy quốc-gia làm mục-đích. Phải dạy dỗ người Việt-Nam thế nào cho thành kẻ công-dân có tư-cách, biết quyền-lợi, biết nghĩa-vụ của mình, biết kính-trọng pháp-luật và giữ-gìn trật-tự, biết yêu-mến quê-hương tổ-quốc mình hơn hết cả, và dốc lòng gắng sức giúp cho nước được cường-thịnh. Phép giáo-dục này phải lấy lòng ái-quốc ái-chúng làm căn-bản, phải căn-cứ ở những kỷ-cương phép-tắc cũ, đời ấy sang đời khác đã làm cho gia-đình xã-hội nước Nam được vững-vàng bền-chặt. Lại trong những tư-tưởng mới của Thái-Tây, phải lựa chọn mà truyền-bá ra những cái tư-tưởng nào có thể giúp cho cá-nhân được phát-đạt, gây cho có cái tư-cách biết tự-trọng, biết ham-nề việc công-ích, có cái chí biết mưu-cầu cho xã-hội được

hưởng sự công-bằng, sự bình - đẳng hơn, nói tóm lại là những cái tư-tưởng có thể hỗ-trợ cho các đức-tính cố-hữu của dân-tộc ta.

Còn như chính sự học thì chỉ cốt dạy cho đại-đa-số quốc-dân biết những điều thường-thức cần - dùng cho sự sinh-hoạt ở đời. Không nên làm cho kẻ thiếu-niên cách-biệt với hoàn-cảnh mình, mà phải dạy cho biết yêu mến cái nơi mình sinh-trưởng. Như thế thì không nên cầu-nệ chương - trình quá, mà dạy những điều sau này không cần đến; chỉ nên dạy những điều trực-tiếp ích-lợi ngay cho cái cảnh-ngộ hay cái thân-phận hiện - tại bây giờ, và cốt nhất là dạy cho có tư-cách làm người lương - thiện, làm dân sáng - suốt, có thể giúp cho nhà cho nước sau này.

Phép giáo - dục sơ-lược đó, cốt là trọng về luân lý, về quốc-gia. Dần dần phải đặt lệ cưỡng-bách, khiến cho có ngày hết thấy người Việt - Nam đều biết đọc biết viết bằng tiếng nước mình cả. Hễ thiên-hạ đã hiểu rõ cái mục - đích sự phổ - thông giáo-dục là thế nào rồi, đã biết rằng sự học ban-bổ khắp trong dân - chúng là để dạy cho khắp mọi người đều có một cái gốc chung, hễ thấy bình - đẳng cả, chứ không phải là ai biết chữ cũng có cái quyền được làm công nợ việc kia đâu, hễ thiên-hạ đã hiểu biết như thế, thì thi-hành cái luật cưỡng-bách cũng không ngại gì, và nhân cái tình hiếu-học tự-nhiên của người Việt-Nam, dù học không để làm gì nữa, cũng sẽ vui lòng theo vậy.

Nay muốn thực-hành cái chương-trình quốc-gia giáo-dục đó, thì phải dùng những kế-hoạch gì?

Những phương - pháp giảng - dạy, truyền-bá, cô-động bằng sách - vở, bằng tranh vẽ, bằng truyền-đơn những công-cuộc hỗ-trợ tiếp - phụ cho các trường học công, những hội khuyến-học, cuộc diễn-thuyết, nhà thư-viện cho

bình-dân, đó là những phương-pháp thông-thường, xưa nay thường dùng trong việc phổ-thông giáo-dục vậy.

Nhưng nay ta dùng thì phải dùng theo tinh-thần mới, theo phương-châm mới.

Cứ xem những cái gương chung-quanh mình thì đủ biết.

Làm sao bọn cách-mệnh, bọn cộng-sản họ truyền-bá được chủ - nghĩa của họ trong dân-gian dễ-dàng mau chóng như vậy? Là bởi họ khéo tổ-chức cách tuyên-truyền của họ, chăm-chước theo những lẽ tinh-vi trong khoa tâm-ly về công-chúng.

Lại làm sao các nhà buôn sành-sỏi biết cách mở rộng mỗi hàng của mình, khiến cho số người mua mỗi ngày một nhiều một đồng thêm lên? Là bởi họ khéo tổ-chức cách quảng-cáo của họ, cũng theo những phép-tắc tâm-ly như trên kia.

Nay một công-cuộc phổ-thông giáo-dục của quốc-gia, muốn dạy cho nhất-ban quốc-dân tiêm-nhiêm lấy mấy cái tư-tưởng, mấy cái quan-niệm, mấy cái tính - cách, mấy cái thói quen chung, há lại không nên tạm bỏ những phương-pháp của khoa sư-phạm cũ mà chăm - chước theo những cách tuyên-truyền, cách quảng - cáo mới này hay dư?

Điều đó nên nghiên-cứ kỹ, sẽ có ích-lợi cho Bộ Giáo-dục của ta sau này.

Dù thế nào mặc lòng, chức-vụ của Bộ Giáo-dục đó, như đã nói trên kia, thật là quan-trọng vô-cùng. Phải làm thế nào mà luyện tinh-thần, luyện tâm-tinh cho cả một dân-tộc, tự kẻ hạ-lưu trở lên, để chuẩn-bị cho theo một cái chế-độ mới, một cuộc sinh - hoạt mới.

Cả hậu-vận nước Nam là quan - hệ ở cái thái-độ của nhất-ban quốc dân đó, phải cho khôn-ngoan, phải cho hiểu rõ nghĩa-vụ quyền-lợi của mình, lại phải biết yêu nước một cách tổ-tường sáng-suốt vậy.

Công việc kể cũng khó-khăn thật. Người ngoại-quốc giáo-dục đã không thành, người bản-quốc dạy-dỗ có sẽ được hay hơn không? Dù thế nào nữa, cũng sẽ được một cái trợ-lực rất mạnh, có thể giúp cho sự - nghiệp giáo - dục được nhiều : trợ-lực đó là cái tư-tưởng quốc-gia, tư-tưởng ái-quốc, mà trợ-lực đó là rất mạnh vậy.

Lại được một điều nữa, như trên kia đã nói, là dân nước Nam là một dân rất dễ dạy; nay dạy theo cái cốt-cách tinh-thần của chủng-tộc mình, thì lại càng dễ hóa lắm.

Sau nữa cái sự-nghiệp quốc - gia giáo-dục sau này, lại còn được hai điều tiện-lợi cũng quan-hệ lắm : là ngữ-ngôn và văn-tự.

Trong khoảng 20 năm nay, tiếng An-Nam đã biến-đổi nhiều, đã đổi mới, đã thêm giàu ra nhiều. Ngày nay quyết là có thể dùng làm cái lợi-khí để truyền-bá sự học mới trong dân-gian được. Xem như các báo An-Nam gần đây phát-đạt là dường nào thì đủ biết tiếng An-Nam có thể dùng để giáo-hóa trong dân - gian được. Hằng ngày thường thấy người phu xe mở tờ báo đọc, tên đầu bếp cầm tiêu-thuyết xem.

Đến như văn-tự thì chữ quốc-ngữ của các cổ đạo Tây đặt ra từ thế-kỷ thứ 17, ngày nay đã thành thứ chữ phổ-thông của cả dân-tộc Việt-Nam, chữ viết rất màu-nhiệm, rất tiện-lợi, thật đã giúp cho tiếng An-Nam tấn-tới được nhiều.

Cứ xem các dân-tộc khác, như nước Thổ, nước Tàu, muốn đổi mới tiếng nói và chữ viết trong nước, thật đã lấy làm khó-khăn biết dường nào, thì chúng ta đây nhờ được chữ quốc-ngữ mà lâu nay đã có một cách viết rất tiện-lợi, khiến cho đứa trẻ con nhỏ, người bình-dân thường, ngu-độn đến đâu cũng chỉ trong mấy tháng đọc được

viết được tiếng nước nhà, thế chẳng đáng hân-hạnh lắm ư ?

Nước Thổ-nhĩ-kỳ mới một năm nay định đổi chữ Ả-rập theo văn La-tinh, mà cải-cách như thế phải nhờ cái oai-quyền tuyệt - luân của Giám-quốc MUSTAPHA KEMAL mới bắt cho dân theo được, vì dân Thổ là một dân khó giáo-hóa mà sẵn có lòng mê-tin về đạo.

Còn như nước Tàu, thì mới có điện ngày 15 tháng 5 vừa rồi, nói rằng « Chính-phủ Nam-kinh mới đặt một trường học riêng để dạy một lối chữ tiêu-âm mới về tiếng Tàu, trường này đặt dưới quyền ban ủy-viên coi về việc hợp-nhất tiếng quốc-ngữ. » Nhưng mà sự hợp-nhất đó chưa làm thành thì lối chữ mới này cũng khó lòng cho phổ-thông trong nước được, và nước Tàu còn phải theo đuổi cái lối chữ tượng-hình là thứ chữ phiền-phức nhất trong thế-giới.

Đến như người Việt-Nam ta, đã có một thứ tiếng nói từ Nam chí Bắc, giọng điệu có khác nhau một đôi chút mà thật là duy-nhất, lại có một thứ chữ viết đặt ra từ ba thế-kỷ nay, phổ-thông đã 50 năm nay, lại thêm được tinh-cách người dân rất dễ dạy dễ hóa; thế chẳng phải là những cái ưu-diễm hơn người đó ư ?

Tôn Dật-Tiên định trong việc cải-tổ nước Tàu phải qua ba thời-kỳ như sau: thời-kỳ phá-hoại, là thời-kỳ nước ấy còn đương lẩn-lộn bầy giờ mà chưa thoát khỏi; thời-kỳ giáo - dục, hiện chưa thấy bắt đầu; rồi đến thời - kỳ kiến-thiết, chưa biết bao giờ tới.

Nay trong việc cải-tổ nước Nam ta, nhờ Bảo-hộ Pháp mà ta đã thoát khỏi cái thời-kỳ phá-hoại là thời-kỳ khốn-nạn hơn cả; nay có thể thẳng bước vào thời-kỳ kiến-thiết, bên mình được sẵn có người đưa đường chỉ bảo vậy.

GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

1

Biện-thuật

Thuật là gì? tức là tâm-thuật 心術, thầy Mạnh gọi là nhân-thuật 仁術, nghĩa là có cái thuật ấy rồi sau mới nói đến thể-dụng được. Lại rằng: Người Nghé dạy người lập bản tất phải cố làm cho thẳng dây cung; người lập bản cũng cố giữ gương thẳng dây cung rồi mới bắn. Nếu không lấy dây cung thẳng làm mực, thì đều là nguy-học cả. Trước nhất nói về biện-thuật

«Đời cổ người đi học cốt vì mình, người đời nay đi học chỉ là vì người.»
古之學者爲己。今之學者爲人。(論語)

«Người quân-tử cốt trách tại mình, kẻ tiểu-nhân chỉ trách ở người.»
君子求諸己。小人求諸人。(論語)

«Người đời cổ đi học vì mình, là muốn được bổ-ích cho mình vậy. Người đời nay đi học chỉ vì người, là muốn cầu cho người biết vậy.»
古之學者爲己。欲得之於己也。今之學者爲人。欲見知於人也。(程顥)

«Người đời cổ đi học vì mình, rồi sau lại thành-lập được cả cho người, người đời nay học chỉ vì người, rồi sau đến mình cũng hỏng mất.»
古之學者爲己。其終至於成物。今之學者爲人。其終至於喪己。(程頤)

Cần xét: Hai chương trong sách Luận-ngữ đã kể như trên, học-giả vẫn coi là lời thường-dám của kẻ lão-sinh, tập quen đi mà không xét đến nữa. Không biết rằng kẻ đi học mà không xét kỹ đến chốn nguyên-dầu ấy cho xác-thực, thì không biết dụng-lực vào đâu mà học; lời giải-thích của hai ông Trình rất là thiết-dáng.

«Người quân-tử hiểu về điều nghĩa;

kẻ tiểu-nhân hiểu về điều lợi.»
君子喻於義。小人喻於利。(論語)

«Phàm người muốn đi học phải nên trước phân-biệt nghĩa với lợi, công với tư. Nay ta đi học là học lấy cái gì? Người ta sinh ở trong khoảng trời đất, đã đứng làm người thì phải nên hết đạo người, sỡ-dĩ mà ta đi học là cốt học để làm người mà thôi, chớ không có vị gì cả.»
凡欲爲學當先識義利公私之辨。今所學果爲何事。人生天地間。爲人日當盡人道。學者所以爲學。學爲人而已。非有爲也。(陸九淵)

«Người học-giả phải nên sửa-soạn chốn tâm-diễn cho sạch-sẽ, rồi sau mới hay phân-phát mà tự-lập. Nếu tâm-diễn không sạch-sẽ thì dẫn muốn phân-phát tự-lập cũng không được. Người đời xưa đi học phải cần đọc sách thì mới tỏ là học. Nhưng tâm-diễn không sạch-sẽ thì đọc sách cũng không được. Nếu đọc sách thêm vào nữa thì không khác gì thêm binh giúp lương cho giặc.»
學者須是打疊田地潔淨。然後令他奮發植立。若田地不潔淨。則奮發植立不得。古人爲學。即讀書然後爲學可見。然田地不潔淨。亦讀書不得。若讀書則是假寇兵資盜糧。(陸九淵)

«Cái con đường vào đạo, cần nhất là phải phân-biệt công với tư, nghĩa với lợi, khi mới khởi-niệm lên phải nên tĩnh để xét xem; nếu bỏ qua mà không xem xét, thì không khác gì dung-túng đưa kẻ trộm ở trong nhà, không thể rồi sức mà làm việc gì được.»
入道之路。莫切於公私義利之辨。念慮之興。當靜以察之。苟此不治。是猶縱盜於家。其餘無可爲力矣。(方孝孺)

«Người đời nay đi học phần nhiều chỉ cốt về dương thanh-giá, học như thế thì lúc học đã lia cách với đạo rồi,

(1) Nguyên Hán - văn của Lương Khải-Siêu 梁啟超.

dầu phí mất công-phu một đời cũng không thể nào cầu được đạo. 今人為學多在聲價上做如此則學時已與道離了。費盡一生工夫終不可得道。(胡敬齋)

« Mấy năm mài rũ chỉ cốt lập - chi phân-biệt cho rõ nghĩa với lợi. Nếu điều ấy mà không phân - biệt được rành, thì bình-nhật có giảng học điều gì cũng là lời nói xuông cả; hoặc bình - nhật có sở - kiến điều gì cũng không phải thực là tâm - đắc cả. 數年切磋只得立志辨義利。若於此未有得力處。卻是平日所講盡成虛話。平日所見皆非實得。

« Đương lúc học tuyệt đạo mất, thế-tục chìm-dắm, người ta như ở trong cơn ba-đào bễ lớn, thì phải nên vọt cholen bờ, rồi sau hãy đưa cho áo mặc, xẻ cho cơm ăn; nếu mà vôi lấy áo cơm ném vào trong cơn ba-đào, thì lại càng làm cho chìm đắm đi thôi. 學絕道喪。俗之陷溺。如人在大海波濤中。且須援之登岸。然後授之衣而與之食。若以衣食投之波濤中。是適重其溺也。

« Sau khi học tuyệt đạo mất đi rồi, nếu có người hưng - khởi hướng - mộ về việc học, đều nên cho làm người đồng-chí, bất-tất phải cân nhắc từng tí, đo lường từng gang mà cầu phải hợp cả, dẫu người thì cứ như thế là phải. Còn ở phần mình sở - dĩ tạo-doan lập - mệnh thì không nên để sai lầm đi một ly một tí nào. (Lược bớt) Xưa nay học - thuật thành hay nguy, tà hay chính, không khác gì đá vũ-phu với hòn mã-ngọc, thế mà có kẻ lầm lẫn suốt đời không thể biện rõ ra được. Vì rằng đạo-lý chỉ có một chứ không hai, mà nó biến - động bất-câu, sung - tắc vô - gián, tung - hoành diên - đảo, đều khá suy làm ra mà thông suốt hết cả. Kẻ nho - giả ở đời đều chỉ lấy một bề thiên - kiến, mà lại vẫn-sức thêm lấy cái công tử - nghĩ đoán-phông, bày vẽ thêm lấy cái lời

huấn-thích chương-cù giả-tá, nó tập-quen đi đã dủ lấy làm tự - tin rồi, mà các điều-mục đã dủ lấy làm tự - yén rồi, sở-dĩ mới thành ra dối mình dối người, suốt đời chìm-dắm mà không hay tình-ngộ vậy. Song cái lầm - lỡ nó sai một ly đi nghìn dặm ấy, không phải người thực có cái chí học đến bậc thánh-nhân, mà cứ theo đuổi mãi về việc học duy-tinh duy-nhất, thì không hay xét biết được cái căn-nguyên thụ-bệnh, mà phát-lộ được cái chốn thần-gian nó ẩn-phục. Bất-tiểu này đã từng chìm-dắm trong khoảng ấy bao nhiêu năm, mò-mặt mãi vẫn tự lấy làm phải. May nhờ khuôn-thiên run - rủ chợt tỉnh-ngộ xét đến lương - tri, rồi mới biết ăn-năn những điều hành - vi khi trước, vốn đã bao-tàng họa-cơ, đều là trá-ngụy ở bề ngoài, càng thêm lao-tâm mà càng ngày càng quẩn vậy. Hơn mười năm nay, vẫn nghiêm tự răn chừa thống - trị, thế mà cái bệnh-còn nó thâm-cổ, cái manh-nghiệt nó vẫn thường nảy sinh ra. May mà cái lương-tri nó ở ta, ta giữ lấy được điều cốt-yếu, cũng như là đi thuyền mà cầm vững được tay lái, dẫu gặp cơn sóng gió kinh - hoàng, không khỏi diên-bái, mà vẫn giữ được không đến nỗi chìm-dắm. Ôi, cái tập-tục nó làm đắm đuối người, tuy đã tỉnh - ngộ ra rồi, mà cái công khắc - kỷ tự - trị còn khó-khăn như thế. Huống-chi những kẻ chìm - đắm mà không biết tỉnh-ngộ, càng ngày càng thâm mãi, thì còn biết sao cho cùng được.

學絕道喪。喪之可求。苟有興起。向慕。於此。以爲。之。遺。或。邪。身。二。橫。者。以。於。稱。待。端。爽。正。而。面。頽。各。於。寸。立。矣。中。何。不。其。頽。各。道。者。度。可。命。者。略。獄。辨。可。一。之。可。求。若。謂。今。美。正。拘。推。偏。餘。以。其。任。不。古。美。正。拘。推。偏。苟。爲。盡。我。容。學。玉。以。充。而。見。有。同。合。之。有。術。有。此。塞。通。而。興。志。於。所。毫。之。取。道。無。世。又。起。不。此。以。髮。誠。惑。之。間。無。縱。之。飾。慕。錄。之。造。或。邪。身。二。橫。者。以。

假借以焉里而能之嘗既悟所而痛癢要沛也而又將
 旬自所悟千志莫好亦然而之外雖明其顛者悟此亦
 章以其不致之者神蓋俱偶向於來痼得浪漫悔若者
 以足此而乃人學其得俱靈其偽年深操巨傾覺難深
 之既安溺而聖之發不年之悔作除根我於已其以明
 文熟自沒差爲一而之幾天後機十病在驚免雖且益關
 功習以之求惟源某者賴然禍也而知雖得人向日王
 之爲足終釐有精之若聞矣學藏者艾良能猶溺功悟乎
 像其又人毫誠惟病也其是之包拙創幸得向之不極
 做訓目誑其非於受伏於爲知固日剔所之無習治而抵
 擬之條已然認事其由溺以良者勞洗生舟不舊克溺所
 比借而誑耳之從得所陷自於爲心自時譬猶夫其况何

「Sách Luận-ngữ gọi là dị-đoan, nghĩa là nói cái đầu mối nó khác vậy. Chúng ta phải nên nghiên xét cái tâm-niệm lúc mới khởi đi học nó phát-đoan là hẳn vị điều gì, có hẳn là vị đường chính - học không? Người đời nay cấp sách đi học thì chỉ cốt là vị cái kế vinh - thân phi-gia, đó tức là dị-đoan.」
 論語所謂異端者謂其端異也吾端人須研究自己爲學初念其發端果是爲何乃爲正學今人讀書只爲榮肥計便是異端。(夏廷美)

「Cửa đấng thành - nhân dạy người không có cao xa gì, chỉ cốt dạy người đừng có hoại mất tâm - thuật. Hạng người cuồng-quyển 狂狷 thì vẫn chưa hoại mất tâm - thuật, hạng người hương - nguyện 鄉愿 thì hoại hết mất cả tâm thuật - rồi.」
 聖門教人無甚高遠只是要人不壞心術狂狷是不壞心術者鄉愿是全壞心術者。(謙一本)

Cần xét : Ở về thời buổi này mà cũng với kẻ học-giả nói về câu chuyện phân biệt nghĩa với lợi. Không nói chỉ kẻ biết để tâm thể-nhận thực là ít có, mà chỉ cầu lấy kẻ nó không bưng tai chạy lảng, cũng đến hàng trăm nghìn người không có một người, là có sao vậy? Vì

rằng cái tư-tưởng quyền-lợi, cái chủ-nghĩa công lợi, đã thành ra cái danh từ tốt đẹp, cái học-phái thánh-thần, nay ta đem cái học-thuyết mà những kẻ kic xưa nay vốn dễ tâm phân-đổi mà nói cho họ nghe, không những là họ cho làm vu-khoát mà họ lại còn cho làm cần nữa. Nay ta giải-thích rât thiên-cận để khám-phá cho mà nghe: Đấng tiên-triết gọi là « nghĩa 義 » là cái đại-danh-từ chữ « thành 誠 » đó mà thôi; gọi là « lợi 利 » là cái đại-danh-từ chữ « nguy 偽 » đó mà thôi. Ngày nay chúng ta cần-cấp nhất không gì bằng ái-quốc, nhưng qui về cái người yêu nước đó lấy là hay yêu nước thực誠 mà thôi. Nếu người yêu nước giả 偽 có đầy ở trong nước, thử hỏi về tiền-đồ quốc-gia có bổ-ích gì không? Nay thử bảo một người rằng: Anh là đấng yêu nước giả. Chắc là người ấy phật-nhiên nổi giận, mà xét cho đến cùng là quả thực hay là giả, nếu mình không tự xét mình thì người ngoài sao hay xét được. Nhưng xét kỹ ra thì có hai hạng người: Một là cái người vốn không có lòng yêu nước, chỉ lấy hai chữ « ái-quốc » làm cái tiếng đầu lưỡi để huyễn-diệu với thiên-hạ, rồi mạo-nhân lấy làm cao-danh, vẫn tự biết là mình giả-dối mà cứ lờ đi vậy. Hai là hạng người bị cái phong-trào nó kích-thích, lại được nghe những lời cảnh-cáo của đấng tiên-giác, rồi cái lòng yêu nước nó kích-phát ra nhất-thời, tự hỏi ngay cái tâm-niệm lúc bấy giờ hình như không có một chút gì là nguy cả, nhưng cái tâm-niệm ấy có quả hay xác-thực giữ mãi được không, tự mình cũng chưa dám tự-tin được vậy. Cứ như cái thuyết trước thì là hạng người tự-khi tự-bạo cam làm kẻ tiều-nhân, không đủ trách làm chi. Theo như cái thuyết sau thì hạng người ấy sau này thành ra con người chân ái-quốc hay là thành ra con người nguy ái-quốc, cái cơ-vi nó chỉ đó một lý một tí, phải nên hết-

sức giữ-gìn mới được. Chúng ta không cứ ai, hoặc trong bọn bè-bạn chơi-bời, hoặc người mình nghe tiếng, cũng thấy có một vài kẻ ở về mấy năm trước vẫn tự-mệnh là bậc ái-quốc chí-sĩ, hoặc bè-ban cũng công-nhận là người ái-quốc chí-sĩ, thế mà nay đã ngắt-ngưỡng đầu hàm ngũ lục phẩm, nich chặt liền bằng ba bốn trăm nguyên, liền biến đổi ngay tiệt-tháo khênh-khặng làm quan lớn, hoặc chơi-bời hát-xướng ở chốn đô-hội, hoặc dậm-đọa võ-đoàn ở chốn hương-thôn, thực là cái đời đọa-lạc đi mất rồi không thể cứu lại được nữa, thì ai là chẳng trở lên vạch mặt mà mắng rằng: Những anh kia, anh kia, trước kia bàn nói ái-quốc đều là nguy cả. Nếu đương lúc ấy có người bảo ta rằng và năm nữa tôi sợ ông cũng như kẻ kia mà thôi, thì ta tất phát-nhiên nổi giận, nào biết đâu những bọn kia lúc trước vốn là nguy, như ta bảo là tự-bạo tự-khi cam làm kẻ tiều-nhân dẫu. Mấy năm trước họ chịu phải cái phong-trào nó kích-thích, lại được nghe lời cảnh cáo của những bậc tiên-giác, mới hồi-nhiên khích-dộng cái lòng nhiệt-thành, cũng như ta ngày nay vậy, mà sao bây giờ lại đến như thế? Đó chỉ vì người ta thừa sau khi cái vận-hội và trăm năm học đã tuyệt đạo đã mất đi rồi, xã-hội đã cực-kỳ hủ-bại, từ khi mới lọt lòng đã chịu phải những cái tinh di-truyền xấu-sa bản-thửu, lại đến khi trẻ con hơi có trí-thức cho đến lúc lớn lên, tiếp-nhiệm biết bao nhiêu những cái giáo-dục xấu-sa vô-hình rất là nhiều lắm. Kịp đến khi chịu phải cái phong-trào nó kích-thích nghe được những lời khai-đạo của những đấng tiên-giác, rồi mới chợt sinh ra cái lòng nhiệt-thành một chút, chính như thầy Mạnh bảo là « ngoại thước » là đục ở ngoài vào, bao những cái ác-côn khi trước cùng với cái lòng ấy trái khác nhau, chừa có thể dứt đi được. Nay nhất-dân ta cũ học mà bước vào cái xã-hội khác, mà cái xã-hội ấy lại vẫn có những cái hiện-tượng

xấu-sa nó đã quen đi rồi, liền cùng với cái ác-côn của mình còn lại khi trước, nó cảm với nhau như điện, bắt với nhau như hạt cải với đá nam châm, chỉ trong chớp mắt mà cái bụng nhiệt-thành mới hiện ra đó, liền như đêm tuyết ở trên lò nó tiêu tan ngay đi mất. Chúng ta tự-vấn thử coi với Dương-minh tiên-sinh như thế nào? Dương-minh tiên-sinh là bậc đại-hiền, mà còn bảo rằng: « Đã hơn mười năm nay, vẫn nghiêm tự răn chừa thống-trị, thế mà cái bệnh-côn nó thâm-cổ, cái manh-nghiệt nó vẫn thường nảy sinh ra. » Thế mà chúng ta dám chắc rằng cái bụng nhiệt-thành bởi vì kích-thích vì khai-đạo nó mới phát-sinh ra đó, đã đủ tự-tin rồi, thì thực là không tự-lượng vậy. Nếu thật được như thế, thì những người ngày nay ta trở lên thóa-mạ đó, biết đâu và năm sau lại chẳng là hóa-thân của cái mình ta vậy. Nay muốn tránh khỏi cái tệ ấy thì làm thế nào? Cũng nên như Lục-tử bảo rằng phải nên sửa-soạn tâm-diễn cho sạch-sẽ. Vương-tử bảo rằng nên vớt cho lên bờ, rồi cố gia công-phu mà tu-tĩnh mà thôi. Cứ theo như lời Khổng tử dạy thì phải nên học vị-kỷ, phải nên hiểu về điều nghĩa. Nếu không khám-phá cho rõ, giữ-gìn cho chắc, thì họa-cơ nó vẫn bao-tàng ở đó, thần gian nó vẫn ẩn-phục ở đó, tất có ngày nó cướp nhà mà nó làm mình sa xuống vực, ghê sợ lắm thay! Phải nên cố gắng mới được!

∴

« Đấng tiên-sinh (Dương-minh) giảng học ở trong núi, có một người học trò tinh rất minh-mẫn, tiên-sinh chỉ răn dạy qua-loa, thường hỏi luôn mà tiên-sinh không đáp. Lại có một người học trò chẳng đoái gì chê-bại, người trong lương-dãng ai cũng ghét, thế mà tiên-sinh vẫn cùng nói chuyện, suốt ngày quên mỏi. Có người lấy làm ngờ mà hỏi. Tiên-sinh nói rằng: * Anh ấy tinh dẫu thông-minh, nhưng mà mắc về thể-tình cơ-tâm lắm, nếu

đề che chở đi; muốn cho yên-chuyển thì lại dẫn thêm chứng-cớ. Chấn về mệnh đã lấy làm vững rồi, thì khó trừ đi được; dụng-lực đã thâm lắm rồi, thì che đậy lời càng khéo.» Đoạn này nói thực là khám-phá hết cả tâm-thuật. Cái công biết tự trách mình đã không mấy người làm, giá có biết tự trách mình mà làm cho thảng được lòng riêng cũng không phải là dễ. Đương lúc ta xét hỏi mà tự trách mình, thì cái thói cựu-tập nó vẫn bán-kết ở trong tâm ta, nó lại hay đón thầy cái bia-tạc ra lời nói khéo đề lờ. Ôi! Ngụy thay!

«*I* ý Trác-Ngô xướng lên di-thuyết bảo cho người ta phá-trừ bỏ cả nết-na đanh-dur. Người Sở đũa theo rất nhiều, phong - thói đã hẳn biến-đổi. Lưu Nguyên-Khanh hỏi tiên-sinh rằng: Gần đây sao nhiều người theo cái di-thuyết của Trác-Ngô như thế? Đáp rằng: Nhân tâm ai chẳng muốn học làm thánh-hiền, nhưng làm được đến bậc thánh-hiền thì vương ngại khó làm. Nay hẳn xướng lên rằng phạm những sự tưu sắc tài khí không có vương-ngại gì đường tu-hành cả, tu mà vẫn cứ chơi bừa cả đi, hiền - nghị như thế, thì ai mà chẳng theo.»

李卓吾倡為異說。破除名行禁。從者甚衆。學習為之一變。劉元卿問於先生曰。何近日從卓吾者之多也。曰。人心誰不欲為聖賢。顯無柰聖賢礙手耳。今選謂酒色財氣一切不礙善操路。有此便宜事。誰不從之。(鄒穎泉著)

Xét: Đời nay cái thuyết tự-do, bình-đẳng, phá-hoại, sở-đi hay dâm-thẩm khắp cả trong nước, chóng hơn chạy ngựa tram, cái nguyên-nhân là chỉ vì theo những thuyết ấy thì nó không có vương ngại gì cả. Nhưng Trác-Ngô chỉ bảo rằng tưu sắc tài khí những điều ấy đều làm cũng không trở-ngại gì

đường tu mà tho, chứ chữa từng bảo rằng tưu sắc tài khí là thánh hiền vậy. Nay những kẻ xướng lên cái thuyết tự-do, bình-đẳng phá-hoại, thì lại cho những điều ấy là mục-dịch của kẻ hào-kiệt chí-sĩ, thực như lời ông Dương-minh bảo rằng: Thói quen đã tự-tin làm phải, mà điều mục lại tự chắc làm hay rồi. Vậy nên xưa kia những kẻ say dâm về lợi, mà muốn khinh rẽ đạo-đức đi còn biết then-thò. Chứ như đời nay thì lấy làm đương-nhiên: không những là cho làm đương-nhiên mà thôi, lại bảo rằng không như thế thì không phải là kẻ hào-kiệt. Than ôi! Cái lòng biết phải trái biết then ghét đều tị-gết mất đi, thì qua nhau ta loài chim muông hết cả!

«*K*ẻ học - giả thường cho nhiệm-tình phóng-khoảng làm suất-tình tự-nhiên; cho đua đời nịnh - nọt làm hay hợp ý với mọi người; cho phá-giới là không hiểu-danh; cho cái cách không giữ kiểm-thúc là cái chốn vui của Khổng-Nhan; cho cái cách kiến-thức hư-huyền là siêu - ngộ; cho cái người không biết si-nhục là bất-động-tâm; cho cái người phóng-tâm mà không biết giữ-gìn là không phải dụng lực bản-bộ tigi; khá than thở lắm thay.»

學者以任情為率性。以媚世為利物同體。以破戒為不好名。以不事檢束為孔顏樂地。以虛見為超悟。以無所用恥為不動心。以放其心而不知求為未嘗致纖毫之力者。多矣。可歎哉。(王塘雨時槐)

Xét: Đó là nói cái tệ lúc bấy giờ học-phong bại-hoại. Còn như học-phong ngày nay cái lời văn-súc hồi-hộ tuy cùng với lời trên này có khác, nhưng cái bệnh nó cũng như thế cả.

«*Q*uán Đông-Minh rằng: Phạm cái thuyết bất-chính mà nó hay lưu mãi ở

trên đời, tất cái thuyết ấy nó hay hợp với tư-tâm kẻ tiểu-nhân, mà lại hay a-phụ với đại-đạo của người quân-tử. Ta nghĩ rằng những cái thuyết ấy tóm lại chỉ là bốn chữ : « vô-thiện vô-ác. » Nguyên họ cho rằng cái bản-thể của tâm vốn là vô-thiện vô-ác, thành ra chỉ là cái không-hư ; đã cho là vô-thiện vô-ác, thì cái tâm chẳng vương tí gì cả, thành ra chỉ là cái hỗn-độn. Không-hư thì nhất-thiết giải-thoát không có vương-ngại gì cả, hạng người cao-minh học theo về đường ấy tất lấy làm thích, rồi thì tất cho nhân-nghĩa làm gông cùm, coi lễ-phép như cỏ rác, cho những điều nhật-dụng là còn bần đến duyên-trần, cho những cách tu-trì làm bó-buộc, cho những người hay xét nét từng việc là tỉ-mỉ, cho những điều phải ăn-năn hối-cải là quauh-co, cho cái đường hạ-học thượng-đạt là còn có giai-cấp, coi khinh những người rũa mài tiết-hạnh độc-lập không sợ cho là chỉ dụng ý-khi mà làm việc. Hỗn-độn thì nhất-thiết hàm-hồ không có tuyền-trạch gì cả, hạng người viên-hoạt ưa theo về đường ấy, rồi thì tất lấy nhiệm-tình phóng-khoảng cho làm suất-tính tự-nhiên, lấy những sự tùy-tục quen thói dỏ cho làm trung-dụng, lấy những cách mặt li dua theo với đời cho làm cùng với vạn-vật nhất-thể, lấy những cách luồn cúi uốn cong hàng tầm cầu thẳng lấy độ một thước cho thế là hay xả-thân ra cứu đời, lấy những cách ủy-khúc dựa-dẫm chu-toàn cho làm tài ứng-phó chiều nào cũng được, lấy cái thói dồng-càn chẳng kiêng kỵ gì cho là không hiểu-danh, lấy cái khóe làm lúc hoạn-nạn khéo lẩn cho cầu-an cho là bậc thánh không tài nào chết được, lấy cái thói bí mật thộn ra không biết xấu cho làm hay bất-dộng-tâm. Cứ như cái thuyết trước thì điều thiện gì mà chẳng phải là ác ; theo như cái thuyết sau thì điều xấu gì

mà chẳng phải là hay. Giá mà ai muốn cắt-vấn thì những người ấy vẫn chiếm được cái địa-vị rất cao, trên có thể a-phụ được với đại-đạo của người quân-tử ; giá mà bỏ qua đi chẳng xét hỏi làm chi, thì những người ấy nắm được cái cơ-quan rất linh-hoạt, dưới có thể hợp được với tư-tâm của kẻ tiểu-nhân, dẫu ông Khổng ông Mạnh phục sinh, cũng phải chịu không thể sao được nữa.

管東漢曰。凡說之不正。而久流於世者。必其投小人之私心。而又可以附于君子之大道者也。愚竊謂無善無惡四字當之何者。見以無心之本體。原是無善無惡也。合下便成一個空。見以為無善無惡。只是心之不著于有也。究竟且成一團混。空則一切解脫。無復掛礙。高明者人而悅之。于是將有如所云。以仁義為往樁。以禮法為士直。以日用為緣塵。以操持為把捉。以事省察為逐境。以訟悔遷改。為離行獨立。不懼為意氣用事者矣。混則一切含糊。無復揀擇。圓融者便而趨之。于是將有如所云。以任情為率性。以隨俗襲非為中庸。以隨然媚正為萬物一體。以枉尋直尺為捨其身濟天下。以委曲盡好名。以臨難苟安為聖人無死地。以順鈍無恥為不動心者矣。由之說。同善非惡。由彼之說。同惡非善。是故欲就而詰之。彼其所占之地步甚高。上之可以附君子之大道。欲處而不問。彼其所握之機甚活。下之可以投小人之私心。即孔孟復作。亦奈之何哉。(明涇陽成)

Xét : Đây là kiêu-chinh cái thuyết của Vương Long-Khê 王龍溪 mà nói. Vương Long-Khê nguyên là bậc học-trò cao-đệ ông Vương Dương-minh,

mà học-thuyết ông ấy lại hơi sai khác. Ông nói rằng: « Tâm cũng vô thiện mà vô ác, ý cũng vô thiện mà vô ác, trí cũng vô-thiện mà vô-ác, vật cũng vô-thiện mà vô-ác. » Cái tệ học-phái họ Vương về mặt-lưu thực bởi tự đó. Vậy nên cuối đời Minh các nho-giả thường phải biên-thuyết đề cứu chỉnh lại; nay thì những cái thuyết khâu - đầu ấy không ai nói đến nữa. Nhưng lại có cái thuyết «phá-hoại» thì đại loại cũng giống như thế? Kể xướng lên cái thuyết «phá hoại» thì động một tí là nói nhất-thiết phá hoại, mà những điều đạo-đức cũ lại càng lấy làm rất ghét lắm. Nói tóm lại những thuyết bày ra đó, đều dễ hợp với tư-tâm kẻ tiểu-nhân mà lại hay a-phụ với đại-đạo của người quân-tử.

« Thành-nhân mà sở - dĩ đến được bậc thành, là vì tinh-thần mệnh-mạch toàn-thể đều tự cố-gắng, chứ không cầu người biết, vậy nên thường thấy lỗi mình mà không tự-mãn - tức, càng ngày càng tiến mãi vô-cùng. Kể hương-nguyên thì chỉ chú ý đua nịnh đời, toàn thể tinh-thần chỉ chăm quản - cổ bề ngoài, vậy nên điều gì cũng tự lấy làm phải, không thể nào mà học được đến đạo Nghiêu Thuấn. »
聖人所以爲聖。精神命脉。全體內用。不求知於人。故常常自見己過。不自滿假。日進於無疆。鄉愿惟以媚世爲心。全體精神。盡從外面照管。故自以爲是。而不可與入堯舜之道。(王龍溪)

« Kể nhà quê giả đạo-đức cũng với cách học-hành của người hiền - giả, phân-minh chia ra đôi đường. Kể hiền-giả thì tự-tin ở bản - tâm, phải hay trái một tí gì cũng chẳng theo người mà chuyển-hoán. Kể nhà quê giả đạo-đức tức là anh chàng hương - nguyên, không hay tự-tin ở mình, chỉ theo lời khen chê làm phải trái, vậy nên mới có cái nết trái hẳn với bản-tâm, cái tình

chỉ đua theo thế-tục. Đời nhà Ngu xưa kia xét người sở-dĩ phải trước xét xem chín đức rồi sau mới xem đến việc làm; sau mới xem đến việc làm là nghiệm xem có hợp với đức không. Khéo xét người thì không phải chỉ xét ở cái sảo công việc danh-nghĩa, cốt là phải xét xem ở cái chỗ tâm-thuật ẩn-vi mới được. » 鄉黨自好。賢者所爲。分明是兩路徑。賢者自信本心。是是非非。一毫不從人轉換。鄉黨自好。即鄉愿也。不能自信。未免以毀譽爲是非。始有違心之行。徇俗之情。虞廷觀人。先論九德。後及於事。乃言曰。載采采。所以符德也。善觀人者。不在事功名義格套上。惟於心術微處。密窺而得之。(王龍溪)

« Kể môn-nhân thường than tiếc cho tiên-sinh (Dương-minh) từ khi đi đánh dẹp Ninh-vương đến giờ, thiên-hạ lại càng nhiều người sám-bàng. Tiên-sinh nói rằng: « Ta từ khi ở Nam-dô trở về trước, vẫn còn có cái ý-tứ giả-đạo-đức. Nay thì ta tự tin ở lương-tri đã biết được những điều châu-thị chân - phi, thì cứ thẳng tay mà làm, không phải che đậy gì cả. Nếu hơi có chút bụng ngông - cuồng, thì người ta đều chê ta là việc làm không đúng với lời nói. »

門人歎先生自征寧藩以來。天下謗議益衆。先生曰。我在南都以前。尚有些子鄉愿意思在。今信得這良知。真是真非。信手行去。更不著些覆藏。纔做得個狂者胸次。故人卻說我行不揜言也。(傳習錄)

« Tiên-sinh (Dương-minh) thường tự nói rằng: « Ta từ khi dấy ra Long-tràng trở về trước, kẻ khen đến chín phần mười; từ khi làm đến Hồng-lô trở về trước, kẻ khen độ năm phần mười, mà kẻ chê cũng độ năm phần mười; từ khi Hồng-lô trở về sau, kẻ chê đến chín phần mười. Bởi vì mình

học càng thiết-thực thì người ta lại càng thấy mình có lỗi; trước kia mà nhiều người khen, là bởi mình bao-bọc che giấu, nên người ta không biết được.»

先師自云。吾龍場以前。稱之者十之九。鴻臚以前。稱之者十之五。議之者十之五。鴻臚以後。議之者十之九矣。學愈真即。則人愈見其有過。前之稱之者。乃其包藏掩飾。人故不得而見也。(王龍溪)

Xét: Đức Khổng-tử ghét kẻ hương-nguyên. Thấy Mạnh giải-thích cho là kẻ ấy hay làm loạn đạo-đức, vì nó giả-cách hiền-lành thực là một kẻ một trong xã-hội. Long-Khê phân biệt kẻ hương-nguyên với bậc hiền-giả khác nhau, thực là thâm-thiết rõ-ràng. Ông Dương-minh tự-thuật cái trình-độ tiến-học của mình, về hồi tuổi trẻ và trung-niên cũng chưa khỏi cái thói hương-nguyên. Thế thì xưa nay mấy người đã hay tránh khỏi, mà Dương-minh lại hay tự

kê ra không giấu giếm gì cả, sớ dĩ mới khác với kẻ hương-nguyên.

«Hạ Đình - Mĩ đến nghe Trương Tăng-sơn giảng học bảo rằng học là cốt để học làm người mà thôi, mà làm người thì phải mong làm người thực, chớ làm người giả. Đình-Mĩ ngấm ngấm mà rằng: «Để thường ta bình-nhật làm người cũng chưa được thực chăng!»
夏廷美聽張翕山講學。謂爲學學爲人而已。爲人須求爲真人。毋爲假人。廷美愜然曰。吾平日爲人。得毋未真耶。

Xét: Lũ chúng ta bình-nhật làm người để thường cũng chưa được thực chăng?

Trở lại là biên-lục những lời nói phải nên phân-biệt tâm-thuật cho chính-dàng.

Đông-cư lạc-dịch



HAM SON

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

Chú-giải về tập « Kim-thi » của phái Pythagore

IV

THỜ BÈ-BẠN

(Tiếp theo)

Đừng nên vì điều lỗi nhỏ mà xa mất bạn, nếu biết cố gắng hết sức cũng có thể giữ được. — Tình bè-bạn là một cái ước thánh-thần, không nên để cho có chút mây mờ che ám, dù thế nào mặc lòng, nên cố gắng cho không đến nỗi quyết-liệt với bạn. Nếu chỉ vì những sự khuyết-diểm không quan-hệ gì thì nên khoan-dung mà giữ lấy hòa-thuận. Nhưng khi nào quan-hệ đến việc đại-nghĩa, thì không nên chuyển lòng, không bao giờ chùn phạm đến công-nghĩa, đến công-lý, dù có phương-hai đến tình bè-bạn mặc lòng. Như có người bạn mê-muội đến nhờ cậy ta một việc lỗi với đạo-lý, trái với lương-tâm, hay có thể phương-hai đến xã-hội, thì nghĩa-vụ của ta là trước hết phải giảng-dụ cho nghe đã, nếu cứ không nghe thì ta ung-dung mà cả quyết dời xa ra, cho đến bao giờ tỉnh-ngộ sẽ hay.

Pythagore lại nói rằng: « Trong cuộc xã-giao, nên giữ đừng để cho bè-bạn thành ra thù-hằn, mà lại phải cố làm sao cho kẻ thù thành ra người bạn. Nên yêu mến người quân-tử mà đừng ghen-ghét kẻ tiểu-nhân. » Mấy lời đó do đỡ-đỡ ông sưu-tập lại, là nói rõ cái tư-tưởng của ông về nghĩa-vụ người ta đối với kẻ khác. Xem đó thì biết tuy ông dạy rằng chỉ nên kết bạn với kẻ thuận-lương mà thôi, nhưng ông lại khuyên rằng nên

thành-thực khoan-nhân đối với hết thảy mọi người, dù kẻ ác-liệt nữa mặc lòng: vì kẻ ác-nghiệt, ngu-muội tối-tâm, nếu biết giảng - dụ cho tỏ rạn ra thì nhiều khi có thể trở thành một tên kiện-tốt cho chân-lý vậy.

Tuy-nhiên cũng phải nên biết rằng cái lòng khoan-nhân bác-ái mà đem đến cực-diểm hi-sinh, thì mới bắt đầu truyền dạy cho loài người tự đức Gia-tô Cơ-đốc mà thôi.

Vì cái lòng khoan-nhân của phái Pythagore đối với hết thảy người ta chẳng qua cũng là do cái lòng khoan-nhân đối với cả thế-gian vạn-vật mà thôi. Lại sở-dĩ khoan-dung nhân-tử như thế, vì biết rằng nhân-loại là một cái thể lớn, mỗi cá-nhân là một phần-tử, mỗi phần-tử tu-tiến thế nào là có quan-hệ đến cả các phần-tử khác, vì sự tăng-tiến của cá-nhân không phải là đặc-biệt mà thánh, tất có liên-lạc mật-thiết với cả cuộc tiến-hóa chung của nhân-loại.

Thần-trí và sinh-lực của loài người là hai cái thể lớn công-cộng, chúng ta sinh-trưởng ở trong đó, nhờ đó mà có sức sinh-hoạt, có sức tiến-hóa, và cái công-tạo-nghiệp riêng của ta, dù xấu dù tốt, cũng là đổ lộn vào đấy cả, tốt thì cả toàn-thể cùng ta hưởng, xấu thì cả toàn-thể cùng ta chịu. Vậy cái gì phạm đến phẩm-giá của người ta là phạm đến cả toàn-thể, cũng như mỗi sự-nghiệp tốt của cá-nhân là có ảnh-hưởng hay đến công-chúng vậy. Vì không nhờ được công-nghiệp người trước, thì không sao ta tới được trình-độ ngày nay, vậy thì muốn tăng cao

(1) Xem N. - P. số 148.

gia-trị của ta về sau này, không gì bằng giúp công cho cuộc tiến-hóa chung của kẻ khác. Như thế thì lòng ghen-ghét, thói duy-kỷ là không nên cả. Mà cái nghĩa phải thương-yêu kẻ đồng-loại không phải là chỉ căn-cứ ở cái lòng sợ-hãi phải trừng-phạt sau này, mà là căn-cứ ở một lẽ thiên-nhiên, tức là cái lẽ mọi người đều tham-dự vào một cuộc sinh-hoạt, một cuộc hạnh-phúc chung vậy.

Vậy thì cái công-phu riêng của mỗi người là phải tạo ra đề truyền đi, sản ra đề phát đi, làm ra đề vị người vậy. Và cái lòng nguyện-vọng của ta cho được tấn-tới, cho được hạnh-phúc, muốn cho hoàn-toàn thành-tựu được, thì duy chỉ thành-thực thờ nhà, thờ nước, thờ nhân-loại là mới mong cho đạt được mà thôi.

Sau nữa, lại phải biết rằng phạm ta phát-hành ra cái gì, cái tốt cũng như cái xấu, tất thế nào rồi nó cũng phản-hồi lại ta, vì trên thế-giới hết thấy như xoay trong cái vòng tròn cả. Bởi thế nên kẻ làm ác thì phải chịu tội, kẻ làm lành thì được thưởng công, đó là lẽ tự-nhiên vậy. Vậy phải nên xem xét từng sự cử-dộng của ta, và nhất là từng mối tư-tưởng của ta, phải hai - trừ trong tâm-tri ta những cái thị-dục có hại, hay là không có lợi nữa, và chỉ dung-nạp những cái tư-tưởng chân-thành bác-ái mà thôi, đó cũng là thuộc về cái lẽ tuần-hoàn lớn trong vũ-trụ.

Sau hết, lòng bác-ái của PYTHAGORE với lòng từ-thiện của đạo Cơ-đốc phải đem cho đến bác-hi-sinh cả mọi sự lợi-lộc và cho đến sinh-mệnh nữa, vì người ta phải theo gương Thượng-đế mà ăn ở và phải hi-xả cho kẻ khác cũng như Thượng-đế đã hi-xả cho loài người vậy. Vì sự hóa-sinh chính là một sự hi-xả của Thần-linh, đã chịu đem hóa-thân mà chuyển-nhập vào trong vật-chất, cho đến những giống sinh-vật

rất ti-liệt, và sự sinh-tồn hàng ngày trong vạn-vật cùng trong nhân-loại cũng là một sự truyền-thụ, nghĩa là chính hóa-thân của Thượng-đế đem ban-thể của mình mà bố-thí cho vậy. Muốn được lên cõi cực-lạc mà hưởng cái thú thiên-liêng thì người ta trong cái thời-kỳ hóa-sinh của mình phải làm nên những việc vong-thân hi-xả cũng giống như Thượng-đế đã làm cho mình vậy. Vậy thời người nào tự-nguyện đem cống-hiến cả sự-nghiệp của mình, hay một ngày quyết đồ máu đẻ biểu-dương cho tôn-giáo hay làm trọn một nghĩa-vụ, thời người ấy chắc sẽ được cái ơn thưởng tối cao, vì hi-sinh mình đi như thế tức là tự đặt mình vào cõi thần-linh vậy.

Cái quan-niệm cốt-yếu về hai mối hi-sinh đó, một là đấng tạo-vật hi-sinh cho vạn-vật, hai là người ta theo gương Thượng-đế mà hi-sinh lẫn cho nhau, là một cái quan-niệm thuần thuộc về tôn-giáo. Trong lễ thánh-thể (lễ «misa», messe) của đạo Gia-tô, cũng có ngụ cái ý đó.

Vì chủ-trương sự đời vừa thuộc vận-mệnh mà cũng vừa thuộc ý-chi nữa.— Có hai cái sức mạnh chủ-trương qui-dịnh cho cuộc tiến-hóa của loài người.

Một là Vận-mệnh, hai là Ý-chi. Vận-mệnh thì định trước ý-chi tự-do.

Vận-mệnh, tức là lẽ tất-nhiên, tự-trung cũng có hai phần. Trước hết là cái luật thiên-diễn, phạm vật gì phát-sinh ở Thượng-đế ra, di quan một cuộc tuần-hoàn, rồi lại trở về Thượng-đế, vì đấng tạo-vật cái có sức bác-ái rất mạnh, tự-nhiên hấp-dẫn cả cái sinh-vật về mình. Luật này ở mỗi giống có cái sức mạnh ngầm khiến cho phải sinh ra, phải lớn lên, phải sống, phải truyền giống ra, rồi phải chết, dù kuông muốn cũng không được. Đó là cái dòng nước chảy của sự sống, không

bao giờ dứt. Chính bởi luật đó mà mỗi cá-nhân, dù sai-lầm miễn-cưỡng mặc lòng, cũng bị bắt-buộc phải cạnh-tranh để mà sống, phải đoạt sự ngu-tối mà khám-phá lẽ phải, để tăng-tiến cái thân-phận của mình, rồi cam-tâm chết đi để lại biến-hóa lần nữa. Luật đó là tiêu-biểu cho sự tiến-bộ của Vũ-trụ cùng nhân-loại, khiến cho các giống các loài càng ngày càng tiến-tới lên cõi tri-thức, cõi hạnh-phúc tuyệt-đối, theo lẽ tất-nhiên nhất-định. Mà thực xét ra cả vạn-vật đều bước lên bước tới hoai ở trên con đường sinh-hóa, qua thực-vật, động-vật, đến người ta, rồi đến các giống siêu-nhân-loại. Cái ác-nhân chỉ là nhất-thời mà thôi; nó không có địa-vị ở trong cõi Tuyệt-đối. Nó chỉ dùng để dạy cho người ta biết sáng ra mà thôi, rồi bao giờ cứu-cánh cũng đến tiêu-diệt đi hết. Cái thiện-nhân thì sớm tựa thể nào cũng được thăng. Luật tu-ấn-hoàn đó có-nhân đã tiêu-biểu ra bằng một cái hình vẽ con rắn nằm cuốn tròn lại mà lấy miệng cắn đuôi. Luật đó là một điều chân-lý mà kẻ bình-thường ngu-muội không thể hiểu được, nên xưa chỉ dạy về khoa bí-truyền mà thôi. Nói ra ngoài thì chỉ dùng cách bộng-bầy xa-xôi, như câu trong « Kim-thi » nói rằng: « Lẽ tất-nhiên ở đâu là quyền-lực mạnh ở đó. »

Lẽ tất-nhiên là cái người ta hiện nay phải chịu mà tự ý không muốn, nhưng như trên kia đã nói, trụ-trang còn có một phần thứ hai nữa, là cái của riêng của cá-nhân, tức như người Ấn-độ gọi là cái « nghiệp » (*karma*), nghĩa là gồm những cái hay cái dở tích-lũy từ kiếp trước đến giờ, hay thì được hưởng, dở thì phải chịu. Tức là thiên-đương hay là địa-ngục của mình ở đây, tùy cái cách mình đã ăn ở từ trước đến giờ thế nào. Cái này là gồm những cái công cái tội của mình đến thời-kỳ thu-hoạch vậy. Vì ở đời này, hay

là ở cõi khác, hết thấy đều có nghiệp-báo cả. Phạm quyết-định một điều gì, rồi nó lan-man kết-quả ra mãi, dù hình-hài đi tào, thân-thể đã chết, cái nghiệp báo ấy cũng không bao giờ rớt được. Có gì hay tội dù ở kiếp nay chưa đã liễu-kết được, rồi cũng ảnh-hưởng đến kiếp sau.

Đến như Ý-chí, thì là cái quyền của người ta được tự do hành-động. Nó là cái sức cạnh-tranh để tiến-bộ. Nó là cái động-cơ của mỗi người để tự-ý qui-hồi về Thượng-đế.

Nó là cái sức sáng-tạo tuyệt-đi. Trong người ta, nó là bao- quát hết thấy, vì nó gồm cái sức mạnh của người ta để chống lại với cái ác và khuấy-hướng về điều thiện. Vậy thì người ta không phải chỉ là kết-quả những sức mạnh ở ngoài, những cái động-lực vật-chất ở trong hoa-cánh mình sinh-trưởng mà thôi, lại cốt nhất là kết-quả của cái sức Ý-chí ở trong mình, khi mới sinh-thành ra đã có rồi, và khiến cho mình tự thành-lập lấy mình, tự phát-đạt tự-do vậy.

Vì nếu người ta hồi-hướng về Thượng-đế chỉ bằng cái sức dun-dùi của vạn-mệnh mà thôi, không phải công-phu không-ahọc gì, không phải biện-biệt tự-quyết gì, tại cố-nhiên ta không có công gì, và không thể mong được thưởng cái hạnh-phúc tuyệt-đối vậy. Như vậy thì trong cuộc thiên-diễn, cái ác dễ làm cảnh-cáo, cái thiện dễ là n-tướng-lệ và chỉ phương-chạm cho người ta, không còn ngu-ấn-lý gì nữa.

Trên cái thang tiến-hóa của vạn-vật, từ khoáng-vật cao đến người ta, cái ý-chí này còn tiềm-tàng. Rồi dần dần mới thấy xuất-niễn ra ở các giống động-vật, sau hết đến người ta là nảy-nở ra hẳn. Tự học được cho đến bậc đó, cuộc tiến-hóa của ta do cái siêu-chí động-lực (*elan vital*), này cái sức sống-dần

tự-nhiên của trời đất, tức là cái «bản-năng» (*instinct*) của các giống. Về sau sự tiến-hóa mới được hoàn-toàn và mau chóng hơn, là nhờ được cái sức mạnh mới, là trí-tuệ, khiến cho người ta biết tri-giác và có ý-thức.

Khi còn ở các bậc dưới trên trình-độ tiến-hóa, thì người ta thường thuộc bản-năng chi-phối, rồi dần dần mới luyện cho ý-chí mình đoạt được vật-dục, sức bản-năng bấy giờ không được đủ mạnh nữa, trí-tuệ lần lần tràn khắp cả, người ta bấy giờ chỉ tiến theo về con đường lý-trí sáng-sủa mà thôi. Xem như thế thì biết rằng người ta lúc nới đầu còn do tạo-vật xử-linh hất thảy, sau rồi cái trí sáng-suốt, cái sức tự-chủ càng ngày càng tăng-tiến lên, tức là được tạo-vật, được Thượng-đế phú-dữ cho cái quyền tự-do, cái sức sáng-tạo, càng ngày càng thêm lên, rồi thoát được hẳn những ảnh-hưởng vật-chất mà tiến lên cõi khoái-lạc tinh-thần.

Vậy thì vận-mệnh là gồm cả phần quá-khứ, mà cái mầm-mống tương-lai cũng ngầm ngầm ở đó. Bao nhiêu những cái ta sở-đắc từ trước, những cái khuynh-hướng của ta về thiên hay về ác, những sự khổ-lạc của ta từ trước đến giờ là đều hao-hảm cả ở đó. Tâm-tính tình-chất của ta, những cái hay cái dở, cho đến cái đi-truyền cùng những thói nết của ta, cũng là ở đó cả.

Cái hiện-tại là cái vận-mệnh với ý-chí gặp nhau. Là cái trường-sở hành-động của cá-nhân, chứa sửa lại những cái khuyết-diểm của mình và tăng-tiến thêm những cái tính tốt của mình, nghĩa là dự-b để lược lên cái tiền-dở về sau này.

Còn tương-lai là kết-quả của sự gặp gỡ vận-mệnh với ý-chí ở hiện-tại, trừ lắm-thời có thể nhân sự hành-cộng tự-do mà thay đổi ít nhiều không kể. Vì ý-chí người ta không những làm ra điều

thiện mà lại cải lại điều ác nữa, nghĩa là chứa lại được vận-mệnh, khiến cho người ta phải vâng theo luật thiên-nhiên cùng luật Thượng-đế, mà tự trau-giồi những cái đức-tính nhân-nhục, thanh-tĩnh, khiêm-tốn. Bấy giờ thì nhờ hóa-thân của Thượng-đế, những tội lỗi trước có thể được chứa lại để làm.

Nếu ở đời mà cứ phó mặc cho vận-mệnh xử-linh, cho tạo-vật chi-phối, không có tự mình xuất công-phu ra để cho am-hiểu hay để cho tinh-tiến, thì ta sống một cách tiêu-cực, hầu như vô-ý-thức, kết-quả hay thì ít, mà kết-quả dở có lẽ nhiều.

Nhưng nếu nhất-thiết chỉ hằng ở ý-chí mình, không biết lấy luật thiên-nhiên, luật Thượng-đế làm hướng-dạo, thì chỉ thấy trái ngược luôn, mà sớm trưa tất mắc phải những sự bất-tuờng, như các bệnh-tật về thân-thể cũng về tinh-thần vậy. Bấy giờ tự-cao là độc-lập mà kỳ-thực là nguy-hiểm, vì không biết cái lẽ tất-nhiên, nghĩa là không biết thờ Thượng-đế và không biết thờ tạo-vật vậy.

Nay nếu đã hiểu rõ những luật thiên-nhiên chi-phối cho đời người ta, khiến cho biết hồi-hướng về Thượng-đế, lại gia-công gắng-sức cứ theo đuổi về một cái mục-dịch thiết-yếu đó không có cưỡng lại với lẽ tất-nhiên, nghĩa là những sự khuyết-diểm, sự trở-ngại cần phải bỏ-cứu hay cần phải thăng-đoạt, lại nếu đồng-thời biết khiêm-tốn mà cầu Thượng-đế phú-tự cho, thì bấy giờ sống ở đời sẽ được điều-hòa yên-ôn, nghĩa là hòa-hợp với Thượng-đế, hòa-hợp với vận-vật. Bấy giờ tự mình cũng có một cái sức sáng-tạo, như sức sáng-tạo của thần-minh vậy. Có thể làm nên những việc lạ-lùng, không thì cũng tự-chủ được cái hoàn-cảnh cùng cái cách của mình, và sẽ được sức thiên-trực, tấn-tới lên những trình-độ cao.

TU-LUYỆN MÌNH

A. — Tu-luyện về tâm-trí

Phải biết khắc kỷ. — Rồi lại biết sửa mình cho thẳng được tình-dục, cho biết tiết-độ, biết cần-cù, biết thanh-lĩnh. Đừng nên giận-dữ bao giờ. — Bản-phận thứ nhất đối với mình, là phải tập cho tự mình biết mình, cho tự-chủ được mình. Bởi thế nên PYTHAGORE thiết-tha cho người ta nên chú-ý về cái trách-nhiệm cốt-yếu đó: « Phải biết sửa mình cho thẳng được tình-dục. »

Việc tu-luyện cho mình là điều cốt-yếu cho sự tiến-bộ. Duy có tu-luyện thì mới biết tự khắc-kỷ và mới có thể ảnh-hưởng đến kẻ khác được. Vì không ai có thể thay ta mà chỉ h-dẫn trong tâm-trí ta được, làm cho ý-chí ta được mạnh-mẽ, củ-tập được nghị-lực, thẳng-đoạt được tình-dục của ta, vì phạm công-phu tiến-hóa phải là sự-nghiệp riêng của cá-nhân cả. Và lại, muốn chủ-trương được người, thì tự mình phải biết chủ-trương mình, vì mình có biết đem sự sáng-suốt, sự kiên gan mà làm gương cho người, thì mới đủ có vai cho người phải phục mình.

Một người biết tự-chủ, biết kiểm-điêm sự khuynh-hướng của mình, biết chủ-trương bộ thần kinh của mình, biết hạn-chế cái tính đa-cảm của mình, giữ lúc nào cũng điềm-tĩnh như thường, thì người ấy không sợ cái cơ-hội hay sự cảm-dở ở ngoài nó làm cho xiêu mình được. Như thế thì tránh khỏi làm sự phiến-muộn thất-bại, vì cái tư-tưởng của mình sáng-suốt, sự phán-đoán của mình ngay thẳng và cái ý-chí của mình mạnh-mẽ hơn. Biết rằng trật-tự là cần, kỷ-luật là hay. Rồi thì mỗi ngày thấy mình mạnh khỏe hơn lên, vững-vàng hơn lên, chủ-trương được cái sức mạnh ý-chí của mình, khiến cho tinh-thần thẳng được vật-chất, và ở quanh mình cái sức mạnh vô-bình đoạt được cái sức mạnh hữu-bình.

Phải biết tiết-độ. — Trong các cái hại cho người ta, đệ-nhất là cái hại vô-tôn-giáo, rồi đến cái hại không tiết-độ. Bởi thế nên PYTHAGORE cho cái bản-phận thứ nhất của người ta đối với bản-thân mình là phải tiết-độ sự ăn uống.

Không có gì hại cho sự đào-tạo đức-tính, cho sự phát-đạt tâm-tĩnh, bằng những cách ăn uống thái-quá, rượu chè liêu-miêu. Phạm đồ ăn nhiều quá, ngon quá, phải dùng đến nhiều tinh-lực mới tiêu-hóa được. Gân thịt thành ra lười-biếng. Ý-chí suy-nhược, mà trí-tuệ dần-độn đi. Như bệnh rượu là một cái tật xấu lớn của các xã-hội hiện-thời, làm cho người ta hạ xuống bằng hàng với con vật. Kê nghiện rượu thì thần-trí mờ-ám, bao nhiêu những cái đức-tinh dễ-tiện ở trong người như kêu gọi cả lên, rồi đến trụ-lạc hẳn, không thể vãn-hồi được nữa. Người nghiện rượu thì dần dần mất cả cái quan-niệm về nghĩa-vụ, về nhân-tử, về phẩm-giá của loài người. Cứu-cánh đến thành ra một giống tai-hại, đeo-đẳng cái thân tật-bệnh suy-đồi, rồi đến điên-cưởng đồ-dại.

Trái lại, thói tiết-độ làm cho người ta tự-chủ được mình; thật là một cách rất có công-hiệu để đạt tới cái mục-đích tự mình chi-phối được bản-thân mình, mà tấn-tới lên cõi đạo-đức, bởi thế nên các tôn-giáo cổ-kim hết thấy đều dạy cho người ta nên tiết-chế sự ăn uống cả.

Vì rằng người ta mà biết tự hạn-chế sự ăn uống, ngoài hai ba bữa ăn thường hằng ngày, nhất-định không dùng những thứ đồ ăn tạp quá, hoặc là chua cay nồng mặn quá, hoặc là chế nấu cầu-kỳ quá, nhất-định không dùng những chất gì làm cho rung động thần-kinh, lay chuyển trí-não, nếu giữ được như thế thì chắc là thần-trí thẳng

được thân-thể và ý-chí đoạt được tinh-dục vậy.

Nhờ sự tiết - độ mà dẹp yên được những cái thị-dục về tinh - thần, thu-hoạch được một cái nghị - lực phi-thường, tăng-gia được cái sức thần-tri lên gấp mười, mà đạt tới được một cái trình độ tinh-tiến rất cao.

Vậy thì phải biết tiết - độ, không những là để giữ lấy sức khỏe mà thôi, mà cốt nhất là để tu-luyện lấy tâm-tĩnh, trao-giải cho thân-hồn vậy.

Phải biết cần-cù. - Khiêu gọi lấy những cái khuynh-hướng tốt ở trong mình cũng chưa đủ, lại còn phải biết khiến cho nó hoạt - động nữa. Không có hoạt-động thì những tư chất thiên-nhiên rất tốt, những cái mầm tốt của giáo-dục đã gây ra, cũng đến mai-một hết.

Và lại không có hoạt - động, thì không khác gì như không có sinh-hoạt nữa, không làm trọn được cái thiên - chức của loài người, là phải kiến-thiết ở quanh mình, mà tự kết-cấu cho mình nữa. Vô-vi lại là trái với luật thiên - nhiên bắt buộc các giống sinh-vật phải thường gia công tiến-hóa luôn luôn, cho đều - đặn, cho kiên-nhẫn, lại phải thường chiến đấu luôn cho càng ngày càng tấn-tới.

Vậy thì không ai có quyền được ngồi không vô-ích, hay là ăn-nấu để yên lấy một thân mình. Nhân-cư vi bất-thiện, cổ-ngữ Đông-Tây đã có câu thế. Ngồi không thành ra lười biếng, như sọ-bãi, nhưt-nhút, và dễ sinh ra các tật xấu. Những kẻ ăn không ngồi rồi thì chẳng bao lâu thành ra thần-tri nhọc-mệt, tinh - khí thất - thường, tinh-thần suy nhược. Rồi thì hoặc hao mòn đi, hoặc yếm - từ quá mà đến chết, không kẻ có khi chán đời mà đến tự-sát nữa.

Người lười biếng, tự hạ mình vào cái địa-vị thụ-động của vật-chất, hạn-chế cái đời mình ở trong vòng những công việc tiêu-cực về vật-chất, thì là làm cho trí-luệ giảm sút đi, mà tâm-tĩnh khô héo đi vậy. Tức là tự mình tạo cho mình một cuộc đời tối-tăm, một thân-phận đau - đớn, vì tự mình ngăn-trở cái sức tiến-hóa ở trong mình.

Vậy thì đời người phải coi như một cuộc tạo-hóa luôn luôn. Người ta phải ăn ở theo hình-ảnh cái thiên - lý ở trong mình, nghĩa là phải tự mình khơi đào lấy cái nguồn sinh-hoạt ở trong mình, tự mình chế-tạo lấy cái khi-cụ để tiến-hộ, tự mình gây dựng lấy cuộc hạnh-phúc của mình, nói tóm lại là tự mình chung - đúc lấy cái thân-phận cùng cái nhân-cách của mình, việc đó là việc cần-cấp, không thể trông mong ở kẻ khác giúp hay ở cơ-hội ngoài được.

Sự làm việc là một thứ đồ ăn bổ-dưỡng cho thân-thể cũng cho tinh thần, vì khiến cho bao nhiêu những cái tinh-lực cao-thượng ở trong người vì như ngọn trào dâng lên tràn ngập cả, khiến cho người ta được mạnh-mẽ, được phát-dạt thêm lên. Vì rằng gần thì cũng như trí-não, hễ không dùng đến thì cần-cọc héo-hắt đi. Người ta có làm việc thì sống mới được đầy-dủ, tùy theo sức-lực của mình, cho đến ngày già cõi. Phạm hoạt - động là hay cả, là có ích lợi cả, miễn là phải chuyên - chú về việc hay, việc chánh - đáng, hay là việc lợi-ích. Dù là việc làm bằng trí-não hay việc làm bằng chân-tay, hễ dụng-lực mà cần-thận thì bao giờ cũng thành-công và có ăn-tở cho đường tu-luyện riêng của mình. Lại thay đổi gián-tiếp công-việc làm đi cũng là hay lắm. Thí dụ như người làm việc bằng óc mà chỉ khu - khu trong một việc ấy, không thời - thường dụng - công chuyên-chú về việc khác, thì không gì hại

bằng, vì làm như thế là làm cho tiêu mòn mất cái năng-lực khái-quát của mình đi, làm cho trí mờ tối đi, và nhân-cách cũng hẹp-hòi lại. Nay thay đổi công-việc, lần lượt hết việc này đến việc khác, thì làm việc nọ tức là nghỉ việc kia, tự đặt mình lên trên cái khoa-học vụn-vật mà tới cái trình-độ thu gồm được cả cảnh hồn-nhiên của tạo-vật vậy. Thần-trí người ta cũng như thứ nước nọ, đã đầy một thứ muối nào thì không thể dung-nạp được thêm nữa, vậy mà đổi đi cho thứ muối khác vào lại hóa-tan được ngay. Công việc khéo thay đổi như thế, thì kết-quả ắt được tốt đẹp nhiều, cũng vì như cái ruộng đất kia, trồng-trọt khéo gián-tiếp thứ nọ với thứ kia, thì thứ nào cũng mọc được tươi tốt cả.

Sau nữa cách làm việc phải cho yên-tĩnh và phải cho đều-đặn. Vì cần phải biết rằng ở trên mặt đất này, hết thảy là có điều-độ hằng ngày cả: cái gì cần phải học, cái gì cần phải làm, cái gì cần phải trao đi, cái gì cần phải nhận lấy, là đã chia đều cả. Thí dụ như các công việc ta phải làm trong một năm, không có bất ta phải làm ngay một lúc, mà chia đều ra mỗi ngày mỗi tháng là bao nhiêu. Bởi thế nên việc phải làm ngay lập-tức, không nên để lại đến mai, còn việc những ngày sau thì ngày nay không phải vội-vàng lo-lắng hay nóng-nảy háp-tấp làm gì.

Vậy thì điều cốt-yếu là phải tìm cách học-tập thế nào cho chăm-chỉ đều-đặn, cho khỏi gián-đoạn mất cái luồng quang-minh sinh - hoạt của bề trên đã phú-dữ cho ta, tùy tài-lực của ta, và khiến cho ta ngày ngày đều có dịp để cho ta tu-luyện lấy bản-thân ta, dịp này nhiều khi là độc - nhất vô-nhị, qua rồi không bao giờ trở lại nữa. Nếu làm được như thế thì sẽ tránh khỏi những sự khuyết-diếm về trí-tuệ, về đạo-đức, và tâm-thần sẽ được hoàn-toàn phát-đạt.

Đã biết vì sao mà mình làm việc làm việc phải nên thế nào, thì cái công-phu nỗ-lực tức là một sự khoái-lạc cho mình, sự nhọc-nhân gắng sức là một cách yên-ủi cho mình, và sự sống ở đời sẽ là một cuộc hạnh-phúc vậy. Bấy giờ cuộc chiến-đấu sẽ kết quả thành chiến-hắng, và tự mình thấy trong mình mạnh-mẽ không gì thắng-đoạt được.

Phải biết thanh-tĩnh.— Sự dâm-dục là một cái trở-lực rất mạnh cho thần-trí không tăng-tiến lên được, vì nó khiến cho cái tinh - dục tuột về nhục-thể thắng-đoạt được mình. Nó lại làm tổn-hại đến tinh - lực nữa, vì kết-quả đến tinh-thần cũng thể-lực đều lao-quyện.

Muốn cho não - lực cũng cân-lực được kiện-toàn, thì cách ăn ở phải cho thanh-tĩnh. Vì duy có cách chế-dục, hoặc tạm-thời, hoặc vĩnh-viễn, là mới khiến cho người ta như có cái thần-lực mạnh. Vậy thì những sự dâm-dục phải nên giữ cho kỹ và không nên ra ngoài cái giới-hạn vợ chồng để cho nó có cái ý-nghĩa về gia-tộc, về tinh-thần, Kéo không thì không còn có cái tinh-cách gì về nhân-loại nữa. Nếu bao giờ trong trí cũng nhớ luôn đến câu cách-ngôn của phái Pythagore dạy rằng: « Bao giờ có muốn tự-hạ mình xuống thì hãy ném cái khoái-lạc về nhục-thể », nếu thường nhớ đến câu đó, thì giữ mình cũng dễ.

Không nên nên thanh-tĩnh về thực-sự, mà lại nên thanh-tĩnh ở tư-tưởng, ở lời nói nữa. Phạm cuộc chuyện trò mà giở ra những chuyện dâm-bôn, thì nên lặng ngay và những trò chơi, những sách đọc trái với luân-lý đạo-đức, dẫu-đọc cho thần-trí, dẫu cho tư-tưởng, thì nên tránh xa như tránh bệnh dịch vậy. Nói tóm lại bao giờ cũng phải giữ lấy phẩm-giá nhân-

cách của mình, và giữ cho cái thần-lực ở trong người được trong sạch luôn luôn.

Đừng nên giận-dữ bao giờ. —

Sự giận-dữ là một cái nhược-diểm của người ta. Nó là cái đặc-tính của những người tâm-thần suy-hược; cho nên thường nghiệm thấy ở trẻ con, ở người già, người ốm, người thần-kinh bất-dịnh. Giận-dữ là tự mình bỏ cái quyền tự-chủ của mình, để tha-hỗ cho cái vật-dục nó xúc-dộng. Người nào để mình giận-dữ là tựa-hồ như phá-hoại mất cái nhân-cách của mình. Tựa-hồ như đem thần-trí ra ngoài thần-thể, mà để cho cái vật-dục phồn-tạp nó sai khiến. Tự làm cho lẽ phải hôn-mê, ý-chí tiêu-tán. Khi đó thì dễ bị cám-dỗ mà phạm những điều đáng chê-trách, rồi sau thần-trí tỉnh ra, ăn-năn hối lại không kịp nữa.

Sự giận-dữ lại còn một điều không hay nữa, là khiến cho người ta cảm-hôn mà thành ra oán-phần. Người ta đã oán-phần thì chỉ mua chuộc lấy những cái khổ vào mình. Lúc cũng như người có bệnh, nếu không biết nhân-nhục, bệnh phát ra liền hăng-hái chống lại, như hăm-hăm tức giận cái đau-dớn đến mình, thì người ấy không mấy khi là khỏi bệnh được. Nếu đã biết rằng phạm việc gì xảy đến là cũng do cái nghiệp trước đã định cả, trong sự đau-dớn là có một cái bài học cho ta, là đem cho ta sự sáng-sủa lại, nếu biết như thế thì không có oán-trách nữa và sẽ hiểu rằng phạm phần-nợ là vô-ích mà lại có nguy-hiểm nữa.

Vả lại cứ xem những kẻ hăm-hăm giận-dữ, cái đời họ đáng buồn là dường nào. Họ như lúc nào cũng bất-linh, lúc nào cũng khổ-nạn, khiến

cho quan mình ai cũng khiếp-sợ, ai cũng chán-nản. Họ có thể bắt kẻ khác vâng theo một cách tiêu-cực, nhưng không khi nào khiến được người ta kính-trọng và tin yêu vậy. Họ không có bạn thật, vì phạm người cao-thượng đều lánh xa cả.

Trái lại, sự ôn-hòa thì lại có một cái sức mạnh vô-dịch. Khiến cho biết binh-tính mà quan-sát các việc. Lại khiến cho biết sáng-suốt mà phán-đoán mọi sự, biết trầm-nghĩ mà quyết-định việc làm. Người ôn-hòa gặp cơ-hội nào cũng có đủ sức trí-tuệ, sức kiểm-điểm và sức hành-động của mình. Tự mình được ung-dung khoan-khoái, vì biết giúp được yên những sự bận-bịu nhỏ-mọn ở đời và ra đối-phó với các việc lớn không phải lo-lắng sợ hãi gì.

Người ta vốn có cái tâm-địa tốt thì mới thật là người ôn-hòa được; và muốn được như thế thì phải giữ mình cho không hề thốt ra một lời chửi rủa dọa nạt; phải trừ khử cho bụng mình không có một chút ghen-ghét thù-hằn gai. PYTHAGORE lại muốn cho cái lòng khoan-nhân của ta rộng ra đến cả các giống sinh-vật nữa. Ông nói rằng: "Con vật vô-hại, không nên đánh đập, cái cây mình trồng không nên bẻ gãy."

Tuy-nhiên, ôn-hòa không phải là không cương-quyết. Người ta có thể quả-quyết, hăng-hái, hành-động một cách nghiêm-nghị mãi-tiếp, mà vẫn giữ được cái thái độ bình-tĩnh ôn-hòa. Như khi quả mãng người nào, mà nổi giận dưng-dưng, thì người bị quả sinh lòng oán giận hất-phục, còn như quả mãng một cách mát-mẽ mà nghiêm-khắc, thì người ta vừa phục mà vừa trọng mình.

(Còn nữa)

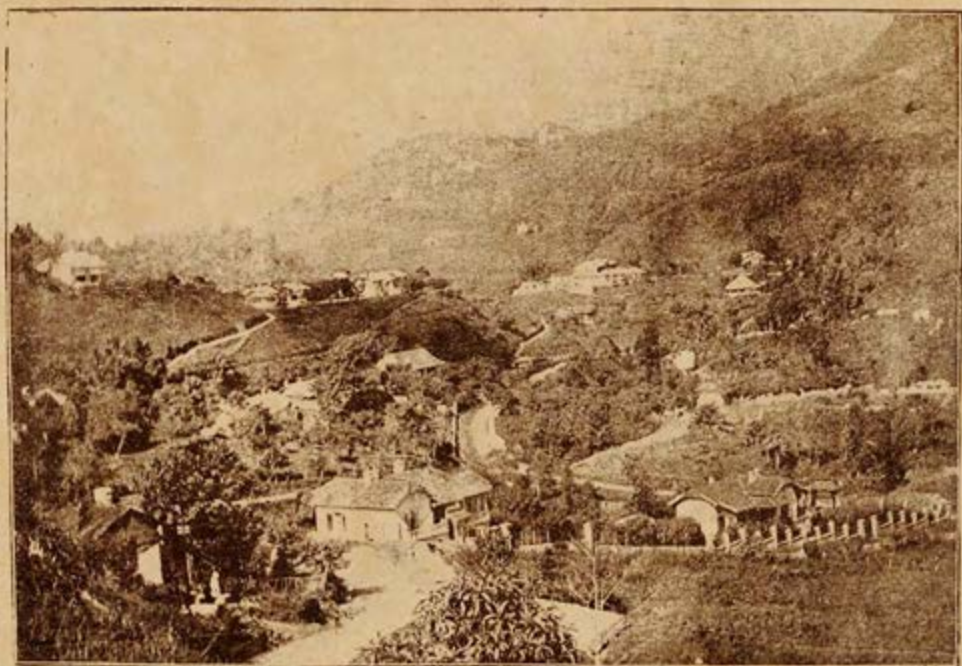
T.-C. dịch

Cảnh Chapa



Cầu bằng mây của người Mèo bắc qua suối, cách Chapa 10 cây số

Toàn-cảnh Chapa



(Chapa là nơi nghỉ mát, cách Lao-kay 38 cây số, ở trên
cao-nguyên giáp Tàu, cao 1500 thước)

MÃY TRUYỆN DÃ-SỬ VỀ NGUYỄN CÔNG-TRỨ

I. — Truyện-quyên « ừ hự »

Ông Trứ là người tỉnh Nghệ-an, từ khi còn làm học trò, mười-bảy mười-tám tuổi, đã sẵn có khí phách lạ thường, tính khảng-khái ngang-tàng, văn-chương rất li kỳ, mà tài-bộ rất lỗi-lạc. Lại hay thích đàn hát, phẩm thấy xóm hồng-lâu nào, đàn ngọt hát hay, là ông rên chân vào, lắng tai nghe trộm, vì mình là nhà học trò nghèo, một đồng xu nhỏ giắt lưng không có, mà máu lại ưa cách phong-lưu tao-nhã; bực vì nổi công danh chưa gặp bước, nên chỉ muốn phá ra mà chơi, chợt hề thấy gái đẹp như hoa, dù chết cũng đánh liều chao-chát đến kỳ được mới thôi. Đó là :

Vì quen mắt nết đi rồi,

Hoa thơm ai nở bỏ hoai cánh hoa,

Cũng chỉ vì cái tình tình-nghịch đó, hay ngang - tàng thẳng - thích, mà học - hành sỗ - nổi, thì trượt không đỗ, miệng đời mắt tục, ai cũng mục cho là hữu-tài hữu-lật, chớ nào ai đã biết là hữu-lật tất hữu-tài. Khi ông cùng-kiết quá, phải đi ngồi dạy học, gõ đầu trẻ kiếm cơm ăn, hề cuối năm được đồng tước-hồng nào, thì lại tất-tưởi đi tìm chị em xóm lâu hồng, trước còn hát giùm, sau dần quen ra thành hát chịu, chịu mãi cũng không có tiền trả, thầy đồ túng kể, xoay cách đi làm anh kếp đàn. Thế mới rõ :

Đàn ai một tiếng dương-tranh,

Chỉ vì mấy sợi tơ mảnh văn-vương.

Đàn thầy đồ vẫn hay, mà những tiếng tích-tịch tình-tang, nẩy-nót nghe lại càng nào-nuột. Khi đó có một cô đào Quyên, vốn là bậc danh-ca tuyệt-diệu, giọng hát hay-hay mà tay phách cũng giòn-giã, muốn lựa một người kếp đàn cho thật giỏi, để kết bạn giai-

âm, mà trong xóm làng chơi, toàn những bậc công-lữ vương-tôn, « tòm chát » ngọn roi châu, hồ-dẽ đã mấy người biết đủ ngón đàn lá phách. Thế mới hay :

• Chơi hoa hồ-dẽ biết hoa,

Ai tri-âm đó mận-mả với ai ?

Chỉ có một thầy đồ Trứ, vốn là người chơi-bời đã lũa, giờ ngón gì cũng biết, rất là bậc chung-tình, chỉ vì tội kiết, không sẵn có tiền lưng, vả thầy đồ lại thì trượt mấy khoa, giờ mà giùm cho làm bác kếp, thì sường bâng thì đồ hai khoa tú-tài ; gái hàng-nga yêu người tuổi trẻ, không có lẽ nào mà lại từ chối được, nên tự phen hát giùm, quay ra hát chịu, cô đào Quyên vẫn có ý để vào con mắt xanh. Cho chịu một hai châu, rồi thành ra khất chịu lần-khẩn mãi. Đó là :

Nợ tình chưa trả cho ai,

Rày lần mai lửa một hai mới tình.

Một hôm đầu năm năm mới, mừng bốn tháng giêng, thầy đồ thu được tiền học trò lễ tết vài ba chục, tìm đến hồng-lâu, tính trả những món nợ năm ngoài không đủ, thầy đồ bảo với đào Quyên rằng : « Bữa nay hãy làm một châu hát rất to, chi tiền ngay, còn những món nợ cũ hãy cho chịu. » Đào Quyên mỉm cười mà rằng : « Rõ khéo nợ truyền-kiếp, thầy đồ kiết, biết bao giờ có tiền trả, thôi cũng là « khươn » năm. » Liền tước - cảnh ngồi via câu bông - mạt và sa-mạt :

Anh phong tôi chi, anh hoa tôi chi,
anh tuyết-nguyệt lời nữa mà gì.

Nay anh phong-hoa, mai anh tuyết-
nguyệt, nay anh lần lần, mai anh lửa
lửa, lần lần lửa lửa, (mấy) còn gì là
xuân!

Vi chãng duyên kiếp nợ-nần,

Đã chơi gian mặt phong-trần mà chơi.

Ngâm vừa dứt câu, thầy đồ vỗ vế mà cười rằng : « Ti bắt như trúc, trúc bắt như nhục, đàn không bằng phách, phách không bằng vỗ về phách-phách, mình hãy thử gõ phách đùi ngâm lại câu đó chơi ! »

Báo Quyên vâng lời ; rồi sửa bày tiệc rượu, nhưng ngặt vì không tìm được kếp dân.

Thầy đồ báo : « Một đào một kếp, hà-tất phải đàn ai ». Tay ôm chiếc đàn tranh ngồi gầy cho đào Quyên gõ phách hát. Gió xuân hây - hây, chén xuân tàng-lãng, dịp phách cung đàn lẫn với giọng ca ngâm như châu gieo ngọc rắc. Thế là :

Đàn cầm trót đã bên giây,

Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.

Từ đó gánh nợ tình càng nặng trĩu, sóng bể tình càng ngày càng đổ xô, quạt dọc quạt ngang làm cho thầy đồ đánh gác bút xếp nghiên đi quẩy đàn cho cô ả, quanh năm xướng-hát, nửa gánh cầm-thư, tự lấy làm đối phi-tử, cận danh-hoa là mấn-nguyên, ngoài sự đó, áng công-danh coi như bột như bèo, như mây nổi, không hề có tưởng-vọng đến chi. Thế mới rõ :

Lạ cho lớp sóng nghiêng-thành,

Xui nên khóa lợi vòng danh bọt bèo.

Từ khi thầy đồ ném bút, đổi lối học trò, đi quẩy gánh cho cô nhà trò, đã được thăng chức đặc-tử luôn hai khoa tú-tài, gọi là ông « Kếp Trừ ». Lắm phen dặm ngàn non nước, nửa gánh tang-bồng, tưởng như thân-thể ngang-tàng, ngành mặt lại cứu-hoàn coi cũng nhỏ, mà cái gánh vác đó ông vẫn lấy làm thú tuyệt, bởi vì yêu hoa tình nặng, nên coi nhẹ cả mình, mà cuộc đời cũng không màng chi hết thấy. Thế là :

Hai vai nặng trĩu gánh tình,

Non sông một quẩy nhẹ mình như tén.

Một hôm trời xế bóng chiều, đất lừng gió mát, vừa gặp dịp các làng vào đám hát đại-tra, đào Quyên cùng với kếp, tự làng này sang làng kia, đi tắt qua một quãng đồng không móng quạnh, bốn bề bát-ngát, vắng tanh không có một bóng người, vừa đến giữa cánh đồng, kếp hạ vai nghỉ mệt, ngồi ngâm trời gào Quyên, mà hồng hôn-hở, đờm về gương trời, khiến cho kếp sóng tình bột - bột, lửa dục bằng-bằng, liếc coi cuối mặt dàu mây, tấm yêu càng nồng khêu động mối tình-dục, không thể nào mà ngại cầm được. Thế mới hay :

Nguyệt hoa hoa nguyệt nã-nàng,

Đầu mây cuối mắt càng nồng tấm yêu.

Kếp bèn niu lấy đào mà rằng : « Một cái ban ngày bằng bảy ngày xem hội, huống chi anh với mình từ trước đã hi - sinh tình - mạng, ném bút nghiên mà đi quẩy phách đàn, tưởng thế-gian cũng không có mấy kẻ chung-tình đến như thế, thế mà mình vẫn giữ hai chữ thanh-trinh, anh cũng dốc một tình cao-thượng, hiện có thiên-thanh địa-bạch biết cho hai chúng ta. May nay trên thì trời, dưới thì đất, giữa chỉ có hai người, hay là ta giờ cuộc « bạch-chiến » mà chỉ non thể bèo, mình có nghe không ? Nếu mà :

Lượng xuân dù quyết hẹp hòi,

Công theo đuổi chẳng thiết-thời lắm ru? »

Đào Quyên vốn là gái hồng-hoa, chợt nghe thấy hai chữ « bạch-chiến », bất-giác sồn gáy, rùng cả ruột, nhũn cả người, hai má đỏ hồng, đôi mày xanh ngắt, nín lặng không mở được một lời, chỉ mím chặt nụ cười, mà bật ra hai tiếng « ừ-hự », rồi tiếp luôn một câu rằng : « Đừng giờ trò ma ! » Thế là :

Lặng nghe lời nói như ru,

Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại-ngùng.

Gái hoa đào càng hồ thẹn bao nhiêu, thi sắc mặt càng xinh - đẹp lên bấy

nhiều, kếp lại càng đông tình khởi-hưng. Giải cổ xanh làm nệm, buồng mây biếc làm màn, giữa ban chiều nổi một trần mây-mưa, lao-lướt cả trăm màu hoa cỏ. Thế mới rõ :

*Than đi, sắc nước hương trời,
Chơi hoa hồ dễ mấy người biết hoa.
Tỏ mẫu trong ngọc trắng ngà,
Tương-trí nghĩa ấy mới là tương-trí.*

Cuộc vừa xong, mây kéo đen sì, trời đã tối xẩm, hai đào kếp cùng mệt, vội-vàng lại xan-xê gánh-gồng, quẩy đến một làng kia xa lắc. Đêm hôm ấy dạo tìm một chỗ trọ, cốt để lại bày cuộc diên-loan đảo-phượng, cũng chẳng kịp mắng gì đến tiệc hát đại-trà. Từ đó hương-càng đượm lửa càng nồng, đàn đã bén giây, phách vừa cần dịp, một đào một kếp, đi đâu cũng chẳng rời. Trải đến non một năm, rồi bướm mới lia hoa, tìm về chốn rừng nho học-tập. Thế là :

*Một năm say đắm bề tình,
Lia hoa bướm lại vin ngành rừng nho.*

II. — CƯỚI NGỰA BẰNG BÒ

Từ phen ông Trú đi quẩy đàn cho đào Quyên, nay đây mai đó, trải khắp giang-hồ. thành ra kẻ chân bèo mặt nước, lênh - dênh không kịp về tới làng, đóng góp chỉ phò mặc cho mấy người bà con trong họ giúp đỡ, mãi đến khi ông từ-giã đào Quyên ra về làng, lại xoay nghề gõ đầu trẻ, để lấy chỗ (ư - lưong học-tập, còn ngôi ăn chốn ngồi của ông, ở chỗ đình-trung thì vốn là thấp-thê lệt - đệt, chứ dân làng ai đã kể vào hạng nào. Thế là :

*Thầy đồ bác kếp gầy đàn,
Lẽ đầu bầu-dục tới bán thừ năm.*

Nhưng mà tình thầy đồ lại ngóng-nghehnh khảng - khái, không có chịu kém ai thua ai và ở dưới ai bao giờ. Xưa đã là người bỏ làng đi, giờ về lại muốn ăn trên ngồi trốc, ra đình-trung cứ bàn nhất là nhảy tót lên ngồi,

bắt tréo chân chữ ngũ, đánh chén đập roi châu, hễ có ai nói động đến, thì cây thế họ to, và viện đảng nhiều người, giắt dùi đục ra đình, xoay đầu bò đánh cãi om-xòm, thét rằng già đòn non lẽ, làm rõ ra một tay võ-đoán hương-khúc, vì thế các hào - cường trong làng, nhiều kẻ rụt-rè e-sợ không dám thờ, nhưng cũng nhiều kẻ căm tức ông thâm-độc. Đó là :

*Nhà nho đầu nết lạ đời,
Đã hay văn bút 'ại chơi vũ võ.*

Khi đó ở trong làng có một viên cai-tổng, làm việc lâu năm, đã được sắc bá-hộ, gọi là cụ Cai Bá, nhà giàu có bách mẫu tư-diền, lại là tay hào-biêu, ở trong làng vẫn có tiếng là hách-địch, quyền nhất-hó bách-nặc, nói thét ra lửa, các con em trong làng đều kính sợ như cọp, hễ thấy cụ Cai Bá cưỡi ngựa ra đình, đàn bà con trẻ cùng len-lét như rắn mồng năm, bởi cụ là một con một già ở dân, xưa nay hay khoét đục con em, để làm cò mồi cho quan sở-tại, nếu ai dụng chạm đến thì tất phải vong-gia thất - thò, nên oai-thế rất lẫy-lừng. Thế mới rõ :

*Ghê thay cho cụ mọ' giá,
Làm cho nát cửa siêu nhà dân đen.*

Xưa ông Trú còn nhỏ, cụ Cai Bá cũng vẫn biết là một con nhà học trò tinh - khôn tai - quái, và có ý ngạo-ngheh cuộc đời, song cũng cho là nhà nho tuổi trẻ ngóng - ngáo xằng. Kịp đến khi khôn biết, nhanh-nhẹn, bỗng thấy bỏ làng đi, quẩy đàn cho cô đào, thì lại cho là chơi phá-hoại, chớ nếu tay ấy học thông xoay ra làm hàng hào, thì hương-chính cũng có thể sắc-xảo, không kém gì một già ; nhưng nay đã lưu - lạc giang - hồ, thì mình cũng mừng rằng : thura ao tốt cả, một mình vùng-vẫy, tha - hồ cho đục nước béo cò. Đó là :

*Một giàn gỗ mấy một to,
Mừng thăm tốt cá béo cò riêng toy*

Chợt khi ông Trú đi chân quay về làng, ra đình-trung ngồi vật-đốc, cụ Cai Bá thấy những thói ngông-ngáo như vậy, nghĩ càng căm tức, không có lẽ lão-ó bách-tuế, lại không bằng phượng-hoàng sơ-sinh, song xem cái tình-cách của ông và cái tay võ-đoàn thì mình cũng nôm-nớp, chi bằng hãy nén gan bầm ruột mà đấu đọ với nhà nho tuổi trẻ, rồi sẽ lấy lời-lẽ luật-lệ làng mà bắt buộc dần, xe chỉ buộc chân voi chân ngựa là sự thế. Thế mới hay :

*Qua già phải sợ chim non,
Đề sau khôn trước hãy còn lời răn.*

Cụ Cai Bá nghĩ thế mới thật là gan già ma mọi, lão-kế thâm-mưu, ý muốn dùng phép-thuật của làng mà buộc dần ông Trú, và lại toan giữ ngón hào-hiệp, thủ vô quyết ăn măm rươi, đem tiền của mà đữ, đề rồi dùng ông làm vây cánh, nhưng ngặt vì tính ông ngạo-ngược, không phải là người đem phép-luật buộc được, đem tiền của đữ được, chỉ có nghề chịu nước hạ với ông, chứ ông không có bao giờ chịu nước hạ. Đó là :

*Tình trời nung đúc tự-nhiên,
Đổ ai dẽ đã cho nên ngọc lành.
Chim khôn bay từ mù xanh,
Bỏ ai xe sợi tơ mảnh buộc chân.*

Vả hương phải có đảng, từ khi ông Trú mới về làng, tiếng là nhà nho kiết, nhưng ngồi dạy học, bút-trạch của ông thắm khắp ra, các nhà hào-cường ở trong làng có con trẻ cho theo học, cũng đều tâm-phục là thầy đồ khác người, nên đến những sự hương-chính, cùng thơ-từ việc quan văn hằng ngày đến hỏi; và ông lại là người cứng-cỏi nhanh-nhẹn, phàm việc gì cũng miệng đọc tay viết, mồm nói chân đi, vào đến quan, quan nào cũng kính-trọng, tuy rằng thí chữa đố, nhưng về khoa văn-chương chính-sự, tâm-tiếng đã thét-lệ, các con em trong họ ngoài làng lại nhiều người là thủ-

túc của ông, sai đâu được đấy, cũng chẳng kém gì quyền nhất-hò bách-nặc, ông còn chịu thua ai kém ai, mà ràng-buộc ông nổi. Đó là :

*Ài rằng con rắn không sừng,
Mọc ra vây cánh vượt từng hóa long.*

Cụ Cai Bá tiếng là người kiệt-hiệt, nhà giàu sẵn của, nhưng bày-tố tinh là thầy mặt bày-tố ruồi, và tự khi ông Trú về làng vẫn dùng tay võ-đoàn, mà cất bót vây cánh của cụ Cai Bá, cụ cũng biết, nhưng không dám thở giọng bênh-vực, ông biết ý lại càng khêu gợi trêu cợt, cho đến cụ Cai Bá phải van, chừa không dám lộng-lẫy hách-truật, hà-hiếp các con em trong làng nữa. Thế là :

*Bộ net đã có dẽ cừ,
Dây như vỏ quit có dài móng tay.*

Xưa nay làng vào đám, cụ Cai Bá vẫn cưới ngựa, cờ trống rước ra đình, coi rất là long-trọng, khi tế xong, bao nhiêu số lợn, cất biểu ông tiên chỉ, bao nhiêu nọng lợn cất biểu phân thụ-tộ ông chủ-tịch, thi ra cụ Cai Bá xoi cá, lại còn rồn lợn theo với nọng, đuổi lợn theo với số, nhất thủ nhì vĩ cũng về cụ Cai Bá xoi. Thế mới là :

*Hương tông-lý quốc công-hầu,
Bao nhiêu con lợn ăn dẫu ăn đười.*

Kỷ ấy buổi làng nhập-tịch, ông Trú bắt học trò đi mượn một con bò mộng, về đóng yên phủ áo làm ngựa cưới, bắt tuần tráng roi mây tay thước, gậy-tây mã-thò đi sắp hàng hai bên, các học trò trẻ con, đều cưới ngựa bằng gậy tre đi đón, làm như lối đồng tử tranh-nghinh Quách-tế-hầu, đợi đến khi cụ Cai Bá vừa cưới ngựa cờ trống ra đến ngõ, bọn ông Trú cũng cờ trống ra đến ngõ, bọn ông Trú cũng nhử bát-âm rước ông cưới bò ra, hai bên roi mây tay thước gậy-tây mã-thò, cùng đàn trẻ cưới ngựa tre reo-rộ, đi lên trước. Thế mới rõ :

*Ông cưỡi ngựa ông cưỡi bò,
Hãy xem cụ tá thầy đồ ai hơn.*

Cụ Cai Bá biết là ông khêu gọi mình, nghĩ xấu - hồ quá, dõ bưng cả mặt, nhưng không có lẽ lui lại, phải nhường ông cưỡi bò đi trước, mà giần bước theo ra đến đình, cụ Cai Bá cố từ, không dám vào chủ-tịch. Đồng-dân cử người khác thay, khi tế-tất rồi, cụ Cai Bá lại cố từ tiên-chỉ, đồng-dân vỗ tay rằng: «Từ rầy số cụ Cai Bá, xin để đồng dân ta thái ra đánh chén». Cụ Cai Bá chỉ ngồi xam đen mặt, không dám cạy răng một lời, rồi dần dần cảnh cụ Cai Bá trút ra về cả. Thế mới hay:

*Tùng ăn số lợn đã quen,
Giờ ra mất số mặt đen như bùn.*

III. — Lấy chớng xem gan

Từ khi ông Trứ đã truất ngôi tiên-chỉ cụ Cai Bá, trừ bỏ cái hủ-tục cho làng khỏi kiện-cáo cãi đánh nhau về một miếng số lợn, cụ Cai Bá cũng lấy làm cảm-phục, ăn ở càng nhũn-nhặn, giao-tiếp với ông Trứ rất thân-mật, nhưng ông vẫn ngờ rằng: «Ngoài lời nói ngọt lừ, hẳn trong lòng đắng ngắt, lở ra ruột cảm dạ tức, theo thói dā-man, cho một mối thuốc độc, tuy người sinh-tử có thiên-mệnh, song lở ra cũng ngày.» Đó là:

*Cho hay mình giữ lấy mình,
Dần đen nào biết tử-sinh mạng trời.*

Nên cụ Cai Bá càng ngọt-ngáo bao nhiêu, thì ông Trứ lại càng nhạt-nhẽo là bấy nhiêu. Từ đó ông cũng không dạy học ở làng, lại bỏ đi lợ-phờ mọi chỗ. Hoặc qua sông tìm bạn, hoặc vượt bến thăm tình, lênh-đỉnh chân suối mặt ghềnh, đầu ngàn đỉnh núi, thăm-thoát kẻ dã mấy tuần trăng tròn khuyết, mà bóng chim tăm nhận, chưa có chỗ nào dừng, non-nước bình-bồng, chưa có nơi nào định. Thế mới rõ:

*Bình-bồng trái mấy nước mây,
Nhận sa chiếc bóng chìm bay tuyết vời.*

Một hôm trời vừa lửng bóng, gió thổi đầy ngàn, ông Trứ chợt đi đến mé sông, ruồi một dậm đề dài, thối-thều bước thấp bước cao, chợt trông thấy cây bàng, bóng rợp lòa-xòa, cành la thấp-thé, bèn ghé vào ngồi cưỡi lên cành bàng nghĩ mát, cúi nom xuống bãi cỏ xanh ri, ngàn dâu đen mịt, ngoài quanh-co một dòng nước sa chảy như cuộn, mây tuôn gió thốc, phơ-phất từ nẻo xa thấy cánh buồm, một chiếc thuyền đồ dọc ở mạn sông đi lại. Đó là:

*Một làn cỏ biển xanh om,
Kia ai tranh chiếc thuyền buồm qua sông.*

Trong khoang thuyền, cửa mũi về phía trước, buồng hai lá màn thắm, gió bay phấp-phới, thấp-thoảng có bóng ngời, một nàng mĩ-nhân, mặt thắm gĩa hường, coi ra bộ tiều-thư, vẻ con nhà khuê-các, ngoài mũi thuyền có mấy cậu linh áo nẹp đồ nón chóp, coi ra cách linh tuấn, đi theo hầu tiều-thư về quê bên tỉnh chi đó. Thế mới rõ:

*Xa xa coi nhắc bóng hồng,
Tuồng chèo nước Nhược non Bồng tiên sa.*

Ông Trứ vội ở trên cành bàng nhảy xuống, vượt qua ngàn dâu bãi cỏ, lập-cập chạy ra tận mé bờ sông, đứng vời lái thuyền, gọi đáp xuống dò dọc về tỉnh, hai ba cậu linh thét lên rằng: «Đây là thuyền nhà quan trảy về tỉnh, chứ không phải là thuyền lái buôn chở khách bộ-lành, mà gọi đáp được.» Ông thét to lên rằng: «Nếu có phải thuyền nhà quan thì rộng cho nhà nho đáp nhờ về tỉnh, không lấy tiền thuê thì càng cảm ơn lắm, chớ hẹp chi một người hàn-nho đi lỡ bước.» Thế là:

*Nhà quan giúp kẻ hàn-nho,
Gặp con lỡ bước mượn dò hẹp chi.*

Các cậu linh nhất-khái không nghe, mĩ-tiểu - thư ngồi trong khoang, hé cánh màn liếc trông lên, mắt xanh mây biếc in về má hồng, tia sáng soi qua làn nước lạnh buông tới bờ sông, trông thấy cậu học trò khôi-ngô tuấn-nhã, chỉ hiềm bộ quần áo mỏng-mạnh, coi ra về nhà thanh-bạch, gặp cơn lữ bước đường lai-lãng, sực động lòng thương, mĩ-tiểu - thư bèn mở miệng mời son má rằng : « Người học-trò lữ bước, lái đò mi bắt lái thuyền lại ghé vào, mà giúp cho người ta, hết bao nhiêu tiền đáp tôi trả cho. » Lái đò dạ. Thế mới hay :

*Lòng nhân khổng những thương
người,
Thấy người lữ bước sa vơi càng thương.*

Bồng con thuyền đang đi giữa dòng sông, ghé mạn chèo vào, người đứng trên mom sông, lấy làm đặc-kỳ-sở-nguyện, thuyền ghé gần, liếc mắt nhìn tiểu-thư, làn thu nét liễu, má nhuộm màu hồng, tướng chừng như hằng-nga ở cung trăng, cuối linh - sa vượt qua sông Ngân - hàn, làm cho mình tinh thần bay bổng-lit lưng trời. Thế mới rõ :

*Gái đầu gái đẹp lạ-lùng !
Hay là ả Chức đón chồng Ngưu-lang ?*

Khi thuyền vừa tới bến, ông đứng chân bước xuống mạn, mĩ-tiểu-thư rón-rén đứng dậy chào, thở-thở tiếng oanh, lọt qua luồng gió lạnh, đưa vào màng-xang mỏng trong mang tai, làm cho khách hữu-tình hồn siêu bước chèo, ngừng trông lại về người im-lặng như cá chìm đáy nước, lửng-lơ như nhận sa lưng trời, và xem ra có dáng sượng-sùng như e hồng then lục. Xong, mĩ-tiểu-thư ngồi xuống, lặng im không nói, cúi mở hộp trà đưa. Thế là :

*Tiểu-thư nào biết nhà nho,
Miếng trà câu chuyện chuyện đò nên
quen.*

Ông Trứ từ khi bước chân xuống mạn thuyền, trước còn rón rén đứng ở khoảng ngoài đầu mũi, thấy nàng dậy sinh-lễ chào mời, sẽ rón chân lách mình bước vào khoang sau ngồi, chưa kịp ăn trà, chợt trông lên mĩ-thuyền, thấy có thanh gươm bạc cái đó, gươm ấy vốn là con gươm hầu quan Đốc - bộ, sai cậu cai linh tuấn-cấp gươm đưa tiểu-thư về nhà quê chơi thăm bà con, rồi lại trở lên tỉnh. Đó là :

*Tiểu-thư giá đáng nghìn vàng.
Trao con gươm bạc vì nàng tiền đưa.*

Ông Trứ ngắm con gươm - chuỗi ngà bịt bạc, đầu sấu ngậm tay co, vò nắp chạm vàng, cái ngang trên mái nửa, ông liền cất tiếng khen ngợi con gươm đẹp, đẹp lạ, mắt hàn-nho chưa được nom thấy bao giờ, xin lĩnh con gươm xem, cho sắc thêm con mắt. Tiểu-thư nghe con nhà học-trò, mà lại thích chơi kiếm, có hẹp chi một chút mà chẳng cho xem, liền tay rút con gươm, đưa cho ông Trứ, nào biết đầu là nối giáo cho giặc. Thế mới rõ :

*Bồng đầu giắt bươm xuống thuyền.
Trao con kiếm bạc với tin lòng vàng.*

Ông Trứ tay nâng đỡ lấy con gươm rút nắp ra xem, lưỡi vàng long-lanh coi sáng nhoáng.

Mắt ngắm thanh gươm mà trong lòng chợt sóng tinh đã nổi lên bởi bởi, không sao cầm lòng cho được. Xem trong âu-yếm đã ra chiều lả-lơi; nàng có ý sùng-sốt sợ-hãi. Ông bèn quyết dùng cái thủ-đoạn giả quyền-sinh để siêu lòng thực-nữ. Tay lăm-lăm cầm con gươm sắc má rằng : « Xưa nay nhi-nữ anh-hùng, vốn là duyên-kiếp, ta coi mĩ-tiểu-thư quả là tuyệt-sắc, nên ta quyết liều mạng mà thưởng hoa, nếu hoa chẳng chiều ông, thì ta quyết một trận bạch-chiến, xong chỉ một nhát gươm, cắt đoạn kiếp phong-

trần cả, dù chết xuống suối vàng, hóa làm cô may, để chọc trời cũng sướng!»

*Thương ôi, tài-sắc mực này,
Gươm vàng hóa kiếp cô may chọc trời!*

Tiền-thư coi chừng cũng « tinh trong thì đã, mặt ngoài còn e », nên lặng nghe ông Trú nói biện-bạch, sẽ mỉm cười mà rằng : « Quả là bậc anh-hùng nhi-nữ duyên nợ tình cờ, hễ bằng lòng lấy nhau thì lấy, chứ hề gì mà chết, nếu vì hoa mà chịu chết thì không phải là gan anh-hùng. Vậy cậu có phải là bậc anh-hùng, thì xin hãy cứ khoan khoan không vội gì; nay tình-cờ gặp nhau cũng là sự trời, xin cùng tôi xơi miếng trầu, ta nói chuyện. Rồi tôi sẽ đưa cậu về dinh, tôi thưa với thầy mẹ tôi, tôi xin lấy cậu, sỡ-dĩ tôi bằng lòng lấy cậu, là cũng chỉ cốt lấy là gan anh - hùng của cậu đó thôi ! » Thế là :

*Nghĩ mình phạm-cách con quan,
Lấy chồng chỉ cốt lấy gan anh-hùng.*

Ông Trú ngồi ngấm câu tiêu - thư nói những lời đoan-chính dễ nghe, mà những sự bách năng, phứt chốc như mây tan gió thoảng, liền buông tay tiêu - thư ra, sửa áo cài trâm, sánh đôi cùng ăn trầu nói chuyện. Tiền-thư ra lệnh cấm các cậu lính không được thì - thảo nồn - nào, đều phải ngồi ngấm tẩm như quán đi hành-trận. Thế mới hay :

*Nghiêm bằng gái ở binh-khuê,
Ngặt như quan tướng trở về tới dinh.*

Khi nói chuyện, tiền-thư lại bày tỏ quê-quản và gia-thế nhà mình, hiện nghiêm-phụ đang làm quan Đốc-bộ ở Nam-thành. Ông Trú chợt nghe tiếng hai chữ Đốc-bộ, biết là quyền-thế rất long-trọng, vì chức quan Đốc - bộ ở hoàng-triều khi đó, tức là quan Thượng-thư Tổng-đốc, làm chúa-tể một địa-phương, đi đâu có tiền hô hậu hét,

gươm bạc hèo hoa, đàn bốn lọng tám bông, ngồi trên cật ngựa, cờ ngũ-phương đồ khế, chiêng trống vang trời, loa còi rầy đất, nếu phương - dân có việc gì can - thiệp đến luân-thường chính-trị, có phép tiền-trảm hậu-tấu được. Thế mới ghê :

*Oai-danh hét-let góc trời,
Con quan Đốc-bộ há nơi làm-thường.*

Ông Trú ngồi nghĩ, sự cũng rùng mình sồn gáy, tự hỏi rằng : « Minh cũng liễu-lĩnh quá, làm những sự sỗ-sàng quái-ác, lỡ tiền-thư sượng-sùng xấu-hồ, lập cách dẫu-diu cho thoát thân, rồi trở về trình bày với cha, để rửa hờn chữa thẹn, thì tính mạng của mình rõ thật nguy. Song nghĩ kỹ thì tiền-thư là người có đại-lượng, có học-thức, nói lời đoan-trang hoạt-bát, biết suy-nghĩ sâu-xa, và đối-dãi với mình, thật là kẻ biết liên-tài ái-sĩ, không có lẽ nào nỡ bạc-tình bội-ước mà sợ. Thế cho nên :

*Một lời cũng đã tương-trì,
Tâm riêng riêng những nặng vì nước non.*

« Và nghe tiền-thư nói, bằng lòng lấy mình là chỉ cốt lấy là gan anh-hùng, nếu anh-hùng đã liều mạng cay hoa, mà còn rụt-rè e sợ, thì sao đủ gọi là anh-hùng. Và oai-quyền quan Đốc-bộ vẫn là hách-dịch, song nếu mình gặp bước cũng chẳng kém, có lạ gì mà kinh. Huống-chỉ quan Đốc-bộ sinh - hạ chỉ có một công-lũ, một tiền thư, thương con ngon rau, có lẽ nào nỡ liếc gươm mà cắt đoạn mối tơ-hồng của ái-nữ!» Nghĩ thế nên ông Trú cũng quyết lòng theo tiền-thư về tân dinh. Thế là :

*Bấm tay tình đủ nước cờ,
Đã hay nháy mã còn chờ đâm xe.*

Một lát thuyền qua vũng nước chảy quanh sông, tới lúc xuôi buồm thuận gió, tiền-thư bảo nhà đò làm cơm rượu

thiết đãi ông Trứ. Khi đó gió chiều hiu-hắt, làn sóng nhấp - nhô, long - lanh ngấn nước in trời, một con thuyền lênh - đênh như chiếc lá giữa dòng, đối cuộc rượu, sánh mĩ - nhân, ông Trứ tưởng chừng như Phạm Lãi đem Tây-Thi ra phẩm chu-du Ngũ-hồ, hay là như Tô Đông-Pha cùng bạn dong chơi sông Xích-bích. Thế mới rõ :

*Sân-sảng rượu các thuyền lan,
Sánh vai người đẹp xuôi làn nước sa.*

Kể hôm về tới tỉnh, tiểu-thư lên bến, sai gọi một chiếc xe cho ông Trứ về đình. Khi ấy quan Đốc-bộ còn đương bận buổi hầu tại công-đường, tiểu-thư mời ông Trứ hãy vào tạm nghỉ trong buồng học, rồi mình vào nhà trong sẽ năn-nỉ với mẹ. Bà Đốc - bộ vốn là người sẵn lòng thương con, cũng ư lời để nói với quan ông hộ, thế nào việc cũng chu-tất. Thế là :

*Thương con bà vẫn yêu chiều,
Thề nào dám ngọc Lam-kiều cũng nên.*

Tiểu-thư lại thấy ông Trứ quần áo xuềnh-xoàng quá, tưởng chừng như vào hầu quan Đốc-bộ thì không được tào - nhã, vội vào lấy bộ quần áo của anh đem cho thay; ông Trứ vốn là người khôi-ngô, giờ lại thay bộ công-tử vào, thì coi rất thanh-kỳ vĩ - lệ, ra cách cậu học-trò vạm - võ đẹp - đẽ. Thế mới biết :

*Hơn nhau lắm áo tấm quần,
Anh-hùng gập bước phong-trần ai hay.*

Một chốc quan Đốc-bộ tan buổi hầu vào nhà trong, bà Đốc-bộ ra cùng ngồi, tiểu-thư ra sụp lạy, quan ông lấy làm ngạc-nhiên quá, vội hỏi con về nhà quê mới ra, có việc chi mà van lạy. Tiểu-thư đứng lên bày tỏ, xin lấy cậu học - trò. Quan bà liền nói đỡ lời cho rằng : « Con mình muốn lấy học-trò nghèo thì ông cũng nên gả. » Ông bảo quả là người học-trò hay chữ, thì còn ai

bằng, truyền cho gọi ông Trứ vào trước để xem mặt. Thế là :

*Lượng quan nào có hẹp-hòi,
Học trò hay chữ ông coi bằng vàng.*

Ông Trứ vào vài chào, trạng-mạo đã khôi-ký, bộ mặc cũng trang-nhã, quan ông truyền lấy ghế cho ngồi, gọi phòng trà pha nước; đoạn rồi ngài dạy rằng : « Đã là người học-trò, thì hẳn văn hay chữ tốt, học nhớ viết mau, nhân có bức tranh của tiểu-thư soi gương vẽ bóng mình, hay đưa cậu học-trò để thơ chơi. » Người nhà đưa bức tranh và nghiên bút ra, ông Trứ tay nâng lấy cầm xem, rồi nhắc bút dầm mực, vẩy thảo tám câu thơ rằng :

*Đài-quang sáng quắc vẽ gương trong,
Son phấn tô nên đượm má hồng;
Liếc gợn làn thu con kiếm sắc,
Lấn ngang mây liễu nét trăng cong;
Nụ cười mím miệng đua hoa nở,
Ngấn đẹp bưng da sánh mỡ đồng;
Phẩm-cách tinh-thần khôn tả xiết,
Gánh tình còn nặng với non sông.*

Tả xong đưa lên trình, quan Đốc-bộ vô đôi mà cười rằng : « Thơ tả tranh đến thế đã là hay tuyệt, thế mới gọi nhất thơ nhất họa. Vả câu đầu rằng : *Đài-quang sáng quắc vẽ gương trong*, thì ra ý văn-nhã; câu cuối rằng : *Gánh tình còn nặng với non sông*, thì có ý võ-lược. Chỉ xem mấy câu thơ, biết là người toàn-tài văn-võ, ừ thì ta gả tiểu-thư cho, và ở đây mà ăn học. » Thế mới là :

*Hãy xem vẩy bút đề thơ,
Biết thần long rập đợi mưa vượt trời.*

Quan Đốc-bộ kịp truyền làm lễ hợp-cần ngay hôm ấy, tiểu-thư chúc một chén tơ-hồng, thề trăm năm tóc bạc, chốn động-phòng đuốc hoa rực - rờ. Ông Trứ sực tưởng mình đêm ấy, chẳng khác gì Từ Thức vào tiên-động và Lưu Thần Nguyễn Triệu vào Thiên-thai. Từ đó chẵn cù gối xếp, trưởng

phụng dưỡng loan, ngũ lộn ăn chung, quen hơi bén tiếng, chẳng đêm nào không đầu gối má kề, hương lửa rất là nồng-mặn. Thế mới rõ :

*Vừa tuần nguyệt dãi gương trong,
Càng xuôi về ngọc càng nồng màu sen.*

IV. - Đánh bạc gạt vợ

Từ khi ông Trú cùng với mĩ-tiểu-thư xe tơ kết tóc, quan Đốc-bộ rất chiều-dãi, tình tiểu-thư cũng rất là nồng-nàn, không kềm gì Tấn công-lữ khi kết-hiệp với Tề Khương, và Hán Lưu-Bị lúc cùng Tôn phu-nhân dề-hôn ở Giang-tả, miệng lưỡi kẻ phàm-dân si cũng cho là chuột sa chĩnh gạo. Nhưng cứ tâm-chí của ông Trú thì cho là hèn đốn-mạt, làm trai đi gửi rề, chẳng khác gì chó chui gầm chạn, mèo ngủ bếp tro, ông vẫn lấy thể làm phiền bực. Đó là :

*Rồng còn đợi áng mưa mây,
Lẽ nào nằm bẹp vũng lầy ao chuôm.*

Vì thế ông chỉ ở rề được độ hai ba tháng, một hôm ông đổi tiền-thư mà rằng : « Gái trăm mẫu ruộng, phải ăn mày chồng, trai tay không, không thêm ăn nhờ vợ, nên con ông Đồ-đốc Quận-công, lấy chồng cũng phải gọi chồng bằng anh, ta đây không có thể ở nhờ nhà vợ mà ăn học được, vậy ta phải từ-giã nàng mà đi. » Tiểu-thư nghe nói, chột sọng ngất đi mà rằng : « Thuyền theo lái gái theo chồng, chàng đi đâu thiếp cũng xin theo. » Thế là :

*Hoa hương càng tỏ thừc hồng,
Trượng-phu thoát đã động lòng bốn
phượng.*

Ông Trú từ không nghe, bảo đi đâu cũng đàn - bà theo chân xóc nách, thì còn làm được sự gì? Tiểu-thư bảo : « Chàng đi đâu thiếp cũng không dám ngăn trở, song tư-trang của thiếp, ơn cha nhờ mẹ cũng có năm ba nghìn, phân gái theo chồng, thiếp xin đi để giúp đỡ một đôi chút, khỏi mang tiếng là kẻ

nội-tướng vô-dụng. » Ông bằng lòng bảo nàng thu xếp mà đi. Tiểu-thư vào nói với cha mẹ. Ông bà Đốc-bộ cũng chiều lòng, khen là người có khí-phách, nên cũng không dám cản. Thế là :

*Chim khôn ai dễ dàng dấy bước,
Những rập xa bay thẳng cánh hồng.*

Sau mười ngày Tiểu-thư thu vén hết thầy đồ tư-trang, được hơn sáu nghìn cùng lữ-tạ cha mẹ lên tỉnh Bắc mở hiệu thuốc được hai ba tháng, vốn nôm lãi chạy, cũng đã thấy phát-tài, cửa hiệu nghe có thể hưng-vượng. Ngờ đâu ở tỉnh phố ấy, có chủ khách Hồng, vẫn đứng mở sòng bạc, cứ đêm đêm đèn chong suốt sáng, khách dành thầu canh, ra vào được thua, kẻ có hàng vạn. Ông Trú thoát bước chân vào sòng đã toan bắt bịp, đánh xanh chín với chủ khách Hồng, ba-bay hồi-lung, lên voi xuống ngựa, có ba canh thua một vạn tám nghìn, viết gán tất cả cửa hiệu thuốc bắc cũng không đủ, bèn gạt cả mĩ-tiểu-thư cho chủ Chiếm! Thế mới rõ :

*Bạc đen cổ áo đã thường,
Fén cung gạt vợ lạ đường chàng ai!*

Khi về bảo với mĩ-tiểu-thư rằng sự đã trôi lờ ra như thế, đang lúc con đen vận túng xin tiểu-thư cũng đành lòng vậy, giờ biết làm thế nào? Tiểu-thư thoát nghe nói, trước còn nghĩ chồng nói cợt, đến khi ông vau sòng thế chết, và khách Hồng lại thúc-bách, nhận hết cả nhà cửa đồ-vật, mới biết là sự thật, bèn vẩy nước mắt khóc mà rằng : « Ôi trời là trời, như anh rõ gan đốt trời, người ta bảo bán trời không vãn-tự, chứ như anh đánh bạc, viết vãn-tự gạt vợ ư? Ôi trời ơi là trời! » Đó là :

*Nào ai vãn-tự bán trời,
Mà anh gạt vợ khác người trần-gian.*

Ông Trú thấy nàng kêu khóc quá sốt ruột, liền bỏ lánh đi tha-phương,

không biết đâu mà tìm hỏi được nữa, thành ra nhà cửa đồ-vật chủ khách Hồng nhận hết sạch. Nàng trơ-vơ thân gái một mình, dậm nghìn non nước; nghĩ đến cách bảy giờ trở về với cha mẹ, ắt cũng mắng chửi giầy vò đến chết, không biết làm thế nào, muốn tìm được chỗ chứa chân nương mình cho no ấm, và giữ được cho hoàn-toàn danh-tiết với chồng, khỏi mang tiếng con nhà khêu-các. Thế mới là :

*Ông chồng thua bạc bỏ đi,
Một mình thân gái lưu-li ngại-ngần.*

Sau tiên-thư đánh liêu về Nam-thành, tỏ bày cùng cha mẹ, ông bà Đốc-bộ, tuy là xót của dân-vật, song cũng xót con, vả giận rằng không ngờ ông Trứ là người chơi phá-hoại làm lầm lỡ con gái mình, song nghĩ ra cũng tự trách mình không biết người, vì con chọn rề, mà phải người phá-hoại đến như thế, để cho con gái đến nỗi gặp bước lưu-ly, chẵn đơn gối chiếc, đành ở góa một đời, thì cũng ngậm cay nuốt đắng quá, nên ông bà cũng lại cấp tiền cho, để trả nợ khách Hồng cho sạch tiếng. Đó là :

*Trách vì ông rề chơi hoang,
Xót con dẫu mấy vạn vàng mà chi.*

Từ khi tiên-thư được món tiền đó, trả xong món nợ khách Hồng, lại về Nam-thành ở với cha mẹ, hầu-hạ dưới gối, đắp đồi đã vài ba năm, sương chờ tuyết đợi, mong ông Trứ vẫn vắng tanh tin-tức, bỗng chim tăm cá, khôn biết đâu mà dò, thời cũng đành bấm ruột bầm gan, tối trông trăng, ngày ngậm bóng, mình ve thân bướm, gầy vơ hao mòn, thương thay mỹ-tiền-thư, chẳng khác gì như người góa trẻ. Thế mới rõ :

*Đàn cầm khéo ngần-ngợ dây,
Cổ cao hơn thước liêu gầy và phàn.*

V. — Nổi giáo cho giặc

Từ khi ông Trứ đánh bạc thua, gạt vợ, rồi bỏ đi lơ-bờ, rắp toan rủ người xuống bể đắp lò nấu muối, song lưng không sẵn tiền, nói còn ai mượn, đành phải quyết giấu mình lên rừng kiếm củi đốt than, bèn đi lên-tỉnh Lạng-sơn, treo dèo lặn ái, vượt suối qua vời, đi năm bảy ngày mới đến cõi Kỳ-lừa và Thất-khê Tam-hải, quanh vùng đó nghe thấy tiếng Ngụy Đê-dốc Vân lâm-liệt, bèn cầu vào làm mưu-sĩ. Đê Vân coi người vạm-vỡ khôi-ngô, nói bàn hoạt-bát lạnh-lợi, liền tôn làm quân-sư. Đó là :

*Rừng chật đất núi ngang trời,
Khen người có tướng có tài xông-pha.*

Đê Vân trước tuy là cử - hiềm quát-cường, tiếng-tấm thét-let, song chẳng qua mới giữ được một nơi đồn-bảo làm tổ lỗ, hồ chưa dám li sơn, hồ còn toan ý thế, từ khi được ông Trứ vào làm quân-sư, trừ - hoạch mọi mưu-lược quân-cơ, đánh dân được dấy, không đồn-ái nào là không chiếm-cứ được, đất Bấy-ngôi, Ba - bề, hết thảy về tay, mấy phen quan Tổng-trấn Lạng-sơn phiến-tẩu về Triều, vua Dục-tôn ngự tuyền quan Thống-chế ra đánh, ông Trứ phò Ngụy Đê Vân, phá vỡ quân quan luôn mấy trận. Thế mới hay :

*Một tay thao-lược gồm tài,
Làm nền lệch đất nghiêng trời oai-lanh.*

Chỉ vì mấy trận đó mà thành Lạng-sơn đã núng thế. Quan Thống-chế và quan Tổng-trấn Lạng-sơn đã lo, dùng nhiều cách để dò thăm, xem quân-sư của Đê Vân là ai, và người quê-quản ở đâu. May sao mấy trận đó, ông Trứ bắt sống được nhiều quân lính, đều tha cho về. Nhân có kẻ thăm dò được quân-sư của Đê Vân là ông Nguyễn Công-Trứ, người tỉnh Nghệ-

an, hiện năm ngoài có lần về đi khảo-hạch, đã dự trúng hạng thí-sinh, nên vẫn gọi là thầy khóa Trứ. Thế là :

*Hỏi que rằng lảnh Nghệ-an,
Hỏi tên ông Trứ là gan tây trời.*

Quan Thống - chế và quan Tổng-trấn kíp thảo tờ lộ-bổ tâu về Kinh. Hay đầu quân lính chạy ngựa trạm chưa tới, vua Dực-tôn ngự ra vườn Tĩnh-tâm nghỉ mát, bỗng năm giắc chiêm-bao, thấy một người tự - xưng là học-giả, đầu đội mũ cỏ, từ Lam-son trở lại, tay cầm một cái gậy nhọn, xiên suýt qua mặt trời, bỗng chốc thấy đám mây đen lên đầu núi coi đen sì, rồi người học-giả đội mũ cỏ cầm gậy vẩy mà đám mây tan. Thế là :

*Đức vua sức tỉnh mộng hùng,
Tuồng ông Lã Vọng quanh vùng Kỳ-son.*

Ngài truyền cho bách - quan tán mộng. Quan Thái-bốc đoán rằng : « Kê học-giả đầu đội mũ cỏ, hẳn là kẻ học-sĩ tên có chữ *giả* gia thêm *thảo* đầu là chữ *Trứ* 著. Chữ *trứ* có nét phẩy cái suýt qua chữ *nhật* tức là người cầm gậy xiên qua mặt trời ; từ Lam-son lại, chắc là người ở Nghệ-an ; đám mây đen lên đầu núi đen sì, tức là nguy Đê-Vân ở Lạng-son ; người kia cầm gậy vẩy mà tan, chắc là phải dùng người ấy mới giúp tan được. » Quan Thái-bốc vừa tán mộng xong, thì thấy tòa Nội-các qui đáng tờ lộ-bổ của quan Thống-chế và quan Tổng-trấn tâu về. Thế mới hay :

*Nghiêm lời xem chốn ái-quan,
Xiên mặt trời vẩy mây tan có người.*

Ngự xem tờ tấu, tức-khắc xuống mặt-dụ cho quan Đốc-học Nghệ-an tra xét kỹ số trang khóa hạch năm ấy tràng Nghệ có tên ai là Trứ. Tòa học-chính lục-dê sờ trúng-hạch vào thì quả có tên Nguyễn Công-Trứ. Kịp đến khoa

thi, vua mặt-dụ cho quan chánh-chủ-khảo tràng Nghệ-an, thế nào cũng cốt lấy Công-Trứ đầu cử-nhân. Khi gia ban mũ áo xong, thì bắt phải lại Kinh bệ-kiến ngay lập-tức. Quả-nhiên đến khoa hương, ông Trứ lên về thi. Quan Chánh - chủ - khảo điềm - duyệt văn, tuy vẫn giữ mực công-bình, song đến khi quyền thi hợp-phách, kỳ nào cũng xét quyền của ông Nguyễn Công-Trứ, thì thấy tên kỳ nào cũng vào loại, mãi đến kỳ phúc-hạch là lấy đồ cử-nhân. Thế mới thật :

*Văn-chương cân nhắc từng câu,
Có thần áo đỏ điềm đầu phê son.*

Khi khoa - trường đã xướng danh xong, ông Trứ vào dự yến Lộc-minh, bái lịnh mũ áo ban, quan Chánh-chủ-khảo bèn ngỏ tờ mặt - dụ, tuyên triệu ông Trứ phải lại Kinh, dẫn vào bệ-kiến. Vua ngự đến Cấn-chính, ông Trứ vào chầu, hành-lễ năm lạy, rồi quì dưới sàn rồng. Vua truyền linh thị-vệ triệu lên trên, cho ngồi, ban trà, và phán rằng : « Người vẫn làm quân-sư cho Nguy Đê - Văn đánh giã triều - đình có phải chăng ? » Ông Trứ tâu xin thú tội, vì lúc ấy là hàn-nho cùng quẫn, chưa thông nẻo chầu trời, nên phải vào nơi hang tối, xin lượng trời tha thứ. Thế là :

*Tội con mang nặng dính đầu,
Lương trời soi thấu được chầu thiên-nhan.*

Ngự phán rằng : « Thế nay trăm ủy cho người việc Lạng-son, người liệu có bình được nỗi nguy Đê Văn chăng ? » Ông Trứ tâu : « Xin ra chiêu-phủ, nếu nguy Đê - Văn không nghe thì xin bắt sống đem về Triều. » Vua mừng quá, lập-tức gia ban cho ông Trứ chức tiều-phủ, điềm binh-mã ra tới thành Lạng-son thay cho quan Thống-chế, và tuyên-triệu quan Thống-chế về Kinh. Thế là :

*Tiếng-tâm thét-lét lòng trời,
Vẫy ngang nét bút quét vãi vạn quân.*

Ông Trứ phụng mạng đề binh-mã tới thành Lạng-son, ngựa hồ thét gió, gươm mài chọc trời, loa còi rầy đất, cờ bay dô khé, quân kéo đen sì, chọt đến cõi Kỳ-lừa, thảo tờ vũ-hịch đưa tới đồn Ngụy-Vân. Vân đành chịu bỏ giáp-qui-hàng, quân không mất một mũi tên hòn đạn, mà phút đã khải-hoàn, thành Lạng-son lại vững yên vách đá. Vua đặc - cách trọng - dụng, cho ông Trứ ra làm Tổng - đốc Nghệ-an. Thế mới rõ :

*Cử-nhân tiễn-phủ kê chân,
Lên quan lộng-đốc-trọng-thôn như chơi,*

Từ khi ông Trứ đỗ lên vào hệ kiến đi tiễn-phủ, về làm tổng-đốc, đường công-danh mau hơn ngựa chạy, những mãi-mối không khi nào rảnh việc mà hồi đến tỉnh xưa nghĩa cũ, mãi đến khi về trọng-trấn Nghệ-an, thì quan Đốc-bộ Nam thành đã về hưu, ông Trứ mới sang nhà thăm, và đón rước tiễn-thư về dinh làm bà Thượng, cho bỏ lúc phong-trần. Thế mới hay :

*Đời con gió táp mưa sa,
Từng cay đắng lại nặn-má hơn xưa.*

Sau mười hai năm, vua lại tuyên-triệu ông Trứ về làm Thượng-thư bộ Lại, kiêm phụ-chính Cơ-mật đại-thần. Song tính ông Trứ vốn là người cương-trực, những tôn-thần quốc-thích có ý ghen cạnh không bằng lòng, sau vì việc ông hặc-tấu ngũ chỉ, phải giáng-cấp điện-dụng, thiên ra làm đốc-bộ Nam-thành. Thế mới rõ :

*Công-danh lão-đạo trâm chiều,
Ở ngoài ngoài sợ về triều triều ghé.*

VI. - Lại gặp người quen

Từ khi ông Trứ ra Đốc-bộ Nam-thành, đoàn trông dặm nghìn kinh-quốc, gương trời xa lác, cửa khuyết mây che, chút phận làm tôi, dù bắc dù nam sá quân - chỉ những tiếc cho mình

vốn là người bão-phụ kinh-luân, gánh giang-son xốc - vác, lại gặp hội vân-phong long-hồ, mà sở-học không được thố vu sở-hành, thì uổng phí mất tài-bộ một thời, và công-trình khảo-cứu. Đó là :

*Tiếc thay chi-khí tang-bờng,
Những toan gánh vác nhẹ gồng giông-son.*

Khi đó phía đông - nam đất Nam-thành, mé ven bể nhiều bãi cát nổi lên thành cánh đồng bằng phẳng xa tấp, song hãy còn pha màu nước mặn, cát trắng chưa thành điền, ông Trứ chiêu-mô các lưu-dân xuống võ, mở ra hạt Kim-son Tiên - hải hai huyện, nhân đồng đất rộng phẳng, khu - hoạch thành ra phép tỉnh - điền, làm y như vương-chính tam-đại Hạ Thương Chu, để tỏ cái tài-học của mình và tiện-lợi cho dân, làm nên giàu-có, có núi bạc bề tiền. Thế mới hay :

*Tiền rừng bạc bề thiếu chí,
Làm cho dân bước lưu-lí nên giàu.*

Một hôm việc quan thư rảnh, ăn không lưu tờ thảo, sân rụng đầy cánh hoa, ông cao-hứng ngồi đánh chén, truyền cho gọi cô đào vào hát, linh ra gọi dùng ngay phải cô đào Quyên, khi đó đào Quyên thoát vào, nghĩ ngại-ngùng e thẹn, nhưng chắc rằng lâu ngày, nếu có phải quan Thượng Trứ đích là anh kếp Trứ vác đàn ngày xưa, thì chắc cũng chẳng nhớ mặt mình mà ngại, hay là người thiên - hạ trùng danh trùng hiệu thì biết đâu. Thế là :

*Chắc đâu là gặp người quen,
Bước vào hãy liếc mắt nhìn xem ai.*

Đào Quyên vừa bước chân vào tới đình, lấp-ló nấp ngoài hiên, liếc nom thấy quan mây xanh nét mặt, mắt sắc lưới gươm, coi rõ hết người xưa, chỉ khác có mấy chòm râu xanh om đen kịt, tua-tua như kiếm-kích, song cũng thừa - thốt mà mềm - mại không lóm-

chơm như râu hùm, đảo Quyên biết rõ rồi, liền rón-rén bước vào vái chào, đôi má đỏ hồng, hai mày xanh biếc, bình như có dáng túi và then. Đó là :

*Trách duyên tũ phạt bởi-bời,
Nợ chàng Kim đó là người ngày xưa.*

Ông Trú trông mặt trông cũng ngờ-ngợ, song chợt nghĩ *thiên - hạ chi mạo tương tự giả đa*, vả dù có phải đào Quyên, ắt lâu nay cũng đã chiều Tần mộ Sở, chính dòng giệp bắc, trái mấy tay rồi, chứ sao chịu ở vậy mà đợi mình, huống nay mình là quan Tổng-đốc, chúa-tể một địa-phương, có lẽ thấy cô đào bánh - tẻ nào cũng vợ nhận là người cũ, thì tâm tiếng ra thế nào? Thế là :

*Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
Phải chăng nâng quáng đèn lửa hay sao?*

Ấu hầy lên trống hát để lắng nghe xem thế nào. Đào Quyên ngồi cầm lá phách gõ, cùng anh kép đàn, nàng bèn cất tiếng mà mượn một câu rằng :

*Giang-sơn một gánh giữa đồng,
Thuyền-quyên ừ - lự anh-hùng nhớ quên?*

Mới mượn đơn hai câu, mà giọt lệ như mưa sa lác-dác, ướt đầm má hồng. Tiếng roi châu lạc-nhạn quân-châu của ông giặp với mấy lá phách đầu mà dừng lại, hỏi : « Đào Quyên đây a? hầy thử kể lai-lịch nông-nổi ta nghe, từ khi đó rồi nàng đi lấy những ai ai, gặp-gỡ ra sao, hiện bây giờ thì lấy ai ai lấy? » Hỏi dứt câu, ông cũng cau mày sa lệ. Thế mới rõ :

*Ve ngâm vượn kót nào tầy,
Lạ cho mặt sắt cũng ngày vì tình.*

Đào Quyên ngừng nước mắt, vẩy ngang cái khăn tay mà ngập-ngừng nói rằng : « Từ khi li-biệt, vẫn theo nghề xướng-hát, sau lấy được một quan Tuần - phủ, phải bà cả máu ghen nồng-nàn quá, không thể ở được, phải bỏ đi lưu-lạc giang - hồ, đến khi quan Tuần-phủ bị cách rời mắt đi, lại trở về xướng-hát, lấy chủ khách

Câu được mấy năm, chủ Cầu về Tàu, hiện nay lại trở về lấy cậu kép đàn vậy, nông-nổi ba-đào, không nói sao cho xiết. » Thế là :

*Đêm khuya sực tỉnh giấc mộng,
Ưa hàng châu lệ khăn hồng đượm chan.*

Quan Thượng Trú lắng nghe, luống vì nàng ngậm-ngùi, mở tráp lấy tờ giấy hoa-tiên, vẩy bút dầm mực, thảo bài hát nói đề tự-tình với nàng như sau này :

« *Hốt ừc lục thất niên tiền-sự 忽憶六
七年前事*, mắng trăng hoa chưa trả nợ gương nguyệt; đến bây giờ lại gặp người quen, sự lưu-lạc nổi ghét-ghen là thế thế! *Thiếp tự thân khinh lang vị khí 妾自身輕郎未棄*, thân tuy tội trọng để do liên 臣雖罪重帝猶憐; Sá chi mà tũ phạt hôn duyên, đề son phấn lũ đàn em khúc-khích. *Ý trung-nhân dân khả tình-trung bạch 意中人但可情中白*, thôi bút nghiên đàn phách cũng đều sai; gặp nhau khóc khóc cười cười! »

Bài hát này tả hết cả tình-cảnh ông Trú với đào Quyên, mà rất chua-chát về câu « mắng trăng hoa chưa trả nợ gương nguyệt », và câu « sự lưu-lạc nổi ghét-ghen », chỉ có sáu chữ mà gói hết được tình-cảnh hai người. Lại hai câu thơ « *Thiếp tự thân khinh lang vị khí, thân tuy tội trọng để do liên* », nghĩa là gái phạt mộng mà chồng chưa bỏ, tội tội nặng mà vua còn thương. Lại úy-dụ rằng : ta chẳng nên tũ hôn làm gì, đề đàn em họ cười. Sau lại : người có ý với nhau thì biết tình cho nhau, thôi hai người chúng ta đi học đi hát là sai lầm cả, nên gặp nhau nửa khóc nửa cười. Thử hỏi khóc đó là khóc ai? cười đó là cười ai? không biết là khóc cười mình hay là khóc cười vì cuộc thế? Văn-chương giáo-giử ly - kỳ, như khắp, như tổ, như tiếu, như mạ, và có ý trung-hậu, thế mới là ít có.

DANH-NHO NƯỚC TÀU

Hứa Hành

Hứa Hành 許衡 là một kẻ nhà nho đem cái văn-hóa của dân-tộc Trung-hoa đào-tạo cho dân-tộc Mông-cổ về hồi nhà Nguyên mới khai-quốc. Tiên-sinh tên tự là Trọng-bình 仲平, người châu Hoài đất Hà-nội (tức Hà-nam), sinh ở cõi đất nhà Kim, nguyên không quan-hệ gì với phái chu-nho nhà Tống. Tự thuở trẻ thơ, mới đọc sách, bần-bạc từng chường từng câu, đã biết hỏi căn-vấn lấy ý-nghĩa. Từng có một hôm hỏi người thầy dạy học rằng: « Đọc sách để làm gì? » Người thầy đáp rằng: « Đọc sách để đi thi lấy đồ vậy. » Tiên-sinh nói rằng: « Sự-nghiệp đọc sách chỉ như thế mà thôi ư? » Người thầy cả lấy làm kỳ-dị, rồi từ-tạ mà cầu xin đi, và nói rằng: « Cậu trẻ ấy giác-ngộ sớm-sủa phi-thường, sự học ta chẳng đủ là thầy người ấy. » Trong nhà cố lưu lại, mà chẳng thể lưu được. Kịp khi tiên-sinh lớn lên, hiểu học như người đói tìm ăn khát tìm uống; gặp đời là đời loạn, nhà lại nghèo không đủ sách mà học, thường đi đến những nhà thân-thích hoặc bè-bạn, thấy sách gì hay, thì tức-khắc xin ngụ ở nhà ấy, tay chép lấy để đem về. Kịp khi tránh nạn binh lửa, sang ở miền Tô-lai, mới được pho sách *Dịch thuyết* của ông Vương Bật đời Tấn, đem thi nhĩ-tướng, ngày thi tụng đọc, lấy thân thể-nghiệm vào sách, mà đề sức thực-hành. Có một khi đương buổi trời nắng dữ, cùng với bọn hành-khách đi bộ qua đất Hà-đương, ai nấy đều khát lắm, đương mong có nước uống, chợt thấy ở ven bên kia đường cái có cây lê, sức-siu những quả, các người tranh nhau lấy ăn. Tiên-sinh một mình ngồi nghiêm-

nhien ở bên đường, nói rằng: « Cái vật ấy không phải là cái vật của mình có, mà lấy đấy là không nên. » Các người nói rằng: « Đời đã là đời loạn, cái vật ấy đã là cái vật vô-chủ rồi. » Tiên-sinh nói rằng: « Cái lương - tâm ta cũng một loạn ư? cũng một vô-chủ ư? » Kể nghe đều kinh-phục. Tiên-sinh thuở bình-sinh lập-tâm chế-hành, đại-đề như vậy. Tiên-sinh vì tránh loạn luôn luôn, nên khi ở đất Lỗ, khi ở đất Ngụy. Người đời thấy tiên-sinh là kẻ có đức, dần dần có kẻ tin theo. Tiên-sinh ở nơi khách-địa ba năm, nghe sự loạn gần yên, mới về đất Hoài là nơi quê hương cũ. Khi ấy tiên-sinh vắng-lai đất Hà đất Lạc, tông-học thầy Diêu-Khu, được trực-tiếp sách của Tống-nho là những sách của hai họ Trình và của thầy Chu Hối-Am, sự học càng có sở-dắc. Tiên-sinh liền định chỉ sang đất Tô-môn, trần lỵc đi cấy ruộng, hàng ngày vừa cấy vừa đọc: sách, cùng với hai bậc tiền-bối là Diêu-Khu và Đậu Mặc cùng giảng-thuyết luyện-tập. Năm được mùa thì ăn gạo giã trắng, năm mất mùa thì ăn gạo say, nghĩa là không bỏ tâm cảm; cho nên được mùa thì thường thừa thóc, mà mất mùa thì cũng không thiếu ăn. Thóc có thừa thì tức-khắc đem tư - cấp cho người trong họ, và những học-trò đến học mà nghèo. Những của phi-nghĩa mà đem cho, trên tự nghìn vàng, dưới đến một cái lông, đều chẳng chịu nhận. Tiên-sinh học-vấn cực rộng, kinh-học, truyện-học, tử-học, sử-học, lễ-nhạc-học, danh-vật-học, binh-học, hình-luật-học, thực-hóa-học (tức kinh - tế học), thủy-lợi học, không khoa-học gì là chẳng nghiên-cứu, mà khẳng - khái lấy đạo học làm cái trách-nhiệm của mình-

Vua Thế-tổ nhà Nguyên khi phong vương ở đất Tân-trung (Thiểm-tây), muốn cầu phương-pháp giáo-hóa dân đất Tân, mới đón tiên-sinh làm chức Kinh-triệu đề học. Người đất Tân nghe tiên-sinh đến, chẳng ai là chẳng hoan-hỉ lại học; từ đấy chốn quận-huyện hết thấy đều dựng nhà học, dân đất Tân cả biến-hóa. Kịp khi vua Thế-tổ lên ngôi hoàng-đế, vời tiên-sinh đến Yên-kinh. Vua Thế-tổ tuy là người Mông-cô nhưng cả khuyến-hướng về phái nhà nho, dùng thầy Diêu-Khu làm chức Đại-tư-nông, thầy Đậu Mặc làm chức Hàn-lâm học-sĩ, tiên-sinh làm chức Quốc-tử tế-tửu. Chức Tế-tửu là chức sư-phó cầm quyền giáo-hóa trong thiên-hạ. Tiên-sinh thường bảo rằng: « Bọn Mông-cô học-sinh, cái tính thành-phác chưa đổi, mà đường quan-thỉnh lại chuyên-nhất; nếu để vào ở trong nhà học, khiến hãm-dưỡng đó ba bốn năm, trưng-lai tất có thể làm kẻ hữu-dụng cho quốc-gia.» Tiên-sinh nhân tấu-thỉnh triệu những bạng tử-dệ cũ của tiên-sinh, như bọn Hàn Tư-Vĩnh và Tô Húc hết thầy đều đem đến chỗ học-quán, làm kẻ bạn đọc với Mông-cô học-sinh, khiến huân-dào tiêm-nhiệm, giáo-hóa một cách tự-nhiên. Khiến Mông-cô học-sinh tập toán-học, tập qui-bái, tập tiên-thoái, tập ứng-đối, lại tập lối chữ ông Nhan-lỗ-công, và tập tế diện-thích ông Khổng-phu-tử. Đem sách họ Trình, họ Chu khiến Mông-cô học-sinh giảng-tập. Tiên-sinh thường hỏi các học-sinh rằng: « Cái nghĩa chương ấy câu ấy ở trong sách, nếu lấy ra suy-nghiệm về bản thân các anh, thì những việc ngày nay, có thể ứng-dụng về việc gì được không? » Là tiên-sinh muốn cho học-sinh thực-hành về việc đời, chứ chẳng qui nói không. Tiên-sinh lại thường bảo rằng: « Phàm đọc sách, đối với trong sách, có chốn hiểu xem ra được chốn không hiểu, chốn không

hiểu lại xem ra được chốn có hiểu, như vậy mới là có ích.» Lại thường nói rằng: « Phàm kẻ dạy người nên đề lòng khoan-dung, việc dạy người với việc dùng người chính trái lại với nhau; dùng người nên dùng về điều sở-trang của người, dạy người nên chữa về điều sở-doan của người.» Cho nên tiên-sinh dạy người, phận là thầy trò mà ăn như cha con, nghĩa như vua tôi; khéo nhân những điều người ta sở-minh, mở cho những điều người ta sở-ám, mà qui-nạp về đường thiện. Vì thế, phàm kẻ nào đã làm học-trò tiên-sinh, hết thầy đều biết tự-lập, làm kẻ hữu-dụng ở đời. Khi ấy viên thừa-chi là Vương Bản khi-khái trâm lợp một đời, ít có khen ai, một nói rằng: « Hứa tiên-sinh là bậc thần-minh vậy. »

Năm Chí-nguyên thứ hai, vua Thế-tổ muốn dùng tiên-sinh làm chức phó-trưởng, triệu vào khiến nghị-sự trong sảnh Trung-thư. Tiên-sinh dâng sớ bày giải năm việc: Một là nói cái qui-mô lập-quốc tất phải dùng pháp-độ Hán-tộc, mới có thể được trang-cửu. Hai là nói phàm kẻ làm quan, nên cấp cho hậu-lộc để dưỡng cái đức liêm, lại nên chú-trọng những chức giám-tư (thanh-tra), để xét-nét kẻ tham-những. Ba là nói đấng Thượng-đế giao cho cái trách-nhiệm làm vua làm thầy, là giao cho cái trách-nhiệm rất khó, không phải là dễ cho cái địa-vị khá yên-vời; biết là khó mà xử về đường khó, thì sự khó thế nào cũng có thể làm được. Nếu chẳng biết là khó mà xử về đường dễ, thì sau này tất có những sự khó không thể sao làm được vậy. Bốn là nói quốc-gia chỉ biết cái khéo thu lấy của mà chẳng biết cái khéo sinh ra của, chỉ biết phòng-bị người ta điều gian mà chẳng biết giáo-dưỡng người ta điều thiện; nếu tru-đãi kẻ nông-dân, xua đuổi những kẻ

lười biếng đi làm ruộng, và chú-trọng việc học-hiệu, khiến tự hoàng - tử trở xuống, cho đến hàng con em kẻ thứ-nhân, hết thầy đều phải học, thì mười năm sau này tất khác với ngày nay. Năm là nói thiên-hạ số-dĩ yên - định, là chỉ dân yên-dịnh vậy, nếu kẻ binh-dân chẳng yên ở chỗ bạch-độc, kẻ làm quan chẳng yên ở ngôi chức-phận, đua-đuổi trong vòng thế-lợi, kẻ nào kẻ ấy đều mang cái lòng vô-sĩ mà tranh-cạnh nhau, không biết thế nào là chân; tới đến thế, kẻ làm người trên há chẳng kính-tâm đố thay! Những lời của tiên-sinh nói, vua Thế-tổ rất lấy làm khen ngợi tin dùng.

Tiên-sinh mỗi khi yết-kiến vua Thế-tổ, trần-thuyết rất nhiều điều, lui về thì tước bỏ ngay bản thảo đi, cho nên lời nói của tiên-sinh thường bị tàng ít có người biết. Vua Thế-tổ vì có tiên-sinh là người nhiều bệnh, đặc-mệnh năm ngày một lần đến tòa trung-thư. Năm Chí-dại thứ tư, mới hứa cho tiên-sinh về đất Hoài, hơn một năm lại triệu vào triều. Năm thứ sáu, đặc-chiếu tiên-sinh định phép triều-nghi, lại định phép quan-chế. Năm thứ mười ba, lại chiếu tiên-sinh lĩnh chức làm lịch, tiên-sinh cùng với quan thái-sử-lệnh là Quách Thủ Kính, chế ra một bản nghi-tượng mới để minh cái số tự-nhiên của đạo trời, có thể thi-hành dài lâu được. Năm thứ mười bảy, việc làm lịch thành, gọi tên là «Thụ-thời lịch» ban cho thiên-hạ. Tiên-sinh là người khéo dạy người, vô-luân người ngu người minh, tài lớn tài nhỏ, học của tiên-sinh đều có sở-đắc cả. Tiên-sinh lại khéo thuyết-pháp, nghe lời nói tiên-sinh thì dấu kẻ vũ-phu kẻ dị-doan, không ai là chẳng cảm-dộng giác-ngộ. Viên Thừa - chỉ là Vương Bản khi-khái trùm lợp một đời, ít khen ai là khá, một khen tiên-sinh rằng: «Tiên-sinh là bậc thần-minh vậy.»

Tháng sáu năm ấy, tiên-sinh lấy có tật-bệnh về nhà, vua Thế-tổ cho người con tiên-sinh là Hứa Sư-Khả làm chức Hoài-mệnh-lộ tổng-quản, để lấy lực-ưu-dưỡng tiên-sinh. Đến năm sau, tiên-sinh bệnh nặng mất ở nhà, tuổi bảy mươi ba.

Khi tiên-sinh sắp-sửa mất, có bảo các con rằng: «Ta thừa binh-sinh bị cái hư-danh nó làm lụy, kết-cục chẳng thể từ-chối được quan-chức; ta chết sau này các con cần-thận chớ xin tên thụy của triều-dinh.» Ngày tiên-sinh mất, cả mưa gió sấm chớp, đờ lộc rung cây, người đất Hoài vô-luân kẻ sang người hèn, kẻ già người trẻ, đều đến khóc-lóc ở cửa. Học-sĩ bốn phương nghe tin đều tụ họp khóc-lóc, hoặc có kẻ xa-xôi vài nghìn dặm cũng lại khóc ở dưới mã.

Năm Đại-dức thứ hai, triều - đình cho tên Thụy là Văn - chính 文正, lại phong tước là Ngụy-quốc-công 魏國公. Năm Hoàng-khánh thứ hai, lại cho tiên-sinh được phối-tế ở chốn miếu-dinh ông Khổng-tử để tỏ lòng sùng-kính. Vì tiên-sinh bình-nhật tự - đề ở chốn thư-trai của mình rằng lỗ, là ý nói khiêm mình là lỗ-độn, cho nên kẻ học-giả đời sau gọi là Lỗ-trai tiên-sinh 魯齋先生.

Hứa Khiêm

Hứa Khiêm 許謙 là một kẻ chân-nho, bình-sinh cho sự làm quan với triều Mông-cổ là một sự xấu - hổ, mà ẩn-cư giảng - đạo ở đời nhà Nguyên. Tiên-sinh tên tự là Ích-chi 益之, người đất Kim hoa, châu Tri - châu; thuở bé mồ - côi cha, mới biết nói, người mẹ là Đào-thị truyền-khẩu cho sách Luận-ngữ sách Hiếu - kinh, hễ vào tai câu nào là chẳng quên câu ấy. Kịp lớn lên hiểu-học khác người, tự mình lập lấy chương-trình trong khoa-học, dấu khi hơi có tật-bệnh hay là bận việc, cũng chẳng bỏ học. Nghe thầy Kim Lý-

Tường hiệu là Nhân-sơn giảng đạo ở trên sông Lan-giang, đem thân lại học, được ba tháng. Thầy Kim Lý - Tường bảo cho rằng : « Kể sĩ làm sự học, cũng như năm vị khi đem hòa nẫu. Thí dụ như chất dấm chất muối khi đã cha vào, thì vị chua vị mặn thấy khác ngay ; nhà người lại học ta đã ba tháng, mà vẫn chẳng khác gì ngày trước, há cái học của ta không đủ cảm-phát cho nhà người dậy dư ? » Tiên-sinh nghe nói, cả lấy làm sợ hãi, mới cố-công xét mình. Khi ấy tiên-sinh tuổi đã 31. Thầy Kim Lý-Tường bảo cho rằng : « Cái phương-pháp sự học của nhà nho ta, cái lẽ rất thiên thi có một, mà cái phần phải phần trái nó ở trong cuộc không-gian thi thiên-biến vạn-hóa, cái lẽ chẳng lo gì chẳng thống-nhất, chỉ khó về cái phần thiên-biến vạn-hóa đấy thôi. Nếu chẳng xét về cái phần thiên-biến vạn-hóa cho thiết về sự thực, thì chẳng qua là một nhà cao-dâm hư-lý mà thôi. » Tiên-sinh từ đấy càng-cực phân-biệt cho ra mọi mối thiên-biến vạn-hóa, mà tóm lại qui-nạp về một lẽ chi-thiện. Thầy Kim Lý-Tường lại nói rằng : « Cái đạo dấng thánh-nhân, chỉ trung đấy mà thôi, trung nghĩa là không quá-dáng, mà không bất-cập. » Tiên-sinh từ đấy, phạm sự đều cầu lấy một cái lẽ trung-dụng chính-dáng mà dùng. Thầy Kim Lý-Tường khi đã mất rồi, tiên-sinh càng gắng sức phát-siêng đạo học, tự mình sở đắc lại nhiều.

Tiên-sinh binh-sinh phẩm-hạnh tự lập rất nghiêm, mà sinh ra ứng-dụng với đời, thì độc-lập mà chẳng kiêu-kích, thông-dụng mà chẳng a-tùy, tuy thân ở chốn thảo-lai, mà tâm thường đề vào cuộc dương-thế. Song bản-chí vốn thanh-dạm, lấy đạo tự vui, sự phú-quí đã chẳng đủ làm lụy cái tâm, sự công-danh lại chẳng đủ làm lụy cái chí.

Viên hiến-phủ đất Triết-dông nghe tiếng tiên-sinh mà chẳng xét cái chi tiên-sinh, cử tiên-sinh làm chức. duyên-lại, tiên-sinh lánh đi chẳng trụ-chức Viên Liêm-phóng-sứ là Lưu Đình-Trực cử tiên-sinh là hặc mậu-tái, người Triệu Hoàn-Vĩ cử tiên-sinh là kẻ siêu-dật, tiên-sinh trước sau đều cố từ chối. Khi Triệu Hoàn-Vĩ làm chức trưởng-giáo ở đất Nam-đài, có sai sửa-sang nhà học, đón tiên-sinh đến, toàn đề hàng quan-lại hàng sĩ-lữ được có tiên-sinh mà kính-ngưỡng khuôn-phép. Tiên-sinh kỳ-thủy cũng vui lòng trở dậy vì giúp việc, nhưng lại cho rằng đời Mông-đ không phải là đời lập-danh, cho nên lại trả việc mà chẳng chịu ở lâu. Tiên-sinh tìm cách ẩn-náu dấu-vết, vào ở trong núi Hòa-sơn. Nhưng học-trò tập-nạp mang lương-thực gánh sách - vở đi theo học, không thể từ chối được. Tiên-sinh ở trong núi hai năm rồi lại về nhà, vì thời-dại ấy không tiện ẩn-náu ở trong núi mà giảng học. Tiên-sinh về nhà, học-trò lại càng nhiều, nơi xa thì đất U đất Kỳ, đất Lẽ đất Lỗ, nơi gần thì đất Kinh đất Dương, đất Ngô đất Việt, đều mấy nghìn dặm nối gót nhau mà đến học. Học-trò tiên-sinh có phần khắp trong thiên-hạ.

Phép dạy của tiên-sinh, lấy điều nhân, điều nghĩa, điều lễ, điều tri, điều tin, năm tính thường, là đạo làm người, làm điều gốc. Lấy khai-minh cái tâm-thuật cho người, biến-hóa cái khí-chất cho người làm điều trước. Lấy chuộng được ở mình, chẳng cầu người biết, làm cái chốt lập-tâm. Lấy phân-biệt ra điều nghĩa điều lợi, làm cái phép xử-sự. Giảng-luận nghiên-cứu, suốt ngày không chán, duy chẳng dạy người lối văn-chương khoa-cử. Tiên-sinh có nói rằng : « Lối văn-chương khoa-cử là vị lợi, không phải là vị nghĩa, muốn phân-biệt ra đường nghĩa đường

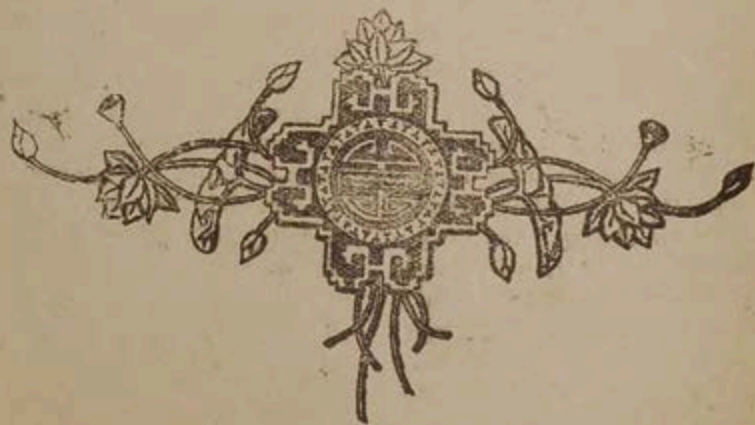
lợi, phải do tự-hỗn chẳng tập-lỗi văn-chương khoa-cử.» Kẻ ngu-độn trề-biếng thi tiên-sinh chấn-tác lên; kẻ thông-minh mạnh-bạo thi tiên-sinh ức-nén xuống; kẻ câu-nệ thi tiên-sinh khai-hiểu ra; kẻ phóng-tung thi tiên-sinh thu-liếm lại. Làm thấy kẻ học-giả gần bốn mươi năm, học-trò kẻ trừ-danh đến hơn một nghìn người. Tiên-sinh tùy tài tùy phận, học-trò đều có sở-dắc. Kẻ quan sang người hào-phú, trông thấy lòng tiên-sinh mà cái khí kiêu-căng tự-nhiên tiêu-tán, bước vào sân tiên-sinh mà cái lễ khiêm-cung tự-nhiên cảm-động. Kẻ sĩ bốn phương lấy điều chẳng được cập-môn làm xấu-hở.

Năm Chi-nguyên thứ ba tiên-sinh mất, tuổi 68. Kẻ học-giả đề ở mã-rằng: Bạch-vân tiên-sinh 白雲先生. Lại vì tiên-sinh ẩn-cư chẳng làm quan, cho nên đời lại gọi là Kim-hoa xử-sĩ 金華處士.

Những sách của tiên-sinh làm ra, có sách *Độc-tử-thư-tùng-thuyết* sách *Độc-thư-truyện-tùng-thuyết*, sách *Thi-danh-vật-sao-qua*, sách *Sử-trị-hốt-cổ-vi*, đều lưu-truyền ở đời.

Kẻ nhà nho đời Nguyễn cũng có nhiều người, đại-đề là kẻ-tiếp-bọn Tống-nho ở phương Nam, mà siêng-minh đạo học ở phương Bắc. Dạy thầy Hứa Hành với thầy Hứa Khiêm là trạc-trừ hơn cả, một thầy gọi là Tiên-Hứa, một thầy gọi là Hậu-Hứa. Nhưng người xuất người xứ, hai người đi khác nhau. Thầy Tiên-Hứa giống như người Dương Hùng làm quan đại-phu ở triều Vương-Mãng, thầy Hậu-Hứa giống như ông Đào Tiềm làm kẻ xử-sĩ ở đời nhà Tấn. Cho nên thầy Đinh Nam-Hồ có lời phê-phán rằng: «Thầy Lỗ-Trai trái nghĩa kinh *Xuân-thu* mà làm quan ở triều Mông-cổ, cái tiết-hạnh nhà nho có vết xấu-sa. Thầy Bạch-Tân hồ mình là nòi giống y-quan mà ẩn-cư ở đất Kim-hoa cái đạo học nhà nho có vẻ sáng-sủa. Ngươi này cho rằng thầy Tiên-Hứa chẳng bằng thầy Hậu-Hứa cũng không phải là lời bàn vu-khoát.»

Tùng-Vân biên-dịch.



CẢNH-VẬT HÀ-TIÊN (1)

II

9. — Các thứ danh-mộc

Rừng tỉnh Hà-tiên, mà nhất là quận Phú-quốc, có nhiều thứ gỗ to tốt đẹp, chắt - chắt, dùng được nhiều việc ở tại tỉnh Hà-tiên nếu có dùng gỗ thì làm sao cũng mua cho được thứ cây ở Phú-quốc đem về mới bằng lòng.

Nhiều kẻ quen thuộc mấy cái rừng cao cây tốt, mình muốn cất nhà, đóng ghe, đóng hòm, ván - ván, hãy đến mà đặt với họ, ra cớm tiền cho họ đi rồi chừng một vài tháng sẽ chở về tới bến, tùy ý mình đã thích thứ gỗ nào. Vì cột nhà có nhiều thứ cây, người muốn thứ này là đẹp, người muốn thứ kia là chắc; bởi thế mình phải nhất-dịch đến cây: lao - lao, cãm - xe, cà - chất, vàng-hương, sần-đá, trâm, sơn hay giăng, đều là thứ danh-mộc tốt nhất hạng. Thường người ta mua thứ cây ấy thì thế nào cũng cất tảng hay cất ngói, chớ không chôn chân bao giờ. Cây giăng hơn cây sần-đá, lại khó đẽo lắm, vì lõi nó cứng. Cây sơn không được chắc mà có vẻ lịch - sự, bào ra trơn bết có sắc đỏ tươi. Một thứ cây nữa ít có ai dùng, kêu là huỳnh-đàng, người ít dùng, có lẽ là nó dở hơn mấy cây kia. Cây nhum là một thứ cây ốm mà đen, thường để cất nhà sàn vì giống cây ấy chịu có hơi nước.

Đóng ghe-cỗ dùng cây dầu, cây sao, cây sến, cây chay. Trong bốn thứ cây, cây sao tốt nhất. Chắt ghe làm bằng cây ở rừng Lâm chèo thì dùng cây bằng - lạng. Đóng hòm dùng cây trai, cây mè-điểu, cây dầu thì tốt lắm. Mấy thứ cây ấy xuống đất lâu mục. Nọc tiêu làm bằng lõi cây lao-táo cùng các thứ cây

gì có lõi lớn đều dùng được cả như: cây trâm, cây sơn, hay cây cãm - xe. Cũng có khi dùng cây cốc, vì lúc gấp không có cây gấp mới thể đỡ, chớ cây ấy dùng cũng không bao lâu. Dùng đây là phần ít hơn hết, chớ phần nhiều người có tiền cũng kiếm cho được thứ cây tốt, dùng đã lâu năm mà nhẹ công nữa.

Rạo nõ thì dùng cây trâm là thứ cây ở sát, cao ốm, chịu nước lắm, hoặc vài thứ cây trên núi như cây xâu-dea, cây kiền kiền, ván-ván.

Cây tốc hay là cây gió, xốp thịt tựa như cây vông mà chắc hơn. Khi nào muốn lấy tốc thì đục một lỗ vào cây cho nước mưa ừ-dòng thấm đen mới có mùi, nó thơm là nhờ làm như thế. Cây không đốn được sớm, đục lỗ xoang xuôi để một hai năm cho nó khô mục. Đốn tốc, cây nào trơn-tru thì cây ấy không thơm-tho gì cả. Cây kiền-kiền lớn gốc như cây dừa, vỏ nó gọi là vỏ kiền-kiền để dùng phen, dùng vách, bện-bỉ cả chín mươi năm dư. Muốn lấy vỏ kiền-kiền thì trước phải đập nó cho dộp rồi mới lột. Vỏ kiền-kiền có hai thứ: một thứ vạt vỏ trơn láng kêu là kiền - kiền phang, chưa phang là kiền-kiền còn vỏ.

Cây sảng-nỏ với cây già cũng lấy vỏ như kiền-kiền vậy, da cây dùng tựa-tựa nhau. Vỏ sảng-nỏ để nhuộm lưới, vỏ già để nhuộm quần áo. Cái lõi để chụm lửa hay đốt than. Cây được cũng đốt than. Cây chai để lấy chai, mỏ nó già làm chai bột rồi giã sảng như gạo vậy. Dầu chai để trét ghe, cây dầu để lấy dầu.

(1) Xem N.-P. số 150.

Trước hết đục một cái lỗ cho lớn, chất củi vào đốt cho ra dầu. Dầu màu đen hơi đặc lại. Thử dầu này chộn với bột chai làm ra dầu chai.

Các thứ cây ở rừng Hà-liên đều có chỗ dùng hay làm. Thứ nào dùng lâu cũng lên nước láng tốt.

10. — Hoa mai

Hoa mai là một thứ danh - hoa thường ở chốn núi-non tịch-mịch. Hoa mai có hai thứ: huỳnh-mai và bạch-mai. Huỳnh - mai màu vàng lợt có sáu cánh, nhị vàng; cây thường ồm và cao, lá mỏng.

Cánh hoa mỏng-mảnh nhưng không thơm-tho chi cả. Bạch-mai mới thực là thơm đẹp lạ thường. Người ta dùng bạch-mai phơi khô để ướp trà.

Màu hoa trắng như tuyết, nhị vàng, hoa trông tương-tự như hoa mù-u, cho đến nhánh lá đều giống. Hoa mù-u cũng nhị vàng, cánh trắng, nhưng thiếu vẻ tinh-thần, là không có cái u-hương thanh-vị bằng hoa mai. Mai thường ở núi, ở gò, hơn ở đồng bằng. Mai ở đồng rẫy không ăn sâu, ở núi phải kiếm đồ ăn đượi xa nên rễ ăn sâu hơn nhiều. Mai có cái tính-cách như người ăn-dật, nên hay ở chốn thâm-sơn cùng - cốc, nơi rừng xanh cỏ lục. Như bạch - mai rễ ăn thực là sâu, chỉ độc có một rễ cái, rễ đi đến đâu lại đâm con lên đấy. Vì thế nên vẫn sinh-sản thêm, cây con ấy lại dính với rễ cái nên không thể chiết về trồng được. Chỉ có huỳnh-mai thì dễ chiết hơn, nên có nhiều người hay chiết về trồng ở nhà.

Ở Hà-tiên hoa mai nhiều nhất là ở Bình-san, vì hồi thuở Mạc Thiên-công cai-trị có lập nền sơn-xuyên và nền xã-tắc trên Bình-san — có người gọi nền sơn-xuyên là nền Nam-giao nữa — vì thế nên người ta trồng nhiều hoa mai quanh nền, đến nay sinh-sản mãi vẫn còn. Những cổ đã già thì không có hoa nữa. Hoa mai thật là lạ, nhánh

lớn thực là lớn mà nhỏ cũng thực là nhỏ. Hoa chỉ ở trong mình cây, không phải có nhánh nhỏ đâm ra như các thứ hoa khác, mỗi chùm hoa có đến năm sáu cái. Có nhiều người ưa hoa mai nên thường đi kiếm đốn để cắm bình. Mai nở về mùa đông, nên có khí qua xuân mà vẫn còn nhiều gốc nở muộn. Muốn đốn hoa để chơi, phải biết lựa nhánh, nhánh nào hơi nứt mộng nhiều thì đốn, vì mộng ấy chính là hoa sau này.

Khi đốn hoa rồi đem về cắm bình chêm đá cho cứng. Muốn hoa nở mau dùng nước nấu sôi để hơi hăm-hăm, đổ vô như thế hoa đã nở mau mà lại không rụng nữa vì đổ nước lạnh nụ hoa mới tượng hay rụng. Cách vài ngày phải thay nước một lần, như thế trong ít lâu thì hoa sẽ nở và tươi-tốt lắm.

11. — Các thứ kiềng

Người An-Nam có tánh ưa những cảnh-vật thanh-nhàn, nên trước nhà đều có trồng các thứ hoa thơm cổ đẹp dị-dạng như: mai, lan, cúc, trước, bá, tông. Hoa mai có hai thứ: huỳnh-mai và bạch-mai; bạch-mai thì có vẻ thanh-lân dị-dạng hơn. Mai, lan, có cái tính-cách như người ăn - dật, hoa mai lại là một thứ hoa phải dầy sương vùi tuyết, trải bao mưa dầm nắng giãi, nhưng cái hương-vị thanh-cao không bao giờ phai nhạt được.

Những cụ già ăn-dật lại càng ưa những hoa như mai, lan, bá, tông, để làm biểu-hiệu cho tấm lòng mình, là dấu phong-ba mưu gió cũng giữ một tấm lòng đối với non - nước phong-vị nhà; trước, bá, tông là biểu-hiệu cho người quân-tử, vì có câu: « Trước xưng quân-tử, tông biểu trượng-phu » Hoa lài, hoa hường, hoa dành-dành là các thứ hoa tươi đẹp lạ thường. Hoa lài và dành-dành màu trắng như tuyết, lá xanh biếc như chàm, hương-

vị thật là thơm-tho tươi-tốt; nhiều người dùng hoa dành-dành để cúng hoặc cắm bình chơi. Hoa lái chỉ để chơi thôi, vì hoa nhỏ quá nên không trưng cúng được. Hoa hương cũng thơm lắm nhưng màu đỏ hồng, khiến cho người trông đến chỉ có lòng yêu mà không có lòng kính, vì màu hồng chỉ là màu dễ trang-diềm bề ngoài trông cho đẹp mắt, không bằng màu trắng, « trong như ngọc, trắng như ngà », khiến cho người ta trông đến cái màu thanh-cao của mình đã phải kính yêu rồi, hoa như thế mới thực là thứ hoa kiêm cả hương thơm sắc đẹp.

Hoa sen có hai thứ: thứ trắng và thứ đỏ, nhưng hoa trắng là có phần thanh-tân hơn. Hoa sen cũng có cái tính-cách như người quân-tử vì đã có người tặng cho là hoa quân-tử, « Gần bùn mà chẳng hôi-tan mùi bùn » hay là: « Tuy ở bùn đen, nhuộm chẳng đen. », bao giờ cũng giữ được cái chất thanh-cao, cái màu trong sạch.

Trà-mi là cây kiểng, nhưng cũng là giống danh-hoa nữa. Cành to nên có thể uốn làm kiểng được, lá màu xanh lạt, hoa mỏng-mảnh màu trắng như tuyết mà gầy như mai, lại kiêm được cái hương thơm của tao-hóa, nên có người gọi là hoa « tuyết-hương » hay « tuyết-mai », ấy là vị trà-mi cũng như loại mai. Thuộc-duộc, xích-thước, phù-dung đều là thứ hoa nhiều kiểng, màu tươi đẹp nhưng không có hương - vị chi cả. Phù-dung nhiều cánh mới nở ra xem rất tốt; người ta thường vì có con gái đẹp như hoa phù-dung. Hoa tăng sáng nở đến chiều tối đã tàn, nên có câu: « Phù-dung sớm nở tối tàn », để li cuộc đời người mau thay đổi.

Trạng-nguyên, ấu-chùa, lữ-phượng-tiên đều là các thứ [hoa đẹp. Hoa lữ-phượng-tiên là dài ba-thuốt như là

dương, bông đỏ không thơm-tho, có lẽ người ta nói Lữ Phượng - Tiên là người bánh-bao mà gọi tên hoa như thế chẳng. Bá-hạp-hương, nguyệt-quí, bá-hạp trắng, nhiều cánh như bá-hạp hiệp lại thành cái hoa có hương thơm. Nguyệt-quí cũng tương-tự hoa mai, nhị vàng, cánh trắng, có chiều thanh-tân dịu-dàng, thường nở chùm và điểm-nhiêm trong đám lá xanh. Hoa lý màu vàng thơm đẹp, thường nở có chùm. Các cô con gái thường kết lại thành cái hoa lớn để giặt đầu, nên ca - dao có câu: « Tóc em dài, em cái hoa lý, . . . » Thế mới biết, hoa lý cũng là một thứ hoa đẹp có tiếng từ xưa. Trước-đào người ta thường dùng mà cúng, hoa nở có chùm, mùi chỉ hơi thoang-thoảng, không thơm lắm. Lá liễu mỏng, một bề đỏ một bề xanh, trông rất dịu-dàng xinh-sắn. Mồng gà, vạn-thọ không thơm, thường dùng để cúng. Mồng gà có nhiều thứ: thứ giống hệt màu mồng gà trống, thứ hơi trắng; hoặc trắng bạch, thứ nhiều màu hợp lại. Có thứ mồng gà tui, thứ này chỉ trồng chơi không có cúng được vì có tui nên gieo xuống bình um-tùm cả.

Hoa sứ màu vàng lợt rất thơm chỉ để chơi thôi. Hoa điệp có hai thứ, điệp đỏ và điệp vàng, nhưng điệp vàng có vẻ xinh-sắn hơn, hoa này nhiều cái nhỏ hợp lại có nhị và túa ra ngoài giống như đuôi chim phượng; có người gọi là bông phượng. Bông không thơm, để dùng cúng, kiểng.

Hoa trang có ba thứ: bông đỏ bông trắng và bông vàng. Bông trắng thì mịn-màng hơn và lại thơm nữa, mấy thứ này chỉ để cúng mà thôi. Móng tay có hai thứ, cây lớn tàn cao hoa mịn, nhiều cái hợp lại thành chùm hoa rất thơm để cắm bình. Còn một thứ nữa cây nhỏ, hoa màu tươi, không thơm-tho chi cả. Bông móng tay có

nhiều màu, nhưng có bông trắng là đẹp hơn; rẽ hoa ấy cũng làm thuốc được. Bông giấy màu đỏ bầm có ba cánh. Có người gọi là bông biện-ly.

Kiêng có nhiều thứ như: ngâu, sộp, đinh-lãng, kim-quit, trà-mi. Thường trồng kiêng, uốn-éo sửa đổi nhiều thể, phải chăm nom lâu lắm mới nên được cây kiêng có giá-trị. Những cây rẽ nhiều dễ trồng như sộp, da, sung, dẫu uốn-éo thể nào cũng được, thì người ta lại bày uốn hình thú như kỳ-lân, công, phượng. Ngâu bùm-sum, kim-quit, cần-thăng cũng làm kiêng. Cây ngâu có bông có trái. Bông ngâu dễ pha nước uống rất thơm-tho.

12. — Hoa sen (1)

Trong đầm gì đẹp bằng sen...

Ca-dao có câu khen hoa sen là thể, nhưng theo ý riêng tôi thì hoa sen chẳng những là đẹp hơn cả trong đầm mà lại đẹp hơn cả trong các giống hoa. Hoa có hai thứ: một thứ trắng, một thứ đỏ, nhưng hoa trắng có phần thanh-tân khả-ái hơn nhiều.

Hoa nở về mùa hạ. Sắc hoa không sắc-sỡ, chỉ một màu thanh-bạch mà đủ làm cho tôn cái vẻ đẹp của hoa khác thường. Cánh hoa thẳng mà cao, lá hoa xanh mà chãi, có chiều siêu-việt, có vẻ thanh-cao.

Lúc hoa còn búp thì hình tròn mà nhọn, trông như ngòi bút lông của nhà nho ta, kịp đến lúc hoa nở thì mới thật đẹp sao! Ai thử đứng trên bờ hồ mà trông, không phải cái đẹp rõ-ràng rục-rờ như các giống hoa khác, mà đẹp một cách đậm-thấm kín-đáo như cái miệng tủm-tủm cười của người mỹ-nhân. Cánh hoa trắng-trắng nằm bên tấm lá xanh xanh, trên cái cọng mạnh mẽ, trong làn nước biêng-biểu, ánh phản-chiếu

tận đáy hồ, he-hé ngó vừa thấy được cái nhị vàng lấm-tấm.

Hoa khi đẹp về sáng - sớm, khi đẹp về chiều hôm, mỗi hồi mỗi vẻ, mười phân vẹn mười. Hạt sương buổi sáng lóng-lánh trên cánh hoa như giọt thu-ba điểm-nhiêm trên vẽ băng-cơ. Ngọn gió đêm thanh làm lay-dòng cánh hoa như dạng giai-nhân nhón - nhơ dưới bóng tân-nguyệt.

Vi chung gió thổi, hoa cười với
[trăng,

Hoa sở-dĩ qui là bởi cái tính-chất đậm-bạc, màu không sắc-sỡ chỉ lán-lạt mà giữ bền, mùi không nồng-nàn chỉ thoang-thoảng mà thơm lâu.

Hoa lại sở-dĩ qui là bởi cái phẩm-cách thanh-cao, thân sạch - trướng ở nơi đất bùn ô-trọc, nhưng :

Gần bùn mà chẳng hôi-tan mùi bùn.

Tính-chất đậm-bạc thì giữ được cái phong-độ bình-tổ; phẩm-cách thanh-cao thì giữ được cái đức-tinh cố-hữu; gần nơi ô-trọc mà giữ được cái bản-sắc thanh-bạch, cái hương-vị thơm-tho, không để cho mọi mùi đơ-bần dấp-dộng đến được mà riêng mình phiêu-phieu trong cõi gió trong nước sạch.

Hoa sen lại có một tính-cách này còn đáng nền yêu qui biết bao nhiêu, là cái cảnh nọ mà bề làm mấy đoạn nữa, để yên thì người ngoài ai cũng tưởng là phác-lia rời-rạc cả rồi, nhưng đến khi cầm lên một đoạn, thì những đoạn khác rậm-rấp cũng theo.

Dẫu lia ngó ý còn vương tơ lòng.

Tình-thần cố-kết biết chừng nào!

Màu không sắc-sỡ, chỉ lán-lạt mà giữ bền, mùi không nồng - nàn chỉ thoang-thoảng mà thơm lâu, cái cảnh này có hoa kia thì cũng xứng đó thay, mà ông hóa - công há phải là vô tình.

(1) Tuyết-Mai nữ-sĩ (N.-P. 125).

Bởi thế mà đã có người nhân cái đức-tinh hoa mà tặng cho cái danh-hiệu là « hoa quân-tử » thì tưởng hoa có thể nhận được mà không thẹn vậy.

13. — Hoa lan nguyệt-dạ (1)

Trước nhà tôi ở trọ học có trồng một giống hoa lan gọi là lan « Nguyệt-dạ » Tôi bình-sinh vẫn yêu-thích giống hoa này lắm, vì là một giống hoa có chiều thanh-tản, có bề u-nhã khác thường, trông ít có giống nào sánh được.

Xem sách thấy nói hoa lan có nhiều thứ, nhưng những giống quý thì như lan tổ-tám đó là giống tổ-lan, lan ngọc-quế đó là giống kiền-lan, song đó chỉ nghe mà chưa từng thấy được khi nào. Giống lan này chắc cũng là một giống lan quý mà mình chưa được biết trong phương-thổ gọi tên là gì, chỉ thường gọi là lan nguyệt-dạ. Vả hai chữ nguyệt-dạ ấy cũng đủ nhẽ, cũng đủ biểu được cái đức-tinh của hoa, thì cứ nên gọi như thế mà khỏi mất công tìm kiếm gì nữa.

Lá lan xanh sậm, dài độ đến bốn năm tấc tây. Lan nở không hạn là mùa nào, nhưng về mùa nắng mà có nước tưới rội cho thường thì bông nở nhiều hơn mùa mưa. Khi nào hoa muốn đâm bông, thì bụi nở, lá nhiều, mạnh-mẽ xanh tốt lắm, rồi thì chồi hoa dần dần lên. Một bụi chỉ độ có một cành mà thôi, cành tròn lớn hơn chiếc đũa, cao đến sáu bảy tấc, đến chín mười tấc tây là cùng. Hoa lên rất chậm và nở rất bền. Từ khi mới ở mặt đất chồi lên có độ hơn nửa tháng mới bắt đầu nở. Một cành ước được hơn vài chục bông, cứ lần lượt một ngày nở vài ba bông, cho đến khi nở hết cũng có ngoài hai mươi ngày.

Bông chưa nở, thì như hình cái ngòi bút lông mà dài, khi nở thì chia

làm sáu cánh nhọn, trong có nhị vàng. Mầu hoa chưa nở thì xanh-xanh, khi nở rồi thì trắng. Hoa thoạt trông thì rất đơn-sơ, chỉ có một chòm lá và một cành hoa, nhưng tế-nhận thì mới thấy có cái vẻ đẹp lạ. Đẹp từ cái lá cho đến cánh hoa, mỗi vẻ đều như biểu được cái nhược-chất siêu-nhiên, dịu-dàng khả-ái vô-cùng. Cái sắc hoa kia đẹp thì có đẹp thực, nhưng nếu chỉ có một cái vẻ đẹp không thì cũng chưa có gì là quý, mà cũng thiếu gì giống hoa khác đẹp được như thế. Hoa số-dĩ quý là qui ở cái đức sinh-hương; cái đức ấy mới là thẳng-đoạt được cả các thì em trong hoa-uyển. Giống hoa nào thì cũng thế, thơm hay là không thơm, mà có thơm thì lúc nào cũng như lúc nào, đều giữ một mực mà thôi, phần nhiều có giống hoa thơm khi mới nở, đến lúc gần tàn thì mùi hương nhạt dần. Đến bông hoa lan nguyệt-dạ này thì không thế. Hoa dẫu nở mà về ban ngày dẫu kẻ tận mũi ngửi cũng tịnh không có một mùi thơm nào. Ban ngày khi nắng gớm-ghè, ong bướm tấp-nập, thì cái hương-vị vẫn tàng-ẩn phong-kín mà giữ một cái thái-độ lãnh-đạm như không, chờ đêm đến, chiều viêm-nhiệt, tiếng huyền-nao đã hết, thì bấy giờ mới đem cái u-hương thanh-vị ra mà diu-dặt với trăng trong gió sạch, nắng nồng không giải được, ong bướm không phá được. Cũng nhân cái đức-tinh mà người ta mới mệnh-danh là hoa nguyệt-dạ, có người lại gọi là « dạ-lý-hương » mà tưởng hai chữ nguyệt-dạ, tuy không rõ, là thơm về ban đêm bằng chữ dạ-lý-hương, chớ dù gọi được cái đẹp và cả cái thần của hoa. Mà thực, còn gì bằng những lúc hoa nở mà gặp đêm có trăng, một cành tha-thướt dịu-dàng nhõn-nhờ dưới bóng trăng thanh-tĩnh; có bóng trăng sáng thì cái vẻ đẹp của hoa lại

(1) Tuyết-Mai nữ-sĩ.

càng tôn, màu trắng như băng trong tuyết diêm, rồi thì ngào-ngạt u-hương phát-sả ra từng trận nhẹ-nhàng thanh-đạm vô-cùng.

Chỗ huyền-náo thì tàng-ần, khi thanh-tĩnh thì riêng minh-tiêu-dao. Cái đức-tính ấy sao khá không phải là cái đức-tính tinh-trinh-tĩnh-u-nhàn của vị giai-nhân, sao khá không phải là cái đức-tính ần-dật-diêm-đạm của kẻ cao-sĩ, lại sao khá không phải là cái đức-tính tao-nhã-phong-lưu của người thi-nhân; muôn hồng nghìn tía, màu-sắc rực-rỡ, hương-vị nồng-nàn, hồ - đề đã có mấy giống có được cái đức-tính ấy.

Tôi còn nhớ, khi tôi còn ở Phương-thành, chủ - nhân Trí - Đức học-xá rất yêu giống hoa ấy, trước sân học-xá trồng la - liệt, hoa nở kế - tiếp nhau, không mấy khi dứt; những đêm giờ học đã mãn, ở học-xá bước ra được tiếp ngay cái cảnh trắng sáng hoa thơm, những khi ấy thì tôi cùng các chị em cùng nhau quanh - quẩn mãi dưới hoa mà huê - thủ đàm - tâm đề thưởng-hứng lấy cái hương-vị thanh-u giữa khoảng đêm khuya tĩnh-mịch thì thân-hồn nhẹ - nhàng trong-trẻo vô-cùng.

Bây giờ, tôi đã xa cách đất Phương-thành, về chốn cổ-hương, lên trọ học ở đây, chợt gặp được giống hoa lan nguyệt-dạ này, khiến cho tôi nhớ đến chuyện cũ tình xưa mà phải bàng-hoàng vô-cùng, cảm-khái vô-cùng, có khi đêm đã khuya trăng đã lạnh, mà tôi vẫn còn vơ-vẩn bên khóm hoa mãi không nở rời, vì mỗi lần tôi tiếp-xúc được cái hương-vị của hoa, thì hình như tôi tiếp-xúc được cái khí-vị đậm-ấm ở đất Phương - thành, những lúc ấy chính là những lúc tôi đang hồi-hồi ôn lại chuyện cũ vậy.

14. — Tre, trúc

Tre, trúc có nhiều chỗ dụng. Tre có nhiều thứ; thứ lá nhỏ, thứ lá lớn. Lá tre lớn cũng dùng gói bánh chưng. Tre nhỏ mới lên chừng ba bốn tấc gọi là măng. Măng tre là một món đồ ăn ngon, hoặc ăn muối, hoặc nấu canh gọi là canh măng. Người đi kiếm măng gọi là đi xăn măng.

Khi nào trời có hơi mưa mới có măng lên; măng tre làm vông, tre mạnh tông xăn dễ, còn là biết bao nhiêu người đi xăn măng tre gai lao-khổ tuôn mồ tuôn bụi trầy trụa hết cả mình. Gai tre độc, nếu mọc nhâm, hay đập nhâm thì sanh ra lở-lói, người nào thịt độc lại càng hại nhiều.

Trúc có hai thứ: một thứ cao lớn như tre, một thứ nhỏ là trúc kiềng, cắt nhánh mà cắm vào bình hoa thì thêm xinh-lich biết dường nào!

Tre, trúc không giống với loài mộc nào khác cả. Minh cây xa xa có mắt đều đều, vỏ cây tươi xanh, nhánh nhỏ, lá cũng nhỏ, mà rễ cũng không ăn sâu, vậy mà gặp khi giông to gió lớn không bao giờ trốc gốc lên được. Trúc thường làm sào treo trước nhà, làm nuôn mùng. Không-nhặt mắc thì cắt ra từng đoạn làm ống sáo thổi lên nghe rất êm tai. Có người làm ống diều dài tám chín tấc, một thước, trong để một chút nước và thường hút thuốc tâu hơn là thuốc chày. Người biết hút kéo hơi nghe ò-ò giống như hút ả-phiện. Cây nào ốm-ốm, cho ngay, đầu nhỏ gốc lớn thì làm cần câu, cần câu hay cần ống. Chẻ ra từng miếng nhỏ đương chiếu cũng tốt.

Tre còn dùng nhiều việc hơn trúc nữa. Chẻ tre ra đương thúng, đương sàng, đương sạ, đương khèn, đương võ, đương ky, v. v.. Tốt nhất là đương tre cật (tre có võ) dùng được lâu bền. Người chẻ lạt lợp nhà dùng tre non. Làm đũa nó dùng tre dài bốn năm

thước. Lớn cây, làm đòn tay, cột nhà, dùng vách nhà, có khi không có cây sắt thì dùng tre làm gộp lợp nhà cũng được. Mà nhất là thợ cất nhà ngói hay dùng tre làm giàng trổ cất nhà cả hai ba tầng. Tre làm vòng làm sào chống ghe, làm roi đánh nghề.

Ở Mã-tiên ít tre, cho nên muốn làm nò cũng là có chuyện gì phải dùng tre nhiều thì người ta đi ra Tinh-biên, Núi-sam, mua rồi kết bè thả về, hay chở ghe cũng tiện. Trời êm, thì đi đốn tre ở các hoang-đảo.

15. — Trái cây, khoai đậu

Dừa, cau và xoài, dừa hầu là nhiều hơn cả.

Không nơi nào là không có, mà nhiều nhất là Hòa-phẫu, Bãi-ớt, Phú-quốc, Mũi-nai.

Xóm Bạch-vượt trồng rôm xoài, quít, bưởi. Hòa-phẫu trồng chuối, mía, cau, dừa.

Gặt lúa rồi vào tháng 10 tháng 11, cây dất lại một lần nữa và trồng dừa trồng cải. Trồng dừa hầu khô tưới cho lắm, còn cải thì phải vô phân cả và săn-sóc cho thường.

Trước phải cuốc vòng rồi mới bỏ hột. Hai vòng cách nhau một lần cây. Dừa lớn lên, thì đem phân dồ vào lần cây ấy, trên vòng tú rơm đều cả, tưới nước khô xối rã cây và dất phân không chài cho lắm. Dừa bỏ hột cách khoảng hai ba gang tay. Dừa khít quá, phải tỉa bớt lá cho dây được lớn.

Đất trồng phải cho xốp, rã dầm tua ra và ăn xuống thật sâu. Nhiều giống không hợp mấy nơi nê-địa và phải các chỗ nước đọng vững lại.

Đất nuôi dưỡng cho thảo-mộc, nhưng cũng phải cấp lương cho dất mới đặng. Mỗi thứ cây là phải dùng một thứ phân khác nhau.

Có nhiều loại như măng - cụt, trái bôm, trái vải, sa-kê, sá-ly, sấu-riêng ở

dây khó trồng nhất. Cây dừa, cây cau cao trật ột, Thân cây có mắt nhật và ngay, Lá có tào - dài, trái có quày. Trên có bẹ, lá xây vòng theo từ củ hủ chi dọt. Còn thân cây trơ-trọi suông sẽ không có nhánh lá chi cả.

Dừa bị là dừa cây cao, lớn trái, dày cơm. Trái gần bằng cái thùng nhỏ. Ruột lột rồi bằng trái dừa xiêm chưa lột, vỏ dừa dùng để bình trà. Dừa bị mắc tiền, một chục có dẫu, 11 trái, bán 5,6 cắc. Có khi dừa mắc bán đến 8,9 cắc, một đồng không chừng. Dừa xiêm một chục chừng 4 cắc sắp xuống. Dừa lủa vỏ dỏ, có giống lớn như dừa bị. Dừa xiêm cây lùn, vỏ mỏng nhỏ trái mỏng cơm, để uống nước, ăn tươi, hay là kho thịt cá. Ruột dừa khô để thối dầu.

Dừa còn non nước đục đục. Dừa già, thì nước trong và để dùng làm các thứ bánh ngọt. Dừa bị thường bẻ, dừa khô hay lác nước.

Gáo dừa để chụm, hay làm gáo múc nước. Xác dừa làm bánh dầu vô phân thuốc.

Quày dừa nào sai chừng hai chục có dẫu. Khi nào bị sóc chuột ăn còn chừng 5,6 trái. Quày nào ít thì trái lớn. Trái nào cũng có cuống dính vào quày rất chắc-chắn. Loại dừa và cau ở chỗ nóng-nảy, có dất-cát và hơi thấp là dất-pháp hơn cả. Đất cao, không nóng nực, không ướt-át, thì sanh trái muộn, hay là hoa quả thừa-thớt.

Lệ mướn bẻ dừa xiêm hoặc dừa bị cũng đồng giá mỗi chục là năm xu. Dừa xiêm phải bẻ nguyên quày và thông dây xuống. Còn dừa bị cứ đập dứa xuống. Trái nào bẻ chảy nước thì bỏ riêng không tính tiền.

Cau lớn như trái quít, để ăn trầu. Cau bửa ra đem phơi, hay sấy làm cau khô, bán dặng tiền. Cau già phơi khô gọi cau tầm vung, tiếng Cao-miên.

Cách chừng một tháng nay, dứa lên giá. Dừa khô bán bốn năm đồng một trăm. Cau cũng lên giá, ba đồng một trăm.

Cây cam cây quít không có trái thường, gần tết mới thấy bán. Cây bưởi tán hơi to, lá nhỏ, và có ngắn phân lá bưởi làm hai khúc. Cây thường có trái lối tháng chín, tháng mười. Có cây, đến tháng giêng, tháng chạp còn trổ bông muộn. Bông bưởi trắng tốt, thơm nhẹ mũi. Bưởi có nhiều thứ. Thứ vỏ tròn-trịa kêu là yều. Thứ có núm trên mới kêu là bưởi. Thứ ruột đỏ, thứ ruột trắng. Bưởi nào đỏ là bưởi ta, bưởi nào trắng, nhỏ mũi là bưởi xiêm.

Tiếng yều là tiếng của người Khách đưng.

Có một thứ bưởi trắng nhỏ chừng bằng cái chén kêu là bưởi đưng. Bưởi đó bán một trái năm xu; bưởi trắng một cắc hay tám xu không chừng. Bưởi đưng vỏ thật mỏng, bán một cắc rưỡi hay hai cắc một trái. Có một thứ bưởi khác để trưng chớ ăn không được. Trái bưởi lớn bằng hai trái bưởi xiêm, nhưng thịt ở trong chừng bằng cái chén chung.

Thơm để chín mới bẻ, còn xoài thì bẻ sống trên cây, rồi đem vỏ khạp dù cho chín. Xoài bán không chừng. Thất mùa thì bán mắc. Đất núi trồng xoài dặng ngon ngọt. Thường xoài dài trái kêu xoài thanh-ca; xoài tròn nhỏ trái, kêu xoài voi.

Xoài là một thứ cây nhiều nhánh, gốc lùn, tán lớn và tròn, trái sống chua trái chín ngọt, ở trong có một hạt lớn. Xoài non thì xanh, chín rồi thì đỏ. Xoài tượng vỏ mỏng, mùi thơm, thứ này bán được tiền, và hươm-hướm thì ăn với nước mắm đường, không đợi chín. Xoài xiêm trái dài mà dày vỏ, ăn rất ngọt, nhưng chưa bằng xoài tượng. Vào độ tháng hai, tháng ba là mùa

xoài chín. Thứ xoài tượng, bẻ gần đó đầu mà bị trời mưa thì có giòi; vì thế nên mắc tiền.

Đến tháng một hay tháng chạp thì trổ lộc (thay lá), mùa xuân trổ bông; qua tháng ba tháng tư đã có bông có trái. Bước qua tháng năm tháng sáu thì có xoài già, trễ lắm là tháng bảy tháng tám. Xoài còn nhiều thứ: xoài cơm, xoài đu-đu, xoài ghè. Xoài cơm trái nhỏ, vừa hơn ngón tay cái, lúc chín màu đỏ tươi - tốt, nhưng thịt không ngọt lắm, hạt lớn mà thịt ít, hồi còn sống chua quá, không ăn được. Xoài ghè lớn bằng bắp tay bán đến tám, chín xu hay một cắc ngoài một trái; thường ăn già ngon hơn ăn chín, đã giòn mà lại không chua. Xoài đu-đu ăn sống rất ngon, ăn giòn như khoai lang và cũng không chua.

Mỗi năm cây xoài nào trổ được chừng năm thiên, về lớn về nhỏ. Đu-đu, sa - bó - chề đều có trái bốn mùa.

Cây lựu có nhánh mảnh-mai, lá nhỏ hơi dài. Cây có gai lôm-chôm, trái tròn có múống như múống dền. Trong ruột từng hạt nhỏ dính nhau. Có hai thứ lựu, lựu bạch và lựu đỏ. Trái treo tòn-ten theo nhánh bỏ nặng-nề lắm. Cây nào không bông trái người lại lấy dây buộc vào quãng nhánh xuống cho nứt bông ra. Trái lựu vỏ mỏng chia làm mấy ngăn bẻ ra, thì thỉnh-thoảng lại gặp cái bọc chân ngang qua, mỏng như tờ giấy tinh. Một trái chừng 5 xu, đến tháng hạn lại có nhiều.

Cây ổi nhiều hơn cả, đầu đầu cũng có, trái như trái cau, trong ruột có nhiều hạt nhỏ. Ổi mới vừa chín kêu là ổi chua, thiệt chín là ổi chín. Ổi lớn như chén ăn cơm gọi là ổi tây, ổi nhỏ như ngón tay gọi là ổi sẻ.

Lê, mạn, đào, lý mỗi năm có trái hai lần về mùa xuân, mùa thu. Cây mạn trái nhỏ, màu trắng, hơn ửng đỏ. Cây đào trái lớn hơn trái mạn, ruột trắng

vỏ đỏ bầm, trong có một hạt mà thôi. Bông đào đỏ ầu chua-chua, gió mạnh thì rụng đỏ đất.

Cây nhãn có tàn rậm, nhánh nhiều, lá nhỏ và dày, bản lớn chừng hai ngón tay, cây chắc-chắn dẻo-dai như cây su, cây ổi. Đến tháng sáu tháng bảy đã có bông trái. Trái lớn bằng đầu ngón tay ngón chân thì phải lo bỏ lẫn. Bỏ bằng rổ tre đương nhật hay bao bằng đệm bươm sợ giới ăn ban đêm. Có người lại lấy lưới bao trùm cả cây nhãn lại, vì sợ lúc buộc rổ động mạnh nó cũng rụng hết. Thử nhãn tốt hơn hết khi chín rồi lớn bằng ngón chân cái. Ban đêm đã bị giới, ban ngày lại bị sóc. Trái nhãn có bao rổ, đến khi chín mở ra, thì vỏ trắng - trẻo, lớp trong có thịt trong ngần, có nước ngọt, trong nữa là cái hạt đen rất tròn. Trái nào thịt bao được giáp là trái già và hạt đen. Trái chưa già thịt ít và hạt nửa đen nửa trắng. Nhãn thường bán một trăm là năm cắc. Nhãn nhiều nhất là tháng bảy, tháng tám. Nhãn nhục, thịt nhãn phơi khô, làm món thuốc bổ.

Mãng-cầu ta (quả na) nhỏ trái mà thật ngọt, măng-cầu xiêm hơi chua. Hình-tích măng - cầu ngoài da cóc, trong bột lọc, chính giữa đậu đen. Nghe đâu chốn nhà quê ngoài Bắc gọi hạt măng - cầu là hạt dền. Đu-đu không được ngon lắm. Trái còn sống thì dùng làm nhám, làm gỏi, chín thì ăn chín. Đu-đu là thuốc nhuận-trường, nhưng người bệnh ăn hay trúng.

Lá đu-đu nguyên một cọng dài ra, trong có bông, chót cọng có lá, trẻ con hay dùng thổi kèn. Đu-đu tây không có hạt, đu-đu ta nhiều hạt. Khi còn sống thì thịt trắng, khi chín thì thịt đỏ.

Chuối có nhiều thứ: chuối hạt, chuối cau, chuối cơm, chuối già hương, chuối già lòng, chuối lửa, chuối mật. Chuối xiêm hay là chuối sứ Chuối mật,

chuối hạt đã không ngon mà lại rẻ tiền. Bán một cắc ngoài hai cắc một nải, còn chuối già 3 xu một trái, bởi nó dài trái, và lớn bằng cườm tay. Chuối lửa mình cây hơi nâu. Trái sống nâu sậm, lúc chín lại đỏ như lửa nên đặt là chuối lửa. Lúc Tết chuối ấy bán rất đắt tiền, cứ đếm mỗi trái là hai xu, cũng không đủ mà bán. Thường chuối này một quày, được tốt hơn hết là bốn nải với một chót mà thôi, chớ không nhiều hơn. Chuối con chộn gỏi thịt vịt, chuối cây xắt ra, già nhỏ chộn cám cho heo ăn. Bẹ chuối tước làm chỉ lướt. Lá gói nem, gói bánh, lá khô nhồi nộm, nhồi gỏi dứa. Cây chuối nào sai thì một quày cả gần hai trăm trái. Chuối bán 6, 7 cắc một trăm mà có đầu, một chục có thêm ba bốn trái. Chuối xiêm chín, có dùng để vỏ bánh bông cỏ.

Chuối tiêu, chuối lá ta. Ngon nhất là chuối cau, nhỏ trái. Chuối lá xiêm ăn bổ-duỡng và nhuận - trường Chuối tiêu nhỏ như ngón tay, khó trồng. Chuối già hương, dầu chín và vỏ hơi xanh xanh vàng vàng và ngọt. Giống chuối này không ai cúng-kiếng bao giờ mà cũng không biết tại sao.

Chuối thường là một bắp. Nhưng có khi, thấy nhật-báo nói có chuối 6, 7 bắp.

Quảng - nam, Thăng - bình, đất của ông Bùi Hoè, trong đám chuối ấy, mấy cây to lớn cũng chỉ trở một bắp như thường, có cây chuối nhỏ hơn, thấp hơn mà lại trở rõ-ràng lớn nhỏ là bảy bắp. Ngày 2 tháng 11, trở một bắp lớn và hai bắp nhỏ, cách một ngày trở thêm hai bắp, sang ngày thứ ba, trở thêm hai bắp nữa, cộng 7 bắp. (Tiếng Dân 23. 11. 27)

Chuối lá ta với chuối lá xiêm khác nhau, một thứ trái ốm, một thứ vỏ vàng lợt, một thứ vừa vàng-vàng đen-đen. Chuối lá xiêm có hạt nhỏ như hạt tiêu. Chuối trồng bứng con, không ương hạt.

Chuối lá xiêm có khi ăn chín, khi ăn chền, khi lại nấu, còn mấy thứ kia để chín ăn mà thôi.

Trái mít có gai, thịt chia ra từng miếng hay múi, ở trong có hạt. Hạt mít nướng hay nấu, ăn bùi bùi. Cây mít tựa như cây xoài, lá lớn hơn, nhưng trái không giống. Trái mít thường dính theo thân cây chứ không ở ngoài nhánh. Trái từ trên ngọn xuống tới gốc. Cây nào thật sai thì có 4, chục trái. Mít dứa, mít nghệ có thứ com dày com mỏng khác nhau. Trái lớn đến cả óm, khi chín thì vàng; trái nhỏ mà chai không thể chín được thì dùng nấu canh, kều lá mít nài. Có hai thứ mít, mít ráo và mít ướt. Mít ráo ngon, và mắc tiền hơn. Vỏ mít bao ngoài đều có gai vàng nhỏ nhỏ, ở khít nhau, khắp cả trái mít. Còn mít ướt thịt nhão-nhão, cũng hạt cũng vỏ, nhưng khác có bấy nhiêu. Thường mấy trẻ nhỏ hay khóc, người kều lá dứa mít ướt.

Mít ráo mỗi trái bán chừng hai ba đồng tùy theo lớn nhỏ, còn mít ướt bán chừng một đồng hay một đồng rưỡi là mắc.

Trái chùm ruột chua và nhỏ bằng ngón tay. Người ta ăn sống, ăn muối, hay là làm mứt. Bắp, mía, khoai, dưa, đậu muốn trồng phải lên vòng mới được. Các thứ cây này không ưa đất cứng và không dễ cho khô khát được. Ở Hà-tiên, trồng bắp về mùa đông, tháng 10 bỏ hạt, tết thì bán. Phải vun phân tưới nước cho thường. Các chỗ khác như Châu - đốc, Cái-vùng, thì trồng về mùa mưa. Bắp vừa có hạt thì bẻ bớt ngọn đi, cho bắp mau già và lớn hạt nữa.

Các thứ rau như hành, họ là thuộc về ngũ-vị-tân; rau húng, rau răm, rau cần, rau cần nước, cải tần-ò, tía-tô, lá quế, rau om, rau dền, rau vấp-cá, rau má, rau muống, càng cua, vãn-vãn... Lá quế ăn cay cay, dài và xanh, có nõi gân. Lá tía-tô tròn và tím tím.

*Tròn tròn như lá tía-tô,
Uống nước ao hồ, dầu ướt đuôi khò.*

Rau vấp cá dễ trồng hơn hết, lúc mới bắt đầu trồng chừng một vài cây thì về sau nó mọc lan ra cả đám cả vườn. Rau vấp cá giống hình quả tim dây truyền. Rau ấy không cần vô phân tưới nước cho thường, nắng mưa cũng chịu được. Người thường ăn sống, còn nấu chín có mùi hôi, không ăn được. Rau ngành-nghang giống như đợt non cây xoài. Đợt sắng ăn sống cũng ngon. Đều là thứ rau hay mọc hoang, chỗ nào sạch cỏ thì có dền. Hành phải đồ đất phân cho thiệt tốt thì hành mới lên cứng-cáp mập-mạp. Chung quanh phải cắm cây dăng lười sợ gà bới phá, nếu có chút chi động dền, thì hành rạp xuống hết, vì hành là thứ cây suông-suông duông-duột trong một bông thong.

Thứ nào phân đầy nước đủ thời màu xanh sậm. Hành dùng bỏ vào canh cho thơm chứ không ăn sống.

*Vì dẫu cá bống nấu canh,
Bỏ tiêu cho ngọt bỏ hành cho thơm.*

Ớt có nhiều thứ: ớt tây, ớt sừng, ớt trắng, ớt nút áo, ớt sẻ, ớt hiểm. Ớt tây lớn xấp-xỉ, ớt sừng không có mùi cay; dễ chọn với cải ăn sống. Ớt trắng còn sống thì màu trắng, khi chín thì đỏ dợt. Ớt nút áo vẫn trái mà mập. Ớt sừng, ớt sẻ, ớt hiểm, màu thường thay đổi « già thì đỏ, nhỏ thì xanh ». Ớt hiểm nhỏ hơn nút dĩa mà cay hơn cả. Thứ cay nhiều, thứ cay ít, bao giờ có « ớt nào là ớt chẳng cay. »

Ngò tàu lá nhỏ, mảnh-mai, màu xanh dợt, người ít nấu chín, chỉ để một vài sợi trên món đồ ăn để xem cho đẹp mà thôi. Ít ai trồng, vì bán không đáng tiền. Mò om, lá quế thường dùng bỏ vào nồi canh chua, khi canh sắp chín, cho bán mùi cá đi. Mò om cộng lớn trắng, lá nhỏ bao chung quanh, bề cao chừng hai ba tấc.

Sả ở dưới có một cọng, ở trên có nhiều lá nhỏ và bên như lá tranh. Sả dùng củ mà thôi, lá đều bỏ hết.

Nghệ có củ, màu vàng sậm, xắt nhỏ bỏ vào canh, canh cũng vàng luôn.

Rau húng cây, rau húng lũi, thường bỏ vào thịt gà xé phay, cho có mùi thơm. Rau húng cây cọng cứng Rau húng lũi thì bò dài theo mặt đất.

Ngò tây lá lớn hơn ngò tàu; bề ngang hơn ngón tay, bề dài hơn một tấc. Bụi ngò mọc một chỗ, mà lá xây vòng trên mặt đất, trông ra như hình cái đĩa.

Bạc-hà hình như cây môn, tai lớn, lá lớn như sàng gạo. Bề cao bằng đầu, bề lớn bằng cổ chân. Dùng để ăn sống hay xào thịt. Phải lột hết vỏ ngoài, đừng ăn khỏi ngứa. Mùa nắng, ăn bạc-hà hay ngứa. Bạc-hà thịt giòn, có lỗ nhỏ, lá giống như lá môn, đồ nước không ướt được. Mỗi tháng phải vỏ phân cho thường.

Rau sam, rau tần dầy lá để làm thuốc uống. Rau muống mọc dưới ao. Rau muống là món ăn qua bữa của kẻ nghèo.

Có nhiều thứ cải, cải trắng, cải xanh, cải rồ, cải bắp, cải củ, cải diếp, tai bèo, cải ô-rô, cải cúc, cải bắc-thảo. Cải tai bèo ăn sống giòn, giá mắc hơn cả. Cải trồng mùa hạ, vì mùa nam nước nhiều hay bầy gốc. Hai thứ cải bẹ xanh, bẹ trắng không có củ, chỉ dùng lá bán tươi, hoặc đem muối làm dưa. Còn cải củ vừa lá vừa củ đều bốp xổi ăn được. Củ dài, da trắng. Củ nào thịt xốp lá thứ không ngon. Người mua về ăn sống nấu canh, hoặc bỏ giấm, bỏ nước mắm để ăn lâu ngày.

Cà có ba thứ: cà xanh, cà nâu, và cà đĩa.

*Sớm mai đi dạo vườn cà,
Cà non chấm mắm, cà già làm dưa.*

Bí đao, bí rợ hai thứ khác nhau. Bí đao dài và xanh; bí rợ tròn, dẹp và vàng. Hai thứ bí để nấu canh. Bí đao

cũng làm mứt kêu mứt bí. Bầu, mướp cũng làm mứt kêu mứt bí. Bầu, mướp trồng phải làm giàn cho nó leo. Khi có trái, thì trái nó thông xuống coi rất nặng-nề. Khổ-qua cũng một giống với bầu mướp, trái đắng ăn mát. Khi lỡ đói mà phải ăn cũng lấy làm khó ăn.

Nuốt vô sợ đắng, nhả ra bạn cười.

Bông bí rợ nhiều quá thì bẻ bán bớt. Còn khổ-qua hay sợ ong phá. Khi nụ còn nhỏ, thì lấy giấy nhựt-trình hay lá bao nhan xanh đồ bọc lại kín đáo. Các giống ấy trồng phải tưới thường. Bầu khác hơn trái mướp, cuống nhỏ, khúc gấu cuống cũng nhỏ, phía dưới lại to. Da hơi xanh có nhiều đốm trắng, trong có bột mềm. Bầu sao ngon hơn và mắc hơn bầu ve bầu thúng. Mướp có nhiều thứ: mướp hương, mướp khía, mướp hồ. Mướp hồ nhỏ trắng và ít trái, nên không thương trồng. Vỏ bầu thiệt già dùng đựng gạo đựng cả rượu, một túi gió trắng lơ-lửng bốn phương trời.

*Cỏ-nhân cũng hay nói đến cái bầu:
Đãi cơm bầu nước cũng thung-dung,
Tết đến mà chỉ phải rộn lòng.*

Trái mướp ngoài vỏ có lông nhỏ, màu xanh sậm, trái thì cong, trái thì ngay. Thịt không ngon bằng trái bầu.

Dưa có nhiều giống, dưa gang, dưa hấu, dưa chuột. Dưa hấu có ba thứ: dưa tròn, dưa dài và dưa sọc. Khi còn non không lớn được, thì hái đem bán gọi là dưa hương. Dưa hấu là món chánh trong ngày Nguyên - dân. Dưa hấu nhờ sương mà tốt, mùa đông, đất khô cháy, mà trồng được. Gặp mưa nhiều thì hư hết. Dưa hấu vỏ xanh, thịt đỏ, hột đen, cũng còn tên gọi là Việt-nga-qua.

*Ngoài xanh trong đỏ như gian;
Quan yêu dân chuộng, đặt ràng hai tên.*

Thơm có mùa; tháng 4 tháng 5 nhiều hơn hết; thơm Cần-giọt không thua gì thơm tiem trên Thủ-đầu-một.

Các thứ đậu trồng về mùa Nam, như đậu phộng, đậu đũa, đậu rồng, đậu móng chim. Trái đậu phộng ở dưới mặt đất, chớ không ở trên nhánh như mấy thứ đậu khác.

Khoai mỡ, khoai môn, khoai ngọt, khoai ngà, khoai tím, khoai từ-thạch, khoai từ - củi, khoai sắn, khoai lan trắng ruột, hay là đồ vỏ, khoai mì, khoai từ, đều trồng vào độ tháng chín. Khoai môn là thứ khoai để nấu chè, hay luộc đi mà cúng trắng răm tét Trung-thu. Khoai trồng đầu mùa Nam, gần tết đào củ.

Ca-đao có nhiều câu dạy cách trồng rau cải :

*Kh_oan-khoan b_o m_u hái rau,
Xin đừng ngắt ngọn, để rau dằm chồi,
— Cải non ba lá, ai nỡ ngắt ngọn,
Ở mà nuôi mẹ, lấy chồng bao làm.*

Nói về rau, lại có mấy câu ca-đao nữa :

*— Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay.
— Trời ơi, ngó xuống mà coi,
Rau răm nó hại chết tươi gà nòi.
— Chờ em cho hết sức chờ,
Chờ cho rau muống lên bờ trở bóng.*

(Còn nữa)

ĐOÀN TỌA VỊ-THIỆT

Câu chuyện vật bằng Nam-âm ngoài những cuộc chơi chèo, chơi tuồng, chơi ã đào, chơi xầm ra, cũng nhiều câu có lý-thú ; người nói ra qua miệng bất-giác tự mình rung đùi vỗ bàn, mà người đã nghe lọt vào tai bất-giác tự mình cũng cười hoa cợt nụ, có vẻ hùng - hồn tự - nhiên. Song cái thể - giới của câu chuyện vật cũng theo hoán-cảnh càng ngày càng thịnh càng lan rộng thêm ra, nhân - văn liền lên bao nhiêu thì vũ - dục của câu chuyện vật cũng theo trình-độ mà ruổi theo từng bước dài. Tuy thế, nhưng tóm - tắt lại những câu khả-dĩ làm thi-biểu cho đời sau truyền-lung thì cũng ít có.

Đây chuyết-giả chỉ cóp nhật riêng về mặt « vấn-đáp cõ-thể » của bậc phong-lưu tử-đế trong chốn thôn quê, những khi chén rượu trong hoa, cung cầm dưới nguyệt, là khi chuyết-giả được dự nghe. Tài-liệu của câu chuyện đó toàn ghép những lời nói bóng, nói phiêu, nói tản, nói lửng, cũng như lối Cổ-nhạc-phủ : « Cảo châm kim hà tại 藜砧今何在, sơn-thượng phục hữu sơn 山上復有山 ; Hà nhật đại đao đầu 何日大刀頭, phá kính phi thượng-thiên 破鏡飛上天. » Xin lược sao phân-minh, mà nhan đề cho bốn chữ là : « Đoàn-tọa vị-thiệt 團坐喫舌. » Nghĩa là một cảnh gia-đình đầm - thắm, kẻ vui xum-hạp, người chuyết-khôi-hải. Có mầu có vị, có vẻ êm-dềm dịu-dàng, ai nấy đều khuy-nh-tám chú-mục đem hết cả tinh-thần mẫn-tiếp ra mà lý-hội những điều u-ần cho đúng.

Trong bài này lại chia ra làm sáu mục : Nhân-loại 人類 ; Văn-tự 文字, Khi-dụng 器用 ; Thực-phẩm 食品 ; Động-vật 動物 và Thực-vật 植物, v. v..

1. — Nhân-loại 人類

I

Một miếng thịt chó,
Thì đồ hai người;
Bầm lạy ông lớn.

Câu đó là quan Trọng-nguyên. Chữ *trọng* 狀 thì bên tả có chữ *phiến* ngược 引, bên hữu có chữ *khuyển* 犬. *Phiến* là một miếng, *khuyển* là chó. Chữ *nguyên* 元 trên chữ *nhị* 二, dưới chữ *nhân* 人; *nhị-nhân* là hai người. Tiếng ông-lớn là huy-hiệu nôm riêng của quan-trưởng.

2

Đầu thượng vô Nghiêu Thuấn.

頭 上 無 堯 舜

Túc hạ hữu Vũ Thang.

足 下 有 武 湯

Bạc đồ ai đang,
đổ chàng giăng được?

Chữ *nghiêu* cũng có chữ ghép chữ *mục* bên tả thành chữ *nghiêu* 曉 nghĩa là người sâu hoắm mắt. Chữ *thuấn* cũng có chữ ghép chữ *mục* bên tả thành chữ *thuấn* 瞬 nghĩa là người hay máy mắt. Vũ nghĩa là bước chân. Vua Thành-thang tên húy là Lý 履, lý nguyên nghĩa là chiếc giày. Vậy chương này giảng là một câu « công-tử bột », mặt-mũi khôi-ngô, chân đi giày-dép.

3

Bốn chân rồi lại hai chân,
Hai chân rồi lại ba chân văng văng.

Chương này là bảo một đời người, từ lúc sơ-sinh trải đến lúc tám chín mười mười tuổi. Lúc sơ-sinh thì bò, dùng cả hai tay hai chân, thế là bốn chân. Khi đã biết chạy thì đi hai chân, tới khi già-cả mắt lòa chân chậm thì lại phải dùng một chiếc gậy long-chung nữa, thế là ba chân.

4

Năm ông mười bốn tuổi,
Chạy ra đi vào trong hang;
Bắt được đôi châu - chàng,
Đem ra vật oét, oét.

Là người bắt nước mũi. Năm ông là năm ngón tay. Người ta tính tuổi thường gior bàn tay ra tính từng đôi thì biết, vậy đây năm ngón tay có 14 đốt tức là 14 tuổi. Đôi châu-chàng là đôi dòng nước mũi. Lỗ mũi là hang

5

Trên dà dưới đá,
Giữa có con cá lớn-bơn.

Là cái mồm. Đá là răng, trên dưới là hai hàm. Cá lớn-bơn thường ở sông, trắng mà giẹp, hình như chiếc bimbíp (bắp cau), nhưng đây là trở vào cái lưỡi mà nói.

6

Năm ông đội mũ lên rừng,
Bắt quân đen lưng bỏ vào hang đá.

Là người bắt chấy. Năm ông là năm ngón tay; nhiều cây là rừng, đây tức là tóc; quân đen - lưng là bọ chấy; hang đá là hàm răng. Con chấy cũng hình - dáng như con rận, nhưng mình thì đen hơn, đều là loài bọ hút máu người ta. Dân dã-mạn chưa biết cách vệ-sinh, không hay tắm gội, mình-mây bần-thiêu, rận chấy sinh-sôi ra, thậm-chi khi thư-thả bắt rận chấy đòi cho nhau, bắt-ky lớn bé, bắt được là bỏ mồm nhấm tuốt, trông mà ghê mình thay.

Sách *Tắc-nan* 塞難 của Bão-Phác-Tử 抱朴子 có câu rằng: « Rận chấy là giống ta đây sinh ra, thế mà nó không công - nhận ta là cha mẹ nó, mà ta cũng không công - nhận nó là con-cháu ta. » Lời nói bật - bỡng mà nực cười.

7

Nước trong vẫn-vắt,
Nước đục lờ-lờ.

*Cổ mọc hai bờ,
Giữa trẻ đứng chơi.*

Là con mắt. Nước trong nước đục là nước mắt và dữ mắt. Mắt có mí trên mí dưới thường mọc hàng lông ngang để giữ rơm-bụi, cũng tựa như cái màn để che, nên gọi là nhãn-liêm 眼簾. Lông đó tục gọi là lông mày, nhưng lầm, không phải, lông mày là lông mi 眉. Chỉ theo như sách lâu thì là tiệp - mao 睫毛, song dịch ra tiếng An-Nam ta thì chưa có. Đứa trẻ là cái đồng-tử 瞳子 ở trong lòng đen. Chỗ đó tròn bằng hột ngô sáng như gương vậy, dùng để phản - chiếu muôn vật mà chủ-trương cho toàn-thể. Tục gọi là con-người.

8

Tam đầu nhất vĩ, Lục nhãn lục nhĩ,
頭一尾。六眼六耳。

Tứ túc chỉ thiên, Tứ túc chỉ địa.
四足指天。四足指地

Là hai người khiêng một con lợn.

II. — Văn-tự 文字

9

Bất tại Nghiêu Thuấn,
不在堯舜。

Nhi tại Đường Ngụ.
而在唐虞。

Bất tại Thang Vũ,
不在湯武。

Nhi tại Thương Chu.
而在商周。

Nhân nhân tôn tại thủ.
人人尊在首。

Là chữ khẩu 口. Đường Ngụ là tên họ vua Nghiêu vua Thuấn, Thương Chu là tên họ vua Thang vua Vũ. Chữ nghiêu, thuấn, thang và vũ thì không từng khẩu, mà chữ đường, ngụ, thương và chu thì đều có khẩu giữa.

10

Tả quân tự,
左君字。

Hữu diệc quân tự.
右亦君字。

Là chữ vấn 問. Chương này nguyên là của cụ Thiệu Nghiêu-Phu 邵堯夫 xem phép « mai-hoa tản-tự » cho vua Thận-tôn triều Tống.

11

*Troc đầu mang tiếng bất-lương,
Chẳng vương một chút, để-vương
rõ-ràng.*

Là chữ cấn 艮 và chữ ngọc 玉.

Chương này nguyên của bọn Khách kéo chữ khi xưa. Lâu nay nhờ ơn Chinh-phủ chủ-ý vẽ mặt khai-hóa, nghiệm-cấm những phường đồ-bác, nên bọn đó phải thảo về mạn thượng-du giáp-ải, chứ ở trung-châu thì tây-chạy đã lâu.

12

*Lời vàng vàng linh ý cao,
Một vàng trắng khuyết, ba sao giữa trời.*

Đây là câu tập Kiều Nhà văn lấy trong ý-tứ mà suy, thi là chữ tâm 心. Người ta nói ra lời này tiếng khác, là do ở ý-nghĩ ra, mà ý nghĩ tức bởi con tâm nó ấn - định. Hình - dạng chữ tâm có nét vòng dưới hết như nửa vàng trắng đêm mỏng 4 mỏng 5; ba nét chấm phân hàng ở trên hết như ngôi Tử-vi ở giữa trung - tâm-diêm, mà ngôi Nam-tào Bắc-dầu triều-cung hai bên.

13

*Một ngang, hai phẩy,
Ba sỏ, bốn chấm.*

Là chữ bất 不. Phép viết chữ bất phải nét ngang trước, thứ hai nét phẩy thứ ba nét sỏ, thứ bốn đến nét chấm.

14

Xet, tòm, tòm, tòm, xet ;

Ngũng - ngoẵng, ngũng - ngoẵng,
ngũng-ngoẵng ;

Tòm, tòm, tòm, tòm.

Là chữ 爲. Xet là nét phẩy, ý bảo viết nét phẩy phải dùng sức mạnh, bút kêu nghe xèn-xet. Ngũng - ngoẵng là nét vòng thước-thợ. Tòm là tiếng trống kêu, nhưng đây là nét chấm.

15

Hai chữ thập + dấp chữ viết 日,
Anh khản nguyệt 月 đứng trông.

Là chữ triêu, 日.

16

Một ngang hai sỏ,

Giữa có tổ bồ cu,

Hai cái trái củ từ,

Đeo lũng - lơ lũng-lũng.

Là chữ kỳ, 其.

17

Chim chích máy đồ cành tre,

Thập trên tứ dưới nhất đề con tám.

Là chữ đức 德. Chữ 十 Tự-diễn âm là sắc, nghĩa là đi thông - thả. Song đây lại gọi là chim - chích, ngờ rằng sắc với chích thanh - âm tựa nhau, là một lẽ. Hay là thủ-tượng nó như con chim chích đậu trên cành tre chẳng. Nghĩa đó xin đợi bậc cao-minh chính cho.

18

Hoà đao mộc lạc,

禾刀木落。

Thập bát tử thành.

十 八 子 成。

Hòa-dao-mộc là chữ Lê 黎, Thập-bát-tử là chữ Lý, 李.

19

Đông - A xuất nhật.

東 阿 出 日。

Đông-a xuất nhật, nghĩa là mặt trời mọc ở phương đông. Nhưng chữ đông 東 với nửa chữ a 日 ghép lại là chữ Trần 陳.

Hai chương này là trích chữ ở bài sấm - văn viết vào cây bông 棉木文 trước chùa Cổ-pháp (古法寺) Bắc-ninh, vào đời Lê Ngoạ-triều. Ý bảo họ Lê mất thì họ Lý lên, rồi họ Trần lại nối.

20

Nhật phụ mộc lai,

日 附 木 來。

Chữ phụ cho phải thì chữ phụ đơn, 日, nhật-mộc là chữ đông 東. Ghép lại cũng thành ra chữ Trần 陳.

Đời Tiền-Lý Nam-đế có con trâu đen sinh được con nghé trắng, vẽ lông trên mình vạch sấm bốn chữ « Nhật - phụ mộc-lai ». Sau quả-nhiên có ông Trần Bá-Tiên 陳伯先 là khồn - tướng triều Lương 梁 sang.

21

Phụ nguyên tri thống.

附 元 持 統。

Phụ - nguyên là chữ Nguyên 阮. Chương này trích-lục ở bài bốc-văn của người Tào-khê 曹溪, ý bảo Thành-triều ta thay trời trị-dân, nhất - thống thiên - hạ, trải nghìn maou đời mà không dứt.

22

Thủy hữu dĩ.

水 有 芭。

Kinh Thi có câu : « Phong thủy hữu dĩ, Vũ vương - khởi bất sĩ » 豐水有芭, 武王豈不仕. Vậy nên người đời thường dùng ba chữ đó làm huy-hiệu cho họ Vũ. Song không biết « Thủy hữu dĩ » chính ghép lại là chữ Phạm 范.

23

Quả chi chi từ,

果 之 之 字。

Phi văn nhi văn,

非 文 而 文。

Quả-chi nói lái lại là Chi - qua 止戈 tức là chữ vũ 武. Ở đời bọn vũ-phu thì không biết văn-tự mà văn-tự lại có chữ vũ-phu, thế là « phi văn nhi văn. »

Sách *Tả-truyện* năm Tuyên-vương thứ 12, Sở - tử 楚子 nói rằng: « Chi qua là chữ vũ. 止戈爲武. »

III. — Khi-dụng 器用

Vân đầu hai sò.

Muốn ngang bằng vào thì ngang.

Ai không biết nhầm là chữ phi 霏. Nhưng chữ vân 雲 nghĩa là mây, vân đầu là sợi mây chẳng đầu, tức là cái thang dề treo.

24

Trần đời một cái nằm lòng,

Làm nên danh-giá nên ông nêr thầy.

Là cái ngói bút của cánh nhà nho. Bút nguyên làm bằng lông thỏ, lông mần, lông ngỗng, lông tra-trả. Ông với thầy là những phái theo - đời ngói lông đã được tốt - nghiệp.

25

Chừng-chững đứng sừng giữa nhà,
Chừa ai động đến dũ oà mồm lên.

26

Không cười không nói ai hay,
Đã cười đã nói trời xoay đất vùn.

27

Tan cơn sấm sét mưa dào,
Vàng ó mảnh thổ lọt vào trong cung.

Ba chương này đều là cái cối xay thóc. Chương thứ nhất ché là không có đảm. Chương thứ nhì lại lấy lịch-sử của bậc chân - chính anh - hùng mà khen. Chương thứ ba là gặp được thời-thế, hưởng phúc thái - bình. Sấm - sét là tiếng kêu, mưa dào là nhả gạo, vàng ó là mặt trời, mảnh thổ là mặt trăng, nhưng đây tức là trở vào cái giần, cái sàng, cái nia, cái mẹt, vân-vân.

28

Rồng dit von đầu,
Chui đến đầu cũng lọt.

Là cái kim,

Chương này là ché kể siểm-nịnh, ra luôn vào cúi.

29

Mặt mặt anh-hùng khi lộng gió,
Che đầu quân-tử lục quang mây

Là cái quạt, Nguyên là câu thơ của vua Thánh-tôn triều Lê 黎聖尊.

30

Chân đạp đất,
Cổ cò thượng-thiên.
Đa bản lạy tiên,
Xương đề làm của.

Là cái khung-cửi. Đa là lụa, vải, lái, vân-vân. Xương là khung gỗ và thoi, díp, cửi, tục, cánh - hoa, vân-vân. Lê làm thợ dệt phải có tấm đã dệt, tấm chưa dệt, tấm đương mắc. Hết tấm này kể tấm khác, chỉnh sẵn luôn luôn thì mới kiếm được mỗi tấm dăm ba hào lời. Cầm-tú thường phát - mại với người ngoài, mà một nhà cơ - trữ vẫn giữ lễ-lối của ông cha. Trên chim kêu véo-vốt, dưới hoa nở linh-tinh. Cái cách sinh-sản như thế cũng là sự vui-thú ở gia-đình. Có thể cha truyền con nối kết-quả được trường-cửn.

31

Một cây mà có hai cành,
Lá sấp lá ngửa lá xanh ròn - ròn.
Là quan tiền kềm.

Chương này cũng phiên như câu tán Dịch của cụ Thiệu Khang-Tiết 邵康節 « Tu tri nhất bản năng song cân, thủy-lin thiên-nhi dĩ vạn tôn » 須知一本能雙秤。始信千兒與萬孫. Ý-giả người làm cũng tỏ-thuật chẳng.

32

Một mẹ năm,
Trăm con bủ.

Là chiếc ấm đựng nước uống. Gọi ấm bằng mẹ mà mình là con, thế thì người làm ra chương này ngưỡng-mộ cái công - đức của nước uống, mà nhớ đến mẹ cũng biểu ra được một tấm lòng đại - nhiệt - thành đối với thanh-thiên bạch-nhật.

33

*Đi vung-vẩy,
Về nhà rẩy chết.
Là cái áo.*

*Đi thì ăn trước ngồi trên,
Về thì ro-ró một bên góc nhà.*

Là chiếc nón. Người ta xuất - hành chơi-bơi phải đội nón để tránh khỏi những sự mưa gió bất-thường. Đến khi về thì an-trị một xó nhà, chứ ngồi trên sập mà đội lù-lù thì không sao thương được.

Người làm chương này có ý chê-bai quan - viên hủ, ra đình thì đứng vào địa - vị ăn nói cho dân - làng, chống-chỏi việc này việc khác, lên mặt trượng - phu hách - dịch. Khi ăn no uống say lĩnh dầu trâu sỏ lợn về, nghe những tiếng sư - tử gầm ở Hà - đông thì thôi nhất vợ nhi trời !

34

*Xương sống trong vườn,
Xương sườn ngoài bể*

Là chiếc chiếu. Nghề làm chiếu có hai món vật-liệu : một là dây để khâu đường thẳng, tức là xương sống ; hai là cói để khâu đường ngang, tức là xương sườn. Dây trồng ở vườn, mà cói thì mọc ở bãi biển.

Chương này là chê người đầu Ngô mình Sở, bụng chim dạ chuột.

35

*Có lưới có la,
Có bà lê-liếm.*

Là chiếc chổi rế. Chổi rế đều có lưới rất rộng để trừ vân-bụi cho nhà

cửa, tôn lên là bà là cá mơn giữ cho người ta được sạch-sẽ.

36

*Cây bên ta,
Lá bên Ngó
Ngọn tây bờ,
Gốc tây tầm*

Là cái điều giầy. Ngày trước giầy phải mua của Tàu, nên gọi là bên Ngó. Hay là khi đặc-chỉ điều cưới tăng mây gốc giầy còn ở mặt đất, hai đảng xa cách cũng như bên ta với bên Ngó.

37

*Cây bên ta là bên Tàu,
Nhà quan thì có nhà giàu thì không.*

Là cái cờ. Lá cờ phải may bằng nỉ của người Tàu chế ra. Còn cán cờ thì bằng tre-nửa, giậu-lũy ta thường có. Phép quan-chế, nhà quan thì mới được dùng cờ để đi cho trang-nghiêm, nhà giàu dầu tiền nghìn bạc vạn cũng không có phép lạm dùng được.

38

*Một đường cột, tám đường kèo,
Tầm vương trăm đoạn, rồng leo tứ bề*

Là cái tàn. Tàn giữa có một chiếc cán, trên có tám chiếc gọng, đầu trong cắm vào cán, đầu ngoài đỡ vành tròn, rồi mới phủ lụa bạch hoặc lụa vàng lụa đỏ. Trong treo mấy quả cù, ngoài ghép mặt gương, và thên hành-long hoặc lưỡng-long triều nguyệt, dưới thì chân chỉ hột hột, làm cho đàn-sắc dễ trông.

39

*Một khóm trúc, chín lỗ duyên-do,
Đổ vấn đố vũ, đổ lữ học-trô.
Ai mà giảng được ta cho quan tiền.*

Là cái ống quyền của phường nhạc-ca. Ống quyền làm bằng trúc lịch, trên có bảy lỗ tròn, một lỗ đầu để thổi, còn sáu lỗ nữa để máy tay cho thanh-âm có điệu-dàng. Hai hông lại có hai lỗ, dùng để treo tua ngũ-sắc.

40

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

Là cái quan-tài. Người ta sống thì dùng gỗ, nên gỗ ghét người. Đến khi trăm tuổi thì gỗ vit người, nên người lại ghét gỗ. Tài có mộc bằng 材 là gỗ, mà mệnh là mệnh người. Chương này nguyên là câu tiêu-biểu của truyện *Kiều*.

41

*Đầu bằng sợi chỉ,
Lỗ trí bằng cái ngựa ba.*

Là chiếc chài của kẻ ngư - ông. Nuốm chài thì nhỏ như sợi chỉ, nhưng đơm thì loe rộng để úp cá ở trong.

42

*Một xương sống, đồng xương sườn,
Cái lưng lườn-lườn, cái tóc xuôi xuôi.*

Là cái nhà. Xương sống là cây tre nóc, xương sườn là mè-rui. Lưng là hai mái, tóc là ngói hoặc rạ, bồi, lá, vân-vân.

43

*Nhà rộng ba gian, trúc mọc hai hàng,
Chim kêu liu-nhưu, chèo chàng ngồi nghe.*

Là một trường học. Lệ làm nhà phải theo số lẻ, nên đây nói ba gian. Trúc là quản bút, chim là học-trò, liu-nhưu là tiếng đọc sách. Chèo - chàng là ông thầy, nghe là nghe học - trò học.

IV. — Thực-phẩm 食品

*Ba ông què ở ba phương,
Bên lúc có việc thì thường liễn nhau,
Còn một ông lão bạc đầu,
Ngồi trong bụi rậm biết đâu mà tìm.*

Ba ông là ông trầu, ông cau, ông vôi. Còn thì với quệt giữa miệng trầu rồi cuộn lại, tức là ông lão bạc đầu ngồi trong bụi rậm.

44

*Hai thằng cầm hai con sào,
Đuổi đàn cò trắng chạy vào trong hang.*

Là người ăn cơm. Năm thằng là năm ngón tay, hai con sào là đôi đũa, cò trắng là cơm trắng, trong hang là trong mồm.

Những người cò-bừa hay kiện - cáo tò-mò, tục-ngữ mục cho là phường cò trắng. Biết đuổi đàn cò trắng chạy rõ cùng ngong, người làm chương này cũng có nghĩa-khi.

45

*Hai người vốn ở hai quê,
Lấy được nhau về chồng thối vợ thiu,
Sau được chén thuốc Đông-triều,
Chồng thối cũng khỏi, vợ thiu cũng lành,*

Là tương. Những nhà chùa thường dùng làm thức ăn mặn. Cách làm tương xối-oản để mốc rồi sàng lấy mốc pha với nước mưa, chừa vào một cái chậu sành phơi dầm nắng, đợi khi đã keo đặc như mật thì pha lộn với nước đỗ và cha muối vào là ăn được. Hai người là mốc và đậu, thối-thiu là khi để mốc, chén thuốc Đông-triều là muối.

46

*Khen ông Gia-cát có mưu sâu,
Lập trận hỏa-công khách lặc đầu;
Khiến kẻ phụ-nhân canh giữa cửa,
Thằng nào nhàng-nhào nhóm cho mau.*

* Ông Gia-Cát Lượng hiệu là Khổng-minh người đời Tam-quốc. Khi Chu-Du giao-chiến ở sông Xích-bích, ông lập ra mưu phóng-hỏa tuyệt được quân Tào. Song đây là một thời, đây là một thời, ông Gia-Cát đây thì què ở Nam-dương, mà ông Gia-Cát đây thì què ở bãi biển. Hỏa-công đây chỉ có ông Chu-Du, hỏa-công đây chỉ có một mục đàn bà. Rút lại đây là sự-nghiệp của Hậu-Hán, mà đây là lai-lịch của người nhà nghèo rang lúa ngô trong xóm nhà.

47

*Nhà có bà ăn cơm trắng,
Lắng-căng trắng miệng.*

Là chiếc bình-vôi dùng để ăn trầu.
Tục nhà quê thường bảo bình-vôi là
thần-tài, mà tôn vị lên là bà.

18

*Vừa tẩy quả bí,
Nhớ-nhí những hột.*

Là nổi cơm. Bí là bí ngô, chứ
không phải bí đao

49

*Vừa tẩy hạt đỗ,
Đánh gà bố người ta.*

Là thuốc lào. Thuốc lào thủ-
nghĩa là cuối đời Lê có người Lào
đưa sang cống, nên kỷ-niệm là thuốc
lào. Vật tuy nhỏ mà làm cho người ta
xiêu-ngã diên-đảo, khi lẫn-lóc đá khi
mê-mẩn đời. Vậy xin bạn thức-giá
mau mau tỉnh-ngộ.

50

*Lấy lửa ông táo,
Đốt dầu ông tu;
Sấm kêu ù ù,
Rồng bay phấp-phới.*

Là lịch-sử của sự hút thuốc Láo.
Táo là bếp, tu là râu, sợi thuốc hết
như chiếc râu-nhân mượn gọi. Khi hút
thuốc thì điếu có tiếng kêu, tức là
sấm. Hút xong thổi ra khói vùn-vùn mà
bay lên trời, tức là rồng.

V. — Động-vật. 動物

*Bốn cái chày sằm,
Hai cái chày sắc,
Một cái vát-vèo,
Hai cái vèo-vắt.*

Là con trâu Bốn chày sằm là bốn
chân, hai chày sắc là hai sừng, một
cái vát-vèo là chiếc đuôi, hai cái vèo-
vắt là hai tai.

*Minh mình trâu, đuôi đuôi trâu,
Đã trâu trâu cả, cả đầu cũng trâu.
Thế mà không phải con trâu...*

Phàm đời không vật gì giống vật gì,
thế mà chương này nói tới con giã-
nguru, đầu như đầu trâu, đuôi như
đuôi trâu, thân-thể dung-mạo hết thấy
là trâu cả, thế ngoài con trâu thì còn
con gì. Thế-giới ngày nay vẫn - minh
cực-diêm, vạn-vật đều tiến - bộ, trong
sử-sách đồ-họa chưa từng bàn đến con
giã-nguru đó bao giờ. Kỳ-kỳ quặc-quặc,
ai chả cho là huyền-thuyết; nhưng mà
thật có đấy, tức là con nghé.

51

*Thù-lù như con trâu thui,
Chín mắt, chín mũi, chín đuôi, chín đầu.*

Chín là sống với chín, chứ không
phải là chín với mười. Nguyên là con
trâu đã thui.

52

*Giống cầm có vú,
Giống thú không đầu.
Cầm thú chỉ đầu,
Sao ngẫu lâm thế.*

Là con dơi và con cua. Dơi có cánh
nhưng không phải là giống cầm. Cua
nhiều chân mà không phải là giống
thú. Vậy nên câu thứ ba có hai chữ
« chỉ đầu » để giải-thích.

53

*Minh bằng hạt quít,
Lỗ dít có tinh.*

Là con đom-đóm. Giống đom-đóm,
cỏ mọc sinh ra, cứ đến đêm đêm tự-
nhiên dưới dít có ánh lửa sáng.

Ông Trác-Dận đời Tấn gặp phải gia-
đình túng - kiết, tình ham học mà
không có tiền mua dầu, thường dùng
ánh sáng của đom - đóm soi chữ mà
học, sau văn - chương ông ngang dọc

ở dương-thời. Vây đức-trạch của dom-
đóm cũng có tác-thành được người.

54

Mình thì mở chôn lông dài,
Ta thì dày-dạn bề ngoài dễ chui;
Mình ăn sạch thì mình là đàng đúi,
Bởi ta ăn bần ta xuôi đàng đúi.

Chương này có ý tự - trào. Thấy người ta ăn ở hiền lành kết-quả được nhiều thiện-phúc mà hồi-đầu lại ăn-năn cho mình.

Là con vịt thật và con vịt đàn bằng tre của kẻ hải-dân dùng để đựng tôm cá. Mình là vịt thật, ta là vịt đàn.

55

Mình mặc áo giáp,
Tay cầm siêu đao
Hồi mây đi đâu,
Ta đi khoét ngạch.

Là con cua.

56

Đầu khóm trúc, khúc khúc rồng.
Sống thì bạch, chết thì hồng.

Là con tôm.

57

Chân đen mình trắng,
Đứng nâng giữa đồng.

Là con cò. Tinh cò hay ăn quân, hề đục nước thì béo cò, nên không quân đi mưa về nắng. Người làm chương này ngụ-ý chê những kẻ tham - những trong làng.

58

Cây không lá, cá không xương,
Giờng không chiếu, miếu không thờ,
Ngựa hăng-hờ không kẻ cưỡi.

Cây không lá là cây xương - rồng, cá không xương là con sứa, giờng không cái là giờng thờ, miếu không thờ là chiếc chuồng gà, ngựa không cưỡi là rắn-rết, hoặc các thú dữ.

59

Muốn đục thì đổ nước vào,
Muốn cao ngòi xuống, muốn dài cái đi,
Muốn đi trở lại mà đi.

Đương lỏng mà pha nước vào lại đặc được, là nền nấu, là sơn. Con chó ngòi thì cao mà đứng thì thấp. Chiếc bút chỉ hề gọt-cắt đi thì ngòi mới dài, nhưng đây là chiếc bút quét sơn, chứ đời cổ chưa có bút chỉ. Trở lại mới đi được là anh dây thuyền.

Hai chương đây nói lầy cả nhân-loại, khí - dụng, động - vật, thực - vật. Nhưng tự - trung nói về động - vật nhiều, nên chép vào mục này.

VI. — Thực-vật 植物

Sông tròn vành-vạnh,
Bùn lạnh quanh ao,
Không ai đổ vào, mà lại có nước.

Là quả dừa. Sông là gáo, bùn là cùi, nước dừa có chất ngọt mà hơi hơi, mùa hè dùng làm thuốc chỉ - khát thì tốt. Nhất là mạn Thanh - hóa trồng nhiều, tháng năm tháng sáu đi xe hỏa qua chơi trồng những người gánh kẻ đội mà chôn.

Chín rồi thì cây mới hay.
Nếu mà cây sống thì cây không buồn.

Là cái hạt gấc. Gấc là món xôi với gạo nếp cho đỏ. Hạt gấc hề xôi chín rồi thì trồng mới có quả sai mà to, nếu để sống mà trồng thì ra gấc đục. Cái phép cải-lũ hoàn-sinh của tạo-vật đó, xưa nay các nhà lý-học chưa thể khám-phá được hiển-nhiên.

60

Áo xanh áo kệp, đứnq nếp bờ ao,
Chó cắn xón-rao, ngựa là kẻ trộm.

Là cây chuối ở bờ ao,

61

Mẹ gai gọc,
Lẽ con trọc đầu.

Là cây chanh và quả chanh.
Chương này là lối đố thờ, đố trước
giảng sau,

62

Một cái dòn gánh,
Trăm ông thánh ngồi.

Là buồng chuối. Các người tin
về lễ-bái, thường mua chuối chín cũng-
đang phật-thánh, vị nào mồm miệng
ray tay cũng phàm oản quả chuối, từ-
bi từ-tại, cũng phàm oản quả chuối,
thế thì mỗi quả chuối là một vị thánh,
mà một buồng chuối là có đến trăm
quả, cho nên bảo là trăm thánh.

63

Sù-si da cóc, trong bọc trứng tiên,
Của mua mất tiền mà chẳng được ăn.

Là củ nâu. Chử tiên cho vắn với chử
tiền chử không có nghĩa-lý sâu-xa gì.

64

Sù-si da cóc trong bọc trứng gà,
Bỏ ra thơm ngát cả nhà muốn ăn.

Là quả mít chín. Trứng gà là mùi
mít tròn-chính tựa như trứng gà.

65

Một mẹ lạnh-chanh,
Đề con banh lỗ rốn.

Là quả khế.

66

Tầy cái tù-và,
Có chùm hoa giữa dit.

Là quả mướp.

67

Trên trời có thời máu.

Là quả gấc chín còn ở trên cây.

68

Trên trời có thời trứng.

Là buồng cau.

69

Trên trời có thời tếp.

Là quả bưởi, quả cam, quả chanh.
v. v.

70

Trên trời có thời tằm.

Là quả ổi.

71

Bốn chương này ngờ của một
người làm ra.

72

Nhất cử dăng khoa nhật,

一舉登科日

Song thân vị lão thi.

雙親未老辰

Chương này nguyên - tinh ở trong
bai thơ cổ. Nhất-cử dăng-khoa là đỗ.
Cha mẹ mạnh-khỏe song-toàn ai cũng
lấy làm vui. Tiếng vui là nghĩa đen của
chữ lạc 樂. Vậy đây là nói cây đỗ-lạc.

73

Chừng-chững mà đứng giữa vườn,

Chừa ai động đến đã vươn râu dài.

Là cây ngô. Giống ngô hễ trồng ba
tháng thì đã có râu mọc ở đầu bắp ra.

74

Một cây tám vạn nghìn hoa,

Mưa to thì héo, nắng giã thì tươi.

Là trời. Tám vạn nghìn hoa là các
vị tinh-tú, trời hễ mưa thì mất cả tinh-
tú, nên gọi là héo, nắng thì sáng-sủa
đầy trời, nên gọi là tươi.

NHUẬN-HỒ TIỂU-SỬ

閩胡小史

Đương quăng thế-kỷ 14, triều nhà Trần vua Nghệ-tôn, Quý-ly mới xuất-hiện. Tờ nhà Hồ là Hồ Hưng-Dật 胡興佚 vốn người Tích-giang nước Tàu. Cuối đời Ngũ-dại Hưng-Dật mới sang nước ta ngụ ở huyện Quỳnh-lưu, xã Bao-dật (thuộc tỉnh Nghệ-an), đến Hồ Liêm đời ở Thanh-hóa, làm con nuôi ông Lê Huấn 黎訓, nhân đổi là họ Lê, Quý-ly là cháu bốn đời Hồ Liêm vậy.

Quý-Ly có hai người cô, nhan-sắc diễm-lê, vua Trần Minh-tôn nghe tiếng triệu vào cung; một cô lập làm Minh-từ Hoàng-hậu, sinh ra vua Nghệ-tôn 藝宗, một cô lập làm Đôn-từ Hoàng-phi, sinh ra vua Duệ-tôn 睿宗. Vì có hai cô mà Quý-ly mới được tin dùng, vua Nghệ-tôn cử làm chức Khu-mật Thái-sứ, rồi kén làm phò-mã, đem bà Huy-linh Công-chúa mới góa chồng gả cho, rồi sai vào Nghệ-an tập đạo yên dân, có công-trạng, gia-phong cho tước Trung-tuyên quốc-thượng-hầu.

Đương bấy giờ Dương Nhật-Lê 楊日禮 mưu tiếm ngôi, Chư-vương đem binh mưu giết Nhật-Lê. Khi vua Nghệ-tôn lên ngôi có ý nghi Chư-vương mà tin dùng ngoại-thích. Bởi vậy Quý-ly uy-quyền hiên-hách, việc quân-quốc đều chiếm giữ ở trong tay, kẻ thức giả đã dự-liệu, mặt trời Đông-A tất có ngày bị đắm mây mờ-mịt vậy.

Vua Nghệ-tôn truyền ngôi cho vua Duệ-tôn lập em gái họ Quý-ly làm hoàng-hậu. Quý-ly chủ việc quân-quốc, Đổ Tử-Bình 杜子平 làm chức hành-khiển tham-mưu việc quân. Chiêm-thành vào cướp châu Hóa, Tử-Bình tâu xin đi đánh, vua nghe lời xuất hai vạn quân kéo vào

cửa bể Nhật-lê (thuộc xã Đông-hải, huyện Phong-lộc), đóng dinh hơn một tháng diễn-tập sĩ-tốt. Quý-ly đốc dân Nghệ-an và Tân-bình, châu Thuận châu Hóa vận-tải lương-xương theo vua vào đánh thành Đồ-bản (Kinh-dô nước Chiêm, nay huyện Tuy-viên tỉnh Bình-định), bắt-hạnh thua quân, vua Duệ-tôn bị chết trận, Tử-Bình đem quân đi sau may được thoát nạn. Quý-ly nghe tin thua trận, trốn về. Ngày hôm ấy chỗ kinh-sư đương giữa ban ngày trời tối như đêm, người họp chợ phải đốt đuốc để mua bán, đó cũng là điềm trời hiện ra một sự tai-biến rất là lạ-lùng vậy. Trận ấy thua công, đình-thần qui-cửu cho Tử-Bình, dức Thượng-hoàng sai đem cũ bắt Tử-Bình về, khi Bình về đến Tràng-an dân-sự đến xem ai cũng mừng Tử-Bình, rồi lấy gạch ngói ném, Thượng-hoàng chiếu Tử-Bình phải giáng chức về làm lính, sau lại khai-phục nguyên-ham.

Vua Đế-Nghiễn 帝昞 lên ngôi, vua Duệ-tôn cử Hồ Quý-Ly làm chức Tư-không kiêm chức Khu-mật đại-sứ; Quý-Ly khi còn nhỏ nhờ có Nguyễn Sư-Tề 阮師齊 dạy cho nghề võ, nhân cử con Sư-Tề là Nguyễn Đa-Phương 阮多方 làm tướng-quân và cử Phạm Cự-Luân 范巨論 làm chức Chủ-thư thị Ngự-sử. Hai người ấy vì Quý-Ly bày mưu lập chước để tán thành việc thoán-nghịch sau này.

Chiêm-thành vào cướp Nghệ-an và Thanh-hóa, Quý-Ly đốc-suất thủy-quân, Tử-Bình đốc-suất bộ-quân, kéo đến sông Ngu-giang thuộc huyện Hoàng-hóa, cầm chông bên sông để chống đánh quân Chiêm, chúa Chiêm là Bồng-Nga thua quân chạy, Tử-Bình

nhân việc binh - chiến cáo bệnh xin nghỉ việc binh. Tự dấy Quý-Ly chuyên giữ binh-quyền thặng chức Hải-tây Đô-thống-chế. Khi ấy giặc Chiêm hằng năm vào cướp, binh mã mỗi-một, sắc cho thuyền-sư ở xã Đại - là thuộc huyện Gia-bình, tỉnh Bắc-ninh, chiêu-tập tăng-chúng và các sư tiểu ở chỗ sơn lâm, sung vào quân-ngũ để đi đánh giặc.

Lạ thay Quý-Ly vẫn là tay võ-học thế mà dùng binh không có mưu-lược chi cả, phàm việc binh phải có luyện-tập từ trước, đến khi lâm-trận mới có can-trường, nhà sư chỉ biết tay lần hạt miêng kể kệ, khi gõ mõ lúc khua chuông, nào có cầm giáo mác bao giờ, mà lại sai đi việc chinh-chiến thì có bỏ gì không? Đức thánh Khổng nói: « *Di bất giáo dân chiến, thị vị khủ chi, 以不教民戰是謂棄之* », nghĩa là: đem những dân không có bảo gì mà đem đi đánh, ấy là uổng cái tinh-mệnh dân vậy.

Chiêm-thành lại vào cướp Nghệ-an, kể lại cướp Thanh hóa, Quý - Ly đem quân đóng ở núi Long đại (thuộc huyện Đông-sơn tỉnh Thanh), Nguyễn Đa-Phương đem đóng ở cửa Thần-đầu (thuộc xã Chính-đại, huyện Tống-sơn), bấy giờ giặc Chiêm quân thủy quân bộ liền kéo đến. Quân bộ trước giữ ở trên núi, lấy đá ném xuống, quân thuyền của Đa-Phương bị thiệt hại nhiều. Đa-Phương lấy làm nguy-cấp, không đợi lệnh Quý-Ly, tự-tiện đem quân đón đánh quân thủy, lập trận hỏa-công, nhân gặp gió to, thuyền quân Chiêm bị cháy gần hết; quân bộ của giặc trông thấy đàng xa bỏ chạy tán-loạn vào rừng. Quân Nguyễn Đa-Phương thừa thế đuổi đến Nghệ - an rồi kéo quân về, nhân được thăng-trạng, thặng chức Kim-ngô-vệ đại-trưởng-quân.

Quý - Ly đương chức Thống - chế, Trần Nguyên-Đán 陳元旦 là bậc lão-thần quen việc, biết binh-quyền đã về tay họ Hồ, bèn cáo lão về núi Côn-sơn, vui cùng hoa cỏ, không muốn nói đến

việc đời nữa. Thượng - hoàng thương ngự chơi nhà hồi Nguyên - Đán việc nước tương-lai thế nào, Nguyên-Đán lặng ngắt không nói, sau chỉ nói: « Mong nhà vua kính nhà Minh như cha, yêu nước Chiêm như con, thời trong nước may được vô-sự. » Nhưng vẫn biết Quý-Ly âm-mưu thoán-ngịch, bèn đem con là Mộng-Dữ 夢與 kỳ thác ở Hồ Quý-Ly để cầu lấy miễn-họa. Quý-Ly đem con gái Trần Nhân-Vinh 陳仁榮 là người tôn - thất gả cho Mộng-Dữ, rồi cử cho làm chức Đông-cung phân - thủ.

Trần Nguyên-Đán hiệu là Băng-hồ, soạn bộ *Băng-hồ thi - tập*, nhiều bài cảm-thời ngu-vật, ý-từ sâu-xa. Nhưng xét ra cũng là không-ngôn, không có bỏ-ích gì cả, xem như một việc đem con kỳ-thác cho Quý-Ly để bảo - toàn lấy thân-gia, tôn - xã nhà Trần còn hay mất, diêm-nhiên không hỏi đến. Đến sau nhà Hồ thoán-ngịch, giết hết con cháu nhà Trần, duy có con cháu Trần Nguyên-Đán lại được khỏi nạn. Thế thời Nguyên - Đán tư - mưu cho mình là phải, nhưng đối với nhà Trần lại là bất - trung vậy.

Quý - Ly thăng chức Đông - binh chương-sự, Thượng-hoàng ban cho có kiếm đề tam chữ rằng: « *vân-võ toàn tài, quân-thần đồng đức 文武全才君臣同德* ». Quý-Ly dâng thư quốc-ngữ tạ lại.

Vua một hôm cùng với quan Thái-úy là Thúc - Ngạc 叔黶 và Lê Á - Phu 黎亞夫 mưu rằng nay Thượng-hoàng tin dùng ngoại-thích, Quý - Ly chuyên-quyền ý-thế, nếu không sớm liệu, chắc đi vạ sau này.

Vương Nhữ-Mai 王汝枚 ngôi hầu ở bên, đem cái mưu ấy tiết-lộ cho Quý-Ly biết, Quý - Ly bàn với Phạm Cự-Luận sự-thế ngày nay nên làm thế nào. Cự-Luận nói: « Việc đó đại-nhân cứ yên lòng, tôi đã có một kế rất diệu, đừng ngại chi. » Bèn vào tâu đức Thượng-hoàng rằng: « Nay Nhà-nước

ương lúc đa-sự, bên trong thời Chư - vương nhiều loạn, bên ngoài thì giặc Chiêm gây việc binh qua, nhờ có họ Hồ dễ làm trụ-trạch, thời xā-tắc mới yên, nay nhà vua lại tin nghe quần-tiêu, chực mưu hãm-hại họ Hồ, sợ lại gây ra một cái vạ lớn nữa ». Thượng-hoàng nghe nói ngạc-nhiên, liền vời Quý - Ly vào cung bảo rằng : « Việc nước ngày nay ta kỳ - thác ở người, người thử nghĩ việc quân - quốc nên làm thế nào, nói cho ta biết. » Quý-Ly tâu rằng : « Tôi nghe lời ngạn có câu : « Chưa thấy bán con nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu nuôi con ». Nay Thượng-hoàng bỏ con mà dựng cháu, tôi trộm nghĩ không phải là chi-tinh. » Thượng-hoàng lấy làm phải, liền sai nội - thần triệu vua Đế - Nghiễn vào cung. Vừa vào tới nơi truyền dẫn đến chùa Tư-phúc cấm cố ở đấy, không bao lâu đem giết, chiếu lập vua Chiêu - định 昭定 lên ngôi, làm vua Thuận tôn 順宗, lập con gái Quý - Ly làm Hoàng - hậu, cử Phạm Cự-Luận làm chức Kiểm-thư-viện-khu-mật, Vương Khả-Tuân 王可洵 thống-quản quân thần-dực, Dương Chương 楊章 thời thống-quản quân thần-dũng, tự đẩy Quý - Ly vũ-dực ngày thêm nhiều, thế - lực ngày thêm mạnh, cái vạ ngoại - thích lây trời nó đã bày ra đó, không có thể phòng-cấm được.

Thượng - hoàng vẽ đồ tử - phụ ban cho Qui-Ly, một là vẽ đồ ông Chu - công giúp vua Thành - vương, hai là vẽ đồ ông Hoắc Quang giúp vua Chiêu-đế, ba là vẽ đồ ông Gia - Cát Lượng giúp vua Hậu-chúa, bốn là vẽ đồ ông Tô Hiến-Thành giúp vua Lý Cao-tôn, gọi là tứ-phụ-đồ, rồi dụ Quý-Ly rằng : « Người hết lòng giúp ta khiến cho tôn-xā được vững-vàng cũng theo như bốn ông ấy, ấy là đại hi-vọng của ta vậy. » Quý-Ly vâng lời cảm tạ.

Thượng-hoàng một đêm nằm mộng thấy vua Duệ-tôn đọc câu thơ rằng :

« Trung-gian duy hữu Xích-chủy hầu.
ân-cần tìm thương Bạch-kê lâu, khâu
vương dĩ định hưng vong sự, bất tại
tiền đầu tại hậu đầu 中間惟有赤嘴
猴。慙慙潛上白鷄樓。口壬已定
興亡事。不在前頭在後頭. »

Nghĩa là trong khoảng bụi có con hầu đồ mò, đồ là ám-chỉ Quý - Ly làm-le chực lên lâu Bạch-kê. Kê tức là năm dậu, vua Nghệ-tôn sinh năm dậu, lâu Bạch-kê là chỉ chỗ vua ở vậy; khâu vương nghĩa là bên ngoài chữ khâu bên trong chữ vương là chữ quốc, nước đã định việc hưng-vong, không ở trước đầu ở sau đầu, ý nói cái vạ trong nước nó đã theo ở sau gây vậy. Vua Nghệ-tôn tỉnh dậy đem cái mộng ấy mà tán ra cũng tự biết Quý-Ly tất sau này có việc thoán-nghịch, lấy làm lo sợ, nhưng vì quyền-thế họ đã bần-cứ ở trong triều, chưa có dễ mà trừ bỏ ngay được, nhân vời Quý-Ly vào ủy-dụ rằng : « Người cùng với ta là ngoại-thích, chức Bình - chương trước xưa vẫn dùng tôn-thất, nay đem chức ấy ủy cho người, vả nay ta tuổi già, người cũng nên vì ta hết bụng trung-thành để mưu việc nước. » Quý-Ly trút mũ chỉ mặt trời thề rằng : « Tôi có ý gì khác đã có trời hại tôi. Thành-thượng thử xem như việc vua Linh - Đức (tức là vua Nghiễn-đế), nếu trên không nhờ được uy-linh Thánh-thượng thời tôn-xā sao được đến ngày nay, xin Thánh-thượng soi xét lòng tôi, không phải quái-lự chi cả. »

Đoạn rồi vua Nghệ - tôn mất. Quý-Ly đương chức Thái-sư kiêm chưởng cả quân-quốc trọng-sự. Một hôm hội các đình-thần bàn dời đô vào xā An-tôn, huyện Vĩnh-lộc, tỉnh Thanh-hóa, Nguyễn Như-Thuyết 阮如說 dâng thư nói rằng : « Đời xưa ai cũng lấy đất Long-đồ làm căn-bản (Long-đồ tức là đất Thăng-long), trước Cao-Biên đáp thành, thấy đức thần hiện ra tự-xưng

là thần Long-đổ, cho nên lấy Long-đổ mà đặt tên), người nhà Nguyên thua chạy, giặc Chiêm ra hàng cũng là nhờ có địa-lợi, đất An-tôn chật hẹp, nước ở mạn cuối, núi ở mạn đầu, dầu có địa-hiền nhưng không phải là chỗ thống-ngự thiên-hạ vậy.»

Quý-Ly không nghe, Phạm Cự-Luận can cũng nói đống đờ chỗ ấy không lợi. Quý - Ly nói : « Chi ta đã định, người nói có ích gì ». Bèn sai Lại-bộ Thượng - thư vào Thanh - hóa xem chỗ địa - thế đảo ao đắp thành, thành vuông mà rộng ước hai trăm mẫu, xây đá lẫn với đất, đá xanh làm nền, đường trước cửa thành xây bằng đá hoa, khởi-công tự ngày tháng giêng năm thứ mười niên - hiệu Quang-thái, hạn cho ba tháng thì xong. Lúc bấy giờ có một viên cống-sinh đốc-công, họ Hồ bình-nhật vẫn thậm ghét, nhân hết hạn mà thành chưa đắp xong, sai bắt viên cống-sinh đem chôn sống ở chỗ dưới thành còn khuyết, rồi lấy đá xây lên trên ; vợ viên cống-sinh là nàng Bình - Khương lâu không thấy chồng về, đến chỗ đắp thành ấy hỏi thăm, thì chồng mình đã bị tay tàn-ác nó làm cho nát xương tan thịt rồi, liền đến chỗ ấy òa lên khóc, đầu đập vào hòn đá, tay vỗ vào hòn đá, chân giẫm vào hòn đá, khóc mãi không thôi, hồi lâu chết ngất mà linh-hồn cũng theo viên cống-sinh về nơi chín suối, hòn đá chỗ ấy những vết lõm có dấu đầu đập vào và hai dấu bàn tay vẫn còn di-tích vậy.

Thương thay cống-sinh có tội gì mà phải ngậm oan ở dưới đất, nàng Bình-Khương có giận gì mà đập đầu ở bên thành, chẳng qua vì chồng mà đem lòng thiết-thạch dãi bày ở trên hòn đá, cương-thường như vậy, tiết-liệt như vậy, cũng đáng làm gương cho bọn hồng-quần, phạm những người có tâm-huyết đi qua đó ai chả động lòng thương xót. Ông Nhữ Bá-Sĩ huyện

Hoàng-hóa, ông Nguyễn Xuân-Ôn tiến-sĩ Nghệ - an, ông Tiết Hữu - Tố, cử-nhân xã Xuân-nhai, đều có thơ kỷ-niệm. Khoảng năm Đồng - khánh có một người hương - hào ở xã Đồng-môn vì những khách đi lại thăm nom cái di-tích ấy sợ phải thù-tiếp phiền lây đến mình, đem thuê người thợ đá đục hòn đá ấy đem chôn xuống dưới ruộng, người thợ đá tự-nhiên bị cảm phong chết, còn vợ con người hương-hào ấy cũng vì việc ấy mà tuyệt-tự.

Khoảng năm Thành-thái ông Đoàn Văn - Chúc tri - phủ Quảng - hóa, nhân rồi việc quan đi du-lịch qua đó, hỏi ra mới biết người hương-hào ấy làm cho mất cái dấu tích ấy đi, bèn quyền tiền bổng các quan thuê thợ lại đào hòn đá ấy lên xây, lại như cũ, trước mặt hòn đá khắc chữ : « Trần-triều cống-sinh Bình-Khương nương phu-nhân chi thạch 陳朝貢生平姜娘夫人之石. » Lại lập cái mộ-chi bên thành chỗ cống-sinh bị chết khắc chữ rằng : « Trần-triều cống-sinh Bình-Khương nương phu-quần chi biêm 陳朝貢生平姜娘夫人之窆. » Lại dựng một cái đình nhỏ ở bên tả hòn đá ấy, trong dựng bia khắc bài văn, ý khen phu-nhân tiết-liệt đáng nghìn thu và khắc những bài thơ của lũ ông Bá-Sĩ để làm ghi tích về sau.

Thương ôi ! Nàng Bình khóc chồng mà đến nỗi quyền-sinh, mình chết mà cái dấu thiêng in trên hòn đá, đá còn thời tiếng thơm vẫn còn. Kia như hương hào ở chỗ Đồng-môn là đứn-gu - xuân không có trách chi, tiếc thay nàng Bình-Khương có lòng trinh-tiết như vậy, mà sử-quan không chép đến, triều-đình không bao thưởng cho, chẳng đáng phân-nần lắm ư ! Tuy vậy cái ảnh-hưởng dầu xa mà anh-linh còn đó. Phạm những việc gì đáng nên khen-ngợi, không nên mai-một, thời dầu mai-một mà cũng không thể mai-

một được, ông Đoàn Văn-Thước đối với nàng Bình-Khương thực có một tấm cảm-tình vô-hạn, đã quật hòn đá ấy, xây lại như cũ mà lại dựng bi-chi để lưu-truyền nghìn đời, khiến cho người đời sau xem đến cũng có quan-niệm về đờng phong-hóa một đôi phần, thế thời ông Đoàn Văn-Thước cũng là người có công với thế-đạo vậy.

Năm ấy đắp thành xong, Quý-Ly bức vua dời đô vào Thanh-hóa, khi vua mới ngự đến sông Đại-lại (giáp-giới huyện Tống-sơn, huyện Nga-sơn tỉnh Thanh), cung-nhân là Trần Ngọc-Kiểm, Trần Ngọc-Cơ cũng theo vua đến đây, mặt tâu rằng vô-cổ mà dời đô, tất cũng có việc thoán-nghịch chi đó. Quý-Ly biết, sai lũ Lê Sà giết hai người cung-nhân ấy rồi lại bức vua phải truyền ngôi cho Hoàng Thái-tử là vua Thiếu-đế, tôn bà Khâm-thành hoàng-hậu là con gái Quý-Ly làm Hoàng-thái-hậu. Quý-Ly tự xưng là Đại-vương. Bấy giờ mới thổ-lộ cái chí cướp ngôi nhà Trần, nhưng e vì trước đã chót cùng với vua Nghệ-tôn thế không dám có chi khác, nay lại sai lời, tự nghĩ không đáng Bèn ám-mưu với người đạo-sĩ là Nguyễn Khánh ra vào trong cung thừa-nhân tâu vua Thuận-tôn rằng: « Trước xưa liệt-thành chỉ biết tôn-sùng đạo phật, chưa có vị nào tu tiên, nay bệ-hạ cầm quyền trong nước đã hơn mười năm, lo nghĩ muốn việc tồn-hại tinh-thần; không gì bằng truyền ngôi cho dòng-cung để được thanh-nhân tinh-dưỡng thì hay hơn cả. » Vua nghe lời, bèn lánh ở cung Bảo-thanh để tiện đêm ngày tu-huyện.

Thái-tử khi ấy tuổi mới lên ba, chịu tờ thiện-chiến chưa biết lay. Quý-Ly bảo Hoàng-thái-hậu lay trước cho thái-tử theo. Ngày hôm ấy, thái-tử dâng-quang ngự trên điện mới, tiện dịp làm lễ khánh-thành, sắc cho các quan ngũ-phẩm trở lên được dự yến.

Thượng-hoàng ở cung Bảo-thanh không bao lâu lại dời ở quán Ngọc-thanh (thuộc huyện Đông-triều tỉnh Hải-dương), Quý-Ly sai Nguyễn Cẩn ngày đêm châu-chực ở bên để xem xét tinh-y. Thượng-hoàng biết có ý khác hỏi Nguyễn Cẩn: « Người ở đây hầu ta có muốn làm sự gì không? » Nguyễn Cẩn tâu không. Quý-Ly mặt đưa thơ cho Cẩn bảo rằng: « Nguyên-quán còn ở thời người đáng chết. » Cẩn bèn dâng thuốc độc cho Thượng-hoàng, may lại không chết, rồi sai đại-tướng-quán là Phạm Khả-Vĩnh đem giầy buộc vào cổ thượng-hoàng rồi đổ cho là tự-ái chết. Lúc ấy đình-thần nhiều người cảm tức với họ Hồ, Thái-bảo là Trần Nguyên-Hãng, Thượng-tướng-quán là Trần Khát-Chân cùng các người đồng-chí mưu giết Quý-Ly hội ở núi Đốn-sơn (thuộc xã Cao-mật huyện Vĩnh-lộc). Hôm ấy Quý-Ly lên lầu nhà ông Trần Khát-Chân chơi mát, võ-sĩ là Phạm Tử-Thụ, thích-khách là Phạm Ngưu-Tất cầm gươm đứng nấp bên lầu, Khát-Chân liếc mắt khiến thích-khách xông vào, nhưng chưa kịp, Quý-Ly động lòng đứng dậy, hai bên vệ-sĩ phù xuống dưới lầu, Ngưu-Tất ném gươm xuống đất bảo rằng: « Ngày nay Quý-Ly không chết, thời tinh-mệnh của chúng ta đã vào tay Quý-Ly rồi. » Không bao lâu Nguyên-Hãng và Khát-Chân cùng Tử-Thụ, Ngưu-Tất, thân-thuộc liêu-tá hơn 370 người đều bị giết cả, gia-sản phải tịch-ký sung công, còn những dư-dàng nay đòi mai bắt mãi mãi chưa thôi, những người đi lại ở trên đường chỉ lấy mắt trông nhau chứ không dám hở răng nói điều gì cả, sợ vạ lây đến mình.

Quý-Ly tự dấy lòng-quyền, tự-xưng là Quốc-tổ-chương-hoàng, mặc áo bờ sắc vàng, ra vào cung-cấm, đi 12 cái tán vàng, y như nghi-vệ thiên-tử, lập con trưởng là Nguyên-Trừng làm chức Tư-dồ; con thứ là Hán-Xương làm

chức Thái-phó, cha con lẫm-liệt ở trong triều, không có một người nào dám chỉ-nghị. Duy có Nguyễn Dung-Phủ người huyện Hoảng-hóa tỉnh Thanh đến trước mặt Quý-Ly nói rằng: « Chương-hoàng là hiệu gì? Hồ-hoàng là sắc gì? Lời đức Tiên-hoàng cổ-thác cho ông thế nào? Nay ông nhần làm như vậy? » Quý-Ly giận truyền sai đem giam ba ngày lại tha cho về.

Quý-Ly bỏ vua Thiệu-đế làm Bảo-linh Đại-vương, rồi thác có vì nhà vua chọn người xứng-dáng để truyền ngôi, quần-thần biết ý Quý-Ly, bèn tâu xin điện-hạ kẻ ngôi nhà Trần. Quý-Ly nói: « Ta nay tuổi già không sống được bao lâu, mai sau mặt mũi nào mà trông thấy tiên-đế ở địa-hạ ». Quần-thần dâng biểu ba lần, mới xưng hoàng-đế, đổi quốc-hiệu là Đại-ngu, đổi họ ra họ Hồ, kiến-nguyên gọi là Nguyên - thánh.

Họ Hồ là con cháu vua Đế-ngu, cho nên đổi họ là Hồ, nước gọi là Đại-ngu.

Từ đây nhà Trần mất, kể tự vua Thái-tôn đến vua Thiệu-đế gồm 12 vua, cộng một trăm bảy-mười một năm.

Quý-Ly lấy Thăng-long làm Đông-đô, Thanh-hóa làm Tây-đô, cải lộ làm trấn, trấn thời thống phủ, phủ thời thống châu, châu thời thống huyện, phẩm cuối năm trong chỗ hạt số binh-tài binh-ngục bao nhiêu, trấn-thần phải vâng-sách đệ nộp. Ở ngôi một năm, truyền cho con là Hán - Xương, tự - xưng là Thượng - hoàng, mà chính - sự trong triều cũng ở mình tài - định.

Quý-Ly vốn là người có kiến-thức, trước kia thường làm sách *Minh-đạo* mười bốn chương, truy-tôn Chu - công Khổng-tử làm thánh-thư, chê ông Hán Dũ làm đạo-nho, Chu Trình Trương Chu những lời nói không thiết sự thực, dạy quốc-quân thời lấy thiên *Vô - dật* điển ra quốc-ngữ để làm giáo - khoa, thêm một kỳ phép tính, đó cũng là học-giới cải-lương vậy. Lại đặt ra chức

liêm-phóng-sứ, chia đi các trấn, xem-xét quan-lại công việc hay dở, dân-gian ăn - tình lợi - bệnh, để định truất-trắc, đó cũng là quan-giới cải-lương vậy. Đến như dinh điền bặt-lịch rất là chính-đốn: ruộng thời bặt dân phải biên cho thực, sai quan đến nơi khám đạc, nếu làng nào ăn lậu thời trích ra làm công-diền để quân-cấp cho cùng-dinh, dân-dinh thời hai tuổi trở lên phải chép vào sổ, hễ di-lậu thời sẽ bắt nghiêm-phạt. Lại sợ những nhà quyền-lực ức - hiếp dân nghèo, bèn dựng ra ruộng vương-hầu phải có định hạn, không được bao - chiếm nhiều ruộng, đó cũng là chính-giới cải-lương vậy. Quý-Ly lại sai Đỗ Mã đánh Chiêm-thành, lấy được đất Chiêm-động thuộc phủ Thăng-binh và đất Cồ - lữ thuộc Quảng - nghĩa, cải là Thăng-hoa Tu-nghĩa bốn châu, đặt chức Yên-phù-sứ để thống - trị bốn châu ấy, rồi lại dời những người ở xứ Bắc - kỳ có của mà không có ruộng đem vợ con vào đây khai-khẩn, đó cũng là chính-sách kinh-lý, các nơi thực - địa có phần xuất-sắc hơn tiền - đại vậy. Giặc vì có tài không có hạnh, đã cướp ngôi vua, lại diệt cả tôn-thống nhà Trần, việc ấy mà còn nhần làm, thời dẫu có tai-nặng đến thế nào thời cũng không được gọi là trượng-phu hào-kiệt vậy.

Hán-Xương kiến-nguyên là Thiệu-thành, đổi lịch Hiệp-kỷ làm lịch Thuận-thiên. Sai sứ đem lễ-vật sang nhà Minh cống vua Thành-tổ, nói dối rằng tôn-thống nhà Trần đã tuyệt, xin lấy Hán-Xương là cháu ngoại-quyền, nhiếp việc trong nước, rồi bức sai kỳ-lão dâng biểu cũng nói như vậy, khiến vua Minh tin là thực; lại đem đất Cồ-lâu bốn-mươi chín thôn dặt cho nhà Minh để cầu phong, vua Minh ham lợi, bèn phong cho Hán-Xương làm An-Nam quốc-vương. Thụ phong năm ấy đương triều vua Thành-tổ

Vĩnh - lạc năm đầu, cải-nguyên làm niên-hiệu Khai-dại vậy.

Lúc ấy nhà Minh đã lấy được đất Cồ-lâu có ý tâm-thực sang nước ta, Hán-Xương sai người chế ra chiến-thuyền, thuyền có hai tầng, ngoài giả làm thuyền vận - tải lương - xướng, kỹ - thực để phòng-bị quân nhà Minh vậy.

Trong nước có tên Nguyễn Khang trước nhân loạn Trần Tôn, chạy sang Lão-qua (tức là Nam-chuông), bấy giờ mới do đường Vân-Nam vào Yên-kinh đổi tên là Thiêm-binh 添平 tự xưng là con vua Nghệ-tôn nhà Trần, đem việc nhà Hồ thoán-nghịch tâu với vua Minh, vua Minh liền sai đốc-tướng là Hán Quan và Hoàng Trung đem năm nghìn quân dẫn Thiêm-binh về nước, mới đến cửa Chi-lăng, Hán-Xương sai quân chống giữ không cho quân Minh qua cửa, Hoàng Trung khiến người đưa thư cho Hán - Xương nói rằng: «Thiêm-Binh tự-xưng là con vua An-Nam, nay xét ra cũng là giả-mạo, nên người trong nước không ai qui-phụ, vậy giao cho nhận lấy Thiêm-Binh đưa về để khỏi phiền đến sự binh-qua nữa.» Hán-Xương nhận được Thiêm-Binh, liền sai đem chém.

Hán-Xương liệu biết quân nhà Minh thế nào cũng kéo sang để khai-hiến với nước ta, mà quân họ sang thì tất qua chỗ Đa-bang xã Cồ-pháp huyện Tiên-phong, nên đã đắp thành để dự-bị, lại chiêu-mộ những quân lính trước đã trốn đi làm quân dưng-hãn, rồi sức bắt dân-phu cấm chông ở nam-ngạn sông Nhị-hà chạy dài hơn bảy trăm dặm, lại khiến dân ở Bắc-giang và đả Tam-dới (thuộc phủ Vĩnh-tường tỉnh Sơn-tây), chọn những chỗ không-khoảng ở phía nam-ngạn, dựng nhà cửa để dự làm chỗ lùi quân.

Rồi mà nhà Minh sai đại tướng-quân là Chu Lăng, phó-tướng-quân là Trương Phụ và Mộc-Thạnh chia binh

hai đạo, một đạo do đường Mông-tự tỉnh Vân-nam tiến đến cửa Phú - linh (thuộc Tuyên - quang) ; một đạo do đường Phùng-trường tỉnh Quảng-tây, tiến đến cửa Phi - lũy (thuộc Lạng - sơn) định ngày điều-hội ở Bạch-bạc, lập dinh đồn ở bên bắc - ngạn. Hán-Xương liền sai quan tả-tướng-quốc là Hồ Nguyên-Trùng, đại-tướng Hồ Đồ suất các thủy-quân bộ-quân để hãn-ngự quân nhà Minh. Khi quân nhà Minh mới vào cửa ải, yết bảng kể tội cha con nhà Hồ thoán - nghịch, lại truyền bịch cho các nơi biết rằng đem quân sang đây cốt đi diệt nhà Hồ, mà dựng con cháu nhà Trần, khiến cho quốc-dân yên lòng không được nào-động. Lữ người Mạc Địch, Mạc Viễn, Nguyễn-Huân người huyện Chi - linh nghe tin liền suất đảng-chúng ra hàng nhà Minh. Quân nhà Hồ bấy giờ đóng ở thành Đa-bang, định ngày mai bày trận voi để giao-chiến với quân nhà Minh, lấy vải vẽ hình sư-tử mặc cho ngựa, để xung vào trước trận voi, rồi đem thâu-cơ hỏa-khi tung vào trận, voi sợ chạy lùi vào thành. Quân Minh đánh vỡ thành Đa-bang, thừa-thế tiến đến thành Đông-dò, rồi lại tiến quân đến cửa Hàm-tử (thuộc huyện Đông-an tỉnh Hưng-yên). Qui-Ly cùng Hồ Hán-Xương thua trận, bèn đem con cháu và liêu - thuộc do đường bẻ chạy vào Thanh-hóa, kể lại chạy ra cửa bể Kỳ-la (thuộc huyện Kỳ-anh tỉnh Hà-tĩnh), bị quân Minh bắt được, sau lại bắt được con Hán-Xương là Hồ-Nhuế ở núi Cao-vọng (thuộc huyện Kỳ-anh) đưa về Kim-lăng. Vua Minh ngự trên điện đòi Quý - Ly vào hỏi rằng : «Giết vua cướp nước, nghĩa làm tôi có đáng không?» Qui-Ly lặng ngắt, truyền đem giam ngục, duy có Nguyễn-Trùng khéo chế đồ binh lượng tha cho, sau dùng làm quan đến Binh-bộ thượng-thư. Còn con cháu nhà Hồ và liêu thuộc đều bị giam cả. Nhà Hồ được bảy năm thì mất, từ đấy nước ta thuộc về nhà Minh vậy.

* *

Than ôi ! thiên-hạ là thiên-hạ chung cả dân-tộc nước Nam, dẫu nhà Hồ hay nhà Trần cũng là một dân-tộc đó mà ra. Thế thời nhà Hồ thay ngôi nhà Trần cũng chẳng khác gì nhà Trần thay ngôi nhà Lý. Nhưng đem cái nội-tình và ngoại-thế bấy giờ mà xét cho kỹ thời nhà Hồ không nên cướp ngôi nhà Trần vậy.

Nói về nội-tình thời Quý-Ly có hai cô gả cho vua Minh-tôn mới được tiến thân đến chỗ quyền-quý, bởi đó mà quyền cao chức trọng cha con đều được hiển-hách ở trong triều, thế thời vua nhà Trần tức là ân-nhân của họ Hồ vậy ; vả minh-lâm phò-mã, con minh-lâm hoàng-hậu, ý-thế lộng-quyền, cũng nhiều người căm tức mà không dám nói ra ; không cướp ngôi nhà Trần thì thôi, nếu cướp ngôi nhà Trần an-tri những người tôn-thất và quốc-dân không có người nào ra mặt phản-đối hay sao ? Quý-Ly không hiểu cái nội-tình như vậy mà lại vong-ân bội-nghĩa, một tay giết hại bao nhiêu con cháu nhà Trần, bởi vậy lòng người ta oán, đến khi gặp loạn, cha con không có chỗ dung-thân, thế thời không phải nhà Minh diệt nhà Hồ mà nhà Hồ tự diệt nhà Hồ vậy.

Lấy ngoại-thế mà nói, nước ta với nước Tàu là nước đồng-văn,

khoảng năm 1354 đ rơng triều vua Trần Dụ-tôn, Chu Nguyên-Chương dấy binh ở châu Tứ, diệt nhà Nguyên mà nhất-thống được Chi-na, dựng nước là Đại-Minh, cải-nguyên là Hồng-vũ, ấy là vua Minh Thái-tổ. Khoảng năm 1366 năm vua Trần Dụ-tôn sai Đào Văn-Tịch đem lễ-vật sang công nhà Minh đã có thành-lệ, vua Thái-tổ mất sau, vua Minh Thành-tổ đã binh được đư-dăng nhà Nguyên, bèn sai hoạn-quan là Nguyễn Toán sang nước ta thám-thình tình-hình, ý muốn xâm-chiếm nước ta, nhưng chưa gặp cơ-hội. Nhà Hồ không cướp nhà Trần thì thôi, nếu cướp nhà Trần thì nhà Minh mượn tiếng đem binh giúp con cháu nhà Trần, kỳ-thực thi-hành cái chủ-nghĩa chiếm-cử nước ta. Quý-Ly không biết cái ngoại-thế như vậy mà lại dám mạo-xung nhà Trần tuyệt-tự, phải cử cháu ngoại để thay quyền làm vua, bởi vậy nhà Minh biết họ Hồ có lòng kui-trá, mới đem binh để vấn-tội, trong nước không những gây ra mối loạn can-qua mà quốc-dân lại bị tay nước Tàu áp-chế lẫn nữa, thế thời Quý-Ly đã đắc-tội với nhà Trần mà lại đắc-tội cả với dân Việt-Nam vậy.

Ta đọc đến sử nhà Hồ căm gan tức ruột, ước gì được thanh bảo kiếm của đức Trần Hưng-Đạo tặng cho cha con nhà Hồ chĩa thổng-khoai ư !

TRỊNH-DÌNH



DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG

1. — Tướng-quân Phạm Cự-Lạng 范巨倆 và gia-thế

Tướng-quân Phạm Cự-Lạng quê ở làng Chi-ngại 支礙, huyện Chi-linh, hạt Nam-sách, Hải-dương.

Cụ tổ tam-dại nhà Tướng-quân là Phạm Chiêm: 范占 giúp vua Ngô Quyền đánh quân Nam-Hán, có công dựng nghiệp độc-lập cho nước ta, làm đến Đồng-giáp Tướng-quân 銅甲將軍.

Cha là Phạm Mạn 范蔓 làm Tham-chính Đô-ủy ở đời nhà Nam-Tấn.

Đến Tướng-quân Phạm Cự-Lạng giúp vua Đinh Tiên-hoàng dẹp 12 sứ-quân, thống-nhất toàn-quốc, làm đến Đại-tướng-quân. Anh là Phạm Hạp 涉 thì làm đến Vệ-ủy. Cho nên nhà họ Phạm Chi-ngại thực là một nhà lũy-thế huân-tướng ở nước Việt-Nam ta.

Vua Đinh Tiên-hoàng làm vua được 12 năm thì mất, con là Phế-đế nối ngôi còn bé nhỏ. Nước ta mới độc-lập từ đời vua Ngô đến bấy giờ chưa được bao lâu. Việc kiến-thiết chưa hoàn-bị, quốc-thể chưa lấy gì làm vững-vàng cho lắm. Gia-chi-dĩ Tiên-hoàng mới bị thí xong, tự-quân còn thơ-ấu. Quan Thập-đạo Tướng-quân là Lê Hoàn làm nhiếp-chính bị chúng nghị, gây nên cuộc nội-biến. Bên Tàu có Hầu Nhân-bảo làm quan tri Ung-châu biết tình-hình ấy. Y bèn dâng sớ nói với vua Tống về cái tình-trạng nước ta có thể lấy được. Vua Tống bèn mật chỉ phát ba vạn binh ở đạo quân Tương-hồ và phong cho Hầu Nhân-bảo làm Giao-châu Chuyển-vận-sứ cùng Tôn Toàn-Hưng là doãn-luyện-sứ, Sich Thủ-Iuẩn là Gất-tác-sứ 漆作使, Trần Khâm-Tộ là Ân-bí-dư sứ 按磨與使 ở đạo quân Lan-lãng. Bốn mặt khởi-binh và hẹn ngày cùng tới đánh nước ta.

Tiếp biên-báo, cử-quốc náo-động. Dương Thái-hậu bèn cử Đại-tướng-quân Phạm Cự-Lạng đi đánh quận Tống. Tướng-quân bàn với chủ-tướng đều chinh nhung-trang vào Sứ-phủ rước Lê Hoàn ra lập làm Thiên-tử, để cho có người cứng rắn cầm quyền nước, rồi cùng đem quân ra đánh, giết được Hầu Nhân-bảo, đuổi hết quân Tống ra ngoài ải.

Vua Tống thấy quân thua chạy về, lấy làm hồ-thẹn, bèn sai Lưu Đa-Tổn đem tờ thư sang dụ nước ta. Kế đó lại sai Lưu Trùng đem quân vào cửa Bạch-đăng đánh nước ta. Vua Lê Hoàn cầm cọc cửa sông phá tan thủy-quân Tống. Từ đó Tàu không dám sang nữa. Giang-sơn nước ta cũng từ đó về sau mới khỏi cái vạ xâm lấn của người Tàu.

Coi đó thì biết Tướng-quân Phạm Cự-Lạng thực biết lấy nước làm trọng, và biết vì nước kén người.

Ở làng Chi-ngại ngày trước vẫn có đền thờ Tướng-quân. Nhưng gần nay mấy tao binh-lửa đều hủy mất mà di-chỉ cũng không biết ở chỗ nào.

2. — Đoàn Thượng 段尙

Đoàn Thượng sinh ở đời Lý, quê ở làng Xuân-dộ 椿度, huyện Trùng-tân 長津 (nay cái là Gia-lộc 嘉祿), Hải-dương.

Bà mẹ ông làm vú sữa nuôi vua Huệ-tôn nhà Lý, cho nên ông là bạn đồng-nhũ với vua. Vì thế nên cũng có thể-lực. Cuối đời nhà Lý giặc cướp nổi tứ-tung. Vua Huệ-tôn còn làm thái-tử phải chạy vào nhà họ Trần Tức-mạc. Ông cũng mộ binh nghĩa-dân ở Hồng-châu (nay là Ninh-giang với Bình-giang) ra dẹp giặc giúp nước, uy-thanh lừng-lẫy lắm. Sau họ Trần đắc-thế bèn xui Triều-dinh hặc ông là thiện-tạo uy-phúc

Ông biết họ Trần tất cướp ngôi nhà Lý, bèn về Hồng-châu tự đắp một cái thành làm thế thủ để đối-phó với họ Trần về sau.

Đến khi Trần Thái-tôn lên thay nhà Lý dụ phong vương cho ông Đoàn Thượng và hẹn ngặt kỹ ăn thề với nhau. Nhưng ông quyết không chịu hàng. Ông ra giao-chiến với Nguyễn Nộn là tướng nhà Trần, ông bị trận-tử. Ông thực là một bậc nghĩa-sĩ tiết-liệt ở cuối đời nhà Lý. Nay ở Gia-lộc thì làng Xuân-dô, làng Hoàng-du 黃油, làng Định-dào 定陶; ở Đường-hào thì làng An-nhân đều có đền thờ ông Đoàn Thượng. Tương-truyền còn nhiều nơi thờ ông nữa, tất cả đến 72 đền.

3.— Tiên-thế nhà Trần và Hưng-đạo - vương Trần - Quốc - Tuấn 陳國峻.

Tiên-thế nhà Trần phát-tích ở làng An-sinh huyện Đông-triều tỉnh Hải-dương làm nghề chài-lưới. Đến Trần Kinh 陳京 mới thiên-cư vào làng Tức-mặc Nam-dịnh.

Ở Tức-mặc đến đời thứ hai là Trần Lý thì đã nên một nhà hào-trưởng. Trần Lý sinh được hai trai là Trần Tự-Khánh 陳嗣慶, Trần Thừa 陳承; một gái là Trần-thị cực nhan-sắc. Khi ấy Huệ-tôn nhà Lý còn làm Thái-tử chạy loạn về xứ nam tới nhà họ Trần. Anh em Trần Tự-Khánh bèn dâng em gái cho Thái-tử và chiêu-tập hương-binh ra dẹp loạn. Rồi rước Thái-tử về kinh. Thái-tử lên ngôi tức là Huệ-tôn. Huệ-tôn phong Trần-thị làm Hoàng-hậu. Trần Tự-Khánh làm đến Thái-úy phụ-chính. Thế là họ Trần nên một nhà quý-tộc từ đó.

Được ít lâu Trần Tự-Khánh chết. Anh là Trần Thừa kế lên làm Phụ-quốc Thái-úy. Em tụng-đệ là Trần Thủ-Độ làm Điện-tiền Chỉ-huy-sứ cai quản cả trong cung-cấm.

Trần Thừa được hai trai là Trần Liễu, Trần Cảnh. Lý Huệ-tôn không có con trai. Hoàng-hậu Trần-thị thì chỉ được có hai gái là Thuận-thiện 順天 thì gả cho Trần Liễu, còn Chiêu-thánh thì còn bé. Trần Thủ-Độ lập mưu cho Huệ-tôn lập Chiêu-thánh làm Thái-tử và truyền ngôi cho, tức là Chiêu-hoàng nữ-chủ nhà Lý. Trần Thủ-Độ lại lập mưu cho Chiêu-hoàng lấy Trần Cảnh và nhường ngôi cho chồng, tức là Trần Thái-tôn. Ngôi vua từ đó đổi về họ Trần.

Trần Thái-tôn lên làm vua bèn phong cho anh là Trần Liễu làm An-sinh-vương về ở ấp An-sinh 安生 là chỗ quê cũ của tổ-tiên.

An-sinh-vương về ở phong-ấp rồi mới sinh ra Hưng-dạo-vương. Trần Quốc-Tuấn. Cho nên Trần-Quốc-Tuấn là người sản-xuất ở Hải-dương.

Làng An-sinh nay còn một cái đền to thờ các vị đế-vương nhà Trần, gọi là đền An-sinh. Năm Minh-mệnh thứ 11, tinh-thần Hải-dương đã phụng-sắc về tu-tạo lại. Lại ở gần vùng làng An-sinh thì có nhiều lăng của các đế-vương nhà Trần. Như những xứ Đồng-hi, Tư-phúc, Đồng thái, Mục-mang đều còn di-chỉ cả.

Ở trên đỉnh núi Ngọa-vân cũng về phạm làng An-sinh thì có lăng với tháp táng « xá-lợi 舍利 » vua Trần Nhân-tôn. Lăng thì còn hai phỗng đá, một voi đá, một ngựa đá, hai dê đá và hai hồ đá đều gầy đổ cả vào trong bụi cỏ. Tháp đá thì trong lòng khắc rằng:

« Đệ nhất tổ, Trúc lâm đầu-đá, Tinh-tuệ giác-hoàng Trần-triều Nhân-tôn thánh-đế, Điều-ngự-vương phật. 第一祖。竹林頭陀，淨慧覺皇。陳朝仁尊聖帝。調御王佛。 »

Bên tháp có một hòn đá « nát - bàn 涅盤 », một ngựa đá và một voi đá.

Hưng-dạo đại - vương Trần Quốc-Tuấn là con An-sinh-vương. Lúc sinh-

thời phong là Hưng-đạo-vương. đến khi mất rồi, vua tặng thêm chữ « đại 大 » tức là Hưng-đạo-đại-vương.

Công-nghiệp Đại-vương cùng với trời đất Việt Nam ta cùng lâu dài là ở những phương-lược đánh đuổi được giặc Nguyên Mông cõ khiến cho không xâm-chiếm được đất nước ta. Ngay trước thì ta tưởng giặc Nguyên cũng là giặc lâu, thế-lực nhà Nguyên cũng như thế lực nhà Tống mà thối. Ngay nay ta mới biết người Mông - cõ bấy giờ rất là cường-thịnh bạo-ngược. Các hùng-chủ kẻ-thế nổi lên như Thành-cát-ti-hãn, Thiết-mộc-chân đem giống Mông-cõ tức là giống Hung-nô về đời nhà Hán ngày trước đi chinh-phục hầu khắp hai châu Á Âu, chiếm Ấn-độ giữ Tiểu-á-tế-á rồi sang đánh Đông-la-mã, nước Đức nước Nga. Quân đi đến đâu phá-hủy thành-ấp, đồ-sát loài người như cỏ rác. Sau quay về diệt nhà Tống lấy toàn-bộ Trung-quốc. Bèn hợp Mông-cõ với Trung-quốc làm một đế-quốc lớn gọi là Nguyên-triều. Đế-quốc nhà Nguyên bấy giờ lại đại-cử sang định diệt nước ta. Nhưng sang hai lần đều bị quân Hưng-đạo-đại-vương đánh cho tan-tành bại-hoại. Coi đó thì biết Hưng-đạo-đại-vương không những là một bậc vĩ-nhân của nước ta, mà là một bậc vĩ-nhân ở thế-giới nữa.

Đại-vương đánh quân Nguyên có hai trận to. Một trận bộ-chiến ở dinh Vạn-kiếp, một trận thủy-chiến ở cửa sông Bạch-đăng. Về chiến-lược hai trận ấy, ký-giả đã từng thuật ở bài diên-thuyết « Chí-linh bát-cổ » với ở nhà hội Trí-tri Hải-dương năm 1929. Trong bài ấy lại có thuyết-phá cái lý-do về hủ-tục bắt ma « phạm-nhan phạm-điền », và có phê-bình cái cách kiến-trúc mới lỗ-lãng, không biết bảo-tồn lấy cái cổ-phong kiến-trúc ở đền Kiếp-bạc nữa. Vậy đây chỉ dẫn qua mấy điều lược-sử Đại-vương mà thôi.

Đại-vương còn nhỏ đã dong-mao hùng-vĩ, thông-minh tốt vời. An sinh-vương đón đủ các thầy tài nghệ về dạy. Lớn lên xem khắp các sách, gồm đủ tài văn-vũ.

Đời vua Trần Nhân-tôn năm thứ năm, vua Nguyên sai Thái-tử là Thoát-Hoan kéo đại-binh sang đánh nước ta. Giặc đã vào đến các hạt Vũ-ninh, Đông-ngàn, Gia-lâm giáp-giới kinh-thành rồi, vua phải ngự thuyền về Đông-hải, thế nước nguy-bách. Bấy giờ Đại-vương thống-lãnh thiên-hạ chư-quân về đóng ở dinh Vạn-kiếp để đánh giặc. Đại-vương rất tinh binh-pháp, có soạn một quyển đề là « Binh-gia diệu-bí yếu-lược 兵家妙秘要略 » để phát cho chư-tướng đọc. Lại soạn một bài kịch phát kèm với quyển sách ấy để khuyến-khích chư-tướng. Bài kịch ấy bằng Hán-văn nay dịch ra quốc-ngữ như sau này,

« Hỡi hỡi chư-tướng ta ơi ! Nhớ xưa: Kỳ-Tin đem thân giặc giết, để chết thay Hán-vương; Do-Vu quay lưng giặc dâm mà dưng che Sở-chúa; Dục-Nhượng giả làm hủi, báo thù cho thầy; Thân-Khoái chặt cánh tay, chịu nạn với nước; Kinh-Đức là một tên học trò chữa đỡ, ôm vua Đường-để thoát khỏi tròng-vi; Quã-Khanh là một chức tiều-quan ở xa, chửi thẳng Lộc-son, mà không theo nghịch-tặc. Ấy những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, vì nước liều mình, đời nào không có. Nếu mấy trang trên ấy mà chỉ loanh-quanh trọn đời trong xô như cái thói hèn-yếu của khách phẫn-son, thì còn lấy đâu làm bia đá bằng vàng ghi cái danh bất-hủ kia cùng trời đất như thế được dư ?

余嘗聞之。紀信以背受戈。而斷臂宗也。口義區區。身蔽而罵士。臣子能代楚而得祿。以為竹死王。豫讓。充從。天脫讓。免山。身兒。帛漢吞。敬世。不狗。女與帝。英。德。之。遠。何。之。地。帝。英。德。之。遠。何。之。地。

giáp của giặc không? Mẹo cờ bạc của các người có thể dùng ra việc binh-cơ được không? Ruộng vườn của các người dầu lắm cũng không đủ chuộc được cái thân quý báu. Vợ con của các người dầu nhiều cũng không đủ giúp cho việc quân-quốc. Các người có sẵn của cũng không có thể mua được dầu giặc. Các người có lắm chó săn cũng không có thể đuổi được giặc. Rượu ngon đến thế nào cũng không đủ say chết được giặc. Giọng hát nào cũng đến đâu cũng không đủ làm cho giặc điếc tai.

« Lúc bấy giờ vua tới nhà ta, tất bị giặc trói, mà các người thì muốn cứ vui sướng mãi, phỏng có được không? »

脫有蒙韃之寇來。雄鷄之距不足
以穿磨甲。博賭之術不足以施軍
謀。田園之富不足以贖千金之艦。
妻孥之累不足以充軍糧之用。生
產之多不足以掠虜頭。獵犬之力
不足以驅虜衆。美酒不足以此之
不軍。淫聲不足就縛。雖欲
我家主就縛。雖欲

« Vậy nay ta hiểu bảo cho chư-tướng các người hay. Các người phải nhớ những câu: « Nước đến chân mới nhảy là quẻ. Sáo vỡ đưa vỡ dũa phải tránh » mà răn sợ. Phải huấn-luyện quân lính, rèn tập cung tên. Khiến cho nhà nào cũng bắn giỏi như Bàng-Móng, người nào cũng bắn tài như Hậu-Nghệ. Bêu dầu giặc Thát - đát ra dưới thành, phanh thit quân Vạn - nam ra ngoài ngõ.

« Như thế không những áp phong của ta được lâu dài truyền đời, mà hồng lộc của các người cũng mãn-dại gia-ban. Không những tôn-miếu nhà ta được lửa hương muôn thừa, mà tô-phụ nhà các người cũng được giỗ tết quanh năm. Lúc bấy giờ dầu các người không muốn vui sướng nữa, phỏng có được không? »

其習島於而惟祖欲
薪卒拜肉罷。不之雖
積十后之青賜等時
火棘家南爲受汝之
屠調家雲永之而此
以戒。蒙腐色身祀常
當爲逢下。衆終享食
等。惡人關之亦世血乎。
汝吹人於余。祿萬之得
告。藥使頭。惟。碎。崩。秋。樂
明。懲。刀。之。不。之。宗。春。娛
子。以。弓。虜。肉。等。之。亦。爲
今。危。肆。獵。獲。汝。余。父。不

« Đây ta có đem binh-pháp của các nhà dọn lại làm một quyển sách đề là « Binh thư yếu-lược » để ban cho chư-tướng các người. Các người phải chuyên tập lấy sách này, chớ có bỏ sót một chỗ. Là vì rằng cái thù quân Mông-Thát với chúng ta là cái thù chẳng đời trời chúng. Vậy nếu các người cứ điềm-nhiên không nghĩ gì đến sự tuyết-sử trừ-hung, mà đề như đề nhuốc đến nghìn muôn đời về sau, thì các người còn mặt mũi nào đứng ở trong chốn trời che đất chở này nữa. Nay lịch »

今。兵。略。要。書。撰。擇。諸。家。汝。明。既。心。天
或。之。念。而。徵。除。目。之。

Từ đó chư-tướng đều phát-phần hăng-hái thêm lên. Đại-vương bèn dụ giặc Nguyên vào khu rừng sau dinh Vạn-kiếp, đánh một trận, giặc Nguyên đại-bại trút về nước. Thế nước ta lại vững-vàng. Trận sau giặc Nguyên lại sang mặt bể. Đại-vương dọn đánh ở cửa sông Bạch-đăng phá tan hạm-đội và giết hầu hết thủy-bình giặc Nguyên. Đến máu đỏ cả nước sông Bạch-đăng. Từ đấy người nhà Nguyên không dám khuy-du sang nam-phương nữa. Người Tàu nghe tiếng Đại-vương rất kính-sợ chỉ gọi « An-Nam Hưng-đạo-vương » chứ không dám hô tên.

Giặc Nguyên bình rồi, Đại-vương vẫn đóng lại ở dinh Vạn-kiếp làm tư-độ. Đại-vương vẫn không quên việc binh. Lại soạn một quyển binh-thư nữa

đề là « *Vận-kiếp tôn-bí* 萬劫宗秘 » đề dạy chư-trường. Sách ấy Nhân-huệ-vương Trần Khánh-Dur có viết bài tựa, lược như sau này :

« *Phàm người tài dùng binh, thì không khi nào phải chịu bày trận. Người tài bày trận thì không khi nào phải chịu giao-chiến. Người tài giao-chiến thì không khi nào chịu thua. Người khéo thua thì không khi nào phải chịu thua mà chết. Cho nên nghĩa chữ trận là trần-liệt ra, là khôn-khéo đó. Kể từ vua Hoàng-đế, ông Gia-cát Lượng, người Hoàn-Ân, đều đã lập thành ra trận-dò, phép-tắc đủ cả. Nhưng phiền-tạp lắm, người đời khó hiểu. Cho nên đức Quốc-công ta mới lựa chọn các đồ-thư phép-tắc của các nhà làm thành sách này. Thật là có cái phép nhiệm-mầu đã đánh dấu là tất toàn-thắng đấy. Quốc-công ta sở-di mặt bắc đẹp được giặc Hung-nô, miền tây phục được rợ Lâm ấp là cố-nhiên vậy. »*

Khi Đại-vương bệnh nặng sắp mất, vua Anh-tôn tới dinh thăm và hỏi rằng: « *Vạn-nhất Vương có mình nào mà giặc Tàu nó lại sang, thì dùng chước gì để chống giữ?* » Đại-vương thưa rằng: « *Ngày xưa khi vua Triệu Vũ-đế mới xưng đế ở nước ta, vua Hán cho binh sang đánh, Vũ-đế dùng cái kế cho dân trốn và dẫn hết lương ăn đi. Rồi cho đại binh đi lối Khâm, Liêm vào đánh đất Trảng - sa, cho đạo đoàn-binh đánh chen đường về của nó. Đó là một thế. Đến đời Đinh Lê, quân Tống sang. Nhưng bấy giờ quân bắc yếu đuối mà nước Nam đang cường-thịnh, dùng được nhiều tài-năng giúp giặc, trên dưới một lòng, dân-tâm cố-kết. Cho nên đập thành Bình-lỗ 平虜 mà phá tan được quân Tống. Đó là một thế.*

« *Đời nhà Lý trị vì, người Tống lại sang xâm lấn. Vua Lý sai ông Lý*

Thường-Kiệt vào đánh hai châu Khâm Liêm đến tận núi Mai-lĩnh của Tàu. Đó lại là một thế. Mới rồi bọn Loạ-đô, Ô-mã-nhi bốn mặt kéo vào. Trời xui nước ta, vua tôi một lòng, anh em hòa-thuận, và người nước hết sức giúp vào. Nên chúng nó đều bị ta bắt được. Đó lại là một thế.

« *Đại-khai « dĩ đoản kích tràng » là lối thường nhà binh. Cho nên giặc nó dùng lối tràng-trấn thì ta chỉ dùng lối đoản-binh mà thôi.*

« *Khi thấy quân giặc kéo đến như gió như lửa mặc lòng. Mình phải xét xem cơ-biến của nó thế nào mà mỗi lúc dùng một phương-pháp khác, chẳng khác như người đánh cờ vậy. Nhưng thế nào cũng phải có những bọn phụ-tử chi binh thì mới dùng được. Vậy trước phải bồi đắp lấy dân-lực để làm cái kế cố-đế thâm-căn.*

« *Ấy là thượng-sách giữ nước đó.* »

Đại - vương đối với vua với nước thực là tận-trung. Lúc giặc Nguyên mới sang, uy-thế rất là dữ mạnh. Thái - thượng - hoàng Thánh-tôn hỏi Đại-vương rằng: « *Xem thế-giặc mạnh lắm, ta phải ra hàng đi thôi.* » Đại-vương nói: « *Chém đầu tôi trước đã rồi sẽ hàng.* » Đến khi Đại-vương đánh tan được giặc rồi. Vua cho Đại-vương được tự ban tước-thưởng cho người ta. Duy có tước Hầu thì mới phải tâu sau. Nhưng Đại - vương cũng không hưởng tước-lộc gì riêng cho ai cả. Đại-vương có cho các nhà gian quyền thóc để giúp quân-lương thì chỉ ban cho chức « *Giả lang-tướng* 假郎將 mà thôi, chứ không dám ban chức Lang - tướng thực. Ấy ngà quý tước thưởng của Nhà-nước như thế.

Đại-vương lại vì nước đào-tạo được nhiều bậc nhân-tài lỗi-lạc. Như Yết - Kiêu, Giã - Lượng là hai người đây - 10

chân trong mà nổi tương-tại dự công to vào những trận đánh được Toa - đô, Ô-mã-nhi. Còn như bọn Phạm Ngũ - Lão, Trần Thời - Kiến, Trương Hán - Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dự, Ngô Sĩ - Thường và Nguyễn Sĩ - Trục, đều là những người môn - khách của Đại - vương. Đại-vương tiến-cử ra rồi mà nổi danh văn-chương chính-sự ở đời cả.

Sau Đại-vương mất ở dinh Vạn-kiếp di-chức hỏa-táng rồi, táng xá-lị ở một cái đồi trong vườn Dược-sơn bên dinh. Không phong-phần. Táng xong giồng thông lên. Nay dinh Vạn - kiếp là đền Kiếp-bạc thờ ngài. Còn chỗ táng thì không biết chính phần-mộ ở mé nào. Người sở-tại ở đấy gọi cả cái đồi ấy là cái sơn-lăng.

Mới đây vào khoảng năm 1910. Quan Tổng-đốc Hải-dương là Lê Hoan đứng hưng-công tu-bổ đền. Ông mời phá cây

dựng một cái phượng - đình lên trên mặt cái sơn-lăng ấy. Mặt sau phượng-đình thì đóng một cái ban, tạc một pho tượng thờ Đại-vương, đề ngày hội đền cho những người trảy đèn vào lễ - bái. Nhưng người ta nói tượng của vua Lê. Một viên-chức giúp việc hưng-công bấy giờ cũng nói : « Quan Lê có mặc triều-phục và ngồi cho thợ trông dong-nhan ông mà tạc.» Bởi vậy thiên-hạ chẳng ai vào đấy lễ-bái gì. Tượng với đình bỏ tiêu-diệu lắm.

Nay ngắm kỹ pho tượng ấy thì vóc người với khổ mặt xương-xương, tu-mi bạc trắng da hồng-hào. Dong-mạo trông tế ngắt mà có oai, thật là một lối tạc tả chân, chứ không phải lối tạc tưởng-tượng ra một dáng vĩ - nhân, nghĩa là dong-mạo hùng-vĩ thông-minh như trong sách đã chép tượng ngài.

ĐỒ-NAM



CHÓT NẶNG LỜI THỀ (1)

III

Cảnh thứ năm. — Nhà và đường

Lé Hồng-thư ra nói ngoài :

Hừ, bây giờ cậu Hoàng Minh cùng bác Đoàn Tử-Trần đã sang Pháp học rồi, mà nghe đâu cha mẹ ghét bỏ không gửi tiền lương sang cho nữa, đến nỗi cậu phải đi làm công lấy lương ăn mà học, và mình bây giờ may nhờ ơn cha mẹ, bỏ tiền ra, mình đã lập ra xưởng nuôi tằm, nhà máy sợi, trường học nữ-công, mỗi tháng cũng phát-tải có một hai nghìn, ầu là mình lên nhà trạm mình mua măng-da gửi tiền nhờ bác Đoàn Tử-Trần đề cấp lương cho cậu học, mỗi tháng một vài trăm, đề đỡ phải đi làm mà học đó chi.

Hát sa-lêch đi :

Trông (ói) đôi trông (tinh bằng) non nước xa vời, (chữ đề tình) mưa Âu gió Á (y ối y mà đề có) một trời văn minh; (y y) lưỡng (ời) lưỡng thương ai (tinh bằng) rảo bước học - hành. Rảo bước học-hành, lưỡng thương ai (tinh bằng) rảo bước học - hành, (chữ đề tình) duyên em mỏng-mảnh (y ối y mà đề) sợi tơ mảnh sợi tơ mảnh chưa xe; (y y); nước (ói) nước non (tinh bằng) em trót nặng lời thề. Trót nặng lời thề, nước non (tinh bằng) em trót nặng lời thề, (chữ đề tình) gửi tiền nhờ bạn (y ối y mà đề có) mượn tên đề, mượn tên đề giúp anh; (y y) nữa (ói) nữa một mai (tinh bằng) công-toại danh-thành.

(Hạ)

Hà Mạnh Bằng ra nói lối :

Chàng công-tử như mình rất sộp, gái Hồng Thư khéo lổp vì tình, xưa đâu mình vốn cũng bạn Hoàng Minh, nhưng sao hầu cứ say anh bạch-diện.

Bỏ sang Pháp vẫn ân tình quyến-luyến, cách phương Tây còn thu-tín đi về. Ấu mình tìm cai trạm bỏ tiền thuê, bảo nó mở thư đề ta đánh cháo, đó chi.

Hát nổi niều lối khác :

(Chữ) như mình mới thiết tay chơi (này ới ai ới tay chơi, tay chơi tay chơi) như mình mới thiết tay chơi, có khi lên đến trời anh bắt cái trăng; hỏi cô mình có biết anh chẳng (này mình ới ai ới anh chẳng anh chẳng anh chẳng)? (Chữ) hỏi cô mình có biết anh chẳng? lên thuê cai trạm đôi mấy phăng bực tở; gái nhà quê lắm chị bắt thơ (này ới ai ới bắt thơ bắt thơ bắt thơ). Chữ gái nhà quê lắm chị bắt thơ, rồi ra mắc bọm mấy bị lừa như chơi; bấy giờ còn nói con giới (này ới ai ới con giới con giới con giới).

(Hạ)

Cai trạm nói lối :

Tôi là anh cai trạm, hay ăn tạm ở nhờ; nhất những người gửi giấy đề thơ, quyền soạn xét tôi giả-vờ xem trước, ai thuê bỏ cầm tem bóc ngược, xong gián hồ lại được còn nguyên; nếu có ai họ đến thuê tiền, giấy quan-hệ tôi cũng liền bóc tuột.

Hát dịp bày :

Con đường vòng ngoắt-ngoéo, con đường vòng, tin oanh là oanh réo-rất lá thơ hồng xa bay; chốn dậm trường cách nẻo trời mây. Chốn dậm trường cách nẻo nẻo trời mây, đổi thay là thay nhận cá mẩy trở xoay gió chiều; một liều song ba bốn cũng liều. Một liều ba bốn ba bốn cũng liều, cũng đánh là đánh như con trẻ chơi đùa dứt giầy; ai về tôi gửi bức là gửi bức tờ mây.

(1) Xem Nam-Phong số 149-150

Hà Mạnh-Đông ra nói:

A bác cai trạm, bác làm cai trạm ở đây, chắc bao nhiêu thơ - từ của Hoàng Minh cũng qua tay bác cả, ầu là bác giùm tôi, hề thấy cái thơ nào của Hoàng Minh gửi về cho Hồng-Thư bác cho tôi mở cái phong-bì đó để tôi đánh đôi tờ khác, rồi tôi sẽ đưa tiền bác xơi chén, a bác.

Cai trạm nói:

Được được, kể hai người ấy họ thư từ gửi mắng - đa cho nhau luôn luôn, đây vừa mới có lá thư của Hoàng Minh gửi cho Hồng - Thư đây, cậu dãi tôi mười đồng bạc thì tôi đưa phong thư này cho cậu, cậu về thay đổi bức tờ ở trong đó đi, rồi lại đưa tôi, để tôi đưa cho Hồng-Thư thế là được, ai biết đâu, a cậu.

Hà Mạnh-Đông đưa mười đồng, cầm lấy phong thư, mở ra đổi thư khác, lại đưa cho cai trạm nói:

Đây tôi đã thay rồi, bác cứ cầm phong thư này đưa cho Hồng-Thư nhé.

Ngâm:

Mở phong thư đổi bức tờ,
Để người khêu-các mặt-mở biết đâu.

Cai trạm cầm lấy phong thư nói:

Được được, thế là được.

Ngâm:

Trò đời bùng mắt lẫn nhau,
Lá tờ đánh đổi biết đâu mà dó.

(*Các hạ*)

Hồng-Thư ra ngồi ngâm sầu:

Trời tây cách nẻo sơn-hồ,
Cánh hồng bay bổng khôn dò hỏi thăm.

Ca nam-bình:

Nhớ thương người xa xa nhớ ai, xưa gán bó đôi lời, khéo nữ trở-ngại với xa với, sao đó sao, những thấy chiêm-bao, bao mắng bao, mong tin xuân vắng, ngàn nọ tin xuân vắng, chứ nhìn ra đàng xa nhớ ai, hồ đoán trông tin nhận tờ mai, dường mong

nhớ ai, nhớ ai phụng loan, xa xa khơi, khéo xa người ấy, cho ai nhớ ai, đoán trông non tây tuyết với, đừng may tiếp tờ mai, mà khuấy dạ mong nhớ ai thêm ngậm-ngùi.

Cai trạm đem đưa phong thư.

Con nhài cầm đưa

Hồng-Thư mở thư xem thét tở:

Ủa lạ thật lạ thật, mà ghê sao ghê sao! bức tờ này ai nó đổi trao, lời nói đó rõ là điều-xảo. *Tán:* Bức thư này không phải là lời lẽ cậu Hoàng Minh, và lại chữ đánh máy, chắc kẻ nào nó làm gian rồi đây, a nhài chạy ra gọi cai trạm vào ta hỏi.

Nhài đi gọi cai trạm.

Cai trạm tài mắt đi đứng run.

Hồng-Thư thét tở:

A Cai trạm, thật là gian-giảo, mở phong-bì đổi trao làm gian, không thú mau ta đem tới trình quan, đã trái phép mấy ắt là bị cách, đó chi.

Cai trạm nói:

Dạ bẩm cô, cái đó là tự bác Hà Mạnh-Đông, bác ấy cho con mười đồng bạc, bảo con cho bác ấy phong thư của cậu Hoàng Minh, để bác ấy thay lá tờ ở trong, mà gửi cho cô, xin cô tha thứ cho, để con đòi nguyên-bản tờ ấy con đem trả cô. (nói và run cầm-cập).

Hồng-Thư nói:

Vậy thì đi đòi mau lấy nguyên-bản tờ kia thì ta tha, không thì anh có lỗi đó.

Cai trạm chạy ra gọi Hà Mạnh-Đông đòi tờ nói dip một:

Ồi hỡi cậu Hà, sao mà chơi ác, cậu cho tôi bạc, đổi chác lá tờ, họ bảo bây giờ, nặc thơ có lỗi, trình quan bắt tội, tôi với ra đây, đòi bức tờ máy, bạc này tôi trả, kéo trình quan cả, tội-vạ ai mang, cái ách giữa đàng, đâm quàng vào cổ, rõ khổ rõ khổ, tôi đòi cho cậu.

Hà Mạnh-Đông nói :

Rõ thẳng nhất quá, lại xưng ngay ra, đây thì ta trả bức thư đây. (Hạ)

Cai tram cầm tờ nguyên-bản nói ngoài :

Minh nghe anh ta rõ xuýt chết. (Cầm tờ vào trả.)

Hồng-Thư nói :

Vậy thì nhất-thứ ta tha cho, từ giờ mà đi, phạm thư-từ của ta phải cần-thận đó.

Cai tram dạ.

(Các hạ)

Hà Mạnh-Đông ra nói lời :

Hừ mình mang tiếng là công-tử bột, sự chơi chưa khôn lợt vành ngoài; mà bây giờ ra chịu kém nước đời, nghĩ thua lựa lại tức hơi bẽ mặt, tờ đánh tráo đó chỉ là khôn vật, người đi đón bắt mới mưu cao, dò Hồng-Thư lên tỉnh lúc nào, về cho tụi tay đao đón chặng. Chừng bặng-nặng mình ra hét mắng, trước giả-vờ sau hằng làm ơn; hẳn việc dễ phơn-phơn, chắc rồi may được được.

Gọi :

Nào thẳng Ngạnh thẳng Ngược, ra cho cậu dặn đây.

Ngạnh và Ngược cùng dạ ra.

Hà Mạnh-Đông hát điệp đuổi dặn :

Thẳng Ngạnh thẳng Ngược, chúng mây láo xược, tay đao tay thước, ra trước chặn dằng, tình tình tình dằng, quá lời nọ dằng tề. — Tình cậu máu dè, bỏ mẹ con gái, kỳ-lân cần quai, sường đại trần đời, tình tình tình đời, quá lời nọ đời danh. — Có ả Hồng-Thư, đành-hanh quá quắt, chúng mình đón bắt, cậu giắt gỡ về, quá lời nọ về vé.

Ngạnh hát tiếp điệp đuổi :

Cậu phải bỏ mê, cậu thuê thẳng Ngạnh, thẳng tôi sức mạnh, kém cạnh ai nào, tình tình tình nào, quá lời nào nao.

Ngược hát tiếp điệp đuổi :

Câu thích bỏ ngao, câu trao thẳng Ngược, thẳng tôi nhanh bước, thất cước việc gì, tình-tình tình gì, quá lời nọ gì đi.

Cùng hát lời :

Đầu bò mặt ngựa, mặt ngựa đầu bò, thầy muốn sự chim cò, tờ giấy tờ chuột họ.

Bảo nhau cùng đi.

(Các hạ)

Hồng-Thư ra nói lời :

Nay nhà mở trường công, thi tài nữ-sĩ, lên tỉnh mua súng tay về thưởng học-trò, mau kíp gọi thẳng nó, dặng cùng lên tỉnh phố, a thẳng nó.

Thẳng nó dạ ra, cùng hát đường-trường đi :

Gái (ới) gái ra tay (tình bằng) gây dựng (a) gây - dựng cơ-đồ, mở trường (song bên) nữ-sĩ (ấy mầy) học trò bao nhiêu; mua súng tay về thưởng giải lèo, mua (ới) mua súng tay (tình bằng) về thưởng (a) về thưởng giải lèo, sóng văn-minh (song bên) giềng giạt (ấy mầy) trận gió triều nhấp-nhò; lên võ - dài mở cuộc ganh đua. Lên (ới) lên võ-đài (tình-bằng) mở cuộc (a) mở cuộc ganh đua, mượn phẫn sơn (song bên) vờ vẽ (ấy mầy) diêm-tỏ non nước nhà; nẻo đường trường đạo bước ngàn hoa.

(Hạ)

Hà Mạnh-Đông cùng tụi côn-dồ ra hát trống quân :

Trên trời có ông sao băng, ở dưới đồng-bằng có giặc đao phay; bay vờ bay bắt bay vờ, người không có cánh dễ bay dằng trời; làm cho vĩa rụng hồn rơi, thầy vào hét mắng gỡ người làm ơn; đem về gấn bó keo sơn, dằng tờ dũ cuốn mây cung đờn êm cũng êm.

Hồng-Thư và thẳng nó về đến nửa đường, Hà Mạnh-Đông chỉ trở nói :

Đề thầy nấp một chỗ, rồi chúng bay cứ ra mà đón bắt, ta sẽ ra mặt ta cứu gỡ nhé.

Côn-dồ vàng.

Mạnh Đông nấp.

Côn-dồ ra thét lối :

A bắt a bắt, này vạy này vạy, toàn một lưỡi dao phay, với vài tay gươm gấu.

Hồng-Thư thét lối :

A những đồ quý-rẫy quý-rẫy, cùng một túi ma-troi ma-troi, sẵn sùng tay ta bắn chết bỏ đời, tin trái đạn bay ắt thời mất mạng, (Đốt cái pháo nổ dùng),

Tại côn-dồ sợ xo lại thét lối :

Thôi bỏ mang bỏ mạng, chết văng-té văng-té; trò chạy dã bỏ mê, thầy hết nghề chim chuột.

Hà Mạnh-Đẳng cũng trở ra chạy.

Thằng Nó cầm súng giả trò bảo :

Thằng kia không đứng lại, ta bắn chết, (đuổi bắt được Ngạnh Ngược).

Ngạch và Ngược van lạy :

Bầm lạy cô, đó là cậu Hà Mạnh-Đẳng xui chúng con, bảo đón bắt cô, rồi cậu ấy ra gỡ, để làm ơn, rồi giam lấy cô, chớ chúng con không dám thề, xin có sinh-phúc cho.

Hồng-Thư nói :

Này chúng bay về bảo cậu Hà Mạnh-Đẳng rằng chớ trêu tay tao, mà chết khó, thôi tha cho chúng nó, a Nó.

Thằng Nó đa cõi trời tha.

(các hạ)

Hà Mạnh-Đẳng ra nói ngoài :

Hừ mình với Hồng-Thư đã thua lựa mấy lần, song thua keo này bày keo khác, bắt con không được, giờ ta lập mẹo bắt cóc ông cụ, đòi rõ nhiều tiền chuộc, chắc nhà ấy phải đi vay, mình bỏ tiền cho vay, chắc rồi lấy được Hồng-Thư hẳn.

Ngâm :

Bắt chim con gái xầy mồi,
Thì xoay bắt cóc sẽ lối ông già.

Gọi :

A bày tớ, nay nhậu em vợ ông Lê Điền-chủ mới đắc cử hội-dồng, mở tiệc ăn mừng, thế nào ông cũng sang, bay

giả làm người nhà đến đón mời, rồi lối tuột ông đi, giấu một chỗ, đòi tiền chuộc, cậu sẽ cho cụ Bá-Liên sang bảo Hồng-Thư, cậu cho vay, hề mắc nợ, là cậu lấy được hẳn.

Bâng-tò là xã Bướu :

Vâng, để con xin đi.

Ngâm :

Cậu bày mưu ấy bợm già,
Đề con xa bước sang nhà đón ông.

(Các hạ)

Lê Điền-chủ ra nói :

Hừ cậu nó nay ăn mừng, già này sang dự tiệc chứ.

Hát cách đi :

Nay mở tiệc mừng, bên cậu em nay mở tiệc mừng, chống con là con gậy trúc lão ngấp-ngừng ra đi; theo chân (song) một kẻ tùy-nhi, ngàn hoa là hoa man-mác nẻo dăng đi vòng-vèo, mặt ghềnh (song) ruổi ngọn gió reo, xanh xanh là xanh dậm liễu (mấy) bóng chiều thướt-tha; nước non (song) bao tuổi mà già,

Xã Bướu cùng Côn-dồ ra hát trống quân :

Cụ đi đâu đấy cụ già, cậu tôi sai đón sang nhà ăn khao; mừng nay sang dự tiệc đào, chúng tôi bắt cóc đưa vào rừng xanh; cụ già cụ bước cho nhanh, kéo mang đón ống chúng tôi khênh cụ về.

Lê Điền-chủ nói :

À! ra các cậu bắt cóc lão à? ừ thì lão đi.

(Các hạ)

Lê Hồng-Thư và mẹ ra than sữ :

Ới thương ôi, chút phận mình tơ liễu, thương mẹ yếu cha già; nửa mái đầu tóc bạc sương pha, ngày dạo bước bông mà cha gặp nạn! Con đen - dúi đã đành vận hạn, nhà thanh-bần nghìn vạn lấy đâu; Ới mẹ Ới con bối-rối tơ-sầu, nghĩ nông-nổ lại quận đầu khúc ruột!

Bà Lê Điền-chủ than :

Ơi con ơi, mẹ đã chua xót, nỗi cha con muốn một thể nào; mẹ cùng con lo liệu làm sao, giờ tiền chuộc biết chốn nào mà vay-vỏ!

Nói :

Khốn-nạn, ông nó nhà tôi đi sang bên cậu nó ăn tiệc, mà giờ ra bị quân hung-dồ nó bắt, nó đòi kẻ hàng nghìn hàng vạn, thì vay đâu hử con ?

Hồng-Thư nói :

Thôi giờ hãy đành vậy, mẹ hãy vào nghỉ, để con còn nghĩ, a mẹ.

(Các hạ)

Hà Mạnh-Đằng ra nói ngoài :

Hử mình giờ đã lập mẹo, vớ được ông cụ rồi, đòi chuộc những mấy nghìn, xem Hồng-Thư có phải chạy-vay vay-vỏ không nào. A mẹ Bà-Liên giờ mẹ táng sang thăm, hỏi Hồng-Thư có chịu lấy tôi, thì muốn vay mấy nghìn tôi cũng cho vay mà chuộc ông cụ về, a mẹ,

Ngâm :

Mụ sang giờ hỏi Hồng-Thư,
Bằng lòng lấy cậu cậu cho vay tiền.

Mụ Bà Liên ngâm :

Sự may may khéo là may,
Tiền đây mỗi quyết xe dây chỉ hồng.

Nói :

Thế cậu ở nhà, mụ đi sang xem nhé.

Mạnh-Đằng hạ.

Mụ Bà Liên sang nhà họ Lê hỏi :

Chứ có Hồng-Thư có nhà không?

Hồng-Thư chạy ra chào hỏi.

Mụ Bà-Liên nói :

Thấy nói cụ ông bị bắt, tôi sang hỏi thăm. Thế bây giờ cô lo - liệu ra làm sao? Lúc nãy tôi có gặp cậu Hà Mạnh-Đằng, cậu bảo hề có bằng lòng lấy cậu, thì vay mấy nghìn mà chuộc cụ ông về, cậu cũng cho vay, a có.

Ca hành-ván :

Hỡi cô này, hỡi cô này, toan liệu liệu mà xoay, lời non nước, hện ước xe dây, có chàng Hà thuở nợ, chừ có biết, sang mà vay, chuộc cụ về ngay, ngày khỏi ngày khỏi ngày ông lão, tiền vay đặng, nặng lả bao, định thế nào, sang mình vay hộ, nghĩ làm sao làm sao?

Hồng-Thư nói :

Nay mụ, mụ về bảo cậu Hà Mạnh-Đằng rằng, trước cậu ấy đã cho bọn còn-dồ đón bắt tôi, hiện còn có tang-chứng, thẳng Ngạnh thẳng Ngược, giờ ông tôi chắc cũng chỉ cậu ấy mưu bắt, nếu không thả ông tôi ra, thì tôi cọt mụ vào làm yếu-chứng, tôi đem trình tòa án, là cậu ấy lách-nghiệp mà bị tù, mà mụ cũng mắc tội đó, a mụ.

Ca tiếp hành-ván :

Lòng chim-cá, dạ trâu bò, ngàn nỗi chàng hồ, tội càng to càng to, muốn tốt về, buống tha toan lo, kẻ trình quan bắt, mai ngày tình tội càng to.

Thét tối :

A nay mụ Bà-Liên, về bảo Hà Mạnh-Đằng, thả cụ ông thì thoát, không, ấi trát đòi ngay, a mụ,

Mụ Bà-Liên tái mặt đi vừa run vừa nói :

Thưa có đề tôi về tôi bảo hẳn thả cụ ông ra, kẻ tôi mà tội lấy, thì rõ nó giết tôi đấy, đi làm mỗi thế này mới nở, a trời.

Vài chào chạy về.

Gọi :

Nào cậu Hà Mạnh-Đằng, thần nanh đồ mỏ, tướng cả nhà trời, mày có thả mau ông cụ ra, không, nó bảo nó cứ mụ làm yếu-chứng, nó trình tòa án, thì mất mạng.

Hà Mạnh-Đằng tròn mắt lên sồn-sắc nói :

Ừ mà mình hờ thật, không thả mau ông cụ ra, nó trình tòa án thì chết cả thật, để tôi vào tôi bảo chúng nó thả bắt ra xong quách. (Các hạ)

Lê Điền-chủ ra nói lời:

Hừ mình bị côn - đồ nó bắt, bồng sao mà thả bắt ngay ra; a tùy-nhi mau rảo gót ngàn hoa, sẽ về nhà điền-xá.

Cùng hát lưng về :

Bấy lâu (đà) mắc bối (là) mắc bối thông-bong, bồng không ai tháo cũ (mấy) xô lồng cho ra; xăm - xăm (đà) dạo gót (là) dạo gót ngàn hoa. Dạo gót ngàn hoa, trái bao (kia) tuyết ủ (mấy) sương pha bạc đầu; bóng gương trong trong vắt (kia) trong vắt lâu lâu. Trong vắt lâu lâu, mặt trời (bên) dải tỏ (mấy) đỉnh đầu non xanh; vợ con (song) mừng mặt (mấy) mừng mặt vui tình.

Về đến nhà, bà Lê điền-chủ và Hồng-Thư chạy trở ra mừng quần quít,

Bà nói :

A kia ông đã về!

Hồng-Thư nói :

A kia thầy đã về!

(*Ha màn*)

Cảnh thứ sáu. — Nhà trường nữ-công

Lê Hồng-Thư ra ngồi vỉa hồng mạc :

Hừ hừ, dù là sĩ, dù là nông, dù là thương, dù là công, nước non một gánh nhẹ bồng, nay em gồng gồng, mai em quảy quảy, gồng gồng quảy quảy, gái má-hồng dầm-dang. (*Sa-mạc*): Chữ trinh đáng giá ngàn vàng, duốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.

Gọi :

A nhài, gọi các cô nữ-công ra thêu thùa đây.

Hai cô nữ công cùng ra ngồi hát dệt gấm :

Dệt gấm (ơ mà) thêu thùa, em ngồi rồi (tinh bằng) dệt gấm (y) dệt gấm thêu thùa, (y y) em thêu con bướm, con đậu con bay, con say con liêng (mà đề có) xinh đà nên xinh; cái mũi kim vàng (tinh - bằng) thánh - thót (mà) thánh-thót năm canh. Thánh - thót (ơ mà) năm canh, cái mũi kim vàng (tinh

bằng) thánh-thót (mà) thánh thót năm canh. (y y) em luôn con chỉ thắm (mà đề có) mỏng manh tơ hồng; gậy mũi kim (tinh bằng) em rút sợi tơ vòng, em thêu con bướm cánh (mà đề nó) giỡn trên ngành hồng bay sa; em ngồi rồi (tinh bằng) dệt gấm (mà) dệt gấm thêu hoa.

Hồng-Thư nói :

Thôi đã mãn-khóa rồi, cho chị em đi nghỉ.

(*Các ha*)

Trần Bích-Lan cùng con nư ra nói lời :

Tôi Bích - Lan con quan tri - phủ, nghe Hồng-Thư học đủ mọi nghề; chị em cùng đôi lứa buổi khuê, bạn gái thủ qua thắm trắng học

Hát đường trường đi :

Ai ơi, son phấn son cùng bạn (song cùng bạn má hồng, sĩ nông sao cho biết trải (y ối y mấy) thương công cũng sánh, trên vườn hồng (tinh bằng) réo-róc con chim oanh. Réo róc con chim oanh, liu-lo (có bên) học nói (y ối y mấy) trên ngành liễu tơ; chốn buổi đào (tinh bằng) tin nhận xa đưa. Tin nhận xa đưa, ai về (có bên) ta gọi (y ối y) bức thư thắm bạn tình; con người xinh (tinh bằng) trăm nét đều xinh.

Cùng vào gọi con Nhài bảo.

Con Nhài ra hỏi rồi vào nói :

Bầm cô, có cô Bích-Lan con qua phủ Trần sang chơi a.

Hồng-Thư ra đón chào mời ngồi vãn vãn.

Bích-Lan ngồi nói :

Dạ thưa chị, em nghe chị mở ra tràng nữ-công, đề dạy các nữ-sĩ nước nhà, em lấy làm nức lòng lắm, nên nay sang chơi thăm chị và xem tràng học đó.

Hồng-Thư nói :

Dạ thưa chị, tràng nữ-công em mở ra, đó cũng xoàng thôi, có chi mà chị đã quá hứa.

Ngâm :

Gọi là giúp bạn nữ-công,
Có chi mà đã nặng lòng quá kهن.

Bích-Lan ngâm :

Từ đâu biết mặt biết tên,
Mà hồng ai dễ gây nên vẩn-minh.

Hồng-Thư nói :

Thưa chị, tên chị là Bích-Lan, có phải ngày xưa cậu Hoàng Minh đã giam đó a chị ?

Bích-Lan nói :

Vâng khi đó là vì ông bà huyện ép cậu ấy giam em, song cậu có nói với em rằng đã có nơi khác, em cũng đã viết thư trả lời, khi cậu ấy sang Pháp học cũng viết thư về đình-hôn rồi, chị biết trước cậu ấy đã dan - díu với ai không a chị ?

Hồng-Thư nói :

Thưa chị người của cậu Hoàng Minh đề-đình, chính là em đây, thế chị từ khi cậu ấy đình - hôn, đã có ai giam hỏi chị chưa ?

Ngâm :

Cậu Hoàng Minh cưới với em,
Hỏi nay chị sánh cái kim nơi nào ?

Bích-Lan cười nói :

Thưa chị, em thì từ khi cậu viết thư đình-hôn, em cũng chưa có nơi nào giam hỏi cả.

Ngâm :

Chị may sớm kết tơ đào,
Em như tấm lụa chừa vào tay ai.

Hồng-thư nói :

Vậy giờ chị em ta kết bạn với nhau, em thì dốc một lòng đợi cậu Hoàng Minh, và cậu Hoàng Minh, lại có một người bạn tốt là bác Đoán Tử-Trần cũng sang Pháp-học, mà chưa có vợ, khi bác ấy về, em giới-thiệu bác ấy cho chị thì tốt đôi quá a chị.

Ngâm :

Chị đành đợi tuyết chờ mai,
Em sẽ dành mối cho người bạn thân.

Bích-Lan cười nói :

Người còn học ở bên Pháp, mà chị đã giới-thiệu cho em, thì biết đâu, bấy bao giờ cậu ấy về sẽ hay a chị,

Ngâm :

Vì chẳng duyên bén tơ Tần,
Đợi mai ngày sẽ sông Ngân bắc cầu.

Chị em cùng ngồi ca kim-tiền tạ khách :

Hai ta bạn cùng nhau, gần bó sau trao dịp gieo cầu, cùng trao dịp gieo cầu, nẻo trời. Âu, ấy mà hay đâu, song tâm-dầu, song ý hiệp, song tương-cầu, việc toan chọn vàng than, ấy tình ơn sâu, chừ ta với nhau trao hẹn, quyến-quyện tơ đồng, quyến-quyện tơ đồng, xin đừng quên ngãi tình chung, xin xin đừng quên ngãi tình - chung, luống mong nên bạn, ấy ngãi bạn ngãi bạn bạn nào quên, xui nên duyên lạ cảm-tạ

(Hết)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM



VĂN-UYỄN

Đi thuyền mong bạn

Ngon gió thổi vi-vèo,
 Con thuyền chạy veo-veo;
 Cao thấp trông trời rộng,
 Dọc ngang mặc kẻ chèo;
 Buồn trông mây bộn nôi,
 Vui lắng thác ghềnh reo;
 Trí-kỹ nào ai tả?
 Giọng buồm gõ mạn theo.

Đêm hè

Oi-ai thay đêm hè!
 Gió không động cảnh tre;
 Khêu sầu con cuốc gọi,
 Gọi buồn cái muỗi ve;
 Trời thăm sao vàng-vặc,
 Vườn hoang đóm lập-lòe;
 Năm canh những thơ-thần,
 Gà đã giục te-te.

Đứng bờ sông nhớ bạn

Kẻ dưới người trên một giải sông,
 Nhớ ai thơ-thần đứng ta trông;
 Bốn phương mây nước đôi hàng lệ,
 Muốn dậm quan-san một tấm lòng;
 Mặt sóng vẫn-vơ con ẻn liêng,
 Chân trời phấp-phới cánh buồm giông;
 Nào người trí-kỹ đâu dân tá?
 Có biết rằng ta vẫn mỗi-mong?

Tiền bạn

Kẻ về người ở trạnh lòng đau!
 Tiền bác khôn ngăn giọt lệ sầu;
 Mấy lúc tha-hương mà hội-ngộ,
 Gặp nhau thêm nhớ lúc xa nhau.

Con sông

Trời nắng chang-chang bóng lỏi sầm,
 Trống lên mây đã kéo đen rầm;
 Chớp lòa nhoáng mắt mưa như trát,
 Sấm động ỳnh tai gió tựa găm;
 Nhà dõ tường xiêu coi thăm-mục,
 Hè trôi thuyền dầm nghĩ thương-lâm;
 Phũ-phàng chi mấy cơn dông-lố?
 Phong-cảnh nhìn xem những xót thăm!

Ả-360C

THƠ TỰC-HUYỄN

I. — Các câu đối

1. — Cầm sắt nối dây xưa, đôi lứa
 mừng nên duyên phận đẹp;
 Uyển ương chung mộng mới, trăm năm
 hẹn với núi sông dài.
 THIỆN-TRƯỜNG

2. — Hồ Đông thay đổi mẫu xuân, mừng
 bạn may sau đến rũi trước;
 Chim Phượng yện dài giấc mộng, vui
 ai duyên mới nối tình xưa.
 QUANG-ĐẦU

3. — Tao-khang nghĩa cũ đời-dào, thỏ
 lặn ác tà, nấp dát ngậm-ngủ người
 buổi trước;
 Cầm-sắt duyên nay êm - ấm, non cao
 nước chảy, cung đàn diu-dặt khúc
 ngày xưa.

BACH-NAU

4. — Vì ai dạy trẻ thơ già, mộng hỏi
 người xưa, chiều sớm hẳn cam lòng
 chín suối;
 Được khách nâng khăn sửa áo, đàn so
 dây mới, phượng-loan lại nối khúc
 ba sinh.

MINH-THẦN

5. — Đàn hạnh lối đi về, cỏ lạ hoa thơm,
 trí đức đã nhiều án chú-tạo;
 Cung cầm dây chấp nối, trăng trong
 gió mát, nước non còn lắm vẻ phong-lưu.
 NAM HỌC-SINH TRI-ĐỨC HỌC-XÁ

II. — Thơ lục-bát

1. — Thêu đề mặt gối
 Đuốc hoa sáng tỏ đồng-phòng,
 Đôi người một mối tâm đồng giao hoan.
 Giấc xuân luống những bàn-hoàn,
 Tiếng tơ dây mới, ngón đàn phím xưa.
 Ai-án biết ai-án nào,
 Diu-dàng gió trúc, dãi-dào mưa mai.
 Uyển-ương chung giấc mộng dài,
 Trăm năm gia-thất duyên-hải là đây.
 NỮ HỌC-SINH TRI-ĐỨC HỌC-XÁ

2.— Đề quạt rê phụ

Đàn cầm diu-dật tiếng tơ,
 Quạt xuân hây-hây gió đưa duyên trời.
 Vì ai dẫn lối Thiên-thai,
 Nguồn dào khách tiện tìm người chủ-nhân.

QUANG-ĐẦU

Gió xuân phây động y-thường,
 Vì ai đưa phượng dẫn hoàng cho ai.
 Tình này nghĩa ấy hòa hai,
 Nghĩa trong khâm-châm tình ngoài

chỉ-lan.

BẠCH-NHƯ

III.— Thơ thất-ngôn

1.— Cung cầm nhà giáo nổi dây loan,
 Đẹp cả nhân-duyên cả họ-hàng;
 Thầy khách văn-chương trường bản-lĩnh,

Cô nhà gia-thế gái trong làng;
 Cửa nhà tình vẹn phần hương lửa,
 Non nước bên thêm dạ đá vàng;
 Thu cũ hồ Đông trắng gió dơi,
 Thu này sẵn rượu lại ngâm vang.

ĐỒ NAM-TỬ

2.— Hạ lại xuân qua đã đổi màu,
 Nhân-Liên trang-diềm cảnh Đông-hồ;
 Việc ngoài đã khỏi tình trong bận,
 Nghiên bút từ đây rửa sạch sầu.

TRỌNG-TOÀN

3.— Lai-làng hồ Đông tình nước non,
 Gương tan lạnh lại nguyệt in tròn;
 Tình xưa riêng giữ, niềm chung thủy,
 Duyên mới cùng chung dạ sắt son;
 Hương lửa dài lâu nên phúc hậu,
 Cửa nhà chăm-chút việc thần-hồn;
 Từ đây đã sẵn thơ cùng rượu,
 Gió mát trăng trong thú hây còn.

NGUYỄN-PHŨ

4.— Diu-dật nhà ai đỡ ngón đàn,
 Tơ thưa khéo nối mối keo loan;
 Quan-thư chương ấy khen tay lựa,
 Cầm-sắt hòa vui tiếng nước non.

QUANG-ĐẦU

5.— Chín chục thiếu-quang đã tám mươi
 Tình-kỳ giục-giã ến đờ thoi;
 Thần-hồn hai chữ an lòng thảo,
 Hương lửa ba sinh nối mối dài;
 Duyên mới hây nên cười nối thật,
 Tình xưa còn để nhớ thương hoài;
 Cửa nhà mừng bác tề đây đẹp,
 Sông biển dài sâu nghĩa trúc mai.

BẠCH-NHƯ

6.— Mừng anh Trác-chi tục-huyền,
 chị Nhân-Liên xuất-giá

Nhân-nhã giáy tơ nhẹ phím loan,
 Uyên-ương rày nổi khúc giao-hoan;
 Khôi trăm lò cũ hương cang đơm,
 Vãng nguyệt xuân xưa bóng lại tròn;
 Vui chỉ, chỉ tình trong cốt-nhục,
 Mừng anh, anh nghĩa chốn chỉ-lan;
 Trăm năm gia-thất nhiều vui đẹp,
 Trang-diềm hồ Đông cạy bóng sen,

Em gái MỘNG-TUYẾT

IV.— Thơ tập Kiều

1.— Phương-thành từ thuở uyên bay,
 Nổi riêng còn một mối này chưa xong.

Phũ-phàng chi bấy hóa-công,
 Lửa hương chốc để lạnh-lùng bấy lâu,
 Những là dập nhỡ đời sầu,
 Duyên xưa chưa dễ biết đầu chốn này.

Trời còn để có hôm nay,
 Hay là khỗ-lận đến ngày cam-lui.
 Còn duyên may lại còn người,
 Nhẹ-nhàng nợ trước đền bởi duyên sau.

Còn nhiều hưởng-thụ về lâu,
 Duyên xưa tròn-trần phúc sau đời-dào.
 Trường tô giáp mặt hoa đào,
 Càng sâu duyên mới càng đào tình xưa.
 Giao-loan chấp mối tơ thừa,
 Ngày xuân càng gió càng mưa càng

nồng.

Trăm năm tục một chữ đồng.

CƠN-HÓA

2.— Đàn cầm từ ngàn-ngợ dây,
 Trán cam ai kể đỡ thay việc mình.
 Khuôn-thiênng lửa lọc đã dành,
 Bấy giờ gương vỡ lại lành đó vậy!

Hoa kia đã chấp cánh này,
 Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.
 Một nhà xum họp trúc mai,
 Ràng trong tác-hợp cơ trời đôi bên.
 Sỏi vẻ ngọc, lồng màu sen,
 Ba sinh đã phỉ mười nguyên lứa đôi.
 Vườn xuân một cửa muốn đời.

THIỆN-TRƯỜNG

V. — Thơ song-thất lục-bát

1. — Gấm họa phúc trong cơ tạo-hóa,
 Đã vô-tri lại hóa hữu-linh;
 Nửa chừng xuân khiến gãy cành,
 Giao-loan khiến nổi cầm lành cho ai.
 Sầu-hận cũ đành thời đã lẹ,
 Tình-duyên nay hãy kể là cười;
 Cười cho gia-thất duyên hải,
 Cười cho đầu bạc an vui tuổi già.
 Con mắt mẹ nay đã có mẹ,
 Lòng trẻ thơ khỏi lẽ tấm lòng;
 Đôi bên hen núi thề sông,
 Trăm năm hương đượm lửa nồng từ
 đây.

NGUYỄN-PUỒ

2. — Một vở cánh Phượng bay bay mất,
 Bề xuân về ngày-ngất sầu ai;
 Ngày xuân xuân hãy còn dài,
 Trời xuân lẽ để riêng ai lạnh-lùng.
 Người chung thủy trời không nở phụ,
 Trong phúc duyên đành có đến bồi;
 Phượng-hoàng đôi lại đủ đôi,
 Nước non rày lại nổi lời nước-non.
 Uyên-ương quay lại tròn tờ mới,
 Lửa hương xóng ấm lại lò xưa;
 Trên đầu bạc, dưới trẻ thơ,
 Ngọt bùi ấm lạnh bấy giờ hẳn cam.
 Từ đây nhĩ tạo đoạn nên mối,
 Dây đàn kia khéo nối khúc ba sinh;
 Khúc đầu êm-ái xuân-tình,
 Khác đầu loạn-phượng hóa-mình dịp-
 dàng.
 Cung phím cũ tình-tang điện mới,
 Khúc uyên xưa din-dật lại bấy giờ.
 Bàng-khuông duyên mới tình xưa.

TƯƠNG-PAỒ

3. — Tục huyền cảm-tác.
 (Đáp tạ các bạn văn-chương, ngoài
 nước mây trong tiệc liếu 醮.)
 Lò hương cũ khói trầm cao thấp,
 Cung đàn xưa tiếng trúc gần xa;
 Đổng nam đôi về mặt-mà,
 Văn-chương sức-nức một nhà huệ-lan.
 Gió xuân phẩy vui làn tóc bạc,
 Mảnh xuân-dương diu-dật sắt-cầm;
 Than ôi! liễu trọng tình thâm,
 Bên tình bên hiếu khôn cầm cả đôi.
 Tục-huyền để không người dứt ruột,
 Nổi giã tơ nổi được lòng ru?
 Những từ sen ngó đào tơ,
 Thề-nguyên trăng gió, hen-hò non sông.
 Cảnh mưa-mốc ngó đồng tươi đẹp,
 Phượng-hoàng mong trọn kiếpsong-thê;
 Sớm mây chiều gió đi về,
 Xiết bao hoa tựa trắng kẻ thông-dong.
 Trời đất nở phụ lòng con trẻ,
 Khiến uyên-ương chia rẽ lứa đôi;
 Còn đầu vàng đá nặng lời!
 Còn đầu non nước thề-bồi nữa đây!
 Chim Linh phượng một bay chẳng lại,
 Nhà Độc-thê mực vầy lẽ sâu;
 Gió mưa hai độ xuân thu,
 Khấp trông non nước toàn màu thê-
 lương.
 Tơ tóc đã bẽ-bàng duyên nợ,
 Hỏi lòng xuân còn có gì đầu!
 Ngày xanh lỗi hẹn bạc đầu!
 Bàn ồm một khối hận sầu nghìn thu
 Nỡ thay cảnh cảnh đầu bóng xế,
 Miếng trán-com ai kẻ hôm mai;
 Con thơ mái tóc chưa cài,
 Chỉ kìm ai kẻ thay lời từ-thân.
 Bành đôi áo, thay khăn đã phụ,
 Phụ người xưa, riêng phụ lòng mình
 Chung-tình thôi chẳng chung-linh,
 Rủi may thói cũng đã đành thề-thôi!
 — « May sau hẳn đến bồi rui trước,
 Tình mới âu nở được duyên xưa;
 Giao-loan chấp mối tơ thừa,
 Lửa hương lại ấm, tóc tơ lại bền.
 Trong phòng đồng khúc uyên-ương
 dạo,
 Ngoài vườn xuân bóng liễu đào tươi.

Tổng - đốc Anh ở Ấn-độ hạ - lệnh hoãn hội-nghị lập - pháp, không định kỳ-hạn.

Mồng 5. — Ở *Boujarik* xứ *Algérie*, quan Giám - quốc *DOUMERGUE* làm lễ khánh-thành đài kỷ-niệm công thực-dân của nước Pháp.

Ban Trọng-tài hội Vạn - quốc thảo-luận về vấn-đề giúp cho các nước bị xâm-lấn.

Hai nước Anh và Ai-cập vẫn thương-thuyết điều-đinh với nhau ở *Londres*, nhưng vì có nhiều sự khó - khăn nên cuộc điều-đinh có lẽ lại phải hoãn lại lần nữa. — Chính-phủ Anh ở Ấn - độ chiều theo đạo luật từ năm 1827, đã hạ lệnh bắt giam ông *GANDHI* mà không đem xử tại tòa.

Mồng 6. — Quan Giám-quốc Pháp ở *Algérie* đi *Constantine*. — Đại-biểu các ngân-hàng họp ở *Paris* để bàn tính việc chia số tiền 208 triệu *dollars* là số tiền trích ở khoản công-thải *Young* để trả nợ cho các nước trái-chủ.

— Đại-biểu Anh và Ai-cập họp hai kỳ hội-đồng để bàn về vấn-đề *Soudan*. — Ở *Londres* (Anh) đã ký bản hiệp-ước của hai nước Anh và *Afghanistan*. — Ở Ấn-độ, vì *GANDHI* phải bắt mà xảy ra nhiều cuộc biểu-tình và xung - đột, nhất là ở mấy tỉnh *Delhi*, *Calcutta*, *Madras* và *Bombay*.

Mồng 7. — Ban ủy - viên coi việc bồi-thường thu-xếp hết các công việc để đến 31 tháng năm thì giải-tán.

— Chúng-nghị-viện Anh nghe viên đại-biểu chính-phủ trình-bày về hiện-tình Ấn-độ cùng các phương - pháp đề dân-áp cuộc phiến-loạn.

Mồng 8. — Quan Giám - quốc Pháp ở *Algérie* đi *Bône*, được nhân-dân hoan-ngheh long-trọng lắm.

— Cuộc điều-đinh của Anh và Ai-cập không thành vì hai nước không thể hợp-y nhau về vấn-đề *Soudan*.

Mồng 9. — Bộ Ngoại-giao Pháp cho đăng-lục bản duyệt-y các hiệp-ước *La Haye*.

— Các đại - biểu Ai - cập, vì cuộc điều-đinh với Anh không kết-quả, đã dời *Londres* về nước.

Ở nước Ý, trong khi thảo-luận về số dự-toán bộ ngoại-giao, ông *GRANDI* diễn-thuyết nói về cái chính-sách ngoại-giao của đảng «Pha-xi» và nói rõ rằng nước Ý không những yêu-cầu được ngang hàng với Pháp về hải-quân mà lại muốn ngang hàng với nước nào trong liệt-cường mà có lực-quân mạnh nhất nữa.

Ông *WEDGWOOD BENN* thay mặt chính-phủ Anh tuyên-ngôn cùng Chúng-nghị-viện một cách rất lạc - quan về tình-hình Ấn-độ.

Mồng 10. — Liệt-quốc ưng thuận cho chính-phủ Thổ-nhĩ-kỳ mở một cuộc công-thải 460 triệu *livres* Thổ để giúp việc chỉnh-dốn tài-chính trong nước.

Quân chính-phủ Nam-kinh ở Tàu bị thua to. — Ông *DE MARTEL* là công-sứ Pháp ở Trung-hoa ký bản hiệp-ước Pháp Hoa về Đông-dương tại Thượng-hải.

Ngày 11. — Quan Giám-quốc Pháp đến *Oran* (*Algérie*). — Ngoại-tướng Pháp *BRIAND* rời *Paris* đi *Genève* để dự kỳ thứ năm-mười chín của Hội-nghị Hội Vạn-quốc.

— Thủ-tướng *MUSSOLINI* nước Ý đi thăm viện Hải-quân *Livourne* có đọc một bài diễn-văn hống-hách lắm.

Hội-nghị quốc-tế các phụ-nữ sẽ họp tại *Vienne* (Áo) từ 26 mai đến 7 *Juin*, có hầu-tước phu-nhân *D'ABERDEEN* chủ-tịch.

Hội-nghị Anh Ấn đề bàn xét các vấn-đề Ấn-độ sẽ họp ngày 20 tháng 10 sắp tới.

Ngày 12. — Quan Giám-quốc Pháp xuống tàu ở *Oran* để trở về Pháp.

— Hội Vạn-quốc khai kỳ hội-nghị thứ 59. — Tổng-trưởng bộ Ấn-độ trình Chúng-nghị-viện Anh về hiện-tình Ấn-độ và nói chính-phủ Anh vẫn lưu-tâm đối-phó với tình-trạng đó. **ABBAS TYAJI** là người thay cho **GANDHI** từ khi phải bắt cùng các tay phò-lá khác đã bị tổng-giam. — Phái-bộ Á-rập bãi cuộc điều-đình cùng Anh về vấn-đề *Palestine* và đã rời *Londres* về nước.

Ngày 13. — Quan Giám-quốc đã tới *Marseille* và trở về *Paris*. — Ở Pháp, các viên-chức ngạch bưu - chính họp nhau để biểu-tình phản-kháng về vấn-đề xin tăng lương.

Ở Ấn-độ nhân việc biến-động càng kịch-liệt, chính-phủ Anh thiết quân-luật ở hạt *Cholapour*.

Nhà thám-hiểm nước Na-uy (*Norvège*) là **NANSEN** tạ-thế.

Ngày 14. — Quan Giám-quốc Pháp đã về tới *Paris*. — Ở Pháp các viên-chức sở Bưu - chính đương nào - động về vấn-đề xin tăng lương, có lập nhiều cuộc công - hội để biểu-tình và dọa đình-công.

— Ở Ấn-độ chính-phủ Anh đã bắt nhiều tay lãnh - tụ Ấn-độ. Bà **NAIRU** thay ông **GANDHI** chủ-trương cuộc phản-kháng vẫn hăng-hái lắm.

Ngày 15. — Tại Chúng-nghị-viện Anh có cuộc tranh-luận quan-trọng về bản hiệp-ước hải-quân mới ký. Đảng bảo-thủ tuyên-bố hiệp-ước này đến năm 1935 phải sửa lại. — Ở Ấn-độ các lãnh-tụ đảng Quốc-gia xui giục dân nhà quê ở hạt *Bengale* và hạt *Pochar* không đóng thuế và « tầy chay » các viên-chức của chính-phủ Anh. Phái Hồi-giáo tuyên-bố không biểu đồng - tình về cuộc đê-kháng của ông **GANDHI**.

Ngày 16. — Hội-nghị quốc - gia ở *Allahabad* (Ấn-độ) tuyên - bố bất-tuân pháp-luật. Ở *Meynensingle* có cuộc biến-động, cảnh-binh dùng khí-giới để dẹp.

Bản điều - ước Pháp - Hoa về việc giao-thiệp của Đông-dương với Trung-hoa đã ký ở Nam-kinh.

Ngày 17. — Ở Pháp tuyên - bố bản dự-án của ngoại - tướng **BRIAND** bản lập một « liên-đoàn Âu-châu » (*fédération européenne*). — Nhân ban ủy-viên coi việc bồi-thường về chiến-tranh đã chứng-nận việc nước Đức giao cho nhà « Thanh-trái quốc-tế ngân-hàng » (*Banque des règlements internationaux*) số tiền nợ theo hiệp-ước *La Haye* đã định, chính-phủ Pháp liền hạ-lệnh rút quân ở khu thứ ba đất *Rhénanie* về.

— « Nhà thanh-trái quốc-tế ngân-hàng » bắt đầu làm việc. Tờ hợp-đồng (*Treaty agreement*) của các chính-phủ cùng nhà Quốc-tế ngân-hàng sẽ ký tại *Paris*. — Ở *Florence* (Ý) thủ-tướng **MUSSOLINI** đọc một bài diễn-văn thị-hùng lại hống-hách hơn bài đọc ở *Livourne* mấy hôm trước. Ông tuyên-bố rằng cái chương-trình hải-quân của nước Ý quyết thi-hành đến được và ngổ-lời cho liệt-cường biết rằng đối với nước Ý chỉ có hai cách: một là giữ tình thân - thiện với nhau, hai là cùng nhau sẽ quyết-liệt.

Ngày 18. — Bản « dự-án về cuộc « liên-đoàn Âu-châu của ngoại-tướng **BRIAND** nước Pháp khởi - xướng lên, được báo-giới các nước phàm-bình có ý nhân-nhượng, nhưng một vài nơi cũng đã thấy có lời dị-nghị.

— Ở *Moscou* (Nga); vì viên đại-biểu Trung-hoa bị mất trộm cả giấy-má quan-trọng, nên không mở cuộc hội-nghị điều-đình về đường thiế-t-lộ Đông-tam-tĩnh.

Ngày 19. — Bản dự-án cuộc « liên-đoàn Âu - châu » của ngoại - tướng **BRIAND** nước Pháp, tuy báo-giới các nước hoan-ngênh, nhưng mấy nước như Anh, Mĩ, Đức không biểu đồng-tình. Viên chủ-sự ngoại-giao Pháp ở

Hoa-thịnh-dốn là JULKS HENRY có đến tiếp-kiến tổng-trưởng Mĩ STIMSON phân-trần rõ ràng bản án ấy không có ý gì phản-đối với Mĩ cả.

Ngày 20. — Tòa nội-các MAC DONALD nước Anh bị công-kích ở Thượng nghị-viện trong khi thảo-luận về vấn đề than.

— Bản dự-án về « liên-đoàn Âu-châu » bị các báo của chính-phủ Xô viết nước Nga công-kích kịch-liệt.

Ngày 21. — Tòa Nội-các MAC DONALD nước Anh bị công-kích ở Chung-nghi-viện trong cuộc thảo-luận về vấn đề miễn thuế. — Ở Ấn-độ có xảy cuộc xung-đột lưu-huyết của đảng ông GANDHI với lính cảnh-sát tại mấy tỉnh Bombay, Delhi và Dharnasa. Bà NAIRU bị bắt, ông PATEL lên thay bà làm chủ-động cuộc phản-đối.

Ngày 22. — Tại Pháp, các học-sinh Đông-dương chực biểu-tình ở trước dinh quan Giám-quốc (Elysée). — Hàn-lâm-viện Pháp bầu ông CHARLES LE GOFFIC thay cho ông FANÇOIS DE CUREL và ông ANDRÉ CHAUMEIX kể chân ông CLÉMENTINEAU.

— Ở Beyrouth (Sgrie) và Paris đã công-bố các án-vấn về hiến-pháp mới xứ Syrie.

Chính-phủ Anh ấn-hành một quyền « Bạch-thư » về các cuộc điều-định của Anh và Ai-cập vừa rồi.

Ngày 23. — Tại Pháp, mười người trong bọn An-Nam bị bắt trong cuộc biểu-tình ở trước dinh Elysée sẽ bị truy-tố về tội khởi-nghịch, một người nữa bị truy-tố về tội ám-mur phá-hoại chính-phủ.

— Tình-hình nội-các nước Anh đã khá hơn trước vì các mối bất-hòa trong đảng lao-động đã dẹp yên cả. — Hai mươi tám hội đồng-nghiệp người Ấn-độ họp một cuộc biểu-tình lớn, nhưng không bạo-động. — Tại Trung-hoa, quân Nam-kinh phá được mặt trận Bắc-quân.

Ngày 24. — Thủ-tướng Ý MUSSOLINI lại đọc ở Milan một bài diễn-văn lời-lẽ rất cứng-cỏi.

Ông PATEL là người đầu đảng phiến-động Ấn-độ, quả-quyết phản-đối cực-lục thuế muối.

Ngày 25. — Nhân dịp hội « Kỷ-niệm Anh-đế-quốc » (British Empire day) thủ-tướng Anh MAC DONALD tuyên-bố rằng Đế-quốc không có ngăn-trở sự độc-lập của các thuộc-địa tự-trị.

Hải-quân đô-đốc Nhật YATO làm tổng-tham-mur bộ hải-quân, từ-chức đề phản-đối hiệp-ước hải-quân mới ký ở Londres.

Ngày 26. — Ở Chung-nghi-viện Anh ông WEDGWOOD BEN tán-thành cái chính-sách của nội-các lao-động đối với Ấn-độ, nói rằng nước Anh chỉ muốn giữ trật-tự trong nước này cho tới khi thành được một nước tự-trị.

Ngày 27. — Chính-phủ Anh xuất-bản một quyển « Bạch-thư » về vấn đề Palestine.

Ngày 28. — Đại-biểu của 43 thị-tỉnh nước Anh đã quyền giúp cho việc tu-bổ các địa-hạt Pháp bị tàn-phá hồi chiến-tranh, nay sang Pháp thăm các địa-hạt ấy; thành Paris tiếp rước ở nhà Thị-sản.

— Chung-nghi-viện Anh thảo-luận về vấn-đề các thợ-thuyền thất-nghiệp ở trong nước. Sau khi nghe lời công-kích của ông BALDWIN và lời phân-trần của thủ-tướng MAC DONALD yêu-cầu các đảng cộng-tác, thì nội-các lao-động thắng hơn được 29 phiếu.

Tại nghị-viện Ý đô-đốc SIRIANI làm tổng-trưởng bộ hải-quân trình số dự-toán của bộ hải-quân năm nay là 1.475.966.000 liras, hơn số dự-toán năm 1929 là 243.532.70 liras. — Ở Ấn-độ trong mấy tỉnh Rangoon và Dacca vẫn xảy biến-động. Ở tỉnh Bombay đã giữ được trật-tự.

Ngày 29. — Ở Nhật, Cao-dãng Hội-nghị về lục-quân quyết-nghị khiến-trách Chính-phủ về việc ký tờ hiệp-ước hải-quân Londres.

Ngày 30. — Tổng-trưởng bộ Tài-chính Đức là MOTEHAUEN trình Nghị-viện Đức số dự-toán bên thu kém bên chi mất 750 triệu marks.

Ngày 31. — Ở Pháp, Hội-nghị Chính-phủ (Conseil des ministres) quyết-nghị về mấy vấn-đề khẩn-thiết, nhất là việc tuyên-truyền công-sản ở Đông-dương và việc đường xe lửa Algérie.

— Đảng bảo-thủ nước Anh tỏ ý phản-đối lãnh-tự là nguyên thủ-tướng BALDWIN.

Thời-cục nước Tàu

Cuộc chiến-tranh nước Tàu trong mấy tháng nay Nam Bắc hai quân vẫn chống giữ nhau ở các mặt trận Lũng-hải, Tân-phổ, Bình-Hàn, mà đánh nhau kịch-liệt nhất là ở gần Lan-phong.

Mặt Lũng hải tả-dực tức là chỗ đánh nhau ở kỹ-huyện quân Tưởng đánh nhau với quân Phùng, hai bên đều đem rất nhiều quân, đến, giao chiến hơn 20 ngày đêm, số chết đến hơn 8 nghìn người, chưa phân thắng bại.

Tướng định do đường này đánh thẳng lên chiếm lấy Khai-phong rồi mới đánh Lạc-dương và Trịnh-châu.

Hữu-dực là chỗ đánh nhau ở Khảo-thành, quân Tưởng đánh nhau với quân Diêm và quân Thạch Hữu-Tam, trước đây hai bên đều giữ thế thủ đánh nhau bằng đường hầm, được thua trong khoảng một thôn một ấp, nhưng gần đây vì trời mưa, hầm hố ngập cả, hai bên phải ra mặt đánh nhau rất kịch-liệt, theo như tin Nam-quân thì Thạch Hữu-Tam đại-bại, quân Thạch tan vỡ gần hết.

Trung-bộ mặt Lũng-hải, quân Tưởng lại khởi thế công đánh Dã-kê-cương.

Mặt Tân-phổ thì Hàn Phục-Cử vẫn giữ Truy-thành, nhưng vì thế trận

không lợi, phải rút xuống Duy-huyện. Quân Diêm ở mặt bắc kéo xuống, quân Tưởng ở mặt nam kéo lên; quân Tưởng đem lên mặt này đến sáu sư-đoàn, những bộ quân trước kia đem về Hồ-nam đánh quân Trương Quế, nay vì quân Trương Quế đã bỏ Hồ-nam, nên những quân đó lại đem cả lên mặt trận phía bắc, lại lấy thêm hai sư-đoàn quân Việt là quân Tưởng Quang-Nại và Sài Đình Khải lên nữa; Tưởng Giới-Thạch hẹn ngày đánh lấy lại Tế-nam. Quân Tưởng giữ Duyệt-châu làm trung-lộ, hai bên đã liếp-xúc, theo như tin báo Nhật-bản, thì quân Tưởng thắng thế hơn; theo như tin Nam-kinh thì tả-dực quân Tưởng đều thắng.

Mặt Bình-Hàn thì Tưởng Giới-Thạch cho là mặt này quân Phùng không lợi, đã điện cho Hà Ứng-Khám nên tiến đánh mau. Hà đã hạ lệnh cho bọn Từ Nguyên-Toàn tiến đánh Hứa-xương.

Đội phi-cơ thứ bảy mới thành-lập ở Nam-kinh, cũng đem lên Duyệt-châu trợ-chiến.

Xem các tin đó, thì tất cả các mặt trận sắp có cuộc đánh nhau rất to, mà hai bên được thua sẽ quyết ở trận này.

Mặt Hồ-nam thì quân Tưởng đã lấy lại được Trường-sa, Lý Tôn-Nhân phải bỏ lui về Chân-châu, Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê, Dương Đăng-Huy phải chạy lui về Du-huyện. Trương và quân Quảng-tây bị thất-bại ở Hồ nam lần này đối với chiến-cục ở phía bắc Trung-hoa rất có quan-hệ.

Tướng lại được quân Vân-nam giúp sức, Long Vân đã phái mấy đạo quân Vân-nam xuống đánh Quảng-tây, lại được tướng Quảng-tây là Hoàng Phi-Hồ nhập bọn thắng về chiếm lấy tỉnh-thành Quảng-tây. Tướng giữ Quảng-tây là Lý Bạch-Vân bỏ chạy ra Nam-ninh. Quân Vân-nam lại mở thêm một đạo liền-quân đem đi Quế-dương để chặn đường lui tàn-quân của Trương Phát-Khuê và Lý Tôn-Nhân. Thế là

mặt Hồ-nam và Quảng-tây, việc quân đã tam liêu-kết.

Duy về mặt Sơn-dông thì quân Diêm đã vào được Tế-nam. Quân Hàn Phục-Cừ phải lui đến Chu-thôn. Các cơ-quan chính-phủ tỉnh Sơn-dông đều dời đến Thanh-đảo.

Gần đây Trương Giới-Thạch vì thấy mặt Lũng-hải và Lan-phong Bắc-quân giữ những trận-địa kiên-cố, chống lại rất hăng-hái, nên tạm-thời không đánh để khỏi hao tổn binh-lực, đối với phương ấy chỉ hết sức phòng giữ, đem quân chủ-lực dời đến đường Tân-phổ quyết định cái kế hoạch tác-chiến, cốt cướp lại thành Tế-nam làm mục-dích.

Quân trung-wang hiện chia ba đường tiến đánh Tế-nam, tả-dực do Lưu Tri chỉ-huy, hữu-dực do Mã Hồng-Quý chỉ-huy, trung lộ do Hạ Diệu-Tổ thân đến đường trận mặt trước để chỉ-huy. Sau khi đã hạ lệnh lỏng-công-kích, về tả-dực đánh nhau rất dữ-đội.

Quân Hàn Phục-Cừ ở Chu-thôn trở sang phía đông, cũng lại khởi đại-chiến cùng quân Sơn-tây.

Trương đối với một viên kỹ-giả nhà báo có nói cái kế-hoạch gần đây của quân Trung-wang, mục-dích không cốt chiếm phòng-địa của địch-quân, mà cốt làm tiêu-diệt cái sức chiến-tranh của địch-quân. Lần này việc chiến-tranh ở phía bắc Trung-hoa dằng-dai mãi như thế, nguyên-nhân vì địch-quân lúc đầu ra sức đánh, nay thì thay đổi chiến-lược cố sức giữ. Nhưng từ khi khai-chiến đến giờ sức chiến-đấu của địch-quân đã lờn mất ba phần tư. Trương chắc hẳn chỉ trong một tháng nữa, việc chiến-tranh tất có thể kết-thúc được. Còn về mặt Sơn-dông không kể là quân Sơn-tây đã qua Hoàng-hà nhiều hay ít, chúng nó tất khó mong trở lui về bắc được. Cái ngày Diêm Tịch-Sơn vào đất Sơn-dông, tức là cái buổi mệnh-vận nó đã hết. Về mặt đường Bình-Hán, Phùng Ngọc-Trương vốn mưu tiến đánh

Vũ-hán, nay nó đã bỏ cái kế hoạch ấy, lòng quân của địch-quân đã mất, hề trông thấy bóng cờ thanh-thiên bạch-nhật của quân Trung-wang, là không chịu tiến. Quân Trung-wang hiện đã tin rằng không cần phải Trương Học-Lương giúp sức mà có thể tiêu-trừ được địch-quân. Nên biết kẻ nào làm phản Chính-phủ Trung-wang tức là phá-hoại cái nền hòa-bình và thống-nhất của nước, cho nên tất phải tiêu-trừ đi vậy. Sau này khi việc quân đã kết-thúc, Trương sẽ ra sức về việc thống-nhất kiến-thiết vậy.

Tin về miền Bắc, việc lập Chính-phủ Bắc-bình đã mấy tháng nay bàn cách lờ-chức mãi chưa xong, gần đây Diêm Tịch-Sơn nghĩ rằng nước Tàu mà phải cái tình-thế bối-rối như thế này, là vì thiếu một chính-phủ có đủ trách-nhiệm để giao-thiệp cùng Liệt-quốc. Nên Diêm muốn bàn-luận cho xong việc lờ-chức Chính-phủ, nghe đã nhiều lần điện cho Ông Tinh-Vệ là thủ-linh phái tả lên Bắc-bình để chỉnh-đốn việc đảng mà lập thành chính-phủ.

Nhưng Ông cứ dằng-dằng mãi không lên, và có ý trông ngóng, người ngoài đều cho là vì phái tả và phái Tây-sơn không thỏa-hiệp nhau, không biết cái cơ Ông chạm lên miền Bắc, đó là một cái ý riêng. Xét ra là Ông chỉ chờ quân-đội về cánh mình tức là quân Trương Phát-Khuê, khi nào chiếm được cái địa-vị tương-đương, rồi sau đến Hồ-bắc, đem cái thực lực một bộ, cùng Phùng, Diêm ngang vai ngang sức, bàn-bạc cái kế lớn nước nhà, đến lúc cần ra, hoặc bàn đặt chính-phủ lâm-thời ở Vũ-Hán. Vì Ông nghĩ nếu mình không có quân-đội cơ-bản để làm hậu-thuần, thì bọn Diêm, Phùng có thể lấy sức mạnh mà đè nên mình, cách chủ-trương của mình khó thực-hiện được, cho nên dù bọn ấy thúc giục thế nào, Ông cũng không hấp-lấp vội-vàng, để lại mặc vào quyền sáo bọn võ nhân vậy.

Song nay cánh quân Trương Quế đã thất-bại rồi, nên Long mới định hợp-tác với Diêm, Phùng, mà cái ý chủ-trị đảng-thống cũng không gặng lắm nữa. Gần đây mới có tin Long tuyên-ngôn mình quyết ý hợp-tác với Diêm, Phùng, lập thành Chính-phủ để chống lại với Tưởng.

Long có nói chuyện với viên ký giả nhà báo rằng: Cái mục-dịch dựng ra chính-phủ Bắc - bình là đem cái lối chính-trị chuyên chế, đổi làm chính-trị dân chủ, mình cùng Diêm, Phùng đã tin nhau cả, đối với Trương Học - Lương định mời vào chính - phủ mới. Đối với chính - phủ Nam - kinh, Long không muốn hết sức hành-động về quốc-sự, nếu chính-phủ ấy có phần-tử lương-hảo, sau này tất đến dự vào chính-phủ mới.

Cứ theo như ý - kiến trên ấy thì Trương-hoa sẽ chia làm hai nước khác nhau.

Có tin rằng Long đã về đến Thiên-tân, bọn Trần Công-Bác đến Thiểm-lây cùng với các đoàn-thể đã tổ-chức cuộc đón Long.

Ông Tinh-Vệ lần này mà tới Bắc-bình thì rõ ràng đảng Bắc-Phương quyết chí cạnh - tranh đến kỳ cùng. Nam-kinh lấy làm lo về việc ấy. Việc ấy chứng rằng Quốc-dân-đảng tán-trợ cho đảng phản-đối, vì trước đây đảng phản-đối chỉ được bọn phản-động và bọn quân-phiệt tán-trợ cho mà thôi.

Tướng Giới-Thạch thấy Ông hợp-tác với bọn Bắc-quân, nên đã bá-cáo quyết gấp-động-bình đánh lấy Tế-nam.

Trương Học - Lương đối với thời-cục thì vẫn giữ cái thái-độ trung - lập. Nam, Bắc hai phương đều muốn dụ cho Trương về đảng mình.

Trương Học - Lương vì muốn tránh sự phiền nhiễu của đại-biểu hai phương Nam, Bắc, nên đã mượn tiếng ra căng Hồ-tô nghĩ mát, Trương có điện đến Bắc-bình nói rằng không dự cuộc hội-

nghị khoáng-đại và từ chức ủy - viên trong chính-phủ mới, cả chức hải-lục-không-quân phó-tổng-tư-lệnh do chính-phủ Nam-kinh cử, cũng xin từ chức.

Trương Học - Lương đối với thời-cục, chủ - trương Phùng, Diêm, trước phải từ chức, đem quân Sơn-lầy giao cho Phó Tác - Nghĩa, Triệu Đái-Văn thống-suất; quân Phùng làm giao cho Lộc Chung-Lân thống - suất, một mặt triệu-tập cuộc hội-nghị quốc-phòng, đình hẳn cái quyền thống-suất quân-đội cả nước. Tưởng Giới-Thạch đối với cách chủ-trương ấy, đã tỏ ý tán-thành và đáp rằng nếu Diêm, Phùng từ chức, ngoài ra không kể thế nào, đều có thể nghe theo được. Tưởng nói rằng chắc chỉ trong một tháng, tất có thể dẹp yên được thời-cục.

Trung-Nga giao-thiệp. — Việc giao-thiệp về đường sắt Trung-Đông, từ khi cuộc hội-nghị Bá-lực, chính-phủ Quốc-dân không công-nhận cái điều-ước do Thái Vận-Thăng tự-liện ký ước cho là mất quyền nhục nước. Lại cử Mạc Đức-Huệ làm toàn-quyền đại-biểu sang Moscou để cùng đại-biểu Nga hội-nghị và định điều-ước lại, thám-thoạt tới nay đã hai tháng rồi, trải qua mấy lần tiếp-hợp mà vẫn chưa có kết-quả.

Gần đây, Mạc Đức-Huệ ở Moscou có điện về Thâm-dương nói rằng: Mấy lần hội-kiến với đại-biểu Nga bàn về các vấn - đề đã hơi hợp ý nhau, đã đem linh-hình giao-thiệp trình với bộ ngoại-giao. Nếu vậy thì có cơ thiết-hợp.

Điều - ước Trung - Pháp - Việt sắp công-bố. — Có tin ở Nam-kinh nói rằng điều - ước Trung-Pháp-Việt bộ ngoại-giao sắp sửa công-bố. Điều - ước ấy cộng có 11 điều, những điều cốt yếu như sau này :

1. — Cái chương trình thông-thương đường bộ của hai nước Trung-Pháp lập ở Thiên-tân trước kia, và điều-ước Trung-Pháp mới lập ở Thiên-tân,

trong có điều quan hệ về bộ-phận Việt-Nam nhất-luật bỏ đi.

2.— Chính-phủ Trung-quốc được đặt lãnh-sự ở Hanoi, Haiphong, Saigon, nhưng lãnh-sự không được kiêm việc đôn bán ;

3.— Đem ba thành-phố Tư-mao ở Vân-nam, Long-châu ở Quảng-tây và Hà-khẩu, kế tiếp làm những nơi thông-thương về biên-cảnh hai nước Trung-Việt ;

4.— Nhân-dân Trung-quốc vào cõi nước Việt-Nam hoặc người Pháp ở Việt-Nam vào cõi Trung-quốc đều phải có giấy thông-hành của quan chủ-quản nước ấy cấp phát cho ;

5.— Nhân-dân Trung-quốc ở Việt-Nam được hưởng các quyền-lợi cư-trú, du lịch và kinh-doanh các nghiệp công-thương, số thuế phải chịu, không được cao hơn số thuế của nhân-dân một nước tối-huệ phải chịu ;

6.— Phạm những hàng-hóa của Trung-quốc chở đi các tỉnh Vân-nam, Quảng-tây mà đi qua Việt-nam, nên được hưởng-thu sự đãi-ngộ rất hậu, tức là sự nộp thuế một phần trăm ;

7.— Phạm nhân - dân Trung-quốc phạm tội mà trốn vào Việt-nam do quan Trung-quốc có yêu-cầu dẫn-đó, nên lập-tức nã bắt cho.

8.— Điều ước này lấy 5 năm làm kỳ hạn, sáu tháng trước khi hết hạn, một nước trong hai nước, được thông-cáo cho nước kia, đem điều-ước này sửa-đổi hay bỏ đi, không thì vẫn kế-tục có hiệu trong một năm nữa, rồi mới bỏ hẳn.

9.— Điều ước này cách hai tháng sau khi chính-phủ hai bên đã phê-chuẩn thì có hiệu-lực.

Báo-giới Nam-kỳ đều hoan-nghehnh điều-ước Trung-Pháp-Việt cho rằng điều-ước ấy vừa hợp với sự yêu-cầu của Trung-hoa về đường thương-mại ở Đông-dương, vừa bảo-thủ quyền-lợi cho người Pháp và chính-phủ Pháp, còn những sự đặc-quyền của người Trung-hoa, thì theo như điều-ước mới vẫn được giữ nguyên như cũ mà sự thể lại hợp lệ.

Cứ như dư-luận báo-giới Nam-kỳ thì điều-ước ấy rất tiện cho việc giao-thiệp của hai nước về đường kinh-tế. Song trước khi điều-ước ấy đem chuẩn-y thì chính-phủ Trung-hoa phải chú ý thi hành yêu-cầu của chính-phủ Pháp về việc xây tại tòa lãnh-sự Pháp ở Long-châu hồi tháng hai mới rồi và việc bãi những thuế nặng đặc-biệt đối với các vật-hóa của Pháp đem vào địa-phận Trung-hoa.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Juin đến 15 Juillet

Một cuộc biểu-tình ở Trung-kỳ. — Có tin Trung-kỳ ngày 11 Juin có hơn 4000 dân phủ Anh-sou tỉnh Nghệ - an họp nhau biểu-tình ở cửa phủ đề yêu-cầu mấy việc. Viên tri-phủ nhận đệ đơn yêu-cầu lên quan Sứ thì phủ nhận đệ đơn chịu giải-lãn, không xảy ra chuyện gì cả.

Tịch-ký thuốc nổ. — Hơn 200 hòm thuốc nổ và thuốc ngạt của chính-phủ Nam-kinh mua tải qua Đông-dương để đem lên Vân-nam, bị chính-phủ Đông-dương tịch-ký.

Đề-phòng trước. — Ở Sài-gòn các đầu cầu có linh canh gác cẩn-thận, các ô-tô người Nam bị khám rất kỹ-lưỡng; mấy tỉnh Thủ-đầu-một, Tây-ninh và Biên-hòa có linh tây đến đóng thay cho

linh Annam, đề đề-phòng việc biến-động.

Tòa kết án các người biểu-tình. — Tòa án trung-trị ở Sài-gòn kết-án 7 người dự cuộc biểu-tình ở An-lộc (Chợ-lớn) ngày 11 Juin, từ 8 tháng đến 2 năm tù.

Một chỉ-bộ Cộng-sản ở Khánh-hội (Nam-kỳ). — Hôm 15 Juin linh Đoàn đi tuần ở bờ sông bắt được 2 người thủy-thủ đi giải truyền-đơn. Sau lại bắt được thêm 5 người nữa, vừa người Bắc-kỳ vừa người Trung-kỳ.

Việc các tội-nhân xin án-xá. — 39 người bị Hội-đồng Đề-hình kết án xử-tử gửi đơn xin quan Giám-quốc án-xá. Mới có điện-tin sang 26 người án-giảm, còn 13 người y án, 13 người này trong đó có Nguyễn Thái-Học và Phó Đức-Chính đã phải giải lên Yên-báy tối hôm 16, đến 5 giờ sáng hôm 17 thì hành-bình ở trước trại lính. Có phóng-viên hai tờ báo *Le Matin* và *Le Petit Parisien* cũng lên dự xem.

Bom nổ. — Chiều 16 ở gần bến đò Nga-hàm, tỉnh Bạc-giá (Nam-kỳ), có một quả « bom » tự-nhiên nổ, bị thương mất 2 người.

Cô Nguyễn Thị-Giang tự-tử. — Cô Giang, em ruột cô Bắc, là một nữ-dâng-viên Việt-Nam-quốc-dân-đảng và là bạn thân của Nguyễn Thái-Học, bấy lâu vẫn trốn-tránh, nay được tin Học bị xử-tử, nên ngày 17 cô dùng súng lục tự-sát ở làng Thổ-tang, phủ Vĩnh-trường, tỉnh Vĩnh-yên, là làng của Học, để chọn nghĩa cùng nhau.

Tòa xử các người biểu-tình. — Tòa án Vĩnh-long (Nam-kỳ) đã xử các người bị bắt trong các cuộc biểu-tình mới rồi, và tuyên án 2 người 5 năm tù, 5 năm cấm-cổ, 3 người 5 năm tù, 5 người 3 năm tù và nhiều người khác từ 2 tháng trở lên. Tòa án Mỹ-thọ cũng kết án 9 người từ 4 tháng đến 5 năm tù và 5 năm biệt-xử.

Một cuộc biểu-tình nữa ở Trung kỳ. — Hôm 18 có hơn 600 dân huyện Nam-dân (Trung-kỳ) biểu-tình ở trước cửa huyện đề yêu-cầu, Viên tri-huyện phải ra điều-định mãi và nhận chuyển đơn lên quan sứ thì bọn biểu-tình mới chịu giải-lãn.

Tù chính trị giải đi Guyane. — Chiều 18 tàu *Claude Chappe* chở 128 người tù bị lóa án các tỉnh và Hội đồng Đề-hình kết án về cách-mệnh, đi Côn-lôn để giải sang Guyane.

Hai người con gái bị bắt vì đình trốn sang Tàu. — Quan Công-sứ Tuyên-quang ra lệnh bắt hai người con gái buôn bán ở Hà-giang bị tình-nghị đình trốn sang Tàu.

Sau cuộc biểu-tình. — Tòa án Vĩnh-long (Nam-kỳ) họp ngày 19 để xử các người biểu-tình, đã tuyên án phạt 1 người 4 năm tù, 4 người 3 năm, 1 người 2 năm, 3 người 1 năm, 1 người 6 tháng, 1 người 4 tháng và 8 người 3 tháng.

Linh Annam bị bắt ở Xiêm. — Linh Xiêm ở Vọng-các (Bangkok) bắt 2 người linh tập Annam không có giấy-má-gi. Khi giải đến tòa lãnh-sự Pháp thì lãnh-sự nhận được là người Bắc-kỳ; tra hỏi thì họ khai có can vào việc Yên-báy và định về nước thù tội. Hai người này đã giải về Sài-gòn để giao trả người Bắc.

Vụ biểu-tình xử tại tòa án Thái-bình. — Sáng 24 tòa án Thái-bình họp để xử vụ biểu-tình ngày 1^{er} Mai mới rồi. Các người bị cơ tất cả là 117 người. Tòa tuyên-án 4 người bị 10 năm đi đày, 5 người 6 năm đi đày, 17 người 5 năm đi đày, 46 người 3 tháng tù, 6 người 3 tháng tù án treo, còn các người khác trắng án.

Một người bị án tử-hình được án-giảm. — Lô-sáp-Giát làm đội khổ đờ hồi năm 1926 đứng đầu cuộc khởi-biến ở Bình-liêu (Moncay), rồi trốn sang Tàu tới 1929 trở về Bắc-kỳ bị bắt và kết-

án xử tử. Giáp gửi đơn sang Pháp xin ân-xá thì nay quan Giám-quốc giảm xuống làm tội đầy chung-thân.

Học-sinh bị trục-xuất đã về nước.— 13 người học-sinh Việt-Nam ở Pháp vì lập cuộc biểu-tình tháng rước bị trục-xuất và giải xuống tàu chở về nước đã tới Sài-gòn và bị giam tại Khám-lớn.

Chính-trị-phạm ở Bắc-ninh giải về Hà-nội.— Sáng 25 đã giải 70 người chính-trị-phạm ở Bắc-ninh về Hà-nội giam tại nhà pha Hòa-lò để chờ hội-đồng đề-hình tra xét.

Làm rỗi cuộc trị-an.— Sở Sen-dầm Đáp-cầu theo lệnh quan chánh án Bắc-ninh vừa bắt một viên đội kỵ-mã bị cáo là làm rỗi cuộc trị-an, để giải về hội-đồng Đề-hình xét hỏi.

Một cuộc biểu-tình ở Vinh.— Hôm 26 có một bọn 300 người biểu-tình ở huyện Nghi-lộc tỉnh Nghệ đề yêu-cầu giảm thuế và bồi-thường cho nhà các người biểu-tình bị thiệt mạng ở mấy tỉnh Sadec, Nghệ-an, Thái-bình.

Hội đồng đề-hình Phú-thọ.— Sáng 27 hội-đồng đề-hình họp ở Phú-thọ để xử lại 12 cái án trong 87 cái án ký hội-đồng trước kết nghị mà bị hội-đồng Bảo-hộ bác đi trong phiên ngày 9 Juin. Hội-đồng đề-hình xét xong đã tuyên án lại như sau này : 6 người bị phát-lưu, 4 người cấm-cố, 1 người phạt giam và 1 người trắng án.

Bốn người học-sinh Bắc-kỳ bị trục-xuất ở Pháp.— Trong bọn 13 người học-sinh vì biểu-tình ở bên Pháp bị trục-xuất thì có 4 người Bắc-kỳ, hôm 29 đã giải về tới Hải-phòng và giam ở sở mật-thám để ít nữa đưa về nguyên-quản quản-thức.

Một người bồi-tầu đem truyền-đơn về nước.— Chuyến tàu Compiègne ở Pháp sang có diên-tin ở Marseille đánh theo sang cho sở mật-thám ở đây biết rằng trên tàu có truyền-đơn cộng-sản. Tàu đến Sài-gòn lính mật-thám xuống

khám thì bắt được một người bồi-Bắc-kỳ có mang theo một cái va-li đựng nhiều truyền-đơn xui dân làm loạn.

Một cuộc biểu-tình ở Ba-queo (Nam-kỳ).— Hôm 30 hồi 1 giờ rưỡi sáng có chừng 50 người họp nhau để biểu-tình ở Ba-queo (Gia-dịnh). Hai bọn lính đi tuần đêm bủa súng chỉ-thiên để giải-tán bọn kia và bắt được 11 người.

Tòa án Thái-bình xử vụ biểu-tình nữa.— Sáng 1^{er} Juillet tòa-án Thái-bình xử vụ giải truyền-đơn ở tỉnh-ly Thái-bình và huyện Thụy-anh ngày 1^{er} Mai vừa rồi. Người giải truyền-đơn ở tỉnh-ly bị kết án 8 tháng tù, người giải truyền-đơn ở Thụy-anh phải 6 tháng tù.

Hai người Bắc-kỳ bị bắt ở Xiêm.— Sở mật-thám Xiêm mới bắt hai người thiếu-niên Bắc-kỳ bị tình-nghi là có châu trong đảng cộng-sản. Hai người này đã giao trả chính-phủ Đông-dương và dẫn về Sài-gòn để giải về Bắc-kỳ là nơi nguyên-quản.

Một chi-bộ Quốc-dân-đảng tại Bắc-giang.— Sở mật-thám mới bắt ở Bắc-giang 11 người là hội-viên cũ của Quốc-dân-đảng nay đang mưu to-đo-đục hội kín. 4 người được tha còn 7 người giải về Hà-nội để giao cho hội-đồng đề-hình xét.

Đạo nghị-định mới về việc bầu tổng-ly.— Ngày 3 Juillet quan Thống-sứ ký nghị-định sửa đổi tại việc bầu các tổng-ly, chú-trọng nhất là việc thối-bỏ, chứ không bầu-cử như trước, và nói về nghĩa-vụ của các tổng-ly.

Báo « Ami du Peuple » phải ra trước tòa.— Nguyên vài tháng trước báo *Ami du Peuple* có đăng 3 bài công-kích cái chính sách của ông Vi Văn-Định tổng-đốc Thái-bình, chính-phủ cho là phạm đến danh-dự của ông Vi và danh-giá của quan-trưởng nữa, nên truy-tố chủ-nhiệm báo ấy về tội hủy-báng quan-trưởng. Sáng 5 Juillet tòa tuyên-án

phạt báo *Ami du Peuple* phải một tháng tù án treo, 2000 quan tiền phạt, bồi-thường cho ông Vi 1 đồng và đăng bản án trong 3 tờ báo quốc-ngữ, 3 tờ báo chữ tây. Báo *Ami du Peuple* đã xin chống án.

Hội-đồng Bảo-hộ. — Hội-đồng Bảo-hộ họp ngày 5 Juillet để xét hồ-sơ của mấy người bị cáo về việc đánh Hung-hóa, Lâm-thao và đã bị hội-đồng đề-hình Phú-thọ kết án, tuyên-bố bác đơn chống án của mấy người đó. Các người này sẽ phải đem đi đày ở *Guyane*.

Vụ Quốc-dân-đảng ở Bắc-ninh. — Hồi xảy ra cuộc biến-động ở Yên-báy, tại Bắc-ninh cũng có một cuộc ám-mưu cách-mệnh, song vì người đầu đảng là Lương Ngạc-Tôn bị bắt nên việc bại-lộ và có tới 70 người nữa phải bắt. Các người này sẽ đem ra trước Hội-đồng đề-hình họp ở Bắc-ninh xét xử.

Năm người cách-mệnh bị bắt ở Gia-định. — Sở cảnh Gia-định (Nam-kỳ) được tin báo có một bọn cách-mệnh Annam đang tụ họp cho linh đến vây bắt được 5 người.

Tòa Thượng-thẩm Hà-nội. — Sáng mồng 7 tòa Thượng-thẩm đã họp để xử 16 người có chân trong Việt-Nam quốc-dân-đảng mà đã bị tòa án Bắc-giang xử một lần rồi. Tòa tuyên-án 3 người phải khổ-sai chung-thân, 1 người 20 năm khổ-sai, 7 người 10 năm, 2 người 7 năm, 2 người 5 năm, 1 người 5 năm tù và 10 năm quản-thức.

Tòa án Thái-bình. — Hôm mồng 8 tòa án Thái-bình đã họp để xử vụ cộng-sản ở Thư-tri. Có 61 người bị cáo nhưng chỉ có 12 người bị giam, còn thì được ở ngoài cả. Tòa tuyên án 1 người 10 năm đi đày, 3 người 5 năm khổ-sai, 7 người 3 năm tù, 1 người 5 năm tù án treo, 1 người 3 năm tù án treo, còn các người khác được trắng án.

Người Trung-hoa bị bắt. — Sở mật-thám Bắc-liêu (Nam-kỳ) bắt được 30 người Trung-hoa có chân trong Quốc-dân-đảng. Những người này phạm vào luật tự-do hội-hợp quá 20 người.

Cướp tiền thuế. — Hôm mồng 8, chức-dịch một làng kia ở tỉnh Hải-dương mang 1.000 đồng bạc lên lĩnh nộp thuế, khi đi đường bị 2 người thiếu-niên có khi-giới chặn cướp mất cả.

Phái-bộ Y-học của hội Vạn-quốc ở Sài-gòn. — Hôm mồng 9 một phái-bộ Y-học của hội Vạn-quốc sang khảo-sát việc y-tế ở Viễn-đông đã tới Sài-gòn Đến 12 phái-bộ đi Hương-cảng.

Bắt được súng. — Sáng hôm mồng 10, lính mật-thám đến vây một nhà ở phố Chợ Đuôi (*Goussard*), một người trong nhà chạy ra cầm 2 khẩu súng lục định bắn, mật-thám dụt được. Khám trong nhà còn thấy 70 viên đạn súng lục, lính mật-thám bắt tất cả 4 người. Sở mật-thám tra ra thì trong 4 người bị bắt đó một người tên là Lê Hữu-Cảnh là thủ-phạm cái án mạng ở phố hàng Vôi và một người tên là Nguyễn Huân là thủ-phạm việc ám-sát viên thanh-tra mật-thám Dương.

Một đảng-viên hội kín bị bắt. — Hôm 11 ở ga Hải-dương lính cảnh-sát bắt được một người lạ mặt, khám trong mình thấy có một khẩu súng lục, người này khai có cháu rong một hội kín.

Đảng-viên cộng-sản bị bắt. — Bốn người Bắc-kỳ làm việc ở Vân-nam bị nghi là đảng-viên cộng-sản đã bị bắt giải về Hà-nội.

Cắt đám quan Phạm Văn-Thụ. — Ngày 12, cắt đám quan Phạm Văn-Thụ, Thái-tử thiếu-bảo, Hiệp-tá đại-học-sĩ, Hộ-bộ lĩnh Binh-bộ Thượng-thư trí-sĩ, Tứ-mĩ-nam, mất ở làng Bạch-xam, huyện Mĩ-hào, tỉnh Hưng-yên, từ ngày 7 tháng 7 tây (12 tháng 6 ta). Quan Thống-sứ Bắc-kỳ Robin có đọc bài diếu tang.

Truyền-đơn cộng-sản. — Hôm 13 ở Hải-phòng người ta nhặt được nhiều truyền-đơn cộng-sản ở mấy phố và ở trong sân trại lính khổ xanh.

Nhà báo bị phá. — Tối hôm 13 có một bọn 100 người vào phá nhà báo *Tribune indochinoise* và báo *Bước nhà nam* của đảng lập-biến ở Sài-gòn, rồi kéo nhau đi cả không bắt được người nào.

Các cuộc biểu-tình ở Nam-kỳ. — Sáng 14 tại làng Tân-huân-tây gần Sài-gòn có một bọn một trăm người làm biểu-tình, Sở mật-thám Sài-gòn phái 1 viên thanh-tra và 8 người lính đi theo, thì đến hai giờ đêm hôm ấy hai bên gặp nhau. Lính bắn súng chỉ-thiên, bọn biểu-tình giải-tán cả.

Cũng ngày hôm ấy lại có một bọn 300 người có dao mác đi biểu-tình. Mười một người lính của chính-phủ gặp, bắn chết 3 người và mấy người bị thương.

Ở làng Mỹ-lương và Long-diễn (Long-xuyên) lính sen - dầm và tuần làng gặp một bọn biểu-tình 500 người. Lính bắn chỉ-thiên bọn biểu-tình giải-tán, bắt được 2 người.

Người Việt-Nam được làm luật-sư. — Chính-phủ Pháp mới có nghị-định cho từ rầy những người Việt-Nam có bằng uật-khoa cử-ni ân cũng được làm luật-sư tại tòa. Nhưng trước khi được làm luật-sư còn phải tập việc ở buồng giấy một viên luật-sư thực-thụ và trong thời-đạn tập-sự cũng được phép ra cãi thay cho luật-sư thực-thụ.

Giới-thiệu sách mới

Viết Hán văn-khảo. — Soan-giả là ông Cử Phan Kế-Bình, hiệu Bru-vân, sinh năm 1870, mất năm 1921. Ông vốn nền-nếp thi-thư, đổng-dôi khoa-bảng, và là một nhà ngôn-luân trứ-danh trong báo-giới, ông soan ra sách *Viết Hán văn-khảo* này, chủ ý cốt nghị-luân kẻ-cừu về văn-chương của ta và của Tàu. Một là để lưu-truyền cái tinh-thần, cái lễ-lễ văn-chương của cổ-nhân, hai là để giúp thêm vào việc khảo-cứu trong mục văn-chương cho hậu-nhân nữa. Trong sách chia làm chín tiết: 1° Luận về nguyên-lý văn-chương; 2° Nói về các thể-cách văn-chương; 3° Nói về phép làm văn; 4° Nói về lý-thủ văn-chương; 5° Nói về sự kết-quả của văn-chương; 6° Luận về văn-chương đời thượng-cổ; 7° Luận về văn-chương đời trung-cổ; 8° Luận về văn-chương cận-thời; 9° Tổng-kết. Sách in tại Trung-Bắc tân-văn, Hà-nội, 175 trang, giá 0p.70.

Nam-Phong Tùng-Thư

Mời xuất-bản:

Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire (Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở nội Địa-đư Hà-nội), Đông-kinh ấn-quan xuất bản, giá 0p.40; ở xa tiền cước ngoài.

Xuất-bản trước:

- | | |
|--|--------|
| 1. — Văn-minh luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, quyển thứ I, 5 hào, Quyển thứ II | 4 hào. |
| 6. — Khảo về tiền-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |

Sắp xuất-bản:

Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE

